

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

BÁO CÁO TÓM TẮT

**QUY HOẠCH THÀNH PHỐ CẦN THƠ
THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**



CẦN THƠ, THÁNG 5 NĂM 2022

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	1
I. Lý do và sự cần thiết lập Quy hoạch Thành phố Cần Thơ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.....	1
II. Phạm vi, ranh giới lập quy hoạch	2
1. Phạm vi ranh giới lập quy hoạch.....	2
2. Phạm vi ranh giới nghiên cứu	2
III. Thời kỳ lập quy hoạch.....	2
IV. Mục tiêu lập quy hoạch	2
V. Quan điểm lập quy hoạch	3
VI. Nguyên tắc quy hoạch.	3
VII. Căn cứ lập quy hoạch.....	4
VIII. Các phương pháp tiếp cận và nghiên cứu lập quy hoạch	4
1. Các phương pháp tiếp cận lập quy hoạch	4
2. Các phương pháp lập quy hoạch được áp dụng	4
XI. Cấu trúc của báo cáo	5
PHẦN I: PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ, DỰ BÁO VỀ CÁC YẾU TỐ, ĐIỀU KIỆN PHÁT TRIỂN ĐẶC THÙ CỦA THÀNH PHỐ	6
I. Đánh giá các yếu tố, điều kiện tự nhiên và tài nguyên phát triển	6
1. Đánh giá tổng quan về điều kiện tự nhiên.....	6
2. Đánh giá điều kiện về tài nguyên thiên nhiên.	7
II. Vị thế, vai trò của thành phố đối với vùng, quốc gia.....	9
1. Vai trò, vị thế của Cần Thơ trong vùng ĐBSCL.....	9
2. Vai trò, vị thế của Cần Thơ với sự phát triển của Đông Nam Bộ	9
3. Vai trò, vị thế của Cần Thơ trong hệ thống các Thành phố trực thuộc Trung ương	9
III. Các yếu tố, điều kiện của vùng, quốc gia, quốc tế tác động đến phát triển thành phố	10
1. Các yếu tố, điều kiện quốc gia.....	10
2. Các yếu tố, điều kiện quốc tế tác động đến phát triển của Thành phố	10
IV. Nguy cơ và tác động của thiên tai, biến đổi khí hậu trên địa bàn thành phố Cần Thơ	12
1. Phát triển thượng lưu và BĐKH.....	12
3. Lũ và ngập nước	12
4. Xâm nhập mặn.....	13
5. Hạn hán.....	13
6. Sụt lún đất.....	13
PHẦN II: ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI, THỰC TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT, THỰC TRẠNG HỆ THỐNG ĐÔ THỊ VÀ NÔNG THÔN GIAI ĐOẠN 2011-2020.....	14
I. Đánh giá thực trạng phát triển kinh tế và thực trạng phát triển các ngành nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ trên địa bàn thành phố; khả năng huy động nguồn lực.....	14
1. Tăng trưởng kinh tế và các yếu tố đóng góp vào tăng trưởng.....	14
2. Chuyển dịch cơ cấu nền kinh tế.....	14
3. Thực trạng phát triển các ngành trọng điểm của Cần Thơ	14
3.1. Nông, lâm nghiệp và thủy sản	14
3.1.1. Về tăng trưởng.....	14

3.1.2. Nhóm ngành trồng trọt	15
3.1.2. Nhóm ngành chăn nuôi.....	16
3.1.3. Nhóm ngành thủy sản	16
3.1.4. Nhóm ngành lâm nghiệp	17
3.1.5. Nhóm ngành thương mại nông sản.....	17
3.1.6. Phát triển nông nghiệp công nghệ cao.....	17
3.1.7. Các khó khăn, thách thức của ngành nông nghiệp	17
3.2. Công nghiệp và xây dựng.....	18
3.2.1. Ngành xây dựng.....	18
3.2.2. Công nghiệp.....	18
3.3. Thương mại và dịch vụ.....	22
3.3.1. Thương mại	22
3.3.2. Dịch vụ	23
4. Thực trạng nguồn lực đầu tư phát triển và phát triển doanh nghiệp	29
4.1. Đánh giá thực trạng phát triển doanh nghiệp	29
4.1.1. Thực trạng phát triển doanh nghiệp.....	29
4.1.2. Đánh giá mức độ hiệu quả của hoạt động sản xuất, kinh doanh	29
4.1.3. Những thuận lợi, khó khăn của các doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn TP Cần Thơ.....	30
4.2. Huy động vốn đầu tư phát triển toàn xã hội	31
4.2.1. Thực trạng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội	31
4.2.2. Hiệu quả vốn đầu tư phát triển toàn xã hội	31
4.2.3. Tồn tại, khó khăn	32
4.3. Ngân sách Nhà nước.....	32
4.3.1. Thu ngân sách.....	32
4.3.2. Chi ngân sách	32
II. Đánh giá về điều kiện xã hội	33
1. Dân cư và nguồn lực	33
1.1. Tổng quan về dân số.....	33
1.2. Chất lượng dân cư và chất lượng lao động.....	33
2. Bản sắc văn hóa.....	34
3. Tài nguyên du lịch.....	34
III. Đánh giá thực trạng các ngành và lĩnh vực xã hội	35
1. Thực trạng dân số, lao động, việc làm và đô thị hóa	35
1.1. Thực trạng dân số và phân bố dân cư.....	35
1.2. Thực trạng đô thị hóa.....	35
1.3. Thực trạng lao động và việc làm	35
1.4. Mức sống và an sinh xã hội.....	37
2. Thực trạng phát triển các ngành thuộc lĩnh vực xã hội.....	37
2.1. Giáo dục và đào tạo	37
2.1.1. Công tác quy hoạch, sắp xếp hệ thống trường lớp	37
2.1.2. Công tác phổ cập giáo dục.....	37
2.1.3. Giáo dục các cấp.....	38
2.1.4. Đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục	39
2.1.5. Cơ sở vật chất trường học.....	39
2.2. Y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân	40
2.2.1. Hệ thống cơ sở y tế.....	40
2.2.1. Công tác khám chữa bệnh	41

2.2.2. Công tác đảm bảo vệ sinh, an toàn thực phẩm	41
2.2.3. Công tác dân số	41
2.2.4. Nhân lực ngành y tế.....	41
2.3. Văn hóa và thể dục, thể thao	42
2.4. Khoa học và công nghệ	42
2.4.1. Đầu tư tiềm lực KH&CN.....	42
2.4.2.Đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng, gắn kết giữa nghiên cứu triển khai với nhu cầu thực tiễn	43
2.4.3. Các hoạt động dịch vụ, phát triển thị trường KH&CN	43
2.4.4. Tăng cường hợp tác và hội nhập quốc tế về KH&CN	44
2.4.5. Hoạt động khoa học công nghệ của doanh nghiệp	44
2.4.6. Hoạt động đổi mới công nghệ và giá trị sản phẩm công nghệ cao trong tổng sản phẩm	44
2.5. An ninh, quốc phòng.....	45
IV. Đánh giá tiềm năng đất đai và thực trạng sử dụng đất, phương thức sử dụng đất các loại, tính hợp lý và hiệu quả sử dụng đất của thành phố	46
1. Hiện trạng sử dụng đất	46
2. Biến động sử dụng đất.....	46
3. Hiệu quả sử dụng đất.....	46
4. Tiềm năng đất đai.....	47
V. Thực trạng phát triển và sự phù hợp về phân bố phát triển không gian của hệ thống đô thị và nông thôn, các khu chức năng, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội.....	47
1. Thực trạng phát triển hệ thống đô thị.....	47
1.1. Hiện trạng hệ thống đô thị từ góc độ phân loại đô thị.....	47
1.2. Hiện trạng hệ thống đô thị từ góc độ kinh tế đô thị.....	48
1.3. Hiện trạng hệ thống đô thị từ góc độ văn hóa xã hội đô thị	50
1.4. Hiện trạng từ góc độ sinh thái cảnh quan đô thị.....	51
1.5. Hiện trạng từ góc độ hình thái đô thị.....	53
2. Thực trạng phát triển các khu dân cư nông thôn.....	55
3. Thực trạng phát triển các khu chức năng đô thị.....	56
4. Thực trạng phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật.....	58
4.1. Giao thông	58
4.1.1. Đường bộ	58
4.1.2. Đường thủy nội địa.....	59
4.1.3. Đường biển	60
4.1.4. Đường hàng không	60
4.1.5. Đường sắt.....	60
4.1.6. Logistics.....	60
4.2. Hạ tầng thủy lợi và phòng chống thiên tai	60
4.3. Hạ tầng chuẩn bị kỹ thuật	61
4.4. Hạ tầng cấp nước	61
4.5. Hạ tầng thoát và xử lý nước thải	62
4.6. Hạ tầng chất thải rắn.....	63
4.7. Hạ tầng điện.....	63
4.8. Hạ tầng thông tin và truyền thông	64
4.9. Thực trạng chung về nhà ở	64
4.10. Hạ tầng nghĩa trang	64
5. Thực trạng phát triển hạ tầng xã hội	65

5.1. Hạ tầng giáo dục đào tạo và nghề nghiệp	65
5.2. Hạ tầng y tế.....	65
5.3. Hạ tầng khoa học công nghệ	66
5.4. Hạ tầng văn hóa, thể thao và du lịch	66
5.4.1. Hạ tầng văn hóa	66
5.4.2. Hạ tầng thể thao.....	67
5.4.3. Hạ tầng du lịch.....	67
5.5. Hạ tầng thương mại	68
5.5.1. Mạng lưới chợ	68
5.5.2. Mạng lưới siêu thị.....	68
5.5.3. Mạng lưới trung tâm thương mại	68
5.5.4. Mạng lưới cửa hàng bán lẻ hiện đại	69
PHẦN III: QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU VÀ LỰA CHỌN KỊCH BẢN PHÁT TRIỂN	70
I. Quan điểm phát triển.....	70
1. Quan điểm phát triển kinh tế.....	70
1.1.Quan điểm phát triển của Vùng ĐBSCL.....	70
1.2.Quan điểm về phát triển TP Cần Thơ.....	70
2. Quan điểm phát triển không gian	71
3. Những chiến lược phát triển không gian.....	72
II. Phương án phát triển kinh tế - xã hội được lựa chọn-	73
III.Mục tiêu tổng quát.....	86
IV. Mục tiêu cụ thể.....	86
1.1. Mục tiêu kinh tế-xã hội.....	86
1.1.Các chỉ tiêu kinh tế	86
1.2.Các chỉ tiêu xã hội	86
2. Mục tiêu về không gian -Chỉ tiêu về sử dụng đất	87
PHẦN IV. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC QUAN TRỌNG.....	88
I. Xác định ngành quan trọng của thành phố và mục tiêu phát triển.....	88
II. Đề xuất giải pháp phát triển ngành quan trọng của thành phố.....	89
1. Nông lâm nghiệp và thủy sản.....	89
2. Công nghiệp	90
3. Thương mại và Dịch vụ	93
3.1. Thương mại	93
3.2. Dịch vụ	93
3.2.1. Du lịch	93
3.2.2.Logistics.....	94
4. Các lĩnh vực xã hội.....	95
4.1. Giáo dục.....	95
4.2. Y tế	95
4.3. Khoa học Công nghệ	96
4.4. Văn hóa.....	97
4.5. Thể thao	98
4.6. An sinh xã hội.....	98
PHẦN V: PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ - XÃ HỘI.....	100
I. Phương án tổ chức không gian cho các hoạt động kinh tế của Thành phố.....	100
1. Không gian cho các hoạt động dịch vụ, hành chính đô thị đa năng.....	100

2. Không gian cho các hoạt động sản xuất công nghiệp	100
3. Không gian cho các hoạt động dịch vụ xã hội, công nghệ cao cấp vùng.....	102
4. Không gian du lịch sinh thái, cảnh quan:	103
5. Không gian nông nghiệp	105
II. Phương án tổ chức hệ thống đô thị và nông thôn.....	106
1. Phân loại đô thị.....	106
2. Phân vùng đô thị.....	107
3. Nguyên lý tổ chức không gian đô thị	108
4. Nguyên lý tổ chức không gian khu dân cư nông thôn	109
III. Phương án tổ chức các khu chức năng	111
1. Các khu chức năng hiện hữu	111
2. Phương án tổ chức các khu chức năng mới	111
3. Các khu kinh tế cụ thể.....	116
PHẦN VI: PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG KỸ THUẬT, HẠ TẦNG XÃ HỘI	120
I. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT.....	120
1. Phương án phát triển kết cấu hạ tầng giao thông thành phố Cần Thơ thời kỳ 2021-2030	120
1.1. Đường bộ	120
1.2. Hệ thống kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa.....	121
1.3. Hạ tầng đường biển	121
1.4. Hạ tầng hàng không:.....	121
1.5. Hạ tầng đường sắt:.....	121
2. Phương án phát triển san nền, thoát nước mặt	122
2.1. Định hướng thiết kế quy hoạch chiều cao	122
2.2. Định hướng thoát nước mặt:.....	122
3. Phương án phát triển hệ thống cấp nước.....	123
3.1. Dự báo nhu cầu dùng nước.....	123
3.2. Dự kiến phương án cấp nước	123
3.3. Hệ thống truyền tải và phân phối	124
4. Phương án phát triển hệ thống thoát nước	124
4.1. Mạng lưới thu gom	126
4.2. Nhà máy xử lý nước thải	126
5. Phương án phát triển các khu xử lý chất thải	126
6. Phương án phát triển hệ thống điện	126
7. Phương án phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông	127
7.1. Bưu chính	127
7.2. Hạ tầng số	127
7.3. Ứng dụng công nghệ thông tin	130
7.4. Phát triển khu công nghiệp CNTT tập trung và phát triển nguồn nhân lực	130
II. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG XÃ HỘI.....	130
1. Hạ tầng giáo dục đào tạo và nghề nghiệp	130
2. Hạ tầng y tế và chăm sóc sức khỏe	131
2.1. Hệ thống tổ chức cơ sở khám chữa bệnh công lập.....	131
2.2. Hệ thống khám chữa bệnh tư nhân.....	131

PHẦN VII: LẬP PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ VÀ KHOANH VÙNG ĐẤT ĐAI THEO KHU CHỨC NĂNG VÀ THEO LOẠI ĐẤT ĐẾN TỪNG ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP QUẬN, HUYỆN.....	136
I. ĐỊNH HƯỚNG SỬ DỤNG ĐẤT CỦA THÀNH PHỐ TRONG THỜI KỲ QUY HOẠCH.....	136
1. Quan điểm chung về sử dụng đất.....	136
II. XÁC ĐỊNH CHỈ TIÊU SỬ DỤNG ĐẤT THEO LOẠI ĐẤT.....	136
1. Nhu cầu sử dụng đất tới 2030 theo thống kê hiện tại.....	136
III. XÁC ĐỊNH CHỈ TIÊU SỬ DỤNG ĐẤT THEO KHU CHỨC NĂNG.....	137
1. Khu sản xuất nông nghiệp.....	137
2. Khu lâm nghiệp, khu bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học	137
3. Khu phát triển công nghiệp	137
4. Khu đô thị.....	138
5. Khu thương mại – dịch vụ.....	138
6. Khu dân cư nông thôn	138
IV. XÁC ĐỊNH DIỆN TÍCH CÁC LOẠI ĐẤT CẦN THU HỒI ĐỂ THỰC HIỆN CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN SỬ DỤNG ĐẤT VÀO CÁC MỤC ĐÍCH QUY ĐỊNH TẠI ĐIỀU 61 VÀ ĐIỀU 62 CỦA LUẬT ĐẤT ĐAI.....	149
V. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN	149
1. Về quy hoạch sử dụng đất.....	149
2. Về chính sách tài chính đất đai	149
3. Về quản lý sử dụng đất.....	149
3.1. Các chính sách đối với đất nông nghiệp.....	149
3.2. Chính sách đất đai đối với phát triển công nghiệp	150
3.3. Chính sách đất đai đối với phát triển đô thị.....	150
3.4. Chính sách đất đai đối với phát triển hạ tầng	150
4. Chính sách thu hút đầu tư.....	150
5. Giải pháp đào tạo nguồn nhân lực.....	151
6. Giải pháp về khoa học công nghệ và kỹ thuật	151
7. Giải pháp về bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường	151
PHẦN VIII: PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH XÂY DỰNG VÙNG LIÊN QUẬN HUYỆN, VÙNG HUYỆN.....	153
8.1. PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH XÂY DỰNG VÙNG LIÊN QUẬN HUYỆN....	153
8.1.1. Mục đích phân vùng liên quận huyện	153
8.1.2. Cơ sở, tiêu chí phân vùng.....	153
Phương án quy hoạch vùng liên quận huyện.....	154
8.2. Phương án quy hoạch xây dựng vùng quận huyện.....	158
I. Quận Ninh Kiều	158
1. Định hướng kinh tế đô thị	158
2. Định hướng xã hội học đô thị.....	159
3. Định hướng sinh thái, cảnh quan	159
4. Định hướng hình thái đô thị	159
5. Định hướng hạ tầng đô thị.....	160
II. Quận Cái Răng.....	160

1. Định hướng kinh tế đô thị	161
2. Định hướng xã hội học đô thị.....	161
3. Định hướng sinh thái- cảnh quan	162
4. Định hướng hình thái đô thị	162
5. Định hướng hạ tầng đô thị.....	162
III. Quận Bình Thủy	163
1. Định hướng kinh tế đô thị	164
2. Định hướng xã hội học đô thị.....	164
3. Định hướng sinh thái- cảnh quan	164
4. Định hướng hình thái đô thị	165
5. Định hướng hạ tầng đô thị.....	165
IV. Quận Ô Môn.....	165
1. Định hướng kinh tế đô thị	166
2. Định hướng xã hội học đô thị.....	167
3. Định hướng sinh thái- cảnh quan	167
4. Định hướng hình thái đô thị	167
V. Quận Thốt Nốt.....	168
1. Định hướng kinh tế đô thị	169
2. Định hướng xã hội học đô thị.....	169
3. Định hướng sinh thái- cảnh quan	169
4. Định hướng hình thái đô thị	170
5. Định hướng hạ tầng.....	170
1. Định hướng kinh tế đô thị	171
2. Định hướng xã hội học đô thị.....	171
3. Định hướng sinh thái- cảnh quan	171
4. Định hướng hình thái đô thị	171
5. Định hướng hạ tầng.....	172
VI. Huyện Thới Lai	172
1. Định hướng kinh tế đô thị	173
2. Định hướng xã hội học đô thị.....	173
3. Định hướng sinh thái- cảnh quan	173
4. Định hướng hình thái đô thị	173
5. Định hướng hạ tầng:.....	173
VII. Huyện Cờ Đỏ	174
1. Định hướng kinh tế đô thị	174
2. Định hướng xã hội học đô thị.....	175
3. Định hướng sinh thái- cảnh quan	175
4. Định hướng hình thái đô thị	175
5. Định hướng hạ tầng:.....	175
VIII. Huyện Vĩnh Thạnh	175
1. Định hướng kinh tế đô thị	176
2. Định hướng xã hội học đô thị.....	177
3. Định hướng sinh thái- cảnh quan	177
4. Định hướng hình thái đô thị	177
5. Định hướng hạ tầng.....	177
PHẦN IX: PHƯƠNG ÁN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, KHAI THÁC, BẢO VỆ TÀI NGUYÊN NƯỚC, PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI VÀ ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU.....	178

I. PHƯƠNG ÁN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, BẢO TỒN THIÊN NHIÊN VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ.....	178
1. Xây dựng nguyên tắc và cơ chế phối hợp thực hiện biện pháp quản lý và bảo vệ môi trường	178
2. Phương án phân vùng và bảo vệ môi trường Cần Thơ.....	178
3. Định hướng bảo vệ môi trường tại các vùng môi trường Cần Thơ.....	179
4. Phương án phát triển rừng, bảo tồn đa dạng sinh học và phục hồi hệ sinh thái	179
5. Phát triển mạng lưới quan trắc Cần Thơ.....	179
II. PHƯƠNG ÁN BẢO VỆ, KHAI THÁC, SỬ DỤNG TÀI NGUYÊN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ	180
1. Bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên đất.....	180
2. Phương án bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên khoáng sản.....	180
III. PHƯƠNG ÁN PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI VÀ ỨNG PHÓ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU	181
PHẦN X: DANH MỤC DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ	183
I. Dự án ưu tiên đầu tư công.....	183
II. Đầu tư tư nhân.....	183
1. Định hướng thu hút đầu tư.....	183
2. Đối tác ưu tiên đầu tư	184
3. Tiêu chí lựa chọn dự án đầu tư.....	184
PHẦN XI: CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN QUY HOẠCH	186
I. Giải pháp về huy động vốn đầu tư	186
1. Nguồn vốn ngân sách nhà nước	186
2. Tăng cường hợp tác Công- Tư PPP.....	186
3. Huy động nguồn vốn từ doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp nước ngoài FDI..	186
4. Huy động vốn từ các tổ chức Phi chính phủ	187
II. Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực	187
1. Nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo ở các bậc học, đặc biệt là bậc đại học, cao đẳng và đào tạo nghề	187
2. Có cơ chế, chính sách hợp lý, đồng bộ để thu hút, sử dụng nguồn nhân lực chất lượng cao.....	187
3. Tăng cường hợp tác với các tổ chức đào tạo quốc tế.....	188
4. Giải quyết tốt mối quan hệ giữa môi trường làm việc với thực tiễn nền kinh tế - xã hội của TP Cần Thơ.....	188
III. Giải pháp về khoa học và công nghệ.....	188
IV. Giải pháp về cơ chế, chính sách liên kết phát triển.....	189
1. Liên kết, hợp tác quốc tế	189
2. Liên kết hợp tác trong nước	190
2.1. Liên kết vùng	190
2.2. Liên kết trên phạm vi cả nước	191
V. Giải pháp về quản lý, kiểm soát phát triển đô thị và nông thôn	191
1. Nâng cao chất lượng quản lý quy hoạch xây dựng và trật tự xây dựng.....	191
2. Kiểm soát chặt chẽ nguồn lực quỹ đất.....	191
3. Giải pháp về tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch.....	191
VI. Giải pháp về đảm bảo an sinh xã hội trong quá trình thực hiện quy hoạch	192
1. Một số nội dung cơ bản về quản lý phát triển an sinh xã hội.....	192
2. Các rủi ro về an sinh xã hội trong quá trình thực hiện quy hoạch	192

3. Các nhóm giải pháp đảm bảo an sinh xã hội trong quá trình thực hiện quy hoạch	193
VII.Nhóm giải pháp về lập quy hoạch.....	193
1. Nhóm giải pháp về tuyên truyền	193
2. Nhóm giải pháp về thực hiện quy hoạch:	193
VIII.Giải pháp về tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch	194
1. Tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch	194
2. Hội đồng nhân dân.....	194
3. Ủy ban nhân dân.	194
4. Các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân thành phố, huyện, thị xã	194

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

AEC	Cộng đồng kinh tế ASEAN
BĐKH	Biến đổi khí hậu
BHYT	Bảo hiểm y tế
BHXXH	Bảo hiểm xã hội
BĐKH	Biến đổi khí hậu
BOT	Xây dựng - Vận hành - Chuyển giao
BPO	Thuê ngoài Quy trình Nghiệp vụ
BTO	Xây dựng - Chuyển giao - Kinh doanh
BVMT	Bảo vệ môi trường
CBCT	Chế biến chế tạo
CBQL	Cán bộ quản lý
CCN	Cụm công nghiệp
CN	Công nghiệp
CNTT	Công nghệ thông tin
CN-XD	Công nghiệp - xây dựng
CP	Cổ phần
CSDL	Cơ sở dữ liệu
CTCN	Công trình cấp nước
CTCP	Công ty cổ phần
CPTPP	Hiệp định đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương
DN	Doanh nghiệp
DRF	Mô hình chuẩn phục hồi sau sự cố
ĐDSH	Đa dạng sinh học
ĐT	Đường tỉnh
ĐH	Đường huyện
FDI	Doanh nghiệp có vốn nước ngoài
FTAs	Hiệp định thương mại tự do
GDMN	Giáo dục mầm non
GDNN	Giáo dục nghề nghiệp
GDTX	Giáo dục thường xuyên
GMS	Tiểu vùng sông Mê Kông mở rộng
GRDP	Tổng sản phẩm trên địa bàn
GHH	Giá hiện hành
GSS	Giá so sánh

GTSX	Giá trị sản xuất
GDĐT	Giáo dục đào tạo
HDI	Chỉ số phát triển con người
ITO	Thuê ngoài công nghệ thông tin
KCN	Khu công nghiệp
KKT	Khu kinh tế
KH	Kế hoạch
KH&CN	Khoa học và công nghệ
KPO	Thuê ngoài Quy trình Kiến thức
LĐ	Lao động
NBD	Nước biển dâng
NGO	Tổ chức phi chính phủ
NGTK	Niên giám Thống kê
NK	Nhập khẩu
NLTS	Nông, lâm, thủy sản
NMN	Nhà máy nước
NN và PTNT	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
NQ	Nghị quyết
NS	Ngân sách
NSNN	Ngân sách nhà nước
ODA	Viện trợ phát triển chính thức
OM-XN	Ô Môn- Xà No
PCI	Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh
PCTT	Phòng chống thiên tai
3 PL	Dịch vụ logistic bên thứ ba
4 PL	Dịch vụ logistic bên thứ tư
PPP	Hình thức đối tác công tư
QL	Quốc lộ
SXNN	Sản xuất Nông nghiệp
THCS	Trung học cơ sở
THPT	Trung học phổ thông
TGLX	Tứ giác Long Xuyên
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
TNHH MTV	Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên
TP	Thành phố

TT	Thị trấn
TX	Thị xã
UBND	Ủy ban nhân dân
USD	Đô la Mỹ
VAT	Giá trị gia tăng
VLXD	Vật liệu xây dựng
VĐT	Vốn đầu tư
VNĐ	Việt Nam đồng
XK	Xuất khẩu
XD	Xây dựng
XNM	Xâm nhập mặn

DANH MỤC HÌNH

Hình 1. Liên kết vùng về hậu cần.....	75
Hình 2: Cơ hội cho các hình thức vận chuyển hàng hóa mới cho cần thơ.....	77
Hình 3: Bản đồ định hướng phát triển trung tâm kinh tế động lực đến năm 2030.....	79
Hình 4: Ví dụ vùng đô thị sinh thái Hùng An – Trung Quốc.....	80
Hình 5: Entertainment and service, trade center	100
Hình 6: Bản đồ phân vùng công nghiệp	101
Hình 7: Minh họa không gian đô thị đại học.....	103
Hình 8: Minh họa không gian chăm sóc sức khỏe, y tế	103
Hình 9. Sơ đồ phân vùng khu vực cần thơ	107
Hình 10. Đô thị sinh thái cảnh quan nông nghiệp	109
Hình 11. Bản đồ phương hướng phát triển không gian thành phố cần thơ	112
Hình 12. Bản đồ phân vùng công nghiệp	117
Hình 13. Bản đồ phương án phát triển kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.....	120
Hình 14: Bản đồ ranh quận huyện đề xuất điều chỉnh	157
Hình 15: Định hướng phát triển chức năng quận Ninh Kiều:	158
Hình 16. Định hướng phát triển chức năng quận Cái Răng	160
Hình 17. Định hướng phát triển chức năng quận Bình Thủy	163
Hình 18. Định hướng phát triển chức năng quận Ô Môn.....	165
Hình 19. Định hướng phát triển chức năng quận Thốt Nốt.....	168
Hình 20. Định hướng phát triển chức năng huyện Phong Điền	170
Hình 21: Định hướng phát triển chức năng huyện Thới Lai	172
Hình 22. Định hướng phát triển chức năng huyện Cờ Đỏ.....	174
Hình 23. Định hướng phát triển chức năng huyện Vĩnh Thạnh.....	176

PHẦN MỞ ĐẦU

I. Lý do và sự cần thiết lập Quy hoạch Thành phố Cần Thơ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050

Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội Thành phố Cần Thơ đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1533/QĐ-TTg ngày 30/08/2013.

Sau khi Quy hoạch được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, Thành phố Cần Thơ đã tổ chức công bố, công khai và chỉ đạo các sở, ngành xây dựng chương trình, kế hoạch triển khai thực hiện Quy hoạch. Tính đến nay, sau hơn 8 năm thực hiện quy hoạch, kinh tế - xã hội Thành phố Cần Thơ đã đạt được nhiều kết quả tích cực và toàn diện trên các lĩnh vực. Trên địa bàn thành phố Cần Thơ có tổng số 118 đồ án quy hoạch xây dựng (bao gồm các đồ án quy hoạch phục vụ cho công tác quản lý nhà nước, kêu gọi đầu tư phát triển đô thị, quản lý đầu tư như khu dân cư, tái định cư, thương mại dịch vụ, công nghiệp,...).

Tuy nhiên, trong quá trình triển khai thực hiện quy hoạch, tình hình kinh tế trong nước, khu vực và thế giới có nhiều biến động, tác động và làm ảnh hưởng đến định hướng và nội dung Quy hoạch được phê duyệt, cụ thể:

(1) Sự tác động của bối cảnh quốc tế: Yêu cầu đặt ra từ cách mạng công nghiệp 4.0, Việt Nam tham gia vào một loạt FTA thế hệ mới, với Hiệp định đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) đang triển khai, đồng thời đàm phán nhiều hiệp định thương mại tự do lớn (RCEP, Việt Nam - Israel, khối EFTA). Cần Thơ với những lợi thế về nông nghiệp, cùng với định hướng trong tương lai sẽ là đầu mối logistics để xuất khẩu nông sản của ĐBSCL, sẽ được hưởng rất nhiều những cơ hội, đặc biệt với các mặt hàng chủ lực là gạo và thủy sản, ví dụ như mở rộng thị trường đến các nước EU cũng như sẽ phải đối mặt với các thách thức trong việc tuân thủ các quy định về kiểm định chất lượng.

(2) Một số chủ trương, chính sách lớn của Đảng và Nhà nước đang được nghiên cứu, xây dựng và hoàn thiện như: Văn kiện Đại hội XIII của Đảng, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội thời kỳ 2021-2030, các quy hoạch được xây dựng mới theo Luật Quy hoạch (quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia, quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng) sẽ có tác động trực tiếp đến định hướng phát triển của Thành phố Cần Thơ trong những năm tới.

(3) Thách thức từ biến đổi khí hậu và tình hình dịch bệnh diễn biến phức tạp: Thành phố Cần Thơ đang đối mặt với nhiều thách thức về môi trường và biến đổi khí hậu. Ngoài ra, sự kéo dài của đại dịch Covid-19 đã để lại hậu quả nghiêm trọng trong tiến trình phát triển của Thành phố: nhiều doanh nghiệp đóng cửa, chuỗi cung ứng bị đứt gãy, tăng trưởng kinh tế sụt giảm so với dự báo,.. Những thách thức từ môi trường cũng như dịch bệnh là những rào cản lớn cần được tính toán và cân nhắc kỹ lưỡng trên con đường đưa TP Cần Thơ thành trung tâm kinh tế, văn hóa, xã hội của ĐBSCL.

Do vậy, việc nghiên cứu và xây dựng Quy hoạch thành phố Cần Thơ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 là rất cần thiết theo yêu cầu của hướng tiếp cận mới, có tầm nhìn dài hạn, nhằm phát huy hiệu quả các lợi thế của thành phố, làm căn cứ khoa học và thực tiễn cho việc tổ chức không gian lãnh thổ kinh tế - xã hội và xây dựng các kế hoạch phát triển 5 năm và hàng năm, đáp ứng yêu cầu phát triển chung của cả nước, đồng thời nâng cao hiệu quả kinh tế - xã hội để xây dựng Cần Thơ trở thành thành phố phát triển năng động của vùng ĐBSCL và cả nước, có vị thế cao trong sự tham gia vào địa bàn cầu nối để hội nhập khu vực.

Thực hiện Luật Quy hoạch (2017) và Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 05/02/2018 của Chính phủ về triển khai thi hành Luật Quy hoạch 2017, UBND Thành phố Cần Thơ tổ chức lập Quy hoạch Thành phố Cần Thơ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Theo Luật Quy hoạch, Quy hoạch phát triển Thành phố Cần Thơ được nghiên cứu, xây dựng trên cơ sở tích hợp các nội dung, định hướng phát triển các ngành, lĩnh vực và các quận, huyện trên địa bàn Thành phố có liên quan đến kết cấu hạ tầng, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường trên địa bàn có tính tới yếu tố liên vùng và hội nhập kinh tế quốc tế. Ngoài ra, cần quan tâm đến việc khai thác và sử dụng tài nguyên bền vững và bảo vệ môi trường trong điều kiện biến đổi khí hậu.

Quyết định 1056/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Nhiệm vụ lập quy hoạch Thành phố Cần Thơ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, với cách tiếp cận tổng thể, đa ngành, để có thể giải quyết một cách toàn diện các vấn đề thách thức hiện nay và định hướng chiến lược cho sự phát triển dài hạn của Thành phố trong giai đoạn sắp tới.

II. Phạm vi, ranh giới lập quy hoạch

1. Phạm vi ranh giới lập quy hoạch

- Trong phạm vi ranh giới hành chính của Thành phố Cần Thơ; tổng diện tích tự nhiên: 1.440,40 km²; trên phạm vi 9 đơn vị hành chính trực thuộc gồm 5 quận và 4 huyện, gồm các quận: Ninh Kiều, Bình Thủy, Ô Môn, Thốt Nốt, Cái Răng và các huyện: Phong Điền, Cờ Đỏ, Vĩnh Thạnh và Thới Lai.

- Tọa độ địa lý Thành phố Cần Thơ từ 9°55'08" đến 10°19'38" vĩ độ Bắc và 105°13'38" đến 105°50'35" kinh độ Đông.

2. Phạm vi ranh giới nghiên cứu

Nghiên cứu vai trò Thành phố Cần Thơ trong mối quan hệ phát triển với các lãnh thổ lân cận có tác động trực tiếp đến Thành phố bao gồm các tỉnh An Giang, Đồng Tháp, Vĩnh Long, Kiên Giang, Hậu Giang, và tất cả các tỉnh còn lại của ĐBSCL.

III. Thời kỳ lập quy hoạch

- Thời kỳ lập quy hoạch Thành phố: 2021-2030
- Tầm nhìn dài hạn: Đến năm 2050.

IV. Mục tiêu lập quy hoạch

- Quy hoạch là công cụ pháp lý quan trọng để chính quyền các cấp Thành phố

Cần Thơ sử dụng để hoạch định chính sách và kiến tạo động lực phát triển; tổ chức không gian phát triển kinh tế - xã hội; là cơ sở để triển khai kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và kế hoạch đầu tư công.

- Là căn cứ để các doanh nghiệp, cộng đồng và người dân đầu tư, kinh doanh, sinh sống, làm việc cũng như giám sát, đánh giá việc thực hiện quy hoạch của Thành phố Cần Thơ.

- Xây dựng khung phát triển về không gian, tạo nền tảng cơ sở cho xây dựng và kết nối đồng bộ, thống nhất và hiệu quả các loại hình quy hoạch.

- Tối ưu hóa và bảo đảm tính khả thi, bền vững trong quản lý, bảo vệ, khai thác và sử dụng các nguồn lực phục vụ phát triển; thích ứng cao với BĐKH và giảm thiểu tiêu cực từ thiên tai.

- Là một trong những công cụ khắc phục những thiếu sót, những bất cập do các quy hoạch cũ và lịch sử để lại.

V. Quan điểm lập quy hoạch

- Tuân thủ, phù hợp với hệ thống quy hoạch: Thống nhất, đồng bộ với mục tiêu, định hướng của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2021-2030, các quy hoạch ngành quốc gia và quy hoạch vùng ĐBSCL có liên quan đến địa bàn của Thành phố.

- Cụ thể hóa Nghị quyết số 59-NQ/TW, ngày 05/8/2020 của Bộ Chính trị (khóa XII) về xây dựng và phát triển Thành phố Cần Thơ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

VI. Nguyên tắc lập quy hoạch

- Bền vững và dài hạn: Đảm bảo lập quy hoạch dựa trên cả ba trụ cột kinh tế, xã hội và môi trường cho một thời gian dài, tầm nhìn đến năm 2050.

- Khả thi: Đảm bảo tính khả thi trong triển khai, phù hợp với nguồn lực thực hiện của Thành phố giai đoạn 2021-2030 và khả năng huy động nguồn lực trong tầm nhìn đến năm 2050.

- Kế thừa: nội dung quy hoạch sẽ chọn lọc, kế thừa các chủ trương chính sách lớn của các quy hoạch tại Cần Thơ trước đó.

- Tính mở: để tiếp cận các phương pháp quy hoạch hiện đại, không cứng nhắc, cho phép những sự linh động trong quá trình phát triển, không cần phải điều chỉnh quy hoạch.

- Tính thị trường: Xác định thị trường là yếu tố quyết định trong phát triển, đảm bảo nguyên tắc thị trường có sự quản lý của Nhà nước trong phân bổ nguồn lực.

- Tính liên kết không gian, thời gian: Quy hoạch gắn với những giai đoạn trung hạn và dài hạn, nhằm phát huy những tiềm lực trước mắt, đồng thời đảm bảo bền vững lâu dài.

- Tính tích hợp: bảo đảm tính thống nhất, liên kết có hệ thống giữa các đối tượng của quy hoạch, đồng bộ giữa các ngành trên địa bàn; phát triển hài hòa các địa phương, vùng lãnh thổ trên địa bàn Thành phố.

- Tính công khai, minh bạch: trách nhiệm giải trình của các bên liên quan trong quá trình lập, triển khai thực hiện và giám sát quy hoạch; trong đó bảo đảm quyền tham gia ý kiến của cơ quan, tổ chức, cộng đồng và cá nhân trong quá trình lập quy hoạch.

VII. Căn cứ lập quy hoạch

- Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24/11/2017;
- Luật số 28/2018/QH14 ngày 15/6/2018 về sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 luật có liên quan đến quy hoạch;
- Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 về sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch;
- Nghị quyết số 110/2019/NĐ-CP, ngày 02/2/2019 của Chính phủ đã Ban hành Danh mục các quy hoạch được tích hợp vào quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh;
- Nghị định số 37/2019/NĐ-CP, ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;
- Quyết định 1056/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Nhiệm vụ lập quy hoạch Thành phố Cần Thơ thời kỳ 2021 – 2030;
- Chiến lược, Nghị quyết, văn bản của Đảng và Chính phủ;
- Các đề án phát triển kinh tế - xã hội, các ngành, lĩnh vực có liên quan đến TP Cần Thơ.

VIII. Các phương pháp tiếp cận và nghiên cứu lập quy hoạch

1. Các phương pháp tiếp cận lập quy hoạch

- Phương pháp tiếp cận từ đánh giá, dự báo về các yếu tố, điều kiện phát triển đặc thù của Thành phố, thực trạng phát triển kinh tế - xã hội, thực trạng sử dụng đất, thực trạng hệ thống đô thị, nông thôn, trong đó tập trung đánh giá các tiềm năng của Thành phố Cần Thơ và chỉ ra được khả năng, các điều kiện cần thiết để khai thác các tiềm năng, điều kiện phát triển đặc thù của Thành phố.
- Phương pháp tiếp cận cân đối tổng thể: Yêu cầu đặt ra trong quá trình xây dựng các mục tiêu, kịch bản phát triển là cần xem xét sự tương thích giữa các mục tiêu và các cân bằng tổng thể của nền kinh tế Thành phố Cần Thơ nhằm đảm bảo tính khả thi và hiệu quả trong quá trình thực hiện quy hoạch.
- Phương pháp tiếp cận liên ngành được sử dụng để tính hiệu quả kinh tế, xã hội tổng hợp cho từng ngành và sau đó tiến hành so sánh giữa các ngành để lựa chọn ngành có hiệu quả cao nhất.
- Tiếp cận hai chiều từ trên xuống, từ dưới lên: Quy hoạch Thành phố phải cập nhật, cụ thể hoá các mục tiêu, kịch bản phát triển của quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch ngành cấp quốc gia, quy hoạch vùng trên địa bàn, mặt khác quy hoạch Thành phố tính khái quát càng cao gắn liền với các chủ trương, định hướng lớn của Thành phố nên quá trình quy hoạch phải đảm bảo luôn được thực hiện theo nguyên tắc hai chiều, từ trên xuống và từ dưới lên.

2. Các phương pháp lập quy hoạch được áp dụng

- Phương pháp điều tra, thu thập thông tin, dữ liệu
- Phương pháp nghiên cứu tại bàn
- Phương pháp phân tích đánh giá thực trạng
- Phương pháp phân tích hệ thống, chuyên ngành và tổng hợp
- Phương pháp tổng hợp các tiềm năng, lợi thế, hạn chế, cơ hội, thách thức phát triển (phân tích SWOT)
- Phương pháp tích hợp quy hoạch
- Phương pháp so sánh đối chiếu, lồng ghép bản đồ với việc áp dụng công nghệ thông tin, hệ thống thông tin địa lý (GIS)
- Phương pháp dự báo phát triển
- Phương pháp xây dựng các kịch bản phát triển
- Phương pháp xử lý các xung đột về không gian kinh tế - xã hội - môi trường
- Phương pháp chuyên gia, hội nghị, hội thảo
- Phương pháp lựa chọn chính sách phát triển
- Phương pháp quy hoạch cấu trúc chiến lược.

XI. Cấu trúc của báo cáo

Báo cáo tổng hợp Quy hoạch Thành phố thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 gồm 02 phần chính:

- Phần thứ nhất: Sự cần thiết lập quy hoạch Thành phố Cần Thơ, căn cứ lập quy hoạch, phạm vi, thời kỳ lập quy hoạch và phương pháp lập quy hoạch.
- Phần thứ hai: Quy hoạch Thành phố Cần Thơ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Ngoài hai phần chính, báo cáo kèm thêm phụ lục, hệ thống bảng biểu và hệ thống bản đồ.

PHẦN THỨ HAI: NỘI DUNG QUY HOẠCH THÀNH PHỐ

PHẦN I: PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ, DỰ BÁO VỀ CÁC YẾU TỐ, ĐIỀU KIỆN PHÁT TRIỂN ĐẶC THÙ CỦA THÀNH PHỐ

I. Đánh giá các yếu tố, điều kiện tự nhiên và tài nguyên phát triển

1. Đánh giá tổng quan về điều kiện tự nhiên

Toàn bộ điều kiện tự nhiên của Cần Thơ cũng như vùng ĐBSCL có thể coi như một hệ thống rất chặt chẽ. Sức khoẻ tổng thể của hệ thống này phụ thuộc 3 yếu tố: Các cấu phần của hệ thống, thực trạng của từng cấu phần, và vận hành của hệ thống.

Các cấu phần chính của hệ thống bao gồm nhóm điều kiện thời tiết khí hậu, yếu tố đất, nước và sinh học.

Đặc điểm chính của thời tiết khí hậu là: nhiệt đới, nóng, ẩm, mưa nhiều, gió mùa, mùa khô mùa mưa rõ rệt. Xu hướng khí hậu chịu tác động của BĐKH theo hướng gia tăng các hiện tượng cực đoan, nóng lên, xâm nhập mặn sâu hơn cùng nước biển dâng.

Đặc điểm chính của yếu tố đất là: địa hình bằng phẳng, thấp trũng, chia cắt bởi mạng lưới sông, kênh, rạch. Địa hình có thể chia thành hai khu vực chính là vùng cao hơn ven sông Hậu và vùng thấp hơn ở phía tây. Thổ nhưỡng chủ yếu là các loại đất phù sa, màu mỡ, thuận lợi cho phát triển nông nghiệp, và một số vùng đất phèn ở phía tây, ít màu mỡ hơn, cần phải có nước phủ thường xuyên. Về địa chất công trình, cơ bản là nền đất yếu, chi phí cho các công trình hạ tầng và xây dựng cao tầng đều sẽ cao hơn mức bình thường. Về địa mạo, có khu vực sông Hậu, bao gồm dải bờ sông và các cù lao, khu vực lưu vực các sông nhánh và vùng đồng lũ bằng phẳng, thấp trũng phía tây, tạo thành 3 vùng cảnh quan rõ rệt. Xu hướng chung: đất đai do canh tác liên tục, lạm dụng phân hoá học và thuốc bảo vệ thực vật, lượng phù sa suy giảm, hiện có xu hướng suy thoái và ô nhiễm. Có xu hướng gia tăng sụt lún, cộng với sạt lở bờ sông, ngập lụt diện rộng, ngập lụt theo mùa, theo con nước thủy triều.

Đặc điểm chính của yếu tố nước bao gồm mạng lưới và tính chất nước, chế độ thủy văn: Mạng lưới sông ngòi kênh rạch dày đặc, đan xen với nhau thành một hệ thống mạng nước dày khắp, chia làm 4 cấp, gần như phân nhánh tới từng lô đất, có nhiều tác dụng như tưới tiêu, giao thông thủy, văn hoá xã hội, cảnh quan, bồi đắp phù sa. Ngoài mạng lưới kênh rạch thì những cấu trúc đồng lũ cũng có thể coi như cấu phần của hệ thống nước, dù không ngập nước quanh năm. Đặc điểm thủy văn là tổng hợp của 3 yếu tố: Mưa, thủy chế sông Hậu và thủy triều từ 2 biển, đặc biệt bán nhật triều từ biển Đông. Vấn đề chính của thủy văn là nguy cơ ngập lụt lớn, đặc biệt ngập lụt đô thị, khi cả 3 yếu tố hội tụ: mưa lớn, lũ đỉnh và triều cường, thường vào khoảng đầu và giữa tháng 8, 9 âm lịch. Thủy văn có xu hướng tăng độ dao động, giảm lượng phù sa, dịch chuyển thời gian mùa lũ, mùa kiệt, do ảnh hưởng của BĐKH và sử dụng nước thượng nguồn. Trong các khu vực phát triển đô thị tập trung, mạng lưới nước có nguy cơ bị san lấp, bó hẹp, ô nhiễm, tắc nghẽn, tù đọng. Mức độ ô nhiễm đã vượt quá quy chuẩn cho phép ở mọi chỉ số, xu hướng gia tăng, có thể gây hệ quả nghiêm trọng.

Cần Thơ về cơ bản nằm trên một vùng sinh thái đất ngập nước. Đặc biệt quan trọng là hệ sinh thái tự nhiên dưới nước, với tiềm năng đa dạng và sinh khối cao. Sinh thái trên cạn có đặc thù bởi các loài thực vật có khả năng chịu úng ngập, và hệ thống động vật có môi trường sống liên quan tới nước như thủy cầm, ếch nhái, bò sát, chuồn chuồn, đom đóm. Cần Thơ hiện không có rừng, hệ sinh thái không phát huy hết tiềm năng thiên nhiên, và có xu hướng suy giảm, nghèo kiệt.

Tuy nhiên việc phát huy đa dạng sinh học ngay trong lòng đô thị và khu dân cư, nông nghiệp, đặc biệt ở vùng sông Hậu và các lưu vực sông nhánh có nhiều tiềm năng, do hệ thống nước rất dày đặc, với những mảng xanh tự nhiên và nhân tạo đa dạng, khả năng tạo ra những vùng bảo tồn tại chỗ cao. Môi trường đô thị này còn có thể được coi là khá an toàn, ít ô nhiễm, ít nguy cơ bị sấn bấn nếu mọi công dân có ý thức. Trong hệ sinh thái tự nhiên Cần Thơ, đặc biệt có vai trò quan trọng là cây bần.

Trong cơ chế hoạt động của hệ thống tự nhiên, nước là yếu tố chủ đạo, có ảnh hưởng tổng thể đến tất cả các yếu tố khác. Sự vận hành của dòng nước, với đặc điểm thủy văn sông theo mùa và thủy triều hàng ngày, ảnh hưởng tới toàn bộ hệ thống qua các cơ chế chính là: bồi đắp phù sa, tưới tiêu, thau rửa. Nó kiến tạo và quyết định đến sức khỏe của cả hệ thống đất, đa dạng sinh học. Hiện nay và xu hướng trong tương lai, cả 3 cơ chế này đều có thể bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Phù sa sông bị giảm đáng kể do phát triển ở thượng nguồn; cơ chế tưới tiêu, thau rửa đồng bằng một cách tự nhiên bị ảnh hưởng do hệ thống đê đập, cống thủy lợi. Mặc dù những hệ thống này có tác dụng bảo vệ, điều tiết nhưng cũng gây những cản trở nhất định đối với vận hành tự nhiên của dòng nước, làm ứ đọng và ô nhiễm nước và còn gây hệ quả nghiêm trọng về mọi mặt.

2. Đánh giá điều kiện về tài nguyên thiên nhiên

Tài nguyên đất:

Tài nguyên đất của Cần Thơ có thể được đánh giá dưới góc độ dành cho mục đích nông nghiệp hay phi nông nghiệp. Về nông nghiệp, đây là vùng có thổ nhưỡng màu mỡ thuộc loại nhất cả nước, rất phù hợp với sản xuất nông nghiệp. Kết hợp với các đặc điểm về địa hình và nước, đất nông nghiệp ở đây có thể chia thành 2 vùng chính: vùng đồng lũ và vùng lưu vực các sông nhánh. Vùng đồng lũ thuận lợi cho những mục đích liên quan đến ngập nước nhiều, trong khi vùng lưu vực sông thì có thể sử dụng đa dạng và với nhiều thể loại cao cấp hơn.

Đối với mục đích phi nông nghiệp, tài nguyên đất của Cần Thơ có một số hạn chế nhất định do địa hình thấp trũng, nền đất yếu, thường xuyên ngập lụt, nhất là với xu hướng BĐKH và nước biển dâng, địa hình bị chia cắt nhiều do mạng lưới nước dày đặc. Với đặc điểm này, phát triển hạ tầng kỹ thuật và đô thị, công nghiệp diện rộng sẽ ít thuận lợi. Tuy nhiên, nếu phát triển phi nông nghiệp thuận theo điều kiện tự nhiên như phân cụm nhỏ có đan xen với cảnh quan, sinh thái v.v. thì lại có thể tạo ra những không gian rất cao cấp cho các loại mục đích phi nông nghiệp như đô thị sinh thái, giàu bản sắc, du lịch, kết hợp sản xuất công nghệ cao không cần diện tích lớn. Về vị trí và kết nối thì khu vực Cần Thơ có điều kiện rất tốt để phát triển đất phi nông nghiệp.

Tài nguyên nước

Nước luôn được coi là tài nguyên quan trọng nhất của vùng ĐBSCL và Cần Thơ. Trữ lượng nước mặt rất dồi dào, kể cả về mùa khô và chưa có những mâu thuẫn, cạnh tranh về sử dụng. Hiện nay, nước chủ yếu được dùng cho trồng lúa và thủy sản, với hiệu quả sử dụng tài nguyên rất thấp, chiến lược bảo vệ và phát huy tài nguyên này chưa rõ ràng và hiệu quả. Sắp tới, dù có biến động do BĐKH và sử dụng nước thượng nguồn, song về cơ bản nước vẫn còn dồi dào, có thể cũng chưa được quan tâm.

Vấn đề lớn nhất trong tương lai gần là cần giữ cho nước không bị ô nhiễm. Mức độ ô nhiễm (chủ yếu là ô nhiễm hữu cơ) của nước hiện nay ở Cần Thơ đã vượt quá mức cho phép. Việc quản lý ô nhiễm nước không dễ dàng, do mạng lưới nước quá phân tán, nhiều đối tượng sử dụng. Điều này không chỉ ảnh hưởng tổng thể đến Cần Thơ, mà còn đến các tỉnh khác ở cuối nguồn nước. Trong tương lai, cần phải coi nước như yếu tố sinh thái sống động, đa tác dụng như bồi đắp phù sa, giao thông vận tải, cảnh quan, văn hoá, sinh thái, du lịch, thau rửa đồng bằng v.v. chứ không chỉ là nước cho sản xuất.

Đối với tài nguyên nước dưới đất, mặc dù trữ lượng khai thác cũng dồi dào, nhưng cần coi đây là những lớp địa tầng. Nếu nước mặt được bảo vệ, quản lý tốt, về cơ bản không cần khai thác nước dưới đất vốn là một trong những nguyên nhân chính gây sụt lún. Về lâu dài, cần có các biện pháp hạn chế và dần tới dừng khai thác nguồn nước dưới đất.

Tài nguyên rừng, đa dạng sinh học và thủy sản tự nhiên

Cần Thơ không có rừng và cũng chưa thực sự coi đa dạng sinh học là tài nguyên, với chính sách bảo vệ, phục hồi, phát huy giá trị tài nguyên rõ ràng. Tuy nhiên, cấu trúc tự nhiên với mạng lưới kênh rạch sông ngòi chằng chịt, cùng với hệ thống đất ngập nước, ngay trong nội đô, sẽ là một tiềm năng lớn để có thể phát huy tài nguyên này thành một trong những thế mạnh quan trọng về môi trường sống cũng như hấp dẫn du lịch của Thành phố. Đây sẽ là một chủ đề quan trọng trong quy hoạch Thành phố lần này. Tài nguyên đa dạng sinh học dưới nước và nguồn lợi thủy sản tự nhiên là một trong những tài nguyên quan trọng hàng đầu của vùng ĐBSCL, có mối quan hệ lớn đến chế độ dinh dưỡng, văn hoá, ẩm thực cũng như là nguồn gen bền vững cho thủy sản nuôi trồng.

Tài nguyên khoáng sản

Tài nguyên khoáng sản trên địa bàn TP Cần Thơ không thật phong phú về chủng loại và phần lớn là các khoáng sản thuộc nhóm vật liệu xây dựng thông thường như cát san lấp lấy từ lòng sông Hậu, sét gạch ngói, sét keramzit và than bùn (nguyên liệu khoáng).

Trước đây, có 1 số doanh nghiệp khai thác cát chưa tuân thủ quy định đã bị xử phạt. Hiện tại, tài nguyên khoáng sản trên địa bàn đã được thăm dò, kiểm kê, quy hoạch khai thác và được quản lý khai thác, sử dụng hiệu quả.

Tài nguyên năng lượng tái tạo

Cần Thơ có nguồn năng lượng tái tạo tiềm năng để phát triển điện gió, điện mặt trời mái nhà, điện mặt trời kết hợp nông nghiệp, điện sinh khối. Hiện nay nguồn tài

nguyên này đang bước đầu được khai thác. Khi quy hoạch điện VIII sắp tới được ban hành theo quan điểm cân đối vùng miền, hạn chế truyền tải liên miền và không xây dựng thêm bất kỳ đường dây truyền tải liên kết miền nào đến 2045, việc Cần Thơ phát triển các nguồn năng lượng tái tạo sẽ càng có ý nghĩa đảm bảo nguồn năng lượng cho phát triển kinh tế - xã hội theo hướng phát triển các bon thấp.

II. Vị thế, vai trò của thành phố đối với vùng, quốc gia

1. Vai trò, vị thế của Cần Thơ trong vùng ĐBSCL

Thành phố Cần Thơ là trung tâm vùng ĐBSCL, giao điểm của hai trục hành lang kinh tế đô thị quan trọng của vùng ĐBSCL là hành lang kinh tế đô thị dọc sông Hậu và hành lang kinh tế đô thị TPHCM- Cần Thơ, trong Tứ giác trung tâm vùng. Việc này tạo thuận lợi cho Thành phố phát triển đồng bộ các khu vực kinh tế theo hướng kinh tế vùng.

Thành phố Cần Thơ kết nối trực tiếp với các Thành phố: Cao Lãnh, Long Xuyên, Vĩnh Long và Thành phố Sa Đéc tạo thành một vùng trung tâm của ĐBSCL mở rộng. Dự kiến trong thời gian tới, khi du lịch Cà Mau có bước phát triển mới, sẽ tạo nên tam giác du lịch Phú Quốc - Cần Thơ - Cà Mau như bàn đạp để thúc đẩy du lịch của ĐBSCL

Theo quy hoạch vùng ĐBSCL đã được phê duyệt, một loạt đầu tư cơ sở hạ tầng vùng trong tương lai sẽ thay đổi hoàn toàn tiềm năng của Cần Thơ. Đặc biệt quan trọng là cao tốc TPHCM- Cần Thơ, Cao tốc An Giang - Trần Đề, đường liên vùng Đồng Tháp- Kiên Giang, đường sắt cao tốc TPHCM - Cần Thơ, các tuyến đường thủy và hàng hải chính được cải tạo, nâng cấp.

Sân bay Cần Thơ là sân bay quốc tế chính của vùng ĐBSCL. Cần Thơ có tiềm năng phát triển một đô thị sân bay, là trung tâm giao thương, buôn bán và phát triển du lịch, mang lại tính lan tỏa về kinh tế cho toàn vùng.

2. Vai trò, vị thế của Cần Thơ với sự phát triển của Đông Nam Bộ

- Cần Thơ cách TPHCM và vùng trung tâm kinh tế quốc gia ở phía Nam 170 km. Việc kết nối nhanh với TPHCM và xác định vai trò của Cần Thơ đối với TPHCM cũng như trong trục động lực TPHCM - Cần Thơ là chiến lược quan trọng bậc nhất đối với Cần Thơ.

- Với vai trò là trung tâm giáo dục của ĐBSCL, Cần Thơ cung cấp nguồn lao động chất lượng cao không chỉ cho ĐBSCL mà còn cho cả các tỉnh Đông Nam Bộ.

- Trong tương lai, khi Thành phố Hồ Chí Minh trở nên quá tải và kết nối giao thông giữa TPHCM với Cần Thơ được cải thiện đáng kể thì Cần Thơ hoàn toàn có thể trở thành trung tâm cung cấp các dịch vụ hạ tầng xã hội như: không chỉ phục vụ cho người dân ĐBSCL và còn san sẻ gánh nặng của vùng TP Hồ Chí Minh và miền Đông.

- Về lĩnh vực điện năng, ĐBSCL có các trung tâm điện năng có thể cung cấp cho TPHCM và Đông Nam Bộ, trong đó có nhà Nhà máy Nhiệt điện Ô Môn ở Cần Thơ.

3. Vai trò, vị thế của Cần Thơ trong hệ thống các Thành phố trực thuộc Trung ương

Hiện tại, vai trò của Cần Thơ với các Thành phố trực thuộc Trung ương và các vùng khác còn hạn chế, do vị trí Cần Thơ tương đối biệt lập ở khu vực ĐBSCL. Tuy nhiên, về lý thuyết, Cần Thơ có kết nối tạo thành mạng với các thành phố trực thuộc Trung ương khác như Đà Nẵng, Hà Nội, Hải Phòng, thông qua liên kết hàng không và đường biển. Trong tương lai, Cần Thơ có thể trở thành một trung tâm nghỉ dưỡng đô thị sinh thái với chất lượng sống cao, và cũng có thể trở thành một mô hình quốc gia và quốc tế về Thành phố việc kết hợp với phát triển kinh tế và sống xanh cho các địa phương khác.

III. Các yếu tố, điều kiện của vùng, quốc gia, quốc tế tác động đến phát triển thành phố

1. Các yếu tố, điều kiện quốc gia

- **Triển vọng kinh tế vĩ mô của Việt Nam:** Nền kinh tế Việt Nam tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng ở mức tương đối cao và được đánh giá là một trong những thị trường châu Á năng động, với mức tăng trưởng bình quân khoảng 7%/năm. Doanh nghiệp tư nhân ở Việt Nam tăng nhanh về số lượng và chất lượng, đóng vai trò quan trọng tạo việc làm và làm tăng tỷ trọng việc làm trong các ngành dịch vụ có hàm lượng tri thức cao. Môi trường kinh doanh đang được cải thiện đáng kể. Tuy nhiên, để đạt được mức tăng trưởng này, thì việc năng suất lao động là một trong những yếu tố then chốt, đặc biệt khi con số này của Việt Nam cũng thấp hơn nhiều so với các quốc gia trong khu vực.

- **Sự tăng trưởng của những ngành nghề mới:** Trong thời gian tới, một số ngành nghề, lĩnh vực được dự đoán sẽ trở thành “miền đất hứa” thu hút đầu tư cho nền kinh tế Việt Nam là: bất động sản, vật liệu và dịch vụ xây dựng, dịch vụ tiêu dùng, hàng tiêu dùng, ngành nông nghiệp, viễn thông, tin học, công nghệ thông tin và cơ khí. Cần Thơ, với vai trò là trung tâm của ĐBSCL, cần đón đầu những ngành mới và phù hợp với thế mạnh của Thành phố công nghệ thông tin, các ngành công nghiệp giá trị cao, thương mại điện tử.

- Chủ trương, chính sách và cơ chế quản lý, điều hành của Chính phủ cũng có nhiều bước tiến mới: Các chính sách chủ yếu tập trung vào việc thiết kế hệ thống pháp luật tốt, đẩy mạnh vai trò của thị trường, xây dựng môi trường kinh doanh thuận lợi, xây dựng chính quyền điện tử. Việc thay đổi tư duy quản lý của Chính phủ sẽ giúp tạo ra môi trường chính sách thuận lợi và cơ hội phát triển kinh tế hấp dẫn hơn cho các doanh nghiệp trong nước và các nhà đầu tư nước ngoài. Đặc biệt, Cần Thơ được hưởng lợi từ những chính sách, cơ chế đặc thù, nhằm thúc đẩy vai trò trung tâm động lực vùng của thành phố.

2. Các yếu tố, điều kiện quốc tế tác động đến phát triển của Thành phố

- Đòi hỏi ngày cao hơn đối với bình đẳng xã hội trong quá trình tăng trưởng kinh tế: Những thước đo về việc nâng cao tính công bằng xã hội trong phân phối lợi ích, nâng cao mức sống và chất lượng sống của nhân dân ngày càng trở thành các chỉ tiêu phát triển quan trọng để thúc đẩy phát triển các trụ cột kinh tế, xã hội và môi trường bền vững. Xu thế này cũng đem lại cơ hội để Thành phố đẩy mạnh phát triển xã hội, cải thiện chất lượng đời sống của người dân Cần Thơ.

- **Tăng trưởng lấy cơ sở hạ tầng và nguồn nhân lực làm động lực:** Cơ sở hạ tầng và nguồn nhân lực chất lượng cao sẽ tiếp tục dẫn dắt quá trình tăng trưởng ở các quốc gia đang phát triển. Cơ sở hạ tầng không đồng bộ, đặc biệt là hạ tầng giao thông là một điểm nghẽn mà Thành phố cần giải quyết, để giúp khai thông dòng vốn đầu tư đến Cần Thơ, cũng như mở ra nhiều tiềm năng xuất khẩu khác.

- **Chuyển dịch trong chế biến/chế tạo toàn cầu:** Theo xu hướng chuyển dịch, phần lớn các hoạt động sản xuất sơ cấp và thứ cấp sẽ được chuyển đến các quốc gia ở khu vực Đông Nam Á và Nam Á. Đây là cơ hội cho Việt Nam nói chung và Cần Thơ nói riêng trong việc trở thành trung tâm sản xuất của các tập đoàn hàng đầu trên thế giới dựa trên cơ cấu chi phí nhân lực rẻ. Các hoạt động đầu tư lớn sẽ ngày càng xuất hiện nhiều hơn ở Việt Nam. Cần Thơ với định hướng chuyển dịch sang các ngành chế biến, chế tạo giá trị cao cần tập trung đào tạo và giữ chân nguồn nhân lực tay nghề tốt cũng như tận dụng các cơ chế đặc thù mới được ban hành để đón đầu xu thế này.

- **Chuyển dịch du lịch:** Trên thế giới, các dòng khách du lịch đang có xu hướng dịch chuyển mạnh tới khu vực Châu Á - Thái Bình Dương. Để góp mặt đáng kể vào bản đồ du lịch quốc tế, Việt Nam cần dựa vào những thương hiệu lớn đã là khái niệm quốc tế như Vịnh Hạ Long, Sông Hồng, Sông Mê Công. Với vị thế trung tâm vùng ĐBSCL, Cần Thơ cần phải phát huy thương hiệu du lịch Mekong thật tốt.

- **Kiến tạo, sáng tạo và ứng dụng công nghệ tân tiến:** Sự phát triển chóng mặt của công nghệ đang tạo ra hàng loạt xu thế phát triển mới, trong đó, cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 là một trong những xu hướng nổi bật nhất. Cần Thơ có xuất phát điểm vững chắc khi là một trong 4 tỉnh thành có chỉ số sẵn sàng Công nghệ ICT Index 2020 cao nhất, cùng với hạ tầng nhân lực CNTT đứng thứ 1 cả nước. Do vậy, với mục tiêu trở thành phố thông minh, đáng sống, Cần Thơ cần nhanh chóng đầu tư vào hạ tầng kỹ thuật CNTT, tăng cường hợp tác với các tập đoàn công nghệ đang hiện diện tại Thành phố như FPT để nắm bắt các xu hướng chuyển đổi số này.

- **Tác động từ đại dịch toàn cầu: Đại dịch Covid-19:** Dịch Covid-19 bùng phát trên phạm vi toàn thế giới, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến nền kinh tế thế giới cũng như nước ta phải gồng mình đối phó với những tác động tiêu cực của dịch bệnh trên mọi lĩnh vực kinh tế - xã hội Cần Thơ cũng chịu những tác động không nhỏ khi tốc độ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) ước tính năm 2021 giảm 2,79% so với cùng kỳ năm trước, nhiều doanh nghiệp ngưng sản xuất với hàng ngàn lao động mất việc. Tuy nhiên, đây cũng là cơ hội mở “trạng thái bình thường mới”, thúc đẩy chính phủ và các doanh nghiệp triển khai số hóa.

- **Bối cảnh phát triển khu vực Châu Á và Thái Bình Dương:** Ở tầm khu vực, Châu Á - Thái Bình Dương là khu vực kinh tế năng động nhất, nơi có tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, môi trường đầu tư được cải thiện, xuất khẩu tăng nhanh hơn so với các khu vực khác trên thế giới. Việt Nam là nước nằm trong khu vực này, có nhiều cơ hội hợp tác phát triển, thu hút các nguồn tài chính và mở rộng thị trường. Như vậy, để nắm bắt và đón đầu được xu thế này, Chính phủ nói chung và Cần Thơ nói riêng có trách nhiệm tích cực hoàn thiện hệ thống chính sách và thể chế hướng đến tăng cường năng lực tiếp cận và ứng dụng thành quả của cuộc

cách mạng công nghệ trong các chiến lược, chính sách phát triển đất nước và Thành phố.

IV. Nguy cơ và tác động của thiên tai, biến đổi khí hậu trên địa bàn TP Cần Thơ

1. Tác động của thiên tai

- Kết luận về sự thay đổi dòng chảy thượng lưu sẽ tăng lên trong mùa kiệt và giảm đi trong mùa lũ. Theo số liệu thực đo cho thấy tổng lượng dòng chảy năm và mùa kiệt đều có xu hướng tăng lên. Tuy nhiên, có những thời điểm trong mùa kiệt, lưu lượng dòng chảy về ĐBSCL nhỏ hơn so với thực tế khi hồ thủy điện chưa tích đủ nước. Số liệu cũng cho thấy có sự tích nước cuối mùa mưa trong một số năm ít nước làm dòng chảy tháng 12 giảm nhỏ rõ rệt (năm 2019-2020). Thời kỳ này triều còn cao sẽ làm xâm nhập mặn trên ĐBSCL xâm nhập sâu vào tháng 12 năm trước và tháng 1 năm sau.

- Vấn đề quan trọng nhất của phát triển thượng lưu là một lượng lớn phù sa sẽ bị giữ lại ở thượng nguồn, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến vùng ĐBSCL: sụt lún đồng bằng, thoái hoá đất, sạt lở bờ sông, bờ biển, giảm trữ lượng cát, giảm đa dạng sinh học trong nước ở cả đồng bằng và ngoài biển.

2. Tác động của Biến đổi khí hậu

Theo kịch bản biến đổi khí hậu (BĐKH) và nước biển dâng (NBD) cho Việt Nam của Bộ TNMT 2020 công bố năm 2021, theo kịch bản RCP4.5, trong thế kỷ 21, lượng mưa năm có xu thế tăng trên phạm vi cả nước với mức tăng phổ biến 10 ÷ 15% vào giữa thế kỷ và 10 ÷ 20% vào cuối thế kỷ.

Tuy nhiên, lượng mưa trong mùa kiệt có xu thế giảm sẽ ảnh hưởng đến chất lượng nguồn nước. Khi xét đến BĐKH, đến 2030, mực nước biển Đông và biển Tây tăng lên khoảng 12 cm và đến năm 2050, mực nước biển Đông tăng lên khoảng 22 cm, mực nước biển Tây tăng lên khoảng 23 cm.

3. Lũ và ngập nước

Các trận lũ hàng năm dự kiến sẽ giảm do BĐKH và xây dựng đập thủy điện mới. Điều này sẽ thúc đẩy việc phát triển bờ sông, cù lao và khu vực ngập lũ thông qua việc chuyển đổi diện tích trồng lúa thành vườn cây ăn trái, phát triển nuôi trồng thủy sản và khu dân cư đô thị và nông thôn ở các vùng trước đây bị ngập lụt. Từ đó giúp gia tăng đầu tư và giá trị kinh tế của những vùng này. Dù tần suất lũ có thể giảm trong thời gian tới, nhưng rủi ro lũ lụt, nhất là các hiện tượng cực đoan, nhiều khả năng sẽ gia tăng nếu không có chiến lược quản lý rủi ro, quy hoạch sử dụng đất, quy định và đầu tư phòng chống lũ lụt cho các khu vực phát triển đô thị hiện có và khu vực mới, hạ tầng trọng yếu và đầu tư dài hạn vào nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản nhạy cảm với lũ. Các dự án đang thực hiện liên quan đến quản lý lũ vùng thượng lưu ĐBSCL (dự án WB9, GEF, v.v...) dự kiến sẽ giảm ngập lũ cho khu vực hạ lưu ĐBSCL trong đó có Cần Thơ.

Các trận mưa lớn dự kiến sẽ gia tăng về tần suất và cường độ, gây ngập cho cả khu vực đô thị và nông thôn. Những thiệt hại do ngập úng càng trở nên trầm trọng hơn do nước biển dâng và sụt lún đất. Để ngăn chặn thiệt hại về kinh tế, sức khỏe, môi trường và mùa vụ, cần xây dựng các chiến lược ứng phó nhằm duy trì khả năng thoát nước –

thông qua việc thực hiện chiến lược quản lý rủi ro ngập tích hợp, cải thiện cơ sở hạ tầng (ví dụ như xây dựng các khu vực 'ô bao' khép kín với công suất bơm phù hợp), bao gồm cả quy hoạch không gian dựa trên rủi ro ngập nước mà kịch bản BĐKH và NBD 2020 đã có dự báo Cần Thơ sẽ bị ngập khoảng 55,82% diện tích khi nước biển dâng thêm 100cm.

4. Xâm nhập mặn

Với sự gia tăng của mực nước biển và giảm dòng chảy thượng lưu vào đầu mùa khô trong những năm hạn (năm ít nước), xâm nhập mặn vào cửa sông sẽ tăng bất thường (điển hình là năm 2016 và năm 2020). Vào một số năm có mùa lũ nhỏ do các hồ chứa thượng lưu tích nước nên dòng chảy nhỏ có thể gây nên quá trình xâm nhập mặn xảy ra sớm hơn. Việc này thêm trầm trọng khi mặn xâm nhập sâu và lâu hơn do các nhánh sông ngày càng sâu vị bị khai thác cát và xói lở tiềm năng. Đối với TP Cần Thơ, xâm nhập mặn sẽ có thể tác động đến các khu vực về phía biển và có thể ảnh hưởng đến cấp nước cho các ngành, đặc biệt là cấp nước sinh hoạt sử dụng nguồn nước sông.

5. Hạn hán

Tình trạng thiếu nước là kết quả của việc cung và cầu nước không phù hợp. Sự gia tăng nhu cầu nước thường xảy ra khi phát triển kinh tế. Các biện pháp quản lý khai thác, sử dụng nước gồm cả việc giảm/cấm khai thác nước dưới đất cho nông nghiệp - dẫn đến những thay đổi và sau đó giảm nhu cầu nước. Tác động của hạn hán, thiếu nước ngọt đối với phát triển của Cần Thơ được dự kiến sẽ nhỏ do nằm gần sông Hậu - nguồn nước ngọt dồi dào và khá thuận lợi cho các ngành kinh tế. Mặc dù vậy, cần chú ý đến những năm ít nước và điều kiện vận hành bất thường của các hồ thủy điện thượng lưu.

6. Sụt lún đất

Một số nghiên cứu về sụt lún đất đã và đang được thực hiện ở ĐBSCL cũng như Tp. Cần Thơ. Theo Tiến sĩ Dương Văn Ni, với bốn năm quan trắc trong khuôn viên trường Đại học Cần Thơ, sụt lún trung bình tầng nông đo được từ cọc được tính ở mức 17mm/năm. Tại các tòa nhà của người dân sụt lún ở mức 27 mm/năm (kết hợp số liệu từ InSAR do BGR/GIZ thực hiện, con số này cho thấy sụt lún ở mức 1,7 cm/năm ở tầng nông và 1 cm/năm tầng sâu. Nghiên cứu của Bộ TNMT 2019 cũng cho thấy Cần Thơ thuộc vùng sụt lún 5-10cm.

PHẦN II. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI, THỰC TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT, THỰC TRẠNG HỆ THỐNG ĐÔ THỊ VÀ NÔNG THÔN GIAI ĐOẠN 2011-2020

I. Đánh giá thực trạng phát triển kinh tế và thực trạng phát triển các ngành nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ trên địa bàn thành phố; khả năng huy động nguồn lực

1. Tăng trưởng kinh tế và các yếu tố đóng góp vào tăng trưởng

- Tăng trưởng kinh tế: Tốc độ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn GRDP (giá so sánh 2010) giai đoạn 2010 - 2019 ước tăng bình quân 6,6%/năm. Đây là mức tăng trưởng trung bình khi so sánh với mức tăng trưởng giai đoạn 2010-2019 của ĐBSCL (6,3%) và toàn Việt Nam (6,3%).

- Quy mô tổng sản phẩm trên địa bàn năm 2020 là 52.230 tỷ đồng (giá so sánh). Tổng sản phẩm trên địa bàn theo bình quân đầu người là 71.932.000 đồng, gấp gần 3 lần so với con số năm 2010.

- Trong giai đoạn 2010-2019, dịch vụ là ngành có mức tăng trưởng mạnh mẽ nhất, với mức tăng trưởng bình quân là 7,3%/năm, tiếp sau đó là công nghiệp-xây dựng (6,4%) và nông nghiệp (2,1%). Trong khối ngành dịch vụ, bán buôn và bán lẻ là ngành mũi nhọn khi chiếm 16,84% GRDP (giá hiện hành) năm 2020, còn với khối ngành công nghiệp, công nghiệp chế biến, chế tạo là ngành trọng tâm chiếm tỉ trọng 23,05% GRDP.

2. Chuyển dịch cơ cấu nền kinh tế

Cơ cấu kinh tế có sự chuyển dịch không đáng kể. Năm 2010, cơ cấu của 3 ngành nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ là 16%, 33% và 45% thì đến năm 2020, các con số này lần lượt là 11%, 31%, 50%. Tuy nhiên, so với vùng ĐBSCL thì hiện Cần Thơ vẫn là địa phương có tỉ lệ ngành nghề phi nông nghiệp cao nhất.

Cơ cấu nội bộ ngành kinh tế vẫn chưa có dấu hiệu chuyển dịch theo hướng nâng cao tỷ trọng các ngành có giá trị gia tăng cao. Trong ngành công nghiệp, công nghiệp chế biến chế tạo, tuy là ngành mũi nhọn nhưng lại trong xu thế ngày càng giảm về tỉ trọng, thay vào đó là sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí ngày càng đóng vai trò quan trọng. Trong nội bộ ngành dịch vụ, hoạt động thương mại, giáo dục, y tế có xu hướng gia tăng về tỉ trọng. Tuy nhiên, hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm, và hoạt động chuyên môn KHCN trong giai đoạn 2015-2020 lại không có sự thay đổi đáng kể. Những ngành này đang là xu hướng của thế giới và Cần Thơ cần chuyển mình mạnh mẽ để có thể nắm bắt được cơ hội trong tương lai.

3. Thực trạng phát triển các ngành trọng điểm của Cần Thơ

3.1. Nông, lâm nghiệp và thủy sản

3.1.1. Về tăng trưởng

Trong giai đoạn 2011-2015, toàn ngành tăng trưởng ở mức trung bình với tốc độ 2,75%/năm. Trong giai đoạn 2011-2020, tỷ trọng GRDP ngành NLTS trong cơ cấu GRDP của Thành phố có xu hướng ngày càng giảm, từ 16% năm 2011 xuống còn 11% năm

2020. Xu hướng giảm này phù hợp với chủ trương chung của Nhà nước và định hướng của Thành phố. Động lực tạo nên sự phát triển của ngành NLTS của Cần Thơ trong giai đoạn 2011-2020 chủ yếu dựa vào nhóm ngành nông nghiệp. Theo số liệu thống kê cho thấy, GTSX nhóm ngành nông nghiệp luôn chiếm trên 70% trong tổng giá trị sản xuất của toàn ngành NLTS.

3.1.2. Nhóm ngành trồng trọt

Đây vẫn là ngành chủ lực trong nhóm ngành nông nghiệp. Các cây trồng chính bao gồm lúa, rau đậu, cây công nghiệp hằng năm, cây lâu năm.

Sản xuất lúa

Lúa vẫn là cây trồng chiếm diện tích lớn trong ngành trồng trọt, với tổng diện tích gieo cấy 214.080 ha (vụ Xuân 79,750 ha, vụ Hè Thu 75.330 ha, vụ Thu đông 59.000ha. Năng suất lúa có xu hướng tăng, chứng tỏ tính hiệu quả việc ứng dụng khoa học công nghệ cũng như chuyển đổi sản xuất sang mô hình cánh đồng lớn. Năng suất lúa cả năm thuộc nhóm cao của ĐBSCL, tuy nhiên vẫn thua các tỉnh Sóc Trăng, Hậu Giang, Đồng Tháp, An Giang.

Rau các loại

Sản xuất rau các loại: rau được xem là nhóm cây hàng năm chủ lực thứ hai của Thành phố, vừa thuận lợi luân canh với lúa, vừa phù hợp với mô hình canh tác nông nghiệp đô thị và có thị trường tiêu dùng tại chỗ. Diện tích tăng từ 8.938 ha năm 2010 lên 13.923 ha năm 2020, năng suất có xu hướng cải thiện khi đạt 13,24 tấn/ ha vào 2020 so với con số 11,66 tấn/ha năm 2010. Sản lượng rau bình quân đầu người mới đạt 153,6 kg/người/năm, thấp hơn so với mức bình quân chung của vùng ĐBSCL (225 kg/người/năm).

a. Sản xuất cây hằng năm

Diện tích giảm đáng kể trong giai đoạn 2010-2020, trong đó:

- Diện tích trồng đậu nành năm 2020 đạt 7 ha, chỉ chưa bằng 1% so với con số năm 2010. Nguyên nhân diện tích trồng đậu nành giảm là do năng suất còn thấp và hiệu quả không cao bằng làm lúa đông xuân và lúa xuân hè.

- Diện tích trồng mè đạt 7.606 ha năm 2015, gấp đôi con số năm 2010. Tuy nhiên, đến năm 2020 thì diện tích chỉ còn 2.347 ha, năng suất đạt 0,96 tấn/ha và sản lượng đạt 2.243 tấn.

Sản xuất cây lâu năm

Cây dừa: trồng phân tán trong đất vườn, diện tích giảm dần, phần lớn do chuyển qua đất trồng cây ăn quả và một phần do chuyển qua đất phi nông nghiệp. Lâu dài, diện tích trồng dừa của Thành phố sẽ còn tiếp tục giảm.

Cây ăn trái: Chúng loại cây trồng hết sức phong phú, với diện tích tăng mạnh từ 14.266 ha năm 2010 lên 21.623 ha năm 2020. Các nhóm cây trồng chính như bưởi, nhãn, chôm chôm đóng góp chính cho sự tăng trưởng này.

Thời gian qua, ngành nông nghiệp cùng các địa phương đã triển khai nhiều hoạt động cung cấp thông tin, tập huấn kỹ thuật và hỗ trợ về vốn, giống cây trồng và kết nối cung-cầu nhằm giúp người dân trồng cây ăn trái đạt hiệu quả.

Theo khảo sát, đánh giá của ngành nông nghiệp hiện nhiều diện tích trồng cây ăn trái ngon, đặc sản tại Thành phố có thể giúp nhà vườn có thu nhập từ 200-700 triệu đồng/ha/năm, cao gấp nhiều lần so với trồng lúa. Nông dân cũng xây dựng được 31 mô hình vườn cây ăn trái kết hợp phát triển du lịch sinh thái, lợi nhuận cao gấp 1,5-2 lần so với chuyên canh cây ăn trái.

3.1.3. Nhóm ngành chăn nuôi

- Chăn nuôi của Thành phố trong thời gian qua chịu tác động của dịch bệnh diễn biến phức tạp, giá thức ăn tăng nhanh và giá bán sản phẩm biến động theo chiều hướng ít thuận lợi cho người chăn nuôi, nên quy mô đàn tăng chậm và không ổn định, chiếm tỉ trọng thấp trong cơ cấu giá trị sản xuất ngành nông nghiệp.

- Đàn gia cầm: Được xem là thế mạnh của Thành phố, quy mô đàn tăng từ 1.895 ngàn con năm 2010 lên 2.127 ngàn con năm 2020.

- Đàn heo: Được xem là thế mạnh thứ hai trong chăn nuôi của Thành phố, nhưng quy mô đàn không tăng trưởng trong nhiều năm qua. Nguyên nhân chủ yếu do giá cả thức ăn công nghiệp tăng, giá bán heo hơi không ổn định, người chăn nuôi heo không có lời nên không chú trọng tái đàn, nhất là các hộ nuôi quy mô vừa và nhỏ. Một nguyên nhân khác là do ảnh hưởng của bệnh dịch tả heo Châu Phi khiến tổng đàn giảm mạnh, đặc biệt giảm nhiều trên đàn heo nái và heo nọc.

- Đàn bò: Có xu hướng giảm dần từ 4598 con năm 2015 xuống 4099 con năm 2020.

- **Các vật nuôi khác:** Ngoài các vật nuôi chính nêu trên, chăn nuôi trên địa bàn Thành phố còn có một số vật nuôi khác nhưng có quy mô không lớn và có xu hướng giảm. Nguyên nhân chính dẫn đến đàn đại gia súc của Thành phố giảm là do địa bàn chăn nuôi ngày càng bị thu hẹp, nguồn thức ăn xanh tự nhiên khan hiếm dần, việc quản lý môi trường khó khăn.

- Ngược lại, số lượng dê lại có dấu hiệu tăng trưởng nhanh chóng do chăn nuôi dê có lời cao và có thể tận dụng lá cây, cỏ trong tự nhiên để làm thức ăn, tiết kiệm chi phí tiền thức ăn. Ngoài ra, việc nhiều hộ dân ứng dụng khoa học kỹ thuật vào chăn nuôi dê cũng giúp số lượng dê tăng nhanh, mang lại thu nhập tốt cho người dân.

3.1.4. Nhóm ngành thủy sản

Thành tựu nổi bật trong nuôi trồng thủy sản của Thành phố là đã xây dựng được nhiều mô hình NTTS cho hiệu quả cao như mô hình nuôi thâm canh cá tra, cá rô, cá lóc, cá trê, cá rô phi trong ao; các mô hình nuôi kết hợp lúa – cá, lúa – tôm càng xanh, nuôi cá và nuôi tôm trong mương vườn, phù hợp với điều kiện của từng tiểu vùng, khá bền vững về môi trường.

Hiện tại các công ty chế biến thủy sản trên địa bàn TP Cần Thơ có khuynh hướng xây dựng vùng nuôi tập trung để ổn định nguồn nguyên liệu đầu vào cho nhà máy chế

biển. Ngành Nông nghiệp đang chú trọng phát triển các mô hình nuôi theo tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm nhằm đáp ứng nhu cầu thị trường và nâng cao giá trị sản phẩm hàng hóa thủy sản.

3.1.5. Nhóm ngành lâm nghiệp

- Cần Thơ không có rừng tập trung, hoạt động lâm nghiệp chủ yếu tập trung vào trồng, chăm sóc cây phân tán. Đến nay, cây lâm nghiệp phân tán toàn Thành phố là 860 ngàn cây, so với cùng kỳ giảm 5 ngàn cây. Chủ yếu trồng xung quanh vườn, lối đi...

3.1.6. Nhóm ngành thương mại nông sản

Mặc dù có lợi thế ở vị trí là trung tâm ĐBSCL nhưng việc giao thương hàng hóa nông sản vẫn chưa phát triển thực sự mạnh mẽ. Các sản phẩm thường được chuyển đến TP Hồ Chí Minh và Vũng Tàu để xuất khẩu, khiến chi phí logistic tăng cao. Ngoài ra, các thách thức chính của ngành bao gồm:

- Sản xuất manh mún chủ yếu dựa trên lực lượng nông dân, hoạt động sản xuất ở quy mô lớn chỉ chiếm 10% dẫn đến kết quả là việc sử dụng đất kém hiệu quả, hoạt động thu hoạch tự phát và ứng dụng công nghệ còn chưa rộng rãi, chất lượng nông sản không ổn định và không đồng nhất
- Chưa tập trung vào hoạt động sản xuất theo định hướng xuất khẩu khiến sản lượng trái cây và hoa màu chất lượng cao còn thấp, hạn sử dụng của sản phẩm còn ngắn và chưa có nhận thức đầy đủ về các tiêu chuẩn quốc tế.
- Sản xuất thặng dư để xuất khẩu thấp, chuỗi cung ứng còn nhiều bất cập: 45% nông sản không thể tiêu thụ được do các biện pháp xử lý sau thu hoạch còn yếu kém, thiếu hệ thống kho lạnh để bảo quản thực phẩm.
- Thiếu các chứng nhận quốc tế và công tác xây dựng thương hiệu chưa được chú trọng.

3.1.7. Phát triển nông nghiệp công nghệ cao

Hoạt động nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao khoa học kỹ thuật đến người dân được thực hiện tích cực, Thành phố triển khai thực hiện các đề tài, đề án đã được phê duyệt (đề án chuyên canh, đề án phát triển giống lúa, đề án quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản...) và chương trình khuyến nông khuyến ngư, hỗ trợ giống cây con. Kết quả, đã tạo điều kiện đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ vào sản xuất, nâng cao trình độ sản xuất của nông dân. Đến nay Thành phố đã có 173 mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo tiêu chí quy định tại Quyết định số 738/QĐ-BNN-KHCN ngày 14 tháng 3 năm 2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3.1.8. Các khó khăn, thách thức của ngành nông nghiệp

Thứ nhất, đất nông nghiệp sẽ giảm 14% vào năm 2030, do đó ngành nông nghiệp cần chuyển đổi cơ cấu đất hợp lý để nâng cao giá trị gia tăng cho ngành.

Thứ hai, các mặt hàng nông sản có giá trị gia tăng thấp. Nguyên nhân một phần là do các mặt hàng nông sản chỉ được sơ chế thô sơ, nguyên nhân khác là việc xây dựng thương hiệu nông sản còn hạn chế.

Thứ ba, biến đổi khí hậu và nước biển dâng làm cho tình trạng ngập úng và khả năng tiêu thoát nước thêm khó khăn, tình trạng hạn hán cũng như những yếu tố khí hậu bất thường khác có xu hướng tăng. Việc sử dụng phương thức canh tác truyền thống cũng như lạm dụng thuốc bảo vệ thực vật, phân bón hóa học làm giảm chất lượng đất, gây nên xói mòn, giảm độ phì nhiêu của đất.

Thứ tư, quy mô sản xuất manh mún, chủ yếu dưới dạng hộ gia đình, kinh tế hợp tác và kinh tế trang trại chậm phát triển, khối lượng sản phẩm hàng hóa làm ra phân tán. Ngoài ra, việc sản xuất manh mún khiến tốc độ cơ giới hóa chậm, dẫn đến năng suất cây trồng thấp và chưa tối ưu hóa được lợi nhuận cho nông dân

Thứ năm, công nghiệp chế biến phục vụ nông nghiệp và ngành nghề nông thôn còn chậm phát triển; liên kết giữa nhà máy chế biến, cơ sở thu mua với nông hộ trong việc tiêu thụ nông sản còn hạn chế và thiếu chặt chẽ.

Thứ sáu, chi phí hậu cần rất cao do thiếu kết nối khu vực và trung tâm hậu cần còn manh mún. Ngoài ra, việc thiếu hệ thống kho lạnh cũng gia tăng tỉ lệ lãng phí nông sản, góp phần gây nên việc chi phí hậu cần tăng cao.

3.2. Công nghiệp và xây dựng

3.2.1. Ngành xây dựng

Ngành xây dựng là lĩnh vực khá quan trọng trong nền kinh tế Cần Thơ, đóng góp 5% tổng GRDP năm 2020. Trong giai đoạn 2011-2019, ngành xây dựng tăng trưởng ở mức độ thấp với 4%/năm. Tuy nhiên, đến năm 2019-2020, GRDP giảm mạnh ở mức 27%, nguyên nhân chủ yếu là do đại dịch Covid 19 đã làm đứt gãy chuỗi cung ứng, đình trệ các hoạt động sản xuất kinh doanh.

Sau khi trở thành đô thị loại I trực thuộc Trung ương năm 2009, TP Cần Thơ đã khai thác và phát huy tốt các tiềm năng, lợi thế, đẩy nhanh quá trình xây dựng dự án phát triển đô thị “sáng, xanh, sạch, đẹp”.

3.2.2. Công nghiệp

a. Về chỉ tiêu phát triển ngành công nghiệp

- Giai đoạn 2011-2016: giai đoạn này tuy còn nhiều khó khăn do hệ quả của quá trình suy giảm kinh tế những năm trước, nhưng hoạt động sản xuất của ngành vẫn có sự gia tăng về giá trị sản xuất công nghiệp.

- Từ năm 2017 đến nay: Chỉ số sản xuất công nghiệp năm 2016 có xu hướng tăng. Năm 2020, do tác động của đại dịch Covid 19, chỉ số công nghiệp giảm 3,5% với lĩnh vực giảm mạnh nhất là công nghiệp chế biến, chế tạo (giảm 4,5%). Trong đó, các ngành dệt, may mặc, sản xuất giấy, in và sao chép bản ghi là những tiểu ngành đóng góp chính cho sự sụt giảm này.

b. Thực trạng chuyển đổi cơ cấu ngành công nghiệp

Trong giai đoạn 2011-2019, nhóm công nghiệp chế biến thực phẩm, đồ uống là nhóm ngành chiếm tỷ trọng chủ yếu trong cơ cấu công nghiệp của Thành phố với 74,4%.

Nhóm ngành sản xuất vật liệu xây dựng trong những năm gần đây đã có bước phát triển mạnh và có mức tăng trưởng khá cao, đạt bình quân 11,1%/năm trong giai đoạn 2011-2015 và khoảng 13,8%/năm giai đoạn 2016-2019.

Nhóm ngành sản xuất hóa chất và sản phẩm hóa chất có tỷ trọng khá ổn định trong cơ cấu công nghiệp TP Cần Thơ với 10,92% năm 2020, là nhóm ngành đóng góp lớn thứ hai trong giá trị sản xuất công nghiệp Thành phố.

Nhóm ngành sản xuất kim loại, máy móc, thiết bị và sản phẩm điện tử, máy vi tính cũng có bước bứt phá tăng trưởng trong giai đoạn 2016-2019, bình quân tốc độ tăng trưởng đạt 6,5%/năm, đưa nhóm lên vị trí thứ ba trong giá trị sản xuất công nghiệp Thành phố.

Nhóm ngành sản xuất trang phục dệt may, da giày và các sản phẩm có liên quan cũng có bước tăng trưởng nhanh, bình quân tốc độ tăng trưởng đạt 8,0%/năm trong giai đoạn 2011-2015 và tăng lên 15,2% trong giai đoạn 2016-2019,

Nhóm ngành sản xuất kim loại, máy móc: Tuy nhiên, trong các giai đoạn phát triển, mặc dù được quan tâm, khuyến khích định hướng phát triển, song quy mô của ngành sản xuất kim loại, máy móc, thiết bị và sản phẩm điện tử, máy vi tính của Cần Thơ vẫn chưa phát triển được như mong đợi. Trong cơ cấu ngành công nghiệp của Thành phố, đến năm 2019, tỷ trọng của ngành đã giảm xuống chỉ còn khoảng 4,53%.

Đáng chú ý, ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước có bước bứt phá tăng trưởng mạnh trong giai đoạn 2016-2019, bình quân tốc độ tăng trưởng đạt 8,5%/năm, đưa nhóm lên vị trí thứ năm trong giá trị sản xuất công nghiệp Thành phố, năm 2019 chiếm tỷ trọng 3,25%.

Ngoài ra, 02 nhóm ngành công nghiệp khác (in, sao chép bản ghi các loại) và khai thác khoáng sản đều đóng góp giá trị gia tăng công nghiệp không đáng kể trong giá trị sản xuất công nghiệp toàn Thành phố.

b. Đánh giá thực trạng một số ngành công nghiệp

❖ Công nghiệp khai khoáng

Đây là ngành không có vai trò quan trọng trong nền kinh tế TP Cần Thơ khi chỉ chiếm 0,05% GRDP vào năm 2020.

Theo quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản năm 2020, đến năm 2020, cát san lấp có 13 khu vực, tổng diện tích 633,94 ha, trữ lượng và tài nguyên 13.927.050 m³ trong đó có 8 khu vực thuộc quận Thốt Nốt, 2 khu vực thuộc quận Ô Môn, 1 khu vực thuộc quận Bình Thủy và 2 khu vực thuộc quận Cái Răng.

❖ Công nghiệp kim loại, máy móc, thiết bị

Số doanh nghiệp của nhóm sản xuất kim loại, sản xuất máy móc, thiết bị chiếm chủ yếu trong toàn ngành sản xuất kim loại, máy móc, thiết bị và sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính, với số lượng 165 doanh nghiệp/tổng số 253 doanh nghiệp của ngành.

Đóng góp đáng chú ý trong nhóm ngành sản phẩm này là các doanh nghiệp thuộc khu vực FDI, chiếm tỷ trọng 43,6% và có mức tăng trưởng bình quân 13,4%/năm trong giai đoạn 2011-2015.

Thiết bị và công nghệ sản xuất của ngành chủ yếu là ở trình độ bán tự động và tự động hóa ở một hoặc một số khâu của quy trình sản xuất.

Một số doanh nghiệp quan tâm và mạnh dạn đầu tư thiết bị, công nghệ mới khá tiên tiến, hiện đại. Trong thời gian tới, ngành này có thể được xem là ngành ưu tiên và mũi nhọn của Thành phố trong vai trò là công nghiệp hỗ trợ, tập trung phát triển cơ khí, chế tạo linh kiện và chi tiết máy, ngành công nghiệp đóng tàu không được xem là lợi thế của Thành phố.

❖ Công nghiệp chế biến thực phẩm và đồ uống

Ngành chế biến lương thực, thực phẩm có sự tăng trưởng liên tục qua các năm và chiếm tỷ trọng khá lớn trong giá trị sản xuất công nghiệp. Các sản phẩm chủ yếu bao gồm thủy hải sản, xay xát gạo, rau quả, đồ hộp xuất khẩu,...Cần Thơ ở vị trí trung tâm vùng ĐBSCL, nguồn nguyên liệu nông sản, thủy sản dồi dào, phong phú, cùng với định hướng phát triển công nghiệp trong thời gian qua là tiếp tục đẩy mạnh phát triển công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm, nhất là công nghiệp chế biến nông - thủy sản, nhằm tận dụng nguồn nguyên liệu tại chỗ, gắn liền nhà máy với vùng nguyên liệu.

Chế biến thủy sản: phát triển mạnh, sử dụng công nghệ khá tiên tiến, hiện đại, sản lượng tăng nhanh, được xem là một trong những ngành công nghiệp chủ lực của Thành phố, đóng góp từ 30% - 40% giá trị kim ngạch xuất khẩu của Thành phố.

Chế biến nông sản: Do có lợi thế về vị trí trung tâm vùng nguyên liệu trái cây rau - quả của vùng ĐBSCL, đa dạng về chủng loại và phong phú về số lượng, thêm vào đó nhiều doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực này có thị trường tiêu thụ ổn định, đặc biệt sản phẩm đã xuất khẩu đi các nước trong khu vực, thời gian qua ngành chế biến rau quả góp phần lớn trong việc tiêu thụ hàng hóa nông sản của địa phương và trong vùng, góp phần đáng kể vào sự tăng trưởng chung của ngành công nghiệp chế biến.

Chế biến và xay xát gạo: phát triển nhanh, đảm bảo nhu cầu lương thực địa phương và tham gia xuất khẩu; là ngành quan trọng góp phần đảm bảo an ninh lương thực và đóng góp hàng năm khoảng 20% - 25% tổng kim ngạch xuất khẩu toàn Thành phố.

Sản xuất đồ uống: Đến nay, trên địa bàn Thành phố Cần Thơ có khoảng 37 doanh nghiệp sản xuất trong ngành sản xuất đồ uống.

Ước năm 2020, sản lượng bia các loại của Thành phố đạt khoảng 116,5 triệu lít, giảm 13,7% so với năm 2019; nước ngọt đạt khoảng 14,1 triệu lít (năm 2019) tăng 19,6% so với năm 2018.

❖ Công nghiệp dệt may, da giày

Số doanh nghiệp đã tăng mạnh từ 43 năm 2015 lên 79 năm 2020.. Các doanh nghiệp sản xuất trang phục chiếm phần lớn các doanh nghiệp dệt may trên địa bàn Cần Thơ. Phần lớn thị trường của các doanh nghiệp dệt may tại Cần Thơ là các tỉnh Đồng

bằng sông Cửu Long . Những các doanh nghiệp dệt may tại Cần Thơ có quy mô nhỏ và siêu nhỏ nên xác định thị trường Cần Thơ là chủ yếu, các doanh nghiệp lâu năm hơn thì mở rộng sang các tỉnh ĐBSCL.

Tuy nhiên ngành dệt may đang gặp phải các thách thức khi chưa có vùng nguyên liệu trồng cây lấy sợi và ngành công nghiệp dệt may chưa được hình thành độc lập với ngành dệt may. Công nghệ dệt may một phần được nhập khẩu và một số thiết bị và máy móc khác được sản xuất và lắp ráp theo công nghệ trong nước. Trình độ công nghệ chủ yếu là bán tự động và thủ công và vẫn còn một tỷ lệ nhỏ doanh nghiệp dệt may còn gặp khó khăn trong tìm nguồn cung cấp sản phẩm hỗ trợ.

❖ Công nghiệp hóa chất

Ngành sản xuất hóa chất và sản phẩm hóa chất hiện có khoảng 127 doanh nghiệp (tăng thêm 41 doanh nghiệp so với năm 2010. Đóng góp chính cho giá trị sản xuất công nghiệp của ngành trên địa bàn Thành phố là các sản phẩm: Phân NPK, bột giặt, thuốc viên các loại, lốp xe đạp và xe máy, sản phẩm nhựa các loại, thuốc trừ sâu.

Trình độ công nghệ sử dụng trong ngành phân bón, hóa chất đa số được đầu tư mới và cơ bản đáp ứng được yêu cầu về năng suất và chất lượng sản phẩm.

Sản phẩm của ngành được tiêu thụ chủ yếu trong nước, đặc biệt một số loại sản phẩm của ngành được xem là chủ lực của Thành phố nhằm phục vụ xuất khẩu khá hiệu quả và có tính cạnh tranh cao trên thị trường như: Thuốc tân dược các loại, một số sản phẩm phân bón và bột giặt...

❖ Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa

Quy mô sản xuất : Hiện có khoảng 104 doanh nghiệp chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa, chiếm 9,93% tổng số doanh nghiệp công nghiệp của Thành phố. Chế biến gỗ là một trong những ngành có truyền thống lâu đời phát triển tại Thành phố, những năm qua do sự cạnh tranh của những sản phẩm cùng loại nhưng làm bằng vật liệu mới, giá rẻ, mẫu mã phong phú hấp dẫn, nên quy mô các cơ sở chế biến gỗ tăng chậm và có xu hướng giảm, các sản phẩm sản xuất từ gỗ như sản phẩm thủ công mỹ nghệ các loại, các sản phẩm mộc truyền thống như tủ, bàn ghế, giường... ngày càng thu hẹp.

Giá trị sản xuất và chuyển dịch cơ cấu ngành: Trong giai đoạn 2011-2019, giá trị công nghiệp của ngành có xu hướng giảm dần, đạt 1,0% tổng giá trị sản xuất công nghiệp Thành phố.

Cơ cấu giá trị công nghiệp của ngành giảm mạnh trong tổng giá trị sản xuất công nghiệp của Thành phố chủ yếu do giảm từ 02 nhóm sản phẩm là chế biến gỗ và sản xuất giấy, năm 2019 giảm 2,4 lần so với năm 2010 (riêng sản phẩm giấy các loại giảm trên 29.500 tấn so với năm 2010).

❖ Sản xuất vật liệu xây dựng

Quy mô sản xuất: Ngoài sản phẩm xi măng (03 doanh nghiệp) có đóng góp cao trong giá trị công nghiệp ngành sản xuất vật liệu xây dựng, trên địa bàn Thành phố còn có các doanh nghiệp sản xuất các sản phẩm như: Gạch ốp lát (01 doanh nghiệp), gạch không nung (02 doanh nghiệp), tấm lợp (03 doanh nghiệp)... Ước năm 2020, sản lượng

xi măng của các doanh nghiệp đạt 1,38 triệu tấn; gạch nung 68 triệu viên (Năm 2019), tấm lợp Phiro Ciment 4,68 triệu m² (Năm 2019).

Tăng trưởng ngành: Ngành sản xuất vật liệu xây dựng là ngành có mức tăng trưởng cao nhất và khá ổn định qua từng năm trong các nhóm ngành công nghiệp của Cần Thơ, bình quân tăng 11.1%/năm trong giai đoạn 2011-2015 và sang giai đoạn 2016-2019 vẫn duy trì tốc độ tăng trưởng cao, bình quân đạt 13,8%/ năm.

3.3. Thương mại và dịch vụ

3.3.1. Thương mại

Trong giai đoạn 2011-2020, ngành thương mại, dịch vụ luôn là ngành chiếm tỉ trọng lớn nhất trong cơ cấu GRDP của Cần Thơ. Năm 2020, GRDP (ghh) của khu vực này đạt 28.421 tỷ đồng, với tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm là 7% (cao hơn mức bình quân 6,7% của cả nước và 6,2% của vùng ĐBSCL).

Về động lực tăng trưởng của khu vực dịch vụ: ngành bán buôn, bán lẻ có đóng góp lớn nhất với tổng GRDP của ngành. Tổng doanh thu hàng hóa và dịch vụ đạt 82,2 nghìn tỷ đồng trong năm 2020 (giá hiện hành), tăng trưởng tốt ở mức 8,3%/năm. Việc tập đoàn Vingroup thành lập hệ trung tâm thương mại Vincom Hùng Vương, tổ hợp Vincom- Shop house Xuân Khánh, cùng với sự góp mặt của các ông lớn ngành bán lẻ khác như Lotte, Big C, Sense City, Bách Hóa xanh tạo điều kiện thúc đẩy mạnh mẽ hơn cho ngành bán lẻ ở Cần Thơ. Ngành bất động sản đóng góp thứ hai vào tổng GRDP dịch vụ của Thành phố với nhiều dự án "khủng" đã được đầu tư tại Cần Thơ như khách sạn Vinpearl, khu du lịch nghỉ dưỡng Azerai của tập đoàn Novaland, khách sạn Mường Thanh,...

a. Ngành thương mại nội địa

Giá trị và tốc độ tăng: Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng (TMBLHH&DTDVTD) của TP Cần Thơ năm 2020 đạt 109.871 tỷ đồng, tăng 10,6% so với năm 2015. Cần Thơ có TMBLHH&DTDVTD cao thứ nhất vùng ĐBSCL và là một trong những Thành phố đứng hàng đầu cả nước.

Tốc độ tăng trưởng bình quân TMBLHH&DTDVTD của TP Cần Thơ giai đoạn 2010 - 2020 đạt 12%/năm, cao hơn tốc độ tăng của cả nước (11,5%) và ĐBSCL (11,6%)

Xét theo giá trị tuyệt đối, TMBLHH&DTDVTD bình quân đầu người của TP Cần Thơ cao hơn nhiều so với mặt bằng chung của cả nước và của vùng ĐBSCL. Năm 2020, chỉ tiêu này của TP Cần Thơ đạt 88 triệu đồng/người/năm, so với cả nước và vùng ĐBSCL cao hơn lần lượt là 1,7 và 1,86 lần.

Cơ cấu:

Phân theo thành phần kinh tế: Trong giai đoạn 2010-2020, khu vực kinh tế ngoài nhà nước trong TMBLHH&DTDVTD đóng vai trò quan trọng nhất, chiếm 82 - 93% tỉ trọng.

Phân theo mặt hàng: Xét theo nhóm hàng, các nhóm ngành lương thực, thực phẩm chiếm tỷ trọng lớn nhất và không biến động nhiều theo thời gian. Đồ dùng, dụng cụ

trang thiết bị gia đình, gỗ và vật liệu xây dựng có xu hướng tăng dần qua các năm. Ô tô con có sự gia tăng cho đến năm 2019, cho thấy sự dịch chuyển nhu cầu tiêu dùng của người dân, tuy nhiên con số này lại giảm vào năm 2020 do dịch Covid-19 giảm nhu cầu di chuyển cũng như thu nhập của người dân.

c. Xuất – nhập khẩu

❖ Kim ngạch xuất khẩu và chuyển dịch cơ cấu hàng xuất khẩu

Trong giai đoạn 2011-2015, giá trị xuất khẩu hàng hóa của Thành phố Cần Thơ có tốc độ tăng trưởng bình quân 1,49%/năm, tuy nhiên đến giai đoạn 2016-2020, giá trị xuất khẩu hàng hóa đã có mức tăng trưởng cao, bình quân đạt khoảng 10,46%/năm.

Trong giai đoạn 2011-2019, trong cơ cấu mặt hàng xuất khẩu của Cần Thơ, nhóm hàng thủy sản luôn chiếm tỷ trọng cao nhất, duy trì khoảng từ 42,4 - 47,6% trong tổng giá trị xuất khẩu toàn Thành phố.

Ngoài nhóm hàng thủy sản có đóng góp cao và ổn định trong kim ngạch xuất khẩu của Thành phố, nhóm hàng nông sản cũng duy trì được tỷ lệ đóng góp khá ổn định, với tỷ trọng hàng năm khoảng từ 28,1 - 30,6% trong giai đoạn này.

Tiếp đến là nhóm hàng công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công nghiệp, với xu hướng giá trị xuất khẩu tăng dần trong giai đoạn 2010-2015 và đặc biệt năm 2016 đã có bước chuyển dịch mạnh.

Trong khi đó, nhóm hàng công nghiệp nặng đã suy giảm mạnh giá trị xuất khẩu trong giai đoạn, chỉ chiếm 4,6% trong tổng giá trị xuất khẩu năm 2016.

❖ Kim ngạch nhập khẩu và chuyển dịch cơ cấu hàng nhập khẩu

Nhìn chung, giá trị nhập khẩu hàng hóa của Thành phố trong giai đoạn 2011-2019 có mức tăng/giảm hàng năm không nhiều, trung bình đạt khoảng 435 triệu USD/năm (Năm 2020, ước đạt 485 triệu USD, tăng 3,59% so với năm 2019). Trong đó, sản phẩm nhập khẩu chủ yếu là nguyên, nhiên, vật liệu phục vụ sản xuất với giá trị hàng năm khoảng 375 triệu USD, chiếm bình quân 86,21% tổng giá trị nhập khẩu hàng năm trong giai đoạn này.

3.3.2. Dịch vụ

a. Du lịch

Về lượng khách du lịch: tổng lượt khách tham quan du lịch đến Cần Thơ giai đoạn 2010-2020 đạt 50,3 triệu lượt, mang lại tổng doanh thu về du lịch 22.268 tỷ đồng, chủ yếu tập trung vào nhóm dịch vụ ăn uống, lưu trú, lữ hành.

Số lượt khách du lịch đến tăng nhanh, với tốc độ trung bình 20 %/năm trong giai đoạn 2010-2020. Đặc biệt, vào năm 2016, việc ban hành nghị quyết Nghị quyết số 03-NQ/TU về đẩy mạnh phát triển du lịch là tiền đề quan trọng tạo lực đẩy đưa du lịch Cần Thơ phát triển.

Tuy nhiên, năm 2020, do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, số lượt khách du lịch và lượt khách lưu trú giảm lần lượt 36% và 34%, dẫn đến doanh thu giảm tương ứng 29%.

Về cơ cấu khách du lịch: Tổng lượt khách lưu trú trong tổng lượt khách giảm mạnh, từ 12% năm 2010 xuống còn 5% năm 2019, thấp hơn nhiều so với mức trung bình của cả nước là 12% và của các Thành phố trực thuộc Trung ương khác như Đà Nẵng (44%). Khách quốc tế cũng chỉ chiếm 5% tổng lượt khách vào năm 2019. Việc có lượt khách lưu trú và khách quốc tế thấp là một trong những lý do khiến doanh thu du lịch Cần Thơ chưa thực sự bứt phá (đạt 4435 tỷ đồng, bằng 1/8 Đà Nẵng dù lượt khách là gần tương đương).

Về phân khúc du khách: phần lớn lượng du khách đến Cần Thơ là khách du lịch trong nước. Thị trường chính của TP Cần Thơ nội vùng ĐBSCL, sau đó là Thành phố Hồ Chí Minh và Đông Nam Bộ. Trong tương lai, Cần Thơ sẽ mở rộng phát triển khai thác thị trường Hà Nội, Đồng bằng sông Hồng và Thành phố Đà Nẵng.

Thị trường khách du lịch quốc tế lớn nhất của Cần Thơ là: Pháp (20%), Đức (11%), Mỹ (9%), sau đó đến các quốc gia Đông Á (Trung Quốc, Đài Loan, Hàn Quốc). Trong tương lai, Cần Thơ sẽ mở rộng thêm sang thị trường Trung Đông, Ấn Độ, dòng khách này có thể khai thác theo dọc hành lang Đông Tây, sông Mê Kông.

Về chi tiêu của du khách: Mức chi tiêu của một lượt khách đến Cần Thơ năm 2019 đạt 1,09 triệu đồng, khách quốc tế đạt 2,69 triệu đồng. Con số này khá khiêm tốn khi so sánh với các Thành phố trực thuộc Trung ương khác như Đà Nẵng (3,55 triệu đồng/ lượt khách nội địa và 7,37 triệu đồng/ lượt khách quốc tế). Lí giải cho điều này, nguyên nhân chủ yếu là do Cần Thơ đang thiếu các sản phẩm du lịch có giá trị gia tăng cao, đánh vào phân khúc khách hàng cao cấp. Trong tương lai, việc nâng cấp các sản phẩm du lịch là cần thiết để giúp Cần Thơ thu hút khách hàng hạng sang, khách quốc tế, nâng cao mức độ chi tiêu của khách hàng và có sự đột phá trong doanh thu.

Về khía cạnh đầu tư: Đối với thu hút đầu tư vốn ngoài ngân sách: Trong năm 2020, Thành phố Cần Thơ phê duyệt 13 dự án, tổng vốn đầu tư 1.830,12 tỷ đồng. Trong đó, đối với lĩnh vực du lịch, Thành phố phê duyệt 02 dự án, tổng vốn đầu tư đăng ký 741,59 tỷ đồng.

Về hệ thống hạ tầng du lịch, năm 2020, toàn Thành phố có 590 khách sạn, nhà nghỉ, với gần 10076 phòng, trong đó có 02 cơ sở đạt tiêu chuẩn 5 sao, 08 khách sạn 4 sao, và 16 chợ, trung tâm mua sắm. Có 63 đơn vị lữ hành (39 đơn vị lữ hành nội địa, 24 đơn vị lữ hành quốc tế, 01 đại lý lữ hành quốc tế, 06 doanh nghiệp vận tải du lịch; có 15 khu, điểm du lịch đã được UBND Thành phố ra Quyết định công nhận là khu, điểm du lịch cấp thành phố. Tuy vậy, hệ thống kết cấu hạ tầng, cơ sở vật chất ngành du lịch thiếu đồng bộ, chưa tương xứng với tiềm năng và nhu cầu đầu tư phát triển. Ví dụ như số phòng khách sạn 4-5 sao tại Cần Thơ vẫn rất khiêm tốn so với các địa phương khác như Kiên Giang, Đà Nẵng.

Về sản phẩm du lịch: Đến cuối năm 2020, toàn Thành phố có 33 khu, điểm du lịch. Chợ nổi Cái Răng vẫn là đặc sản du lịch nổi bật nhất tại Cần Thơ, sau đó là các địa điểm như bến Ninh Kiều, nhà cổ Bình Thủy, miệt vườn ở Phong Điền. Thế mạnh sản phẩm du lịch đặc thù là sinh thái sông nước đô thị; du lịch gắn với các di tích lịch sử, văn hóa và du lịch MICE (du lịch kết hợp hội nghị, khen thưởng, sự kiện, triển lãm.

Ngoài ra, Thành phố cũng xây dựng và nâng chất các hoạt động lễ hội, sự kiện: Lễ hội Bánh dân gian Nam Bộ; Hội chợ Du lịch Quốc tế Việt Nam VITM Cần Thơ năm 2019; Trình diễn kết nối cung cầu công nghệ quốc tế; Giao lưu Văn hóa, Thương mại Việt Nam - Nhật Bản... thu hút du khách đến Cần Thơ

Về hoạt động quảng bá, xây dựng thương hiệu du lịch: Hàng năm Thành phố đã tổ chức các hoạt động xúc tiến, quảng bá trong và ngoài nước; ký kết hợp tác phát triển du lịch với một số tỉnh, Thành phố để trao đổi, tìm giải pháp tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong phát triển du lịch; liên kết, hợp tác kết nối tour đón khách du lịch từ các tỉnh, Thành phố trong nước, các quốc gia, vùng lãnh thổ đến Thành phố Cần Thơ và ngược lại; phối hợp trong công tác đào tạo, bồi dưỡng nghề, bồi dưỡng kiến thức nghiệp vụ du lịch cho nhân viên làm việc trong các cơ sở dịch vụ du lịch và tham gia các sự kiện du lịch hàng năm của mỗi bên.

Những tồn tại, hạn chế:

- Thiếu định vị thương hiệu du lịch chiến lược: mặc dù đã xác định đô thị sinh thái, sông nước là mũi nhọn nhưng hoạt động quảng bá cũng như xây dựng định vị này chưa được thực hiện một cách toàn diện và xuyên suốt. Ví dụ, các hoạt động tiếp thị còn đơn lẻ, rời rạc thay vì được kết nối với nhau trong một chiến dịch quảng bá với thông điệp rõ ràng và những hoạt động cụ thể, bổ trợ lẫn nhau ở mỗi giai đoạn.

- Sản phẩm du lịch còn đơn giản, chưa có thương hiệu; chất lượng dịch vụ còn thấp, chưa khai thác, phát huy được tiềm năng sẵn có về du lịch và các giá trị di sản văn hóa - lịch sử, tâm linh vào phục vụ du khách. Các sản phẩm làng nghề, đặc sản phục vụ và bán tại các khu, điểm du lịch còn ít, chưa phong phú, đa dạng.

- Cơ sở hạ tầng chưa phát triển tương xứng với tiềm năng du lịch: Số lượng phòng khách sạn hạng sang còn thấp, thiếu cơ sở vui chơi giải trí tầm cỡ, chưa có cảng tàu lớn để phát triển hoạt động du thuyền cao cấp, các hoạt động kinh tế đêm còn hạn chế.

- Chất lượng lao động qua đào tạo không đồng đều: Ở các đơn vị quản lý, cơ sở đào tạo, lĩnh vực, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 100%; nhưng lao động qua đào tạo ở các khu, điểm du lịch chỉ đạt 26,1% - thấp nhất trong ngành. Ở các điểm vườn, homestay, khu du lịch, hầu hết là gia đình tự quản lý, nhân viên chủ yếu là lao động phổ thông chưa qua đào tạo, hoặc bồi dưỡng nghiệp vụ du lịch.

b. Dịch vụ vận tải

Đây là ngành có vai trò đặc biệt quan trọng vào sự phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố nói chung và thúc đẩy các ngành kinh tế khác phát triển. Chẳng hạn như: thông qua việc vận chuyển hàng hóa nông sản nhanh chóng của Thành phố từ vùng nuôi, trồng đến các thị trường tiêu thụ trong và ngoài Thành phố sẽ giúp thúc đẩy phát triển kinh tế nông nghiệp.

Vận chuyển hàng hóa: Tổng khối lượng vận chuyển hàng hóa tăng trưởng ở mức thấp, với tốc độ tăng bình quân hàng năm là 3,5%. Khối lượng hàng hóa luân chuyển cũng tăng với tốc độ bình quân là 7%/năm. Cụ ly vận chuyển hàng hóa bình

quân luôn duy trì ở mức rất khá dài, khoảng từ 146 km đến 170 km. Điều này cho thấy hàng hóa chủ yếu được vận chuyển đến các tỉnh thuộc ĐBSCL.

Vận tải hàng hóa, do hệ thống đường sông đảm nhận chính khi chiếm 60% khối lượng hàng hóa vận chuyển năm 2020, sau đó là đường bộ và đường biển.

Trong tương lai, vận tải hàng không sẽ là một kịch bản khả thi để Thành phố cần nhắc khi Cảng hàng không quốc tế Cần Thơ sẽ được tiếp tục đầu tư nâng cấp, mở rộng, đáp ứng được công suất 5,0 triệu hành khách/năm và 400.000-500.000 tấn hàng hóa/năm.

Vận chuyển hành khách: Số lượng hành khách vận chuyển có xu hướng tăng qua các năm, điều này chứng tỏ dịch vụ vận tải đã ngày càng trở nên thuận tiện, dễ dàng tiếp cận hơn. với tốc độ tăng bình quân 4,9%/năm, đạt 18,5 triệu hành khách năm 2020.

Doanh thu từ hoạt động vận tải, kho bãi tăng trưởng ở mức tốt trong giai đoạn 2015-2019, mức tăng trung bình đạt 16%/năm. Tuy nhiên, vào năm 2020, do ảnh hưởng của đại dịch Covid 19, doanh thu từ hoạt động đã vận tải giảm 14%.

c. Dịch vụ logistics

Tỷ trọng đóng góp của logistics trong GRDP Cần Thơ giai đoạn 2015-2019 trung bình đạt 5,1%, tăng trưởng bình quân 3,5%/năm.

Khối lượng hàng hóa có nhu cầu cung ứng dịch vụ logistics tại TP Cần Thơ năm 2019 là khoảng 21,6 triệu tấn. Các mặt hàng chủ yếu để hình thành chuỗi logistics tại Thành phố Cần Thơ gồm có: chuỗi mặt hàng thủ công mỹ nghệ; chuỗi mặt hàng gạo; chuỗi mặt hàng nông sản; chuỗi mặt hàng thủy sản; chuỗi mặt hàng clinke, vật liệu xây dựng.

Logistics hàng không đang trong giai đoạn tiềm năng phát triển, lượng hàng hóa chưa đáng kể. – Logistics cảng biển đóng vai trò chủ đạo, năm 2019, hàng hóa thông qua hệ thống cảng biển Cần Thơ đạt 5,79 triệu tấn, chiếm 26% tổng lượng hàng hóa thông qua trên toàn Thành phố, trong đó tập trung chủ yếu trên 90% qua cảng Cái Cui. Tuy nhiên, trên thực tế ước tính trên 80% khối lượng hàng hóa trên được thông qua cảng TP Hồ Chí Minh, đặc biệt là các chuỗi có giá trị cao như thủ công mỹ nghệ, nông sản, thủy sản yêu cầu cao về xử lý và bảo quản lạnh. Trong tổng số 20% lượng hàng được xử lý tại Cảng Cần Thơ, trên 90% lượng hàng được thông qua tại cảng Cái Cui, tuy vậy do thiếu khuyết cơ sở hạ tầng đông lạnh cũng như dịch vụ xuất nhập khẩu chưa được hoàn thiện nên khả năng cạnh tranh còn thấp.

d. Thông tin và truyền thông

❖ Bưu chính

Hiện có 215 điểm phục vụ bưu chính (47 bưu cục; 49 bưu điện văn hóa xã; 13 đại lý; 22 thùng thư công cộng độc lập; 84 điểm phục vụ) đáp ứng nhu cầu của người dân ở khu vực thành thị và nông thôn. Tốc độ tăng trưởng doanh thu bình quân đạt trên 10%/năm, đảm bảo thu nhập cho người lao động; đồng thời, từng bước phát triển hệ thống bưu điện văn hóa xã trở thành điểm cung cấp dịch vụ hành chính công.

Mạng bưu chính phát triển rộng khắp trong Thành phố cung cấp các dịch vụ bưu chính truyền thống tại các bưu cục cấp 1, cấp 2 và đang đưa dần một số dịch vụ mới (chuyển phát nhanh, bưu chính ủy thác, chuyển tiền nhanh, tiết kiệm bưu điện...) vào các bưu cục cấp 3 và các điểm BĐVHX. Bán kính phục vụ là 1,44 km/điểm và bình quân 5.745 người/điểm phục vụ.

❖ Hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động

Tp. Cần Thơ hiện có 5 mạng thông tin di động, 2.035 trạm thu phát sóng, phủ sóng đến tất cả các xã phường, thị trấn trên toàn thành phố, 3 nhà mạng lớn là VNPT Cần Thơ, Mobiphone Cần Thơ, Viettel Cần Thơ đã phủ sóng 4G tại các khu vực trung tâm thành phố, quận, huyện, cung cấp dịch vụ băng thông rộng cho người dân và doanh nghiệp, đáp ứng được nhu cầu và mở rộng tiếp cận đến các thành tựu từ CMCN 4.0 gồm IoT, điện toán đám mây, thực hiện đề án đô thị thông minh, tạo cơ sở cho phát triển nhiều năm tới.

❖ Hạ tầng công nghệ thông tin

Hiện nay, Tp. Cần Thơ có 01 trung tâm Tích hợp dữ liệu do Thành phố xây dựng, vận hành, quản lý và sử dụng. Các sở, ban, ngành, UBND cấp quận, huyện, cấp phường, xã đã kết nối mạng LAN vào mạng diện rộng của Tp. Cần Thơ (CPNet) và kết nối đến Trung tâm tích hợp dữ liệu này. Hệ thống thông tin một cửa điện tử của Tp. Cần Thơ đã kết nối, liên thông 3 cấp. Cổng dịch vụ công của Tp. Cần Thơ được kết nối liên thông từ cấp Thành phố đến cấp xã và với cổng dịch vụ công quốc gia.

❖ Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý nhà nước và hoạt động kinh tế xã hội

Ứng dụng công nghệ thông tin được đẩy mạnh. Phần mềm quản lý văn bản và điều hành công việc được triển khai liên thông 4 cấp (từ Trung ương đến cấp xã, phường), tích hợp ký số. Hệ thống thư điện tử công vụ đã được triển khai cho cán bộ, công chức, viên chức trong toàn Thành phố, với 100% cán bộ, công chức, viên chức sử dụng hệ thống thư điện tử công vụ trong công việc. Việc thực hiện chữ ký số được thực hiện theo quy định.

Cổng dịch vụ công trực tuyến thành phố Cần Thơ là nơi tập trung thực hiện các dịch vụ công cho các cơ quan Sở, Ban ngành, UBND quận, huyện và UBND xã, phường thị trấn; Hiện tại, Thành phố đã triển khai 100% DVCTT mức độ 4 đủ điều kiện, với hơn 706 TTHC. Trong các cơ quan nhà nước, các hệ thống dùng chung được triển khai và khai thác sử dụng giúp công tác quản lý, chỉ đạo điều hành các cấp, các ngành.

Phát triển CSDL chuyên ngành tạo nền tảng phát triển Chính quyền số: Đã đưa vào vận hành, khai thác kết nối với hệ thống thông tin của Tp một số CSDL quốc gia như: CSDL quốc gia về đăng ký doanh nghiệp; CSDL quốc gia về bảo hiểm, CSDL hộ tịch, CSDL về thủ tục hành chính,....

❖ Hạ tầng công nghiệp CNTT và phát triển nguồn nhân lực

Thành phố có khu CNTT tập trung, quy mô 20 ha đang được đầu tư xây dựng hạ tầng theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ tại quyết định số 895/QĐ-TTg ngày

09/6/2021. Trên địa bàn hiện có hơn 600 doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực CNTT với tổng doanh thu vào khoảng 2.500 tỷ đồng, đa số các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực CNTT vẫn là các doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Thành phố Cần Thơ hiện có 05 trường đại học có đào tạo về CNTT, 01 Trung tâm Công nghệ phần mềm (trực thuộc Trường Đại học Cần Thơ) có liên kết đào tạo chương trình quốc tế như Aptech, và một số trường trung cấp. Số lượng sinh viên đang theo học năm 2020 của ngành CNTT là 7.280 sinh viên. Đáng kể là khu tổ hợp phân hiệu đại học FPT Cần Thơ và Khu công viên phần mềm FPT được xây dựng từ năm 2017 tại quận Ninh Kiều và quận Bình Thủy với mục tiêu đến năm 2025 sẽ đạt quy mô 10.000 sinh viên.

❖ **Hệ thống phát thanh-truyền hình**

Hệ thống phát thanh-truyền hình gồm 169 đài, bao phủ khắp các quận, huyện, thị trấn, xã, phường, trong đó có VTV, đài phát thanh và truyền hình Cần Thơ, 09 đài phát thanh huyện, thị trấn, xã phường. Đài Phát thanh và Truyền hình Tp. Cần Thơ là cơ quan thông tin đại chúng của Đảng bộ, chính quyền và nhân dân địa phương, có chức năng tuyên truyền, phổ biến đường lối chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

❖ **Đánh giá chung về phát triển thông tin - truyền thông**

Theo đánh giá của Bộ Thông tin và Truyền thông, Tp Cần Thơ hiện đang đứng trong nhóm dẫn đầu cả nước: về ICT index của Tp. Cần Thơ năm 2020 đứng vị trí 4/63 chỉ sau Đà Nẵng, Thừa Thiên Huế và Quảng Ninh, về chuyển đổi số (DTI) theo 3 trụ cột Chính quyền số, Kinh tế số và Xã hội số, Tp Cần Thơ xếp thứ 7/63.

Tuy vậy, cần còn hạn chế trong phân bổ không gian phù hợp cho thông tin và truyền thông, đặc biệt là hạ tầng viễn thông thụ động cũng như mức độ tích hợp, liên kết với các hạ tầng khác như: hạ tầng giao thông, xây dựng, điện, cấp thoát nước để phối hợp đầu tư 1 cách đồng bộ, chặt chẽ, quản lý sử dụng chung, dẫn đến sự lãng phí xã hội, gây mất mỹ quan, ảnh hưởng tới cuộc sống của người dân và gây nên điểm nghẽn trong phát triển ngành quan trọng này.

❖ **Ngân hàng - tài chính**

Hệ thống ngân hàng không ngừng phát triển, đến nay Thành phố có 46 tổ chức tín dụng hoạt động với 256 địa điểm có giao dịch ngân hàng. Thực hiện tốt vai trò trung gian tài chính, huy động vốn, mở rộng cho vay có hiệu quả, đáp ứng tốt các nhu cầu tiền tệ, thanh toán trên địa bàn; quan tâm tháo gỡ khó khăn đối với các doanh nghiệp, tập trung vốn cho các lĩnh vực ưu tiên như cho vay phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn, sản xuất, kinh doanh xuất khẩu, doanh nghiệp nhỏ và vừa, công nghiệp hỗ trợ. Ước đến cuối năm 2020, tổng vốn huy động đạt 90.000 tỷ đồng, gấp 3,2 lần so thực hiện năm 2011, tăng bình quân 13,9%/năm; tổng dư nợ cho vay của các ngân hàng 100.000 tỷ đồng, gấp 2,5 lần so năm 2011, tăng bình quân 10,9%/năm. Tỷ lệ nợ xấu trên tổng dư nợ của các tổ chức tín dụng trên địa bàn đã giảm, ước đến năm 2020 còn 1,80% (năm 2011 là 1,92%).

4. Thực trạng nguồn lực đầu tư phát triển và phát triển doanh nghiệp

4.1. Đánh giá thực trạng phát triển doanh nghiệp

4.1.1. Thực trạng phát triển doanh nghiệp

Đến cuối năm 2019, trên địa bàn Thành phố có gần 8.208 doanh nghiệp, tạo ra 118.573 việc làm. Khu vực kinh tế tư nhân đóng góp tích cực vào phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố, chiếm 99,2% tổng số doanh nghiệp và đóng góp 74% vốn sản xuất kinh doanh năm 2019, tăng trưởng với tốc độ 11,7%/năm. Khu vực này đã tham gia giải quyết việc làm cho hơn 99.000 nghìn lao động, góp phần quan trọng chuyển dịch cơ cấu lao động địa phương; trong đó có 37.692 lao động nữ, chiếm 80% lao động nữ của Thành phố.

Vốn sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp cũng có sự tăng trưởng ổn định giai đoạn 2015-2019. Tổng vốn sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trên địa bàn đạt 202.262 tỷ đồng vào năm 2019, tăng bình quân 7%/năm. Doanh nghiệp ngoài nhà nước và doanh nghiệp có vốn nước ngoài là động lực chính cho sự tăng trưởng này

Xét về quy mô doanh nghiệp tính theo giá trị vốn sản xuất kinh doanh, phần lớn doanh nghiệp ở Cần Thơ có quy mô nhỏ khi 78% tổng số doanh nghiệp trong năm 2019 có vốn sản xuất kinh doanh dưới 10 tỷ. Nhìn vào số vốn trung bình/ doanh nghiệp, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đang sở hữu lượng vốn lớn nhất, khi tăng trưởng từ 173 tỷ VND/ doanh nghiệp lên 250 tỷ VND/ doanh nghiệp. Vì vậy, việc thu hút những doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài là cần thiết để có thêm những doanh nghiệp lớn, làm bàn đạp thúc đẩy nền kinh tế. Đây cũng là khu vực tuy chỉ chiếm 0.4% tổng số doanh nghiệp nhưng lại cung cấp 13% trong tổng việc làm từ các doanh nghiệp vào năm 2020.

4.1.2. Đánh giá mức độ hiệu quả của hoạt động sản xuất, kinh doanh

Doanh thu từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp tăng trưởng ở mức trung bình, với 5,4%/năm, từ xấp xỉ 174 nghìn tỉ năm 2015 lên 226 nghìn tỉ vào năm 2019. Công nghiệp chế biến, chế tạo và bán buôn, bán lẻ là hai ngành có đóng góp lớn vào tổng doanh thu với tỉ trọng lần lượt là 42,5% và 43,3%. Trong giai đoạn này, có một số ngành tăng trưởng doanh thu ở mức rất ấn tượng như nông, lâm thủy sản (35,7%/năm), thông tin và truyền thông (24,9 %/năm), giáo dục và đào tạo (20,8%/năm), y tế và hoạt động xã hội (18,6%/năm).

Tuy hầu hết các ngành đều chứng kiến sự tăng trưởng của doanh thu, nhưng không phải tất cả các ngành đều tạo ra lợi nhuận. Một số ngành có sự tăng trưởng doanh thu cao, nhưng tỉ suất lợi nhuận lại ở mức thấp, thậm chí còn đạt tỉ suất lợi nhuận âm, ví dụ như ngành khai khoáng tăng trưởng doanh thu 16,5%/ năm nhưng có tỉ suất âm trong nhiều năm liên tiếp và chạm mốc -15,23% năm 2019, ngành vận tải và kho bãi, thông tin và truyền thông cũng có tỉ suất âm trong suốt giai đoạn 2015-2019. Đây là những ngành mà doanh nghiệp chưa kiểm soát chi phí hoạt động hiệu quả, khiến doanh nghiệp chịu lỗ trong nhiều năm liền.

4.1.3. Những thuận lợi, khó khăn của các doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn TP Cần Thơ

❖ Thuận lợi

Thứ nhất, Cần Thơ đã và đang tập trung cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh Thành phố, rút ngắn quy trình xử lý, giảm số lượng và đơn giản hóa nội dung hồ sơ, giảm chi phí thực hiện thủ tục hành chính cho người dân và doanh nghiệp. Công tác cải cách hành chính (CCHC) tiếp tục nâng cao về chất, từng bước khẳng định hiệu quả trong triển khai thực hiện. Các chỉ số: Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), Hiệu quả Quản trị và Hành chính công cấp tỉnh (PAPI) và Chỉ số Cải cách hành chính cấp tỉnh (PAR INDEX) đều nằm trong nhóm 15 tỉnh, Thành phố có thứ hạng cao nhất.

Việc niêm yết, công khai TTHC tại Bộ phận một cửa được sở, ngành, UBND các cấp thực hiện tốt, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân trong quá trình thực hiện TTHC. Chất lượng việc giải quyết thủ tục hành chính theo dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và mức độ 4 được nâng cao.

Thứ hai, trong giai đoạn 2018-2020, Thành phố đã thực hiện một số chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) nhằm thúc đẩy sáng tạo công nghệ trong chính nội tại địa phương và tạo mạng lưới thông tin rộng khắp đến từng doanh nghiệp.

❖ Tồn tại, khó khăn

Thứ nhất, doanh nghiệp của Thành phố chủ yếu là các doanh nghiệp nhỏ và vừa (chiếm 98%), hoạt động còn gặp nhiều khó khăn: hạn chế về khả năng tài chính, khó khăn trong việc tiếp cận tín dụng, trình độ quản trị, sử dụng công nghệ lạc hậu đã ảnh hưởng lớn đến hiệu quả hoạt động cũng như năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp. tỉ lệ này ở Hải Phòng, Đà Nẵng, Hà Nội và TP Hồ Chí Minh là 9,8-19,8-19,3-26,5.

Thứ hai, tuy có chỉ số PCI xếp thứ 12 cả nước vào năm 2020, chi phí gia nhập thị trường và tiếp cận đất đai vẫn là rào cản lớn, xếp lần lượt ở vị trí thứ 55 và 33. Nguyên nhân của hiện tượng này một phần là do TP Cần Thơ có mật độ dân số cao hơn các tỉnh lân cận dẫn đến chi phí đất đai cao hơn, cũng như việc giải phóng mặt bằng gặp nhiều khó khăn hơn.

Thứ ba, năng lực hội nhập kinh tế quốc tế còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu của các chuỗi giá trị sản xuất khu vực và toàn cầu. Một trong những vấn đề khó nhất chính là doanh nghiệp thiếu thông tin thị trường, còn yếu trong giải pháp quảng bá sản phẩm và xây dựng thương hiệu.

Thứ tư, từ đầu năm 2020, dịch bệnh viêm đường hô hấp Covid-19 tuy đã cơ bản được khống chế nhưng còn diễn biến phức tạp trên thế giới, làm cho các ngành dịch vụ, du lịch, vận tải và xuất nhập khẩu tiếp tục gặp khó khăn do chịu tác động trực tiếp của dịch bệnh, doanh nghiệp đứng trước nguy cơ thiếu nguyên liệu sản xuất, thu hẹp quy mô và tạm dừng hoạt động.

❖ Nguyên nhân

Thứ nhất, kết cấu hạ tầng vẫn chưa đáp ứng yêu cầu phát triển: Kết cấu hạ tầng thiếu và chưa đồng bộ, nhất là hệ thống hạ tầng giao thông, hạ tầng đô thị, các khu vui chơi giải trí, hạ tầng tại các khu vực dự kiến mở rộng đô thị.

Thứ hai, cơ chế, chính sách đặc thù về đầu tư, tài chính, ngân sách và phân cấp quản lý đối với Thành phố chưa đủ mạnh để tạo ra động lực mới cho phát triển, nhất là trong thu hút đầu tư. Vì Cần Thơ là Thành phố Trực thuộc Trung ương nên không được hưởng các ưu đãi về thuế suất cho doanh nghiệp, khiến Thành phố giảm sức cạnh tranh.

Thứ ba, thiếu cơ chế hợp tác và liên kết vùng hiệu quả: liên kết theo chuỗi còn ít, chưa có liên kết trong thương mại và đầu tư, chưa liên kết nhiều trong nghiên cứu phát triển thị trường và tiêu thụ sản phẩm, chưa liên kết trong xây dựng cơ sở dữ liệu chung của vùng và chia sẻ thông tin. Do vậy, tiềm năng, lợi thế, nội lực của Thành phố chưa được khai thác, phát huy đúng mức.

4.2. Huy động vốn đầu tư phát triển toàn xã hội

4.2.1. Thực trạng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội

Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội (theo giá hiện hành) trong giai đoạn 2015-2020 đạt 128,1 nghìn tỷ đồng, tăng nhẹ ở mức 2%/năm.

Năm 2020, huy động vốn đầu tư toàn xã hội đạt hơn 26 nghìn tỷ đồng, trong đó sự tham gia của: khu vực có vốn đầu tư nước ngoài là 1,9 %, khu vực ngoài nhà nước là 73,32% và khu vực nhà nước là 24,7%. So với năm 2015 (với cơ cấu tương ứng là 34,7% - 5,2% - 60%), cơ cấu vốn đầu tư năm 2020 đã có sự thay đổi lớn. Trong khi nguồn vốn đầu tư từ khu vực nhà nước và khu vực có vốn đầu tư nước ngoài có xu hướng giảm thì khu vực ngoài nhà nước lại có xu hướng tăng trưởng mạnh mẽ và trở thành nguồn vốn rất quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố.

Về đầu tư trực tiếp từ nước ngoài: Lũy kế đến cuối năm 2019, Thành phố có 86 dự án đầu tư nước ngoài với tổng vốn đăng ký 726,35 triệu USD. Con số này rất khiêm tốn khi so sánh với các địa phương khác thuộc ĐBSCL, ví dụ: Long An có 1170 dự án với tổng số vốn 7900,8 triệu USD, Kiên Giang có 60 dự án với số vốn 4802,2 triệu USD, Trà Vinh có 43 dự án với tổng vốn 3330,7 triệu USD, tính lũy kế các dự án đến cuối năm 2019. Các Khu công nghiệp Cần Thơ có 24 dự án FDI còn hiệu lực, với tổng số vốn đăng ký đầu tư là 379 triệu USD; ngoài Khu công nghiệp là 50 dự án FDI còn hiệu lực với tổng số vốn đăng ký đầu tư là 270,2 triệu USD.

4.2.2. Hiệu quả vốn đầu tư phát triển toàn xã hội

Hiệu quả vốn đầu tư toàn xã hội được đánh giá sơ bộ qua chỉ số ICOR. Theo tính toán từ nguồn số liệu niên giám thống kê Cần Thơ, hiệu quả vốn đầu tư toàn xã hội giai đoạn 2015-2020 giao động từ 5,2 – 7,1. Điều này cho thấy, ví dụ, trong năm 2019, muốn có thêm 1 đồng trong GRDP thì Thành phố cần bỏ ra 6,06 đồng vốn. Con số này cũng tương đồng với hiệu quả sử dụng vốn trung bình tại Việt Nam.

4.2.3. Tồn tại, khó khăn

- Thành phố Cần Thơ là đô thị loại I, trực thuộc Trung ương, theo quy định, các Khu công nghiệp không được hưởng những chính sách ưu đãi so với các địa phương lân cận, bên cạnh đó. Cạnh tranh trong việc thu hút đầu tư giữa các tỉnh, thành trong khu vực ngày càng gay gắt, đã tạo nên sự dịch chuyển của các nhà đầu tư sang các tỉnh lân cận, có vị trí địa lý tương đồng nhất định, nhưng tiền thuê đất và các điều kiện ưu đãi có lợi cho nhà đầu tư; bên cạnh đó, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội chưa đáp ứng kịp yêu cầu phát triển, nhất là hạ tầng giao thông, hạ tầng kỹ thuật phục vụ sản xuất kinh doanh trong và ngoài khu công nghiệp.

- Công tác xúc tiến thu hút đầu tư vào Thành phố diễn ra chậm, nhất là thu hút đầu tư nước ngoài là do địa phương thiếu quỹ đất sạch, tiến độ giải phóng mặt bằng kéo dài dẫn đến tỷ lệ giải ngân vốn đăng ký của nhiều dự án còn thấp; Hoạt động xúc tiến đầu tư còn nhiều hạn chế, phương thức xúc tiến đầu tư chưa được điều phối, đổi mới; Quá trình xúc tiến đầu tư còn dàn đều chưa có trọng tâm, trọng điểm.

- Hiệu quả tổng thể nguồn vốn đầu tư, trong đó có đầu tư nước ngoài chưa cao, các dự án chủ yếu tập trung vào lắp ráp có giá trị gia tăng thấp; dự án đầu tư vào cơ sở hạ tầng còn ít, tỷ trọng dự án đầu tư vào khu vực công nghiệp, nông nghiệp rất thấp. Trong khu vực thương mại, dịch vụ và xây dựng nhiều dự án có quy mô khá lớn song có ít dự án triển khai đúng tiến độ, gây lãng phí về đất đai, ảnh hưởng đời sống của người dân trong vùng dự án, ảnh hưởng đến môi trường đầu tư. Các dự án hiện nay chỉ tập trung tại các quận Ninh Kiều, Bình Thủy, gây mất cân đối giữa các quận huyện; không khai thác được lợi thế khác biệt của các quận huyện còn lại trên địa bàn.

- Chất lượng dòng vốn đầu tư vào Thành phố chưa cao, nguồn vốn đến từ các doanh nghiệp, Tập đoàn kinh tế lớn trong nước chiếm tỷ lệ rất thấp, trong khi đó, nguồn vốn FDI chủ yếu đến từ các nước Châu Á chưa đủ sức làm nâng cao mạnh mẽ năng lực cạnh tranh và năng lực tham gia mạng lưới sản xuất toàn cầu.

4.3. Ngân sách Nhà nước

4.3.1. Thu ngân sách

Thu ngân sách trên địa bàn Thành phố hàng năm có xu hướng tăng với tốc độ trung bình trong giai đoạn 2015-2020, từ mức 18,7 nghìn tỷ đồng năm 2015 lên 18,5 nghìn tỷ đồng năm 2020. Trong giai đoạn 2011-2020, tốc độ tăng thu ngân sách bình quân hàng năm là 8%. Năm 2020, thu ngân sách đạt mức cao nhất và chiếm khoảng 1.8 % tổng thu ngân sách cả nước.

4.3.2. Chi ngân sách

Tổng chi ngân sách giai đoạn 2015-2020 đạt 84.244 nghìn tỷ đồng. Trong cùng kỳ, mức chi ngân sách luôn thấp hơn mức thu (bằng 64% - 76%) tổng thu ngân sách chứng tỏ Thành phố đang làm tốt trong khía cạnh cân đối thu chi ngân sách.

Trong giai đoạn 2015-2020, chi cho đầu tư phát triển tăng 14,4 %/năm và chi thường xuyên tăng ở mức 6,8 %/năm. Tỷ trọng chi đầu tư phát triển có xu hướng tăng

(từ 20% năm 2015 lên 31% năm 2020) trong khi xu hướng này ở cả nước là giảm. Việc chi đầu tư phát triển giúp thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố Cần Thơ.

Chi thường xuyên chiếm cơ cấu lớn nhất trong tổng chi của TP Cần Thơ, đạt 6,34 nghìn tỉ, chiếm 34,6% vào 2020. Trong chi thường xuyên, chi cho hệ thống giáo dục chiếm tỷ trọng lớn (37%) do phần hệ thống này vẫn được nhà nước hỗ trợ. Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ luôn thấp nhất trong cơ cấu chi thường xuyên và chỉ chiếm từ 0,5% chi thường xuyên vào 2020. Với quyết tâm trở thành trung tâm khoa học, công nghệ của ĐBSCL, con số này cần được cải thiện đáng kể trong những năm tới.

II. Đánh giá về điều kiện xã hội

1. Dân cư và nguồn lực

1.1. Tổng quan về dân số

Giai đoạn 2010 - 2020, dân số của Thành phố không có sự biến đổi đáng kể, tăng nhẹ từ 1,19 triệu người lên 1,24 triệu người. Tỷ lệ tăng trưởng dân số bình quân hằng năm của Cần Thơ trong giai đoạn 2010-2020 đạt 0,4%, tuy thấp hơn con số 1,14% của cả nước nhưng lại đứng thứ 4 ở ĐBSCL. Nguyên nhân là do cả vùng ĐBSCL có tỷ lệ tăng dân số gần như bằng 0 do tỷ lệ di cư ra khỏi vùng rất lớn, đạt 1,1 triệu người trong 10 năm qua trong khi tỷ lệ nhập cư thấp nhất cả nước. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên của Cần Thơ diễn ra mạnh mẽ ở khu vực thành thị, dao động trong khoảng từ 7,5% - 12,5% / năm.

Một trong những nguyên nhân cho việc dân số ở Cần Thơ không biến động đáng kể là do tỷ suất sinh thấp. Tổng tỷ suất sinh ở Cần Thơ năm 2019 là 1,66 con/phụ nữ, thấp hơn mức trung bình toàn quốc là 2,09. Tỷ suất sinh không chênh lệch nhiều ở thành thị và nông thôn, chứng tỏ người dân đều có nhận thức rõ nét về kế hoạch hóa gia đình. Một nguyên nhân khác của việc tăng trưởng dân số thấp là do tỉ lệ di cư thuần hầu như ở mức âm, do có sự chuyển dịch lớn của người dân Cần Thơ đến các vùng đô thị khác.

Về cân bằng giới tính, Cần Thơ duy trì ổn định tỷ số giới tính là khoảng 49,6% nam và 50,4% nữ qua các năm, phần nào cho thấy nhận thức, tư duy của người dân không còn nặng nề về lựa chọn giới tính.

1.2. Chất lượng dân cư và chất lượng lao động

Cần Thơ đang trong thời kỳ “dân số vàng”¹⁰, trong đó năm 2019, tỷ trọng nhóm dân số trong độ tuổi lao động chiếm 72% so với mức trung bình cả nước là 58%. Tại Cần Thơ, với 2,6 người trong độ tuổi lao động lo cho một người phụ thuộc, đây chính là cơ hội cho phát triển kinh tế - xã hội nếu có các chính sách phù hợp về phát triển nguồn nhân lực.

Năm 2020, lực lượng lao động trong độ tuổi từ 15 tuổi trở lên của Cần Thơ là 716.782 người (chiếm 58% tổng dân số toàn Thành phố).

Theo đánh giá sơ bộ, chất lượng dân số Thành phố được thể hiện trên 04 khía cạnh sau:

- **Về thể chất và sức khỏe (thể hiện năng lực về sức mạnh thể chất của cộng đồng):** nhìn chung nhóm chỉ tiêu này là tốt so với mặt bằng chung của cả nước. Cụ thể: tuổi thọ trung bình năm 2020 đạt 76 tuổi, cao hơn mức trung bình của cả nước và ĐBSCL, tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng và thấp còi thấp hơn so với con số cả nước.

- Về trí tuệ, học vấn, trình độ chuyên môn kỹ thuật và tay nghề (thể hiện năng lực về trí tuệ thông qua trình độ học vấn và tay nghề trong hoạt động sản xuất kinh doanh). Nhóm chỉ tiêu về tỷ lệ đi học đúng độ tuổi tương đối cao. Năm học 2019-2020, tỷ lệ tốt nghiệp trung học phổ thông đạt 98,8%. Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên biết chữ trên địa bàn Thành phố là trên 97,2% (mức trung bình cả nước là 94,8%).

Hiện nay, công tác phát triển nhân lực của Thành phố cũng đã được các cấp, các ngành chú trọng. Công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đã đạt được những bước tiến quan trọng cả về số lượng và chất lượng ở nhiều lĩnh vực hoạt động. Tỷ lệ lao động qua đào tạo của Cần Thơ tăng từ năm 11,73% năm 2010 lên 20,6 % năm 2020, cao hơn trung bình của ĐBSCL là 14,85%. Tuy nhiên, vẫn còn một khoảng cách lớn giữa Cần Thơ và các Thành phố lớn khác trong tỉ lệ lao động qua đào tạo.

- **Về tinh thần, đời sống văn hóa và gắn kết cộng đồng (thể hiện năng lực về lối sống, văn hóa, quan hệ và cách ứng xử cộng đồng)** cao hơn so với mặt bằng chung cả nước. Chỉ tiêu tỷ lệ hộ nghèo tiếp cận đa chiều năm 2020 của Thành phố mức thấp hơn so với mức trung bình của cả nước (1,98 % so với cả nước là 4,8 %) và thu nhập bình quân/tháng cũng cao hơn nhiều so với mặt bằng chung cả nước, đạt 5,03 triệu đồng so với mức 4,24 triệu đồng của cả nước (2020).

- **Về cơ cấu lao động:** Hiện nay, số lượng lao động tham gia sản xuất nông nghiệp có xu hướng giảm đáng kể. Năm 2020, còn khoảng 26% lực lượng lao động tham gia sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp, 22,1% lực lượng lao động trong lĩnh vực công nghiệp - xây dựng, và 48,6% lao động tham gia lĩnh vực dịch vụ.

2. Bản sắc văn hóa

Ngoài ra, theo như nghị quyết số 59-NQ/TW, cần chủ trương xây dựng hình ảnh người Cần Thơ “Trí tuệ - Năng động - Nhân ái - Hào hiệp - Thanh lịch”, với những tiêu chuẩn chung theo kế hoạch 61/KH-UBND như yêu quê hương, đất nước; tuân thủ hiến pháp; chuyên cần học tập, lao động có kỉ luật,..

Với đặc thù của một đô thị sông nước, thành phố Cần Thơ là nơi hội tụ văn hóa sông nước vùng ĐBSCL. Nét độc đáo tự nhiên và cảnh quan văn hóa của Cần Thơ là mạng lưới kênh rạch chằng chịt, bao quanh là các cộng đồng dân cư sinh sống bằng nghề trồng lúa, làm vườn, đánh bắt thủy sản. Nét đặc trưng của thành phố Cần Thơ là sự hòa quyện giữa văn hóa và văn minh đô thị với văn hóa và văn minh miệt vườn, tạo nên một tổng thể văn hóa của đất và người Cần Thơ.

3. Tài nguyên du lịch

Các tài nguyên, thế mạnh phát triển du lịch của Cần Thơ chủ yếu gắn với yếu tố đô thị, với sự hình thành và phát triển của Cần Thơ, với truyền thống văn hóa sông nước, miệt vườn đặc sắc của vùng đồng bằng sông Cửu Long.

III. Đánh giá thực trạng các ngành và lĩnh vực xã hội

1. Thực trạng dân số, lao động, việc làm và đô thị hóa

1.1. Thực trạng dân số và phân bố dân cư

Dân số Cần Thơ năm 2020 đạt 1.22 triệu người, chiếm 7,1% dân số của ĐBSCL. Tốc độ tăng trưởng dân số chỉ đạt 0,4%/năm trong khoảng từ 2010-2020, thấp hơn nhiều so với mức trung bình của cả nước là 1,14%. Đây cũng là vấn đề chung của cả ĐBSCL.

Mật độ dân số trung bình của Thành phố dao động từ 829 người/ km² (năm 2010) đến 862 người/km² (năm 2020). Dù được xếp hạng là đô thị loại I nhưng Cần Thơ vẫn chưa đáp ứng được tiêu chí về mật độ dân số bởi theo quy định, đô thị loại I cần có quy mô toàn đô thị đạt 2000 người/km² và khu vực nội thành tính trên diện tích đất xây dựng đô thị đạt từ 10.000 người/km² trở lên.

Dân số TP Cần Thơ có sự phân bố không đều, vùng có mật độ dân cư tập trung cao nhất là quận Ninh Kiều (khoảng 9741 người/km²), quận Bình Thủy (khoảng 2035 người/km²) và nơi có mật độ dân số thấp nhất là huyện Vĩnh Thạnh (khoảng 317 người/km²) và huyện Cờ Đỏ (khoảng 362 người/km²).

Hiện nay, Cần Thơ có bốn nhóm dân tộc chính sinh sống, bao gồm dân tộc Kinh, Hoa, Khmer, Chăm. Dân tộc Kinh chiếm đa số với 97,5%, sau đó là dân tộc Khmer với 1,6%, dân tộc Hoa 0,9% và người Chăm 0,02%.

Về tôn giáo, có 24% dân số Cần Thơ theo tôn giáo, với các tôn giáo chính là Phật giáo, Phật giáo hòa hảo. Các tôn giáo hoạt động bình thường, ổn định, có mối quan hệ gắn bó với chính quyền địa phương, tạo điều kiện thuận lợi trong việc tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách pháp luật của Nhà nước.

1.2. Thực trạng đô thị hóa

Mặc dù quá trình đô thị hóa của TP Cần Thơ đang chững lại trong những năm gần đây nhưng điều đó có thể được lí giải bởi việc Cần Thơ đã có tỉ lệ dân số sống ở thành thị của TP Cần Thơ đạt mức rất cao, trong khi tỉ lệ của vùng ĐBSCL đạt 25,1% và tỉ lệ của cả nước đạt 24,4%. Việc có 70% dân cư sinh sống ở đô thị sẽ tạo điều kiện cho Cần Thơ phát triển các ngành phi nông nghiệp.

1.3. Thực trạng lao động và việc làm

Số lượng lao động: Năm 2020, lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên của Cần Thơ là 716.782 người, chiếm 58 % tổng dân số, trong đó lao động có việc làm là 693.317 người.

Cơ cấu lao động: Lực lượng lao động làm việc trong 03 ngành kinh tế có sự chuyển dịch, theo đó cơ cấu lao động giữa ngành từ nông – lâm - thủy sản, công nghiệp – xây dựng và thương mại - dịch vụ năm 2015 và 2019 lần lượt là: 35,7% - 20,9% - 41,6% và 26% - 22,1% - 48,6%. Có thể thấy, cơ cấu lao động đang chuyển dịch rõ rệt từ nông - lâm - thủy sản sang thương mại-dịch vụ.

Một trong những vấn đề lớn nhất về lao động và dân cư mà Cần Thơ gặp phải là lao động xuất cư nhiều hơn nhập cư. Đây cũng là thách thức chung của cả ĐBSCL khi

tỉ lệ di cư thuần của vùng đạt -10,5 % năm 2020, thấp nhất cả nước. Theo Báo cáo “Di cư và đô thị hóa ở Việt Nam: Thực trạng, xu hướng và những khác biệt”. Dòng di cư giữa các vùng lớn nhất là từ vùng Đồng bằng sông Cửu Long đến vùng Đông Nam Bộ. Một trong những lí do có thể giải thích cho tỉ lệ di cư cao ở Cần Thơ là sự chênh lệch cung cầu trong lao động - thiếu cơ hội việc làm kĩ năng cao tại địa phương cho sinh viên tốt nghiệp đại học, cao đẳng và buộc những lao động này phải tìm việc làm tại các tỉnh thành khác. Nguyên nhân cốt lõi là do cơ sở hạ tầng ở ĐBSCL còn kém phát triển, dẫn đến việc khó thu hút các nhà đầu tư lớn, các khoản đầu tư FDI, do vậy dẫn tới hiện tượng thiếu việc làm. Ngoài ra, chất lượng cuộc sống cũng là một yếu tố quan trọng khiến việc di cư tại ĐBSCL trở thành một vấn nạn. Cơ sở hạ tầng chưa được đồng bộ, hiện đại hóa, thiếu sự tiếp cận với dịch vụ xã hội chất lượng cao cùng với việc phải chịu những hậu quả nặng nề của biến đổi khí hậu, khiến nhiều người dân phải di cư để cải thiện điều kiện sống.

Chất lượng lao động: Trong giai đoạn 2011-2020, chất lượng lao động trên địa bàn Thành phố Cần Thơ không có bước chuyển biến đáng kể. Năm 2020, trong số lực lượng lao động đang làm việc và đóng góp vào nền kinh tế, chỉ có 20,6% lao động đã qua đào tạo. Mặc dù tỉ lệ này ở mức cao so với vùng nhưng vẫn cần cải thiện nhiều để bắt kịp các Thành phố lớn khác như Hà Nội (48,5%), Đà Nẵng (44%), TP Hồ Chí Minh (38,7%), Hải Phòng (34,7%).

Năng suất lao động theo phân ngành kinh tế: mặc dù năng suất lao động khu vực I có xu hướng tăng nhẹ từ 21 triệu đồng/lao động năm 2015 lên 27 triệu đồng/lao động năm 2020 (gss) nhưng vẫn là khu vực có năng suất lao động thấp nhất. Năng suất lao động ở khu vực II và khu vực III cũng có xu hướng tăng ở tốc độ chậm. Cụ thể, năng suất lao động khu vực II tăng từ 85 triệu đồng/lao động năm 2015 lên 112 triệu đồng/lao động năm 2020 (tăng 7%/năm); và tương tự, năng suất lao động khu vực III tăng từ 66 triệu đồng/lao động lên 81 triệu đồng/lao động (tăng 5%/năm). Như vậy, để nâng cao năng suất xã hội của Cần Thơ trong thời gian tới thì yêu cầu đặt ra là phải chuyển dịch nhanh cơ cấu lao động, chuyển lao động nông nghiệp sang phi nông nghiệp và đồng thời củng cố việc đào tạo lao động.

Việc làm: Tổng số lao động trong ngành Nông lâm thủy sản đã giảm 71,749 lao động từ 2015 - 2020. Thay vào đó, ở lĩnh vực CN-XD, số lao động tăng thêm là 7136 người, trong đó lao động ngành chế biến chế tạo tăng 11.879 và ngành xây dựng giảm 2696 lao động. Điều này cho thấy vai trò của ngành công nghiệp – xây dựng trong việc hấp thu lao động từ ngành nông nghiệp trong thời gian qua là rất hạn chế. Trong số ba lĩnh vực, dịch vụ là ngành có thành tích ấn tượng nhất về tạo ra việc làm, với lực lượng lao động tăng thêm 47.854 người và một nửa trong số đó đến từ khối thương nghiệp, nhà hàng, khách sạn.

Hiệu quả sử dụng lao động: Tỉ lệ thất nghiệp và tỉ lệ thiếu việc làm của Cần Thơ đều hiện cao hơn mức trung bình của cả nước. Tỉ lệ thất nghiệp năm 2020 hiện là 3,6% so với cả nước là 2,48%; tỉ lệ thiếu việc làm là 2,75% so với cả nước là 2,52%. Có thể thấy vấn đề cốt lõi ở đây là có một bộ phận lao động mong muốn có việc làm, mong

muốn được làm nhiều giờ hơn/ làm công việc có kỹ năng cao hơn nhưng chưa được đáp ứng. Vì vậy, việc thu hút doanh nghiệp, tạo thêm nhiều việc làm, đặc biệt là việc làm có chuyên môn là yêu cầu thiết yếu đối với Thành phố Cần Thơ.

Chính sách dạy nghề và giải quyết việc làm: Thực hiện hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động nông thôn và thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an, thanh niên tình nguyện hoàn thành nhiệm vụ thực hiện chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn Thành phố Cần Thơ theo Nghị quyết số 12/2015/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân Thành phố Cần Thơ ban hành ngày 14/12/2015 về hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động nông thôn và các đối tượng chính sách xã hội khác đến năm 2020 trên địa bàn Thành phố Cần Thơ.

1.4. Mức sống và an sinh xã hội

Thu nhập bình quân đầu người: Con số này của Cần Thơ đã có bước nhảy vọt, từ 1,54 triệu đồng năm 2010 lên 5,03 triệu đồng năm 2020, tăng hơn 3,3 lần. Con số này cũng cao gấp 1,3 lần so với khu vực ĐBSCL và 1,2 lần so với cả nước, và gần tương đương với các đô thị khác như Hải Phòng và Đà Nẵng. Có thể thấy, mức sống của người dân TP Cần Thơ đã có sự cải thiện đáng kể trong nhiều năm qua.

An sinh xã hội và giảm nghèo: Các chính sách, dự án giảm nghèo tích cực triển khai, công tác nhân rộng các mô hình sinh kế, tăng thu nhập, giảm nghèo được Thành phố quan tâm và thực hiện có hiệu quả, giúp hộ nghèo, hộ cận nghèo tiếp cận và nâng cao thu nhập.

Giai đoạn 2016-2020, tỷ lệ hộ nghèo của Cần Thơ đều có xu hướng giảm. Tỷ lệ nghèo đa chiều năm 2016 là 5,12% giảm xuống còn 1,98% năm 2020.

2. Thực trạng phát triển các ngành thuộc lĩnh vực xã hội

2.1. Giáo dục và đào tạo

Nhìn chung, ngân sách cho đầu tư cho giáo dục, đào tạo luôn được Thành phố quan tâm hàng năm. Ngân sách chi cho sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề chiếm khoảng 37 % tổng chi thường xuyên.

2.1.1. Công tác quy hoạch, sắp xếp hệ thống trường lớp

So với năm 2011, giáo dục mầm non hiện có 171 trường, tăng 40 trường; giáo dục phổ thông 275 trường, tăng 07 trường; 09 trung tâm giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên quận/huyện, 01 trung tâm giáo dục thường xuyên - kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp Thành phố và 01 trung tâm Ngoại ngữ - Tin học có 83/83 xã, phường, Thị trấn có trung tâm học tập cộng đồng (HTCĐ).

2.1.2. Công tác phổ cập giáo dục

Công tác xã hội hóa giáo dục đã huy động được nhiều nguồn lực tham gia đóng góp vào sự nghiệp giáo dục và đào tạo và công tác xóa mù chữ, phổ cập giáo dục. Kết quả: 9/9 quận, huyện với 83/83 xã, phường, Thị trấn đảm bảo các tiêu chuẩn công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu

học mức độ 2, đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học ở mức độ 3, đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 2, xóa mù chữ mức độ 2.

2.1.3. Giáo dục các cấp

a. Cấp mầm non

Thực hiện chương trình giáo dục mầm non lấy trẻ làm trung tâm, tổ chức các hoạt động hình thành kỹ năng cho trẻ, chú trọng đảm bảo an toàn cho trẻ. Tỷ lệ huy động trẻ mẫu giáo ước đạt 99,1% (KH: 99,1%) vào cuối năm học 2021-2022. Khảo sát về mức độ hài lòng của phụ huynh về giáo dục mầm non tại Thành phố Cần Thơ năm 2019, 99,3% đánh giá hài lòng, rất hài lòng về dịch vụ giáo dục nói chung của nhà trường mầm non. Điều đó cho thấy thành quả của Thành phố trong việc xây dựng một môi trường giáo dục chất lượng cho trẻ em,

b. Cấp tiểu học

Tỉ lệ học sinh đúng tuổi duy trì ở mức 100% trong nhiều năm qua, tuy nhiên số giáo viên lại có xu hướng giảm từ 4.590 giáo viên năm 2015 xuống 4.349 năm 2020 trong khi số học sinh không thay đổi. Điều này dẫn đến việc tỉ lệ số học sinh/giáo viên tăng và có thể phần nào ảnh hưởng đến chất lượng giảng dạy nên cần có chính sách để duy trì số lượng giáo viên ổn định. Số học sinh/lớp học là 31,5 vào năm 2020-2021, thấp hơn nhiều so với con số ở các Thành phố lớn khác, như Hà Nội (40). TP Hồ Chí Minh (39,4), Hải Phòng (37), Đà Nẵng (35,3).

c. Cấp Trung học cơ sở (THCS)

Một trong những nhiệm vụ chính của giáo dục THCS là phân luồng học sinh sau trung học cơ sở. Một trong những mục tiêu đã đề ra trong quy hoạch giáo dục số 107/QĐ-UBND là đến năm 2020, có khả năng tiếp nhận 15% học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở và trên 20% số học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông vào học ở các cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Tuy nhiên, tỷ lệ phân luồng học sinh vào các cơ sở giáo dục nghề nghiệp năm 2010 là 5,77%; năm 2015 là 6,32% và năm 2018 chỉ có 2,91%. Nguyên nhân là tâm lý chuộng bằng cấp của xã hội và học sinh thiếu thông tin về nhu cầu thị trường lao động.

d. Cấp Trung học Phổ thông (THPT)

Bậc THPT là một cấp học rất quan trọng để gia tăng nguồn cung lao động ở bậc phổ thông. Tuy nhiên, hiện nay, Cần Thơ đang đi sau về số lượng học sinh nhập học ở bậc THPT, với chỉ 61% so với trung bình cả nước là 68%, tỉ lệ trường THPT đạt chuẩn quốc gia cũng chỉ đạt 58%, thấp nhất trong các cấp học ở Cần Thơ. Vì vậy, việc chú trọng đầu tư thêm vào giáo dục THPT là thiết yếu để có nguồn đầu vào chất lượng cho lao động bậc phổ thông (đào tạo nghề, cao đẳng) cũng như lao động có trình độ cao.

Tuy nhiên, trong nhiều năm qua, Cần Thơ cũng đã đạt nhiều thành tích ấn tượng trong giáo dục phổ thông, đơn cử là vào Kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia trung học phổ thông năm 2019, Cần Thơ có 01 giải Nhất, 03 giải Nhì, 05 giải Ba và 08 giải Khuyến khích. Tham gia Ngày hội Lập trình Wecode quốc tế và Robothon quốc tế 2018 tổ chức

tại Thảm Quyển Trung Quốc, HS TH Thành phố Cần Thơ đã đạt 01 giải Vô địch và 01 giải Nỗ lực lập trình quốc tế Wecode.

e. Giáo dục nghề nghiệp (sơ cấp, trung cấp, cao đẳng)

Đến thời điểm hiện tại trên địa bàn Thành phố có 77 cơ sở GDNN, trong đó 13 trường cao đẳng (trong đó có 04 trường CĐ đặt cơ sở tại Cần Thơ), 10 trường trung cấp (trong đó có 01 phân hiệu), 21 trung tâm GDNN và 33 cơ sở khác có dạy nghề.

Tuy nhiên, tình trạng “thừa thầy, thiếu thợ” được thể hiện rõ ở việc số học sinh trung cấp không biến động nhiều trong thời gian qua. Số học sinh theo học trung cấp chuyên nghiệp tăng từ 9.084 năm 2015 lên 13.581 năm 2018 nhưng sau đó lại giảm xuống còn 9.443 năm 2020. Số sinh viên cao đẳng có xu hướng giảm mạnh từ 12.556 năm 2015 xuống 5.079 năm 2020.

f. Giáo dục Đại học

Về giáo dục đại học, Cần Thơ hiện đang là trung tâm giáo dục của khu vực ĐBSCL với nhiều trường đại học chất lượng cao: Trường Đại học Cần Thơ là trường nổi bật nhất, xếp hạng thứ 1 quốc gia về đào tạo nông nghiệp.

Bên cạnh các trường công lập thì các trường tư cũng đang nắm lợi thế về cơ sở vật chất hiện đại cũng như mối liên kết chặt chẽ với các doanh nghiệp: như trường Đại học Tây Đô đã ký thỏa thuận cung cấp sinh viên tốt nghiệp cho 300 doanh nghiệp, trường đại học Nam Cần Thơ tập trung đẩy mạnh mô hình “Doanh nghiệp trong trường đại học”.

Trong giai đoạn 2015-2020, số lượng sinh viên tăng từ 52.000 sinh viên lên 81.000 sinh viên, với tốc độ bình quân 9%/năm. Tỷ lệ sinh viên/10000 dân tăng từ 435 lên 653, cao gấp 3 lần tỷ lệ này của toàn quốc năm 2020. Tuy nhiên, như đã đề cập ở trên, hiện tại, số lượng việc làm có trình độ cao (đại học trở lên) đang khan hiếm, điều này dẫn đến việc mất cân bằng cung-cầu trong lao động trình độ cao và buộc những lao động này phải di cư đến các Thành phố khác để tìm kiếm việc làm.

2.1.4. Đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục

Hiện tại, trên địa bàn Thành phố có 17.826 giáo viên từ bậc mầm non đến bậc THPT.

Tổng số nhà giáo cơ hữu và cán bộ quản lý tham gia giảng dạy tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn Thành phố đến cuối năm 2020 là 915 người, tuy nhiên, con số này đang có xu hướng giảm, và chủ yếu diễn ra ở khối trung cấp. Hiện tượng này sẽ phần nào ảnh hưởng đến chất lượng dạy học, mang đến tâm lý e ngại cho sinh viên với khiến việc đào tạo nghề ở bậc trung cấp ngày càng khó thu hút học viên hơn.

2.1.5. Cơ sở vật chất trường học

Năm 2018, Thành phố đầu tư trang thiết bị dạy học đảm bảo thực hiện nhiệm vụ năm học là 62,1 tỷ đồng, trong đó kinh phí hỗ trợ cho các trường đạt chuẩn quốc gia theo danh mục và tái chuẩn là 40 tỷ đồng. Việc xây dựng cơ sở vật chất đảm bảo yêu cầu trường đạt chuẩn quốc gia, kết hợp với việc xây dựng xã nông thôn mới theo chỉ tiêu kế hoạch Thành phố giao hàng năm được chú trọng.

Ngoài ra, Thành phố đang tiếp tục thực hiện rà soát, xác định thực trạng và nhu cầu về cơ sở vật chất và thiết bị dạy học cho từng địa phương; xây dựng kế hoạch tổng thể triển khai công tác cơ sở vật chất, thiết bị trường học đồng bộ với lộ trình thực hiện đổi mới chương trình giáo dục phổ thông.

2.1.6. Nâng cao trình độ Tiếng Anh và hợp tác quốc tế

Triển khai thực hiện có hiệu quả kế hoạch thực hiện Đề án dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân trên địa bàn đến năm 2020. Số HS tiểu học được học Tiếng Anh tăng 8,46% so với cùng kỳ năm học trước.

Triển khai chương trình i-Learn giảng dạy tại 09 trường thuộc 03 quận, huyện với 6.038 HS tham gia (tăng 1.286 HS); chương trình ISMART - dạy Toán và khoa học bằng tiếng Anh ở 03 trường thuộc quận Ninh Kiều với 1.186 học sinh.

Ngoài ra, để đưa giáo dục Thành phố gần hơn với chuẩn quốc tế cũng như chuẩn bị cho các em học sinh hành trang cần thiết để trở thành công dân toàn cầu, Thành phố Cần Thơ có 01 trường quốc tế có 100% vốn đầu tư của nước ngoài: Trường Phổ thông Quốc tế Singapore với cả 3 cấp học: Tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông.

2.1.7. Ứng dụng CNTT trong quản lý giáo dục

Tiếp tục triển khai Kế hoạch số 148/KH-UBND ngày 22 tháng 9 năm 2017 của UBND Thành phố thực hiện Đề án đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và hỗ trợ các hoạt động dạy-học, nghiên cứu khoa học góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2025 trên địa bàn Thành phố Cần Thơ; trong đó tập trung xây dựng Đề án Giáo dục thông minh cho toàn ngành giáo dục và đào tạo Thành phố phục vụ Đề án xây dựng Thành phố thông minh của Thành phố Cần Thơ.

Trang bị 27 phòng học trực tuyến với chức năng tổ chức thao giảng, hội giảng, họp giao ban, tập huấn trực tuyến tại 27 trường trung học phổ thông trực thuộc. Các phòng học trực tuyến giúp việc tổ chức hoạt động chuyên môn thuận lợi, tiết kiệm thời gian, kinh phí đi lại của đội ngũ nhà giáo.

2.2. Y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân

2.2.1. Hệ thống cơ sở y tế

Tuyến thành phố hiện có 02 Bệnh viện Đa khoa và 11 bệnh viện chuyên khoa; tuyến quận, huyện có 03 bệnh viện đa khoa quận, huyện, 04 Trung tâm Y tế đa chức năng và 05 Trung tâm Y tế một chức năng. Trạm y tế xã, phường, thị trấn, có 80 trạm y tế, 100% đạt bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn 2011 – 2020. Ngoài ra còn có 05 đơn vị y tế thuộc Bộ ngành, Trung ương trên địa bàn; 06 bệnh viện tư nhân quy mô từ 10 đến 400 giường bệnh. Số giường bệnh/10.000 dân năm 2019 đạt 49,9 cao hơn mức trung bình toàn quốc là 29 và cao hơn các TP trực thuộc trung ương khác như Hà Nội (26,7), Hải Phòng (33,4), TP Hồ Chí Minh (42,7).

Hiện tại, Cần Thơ đang giữ vai trò là trung tâm y tế của ĐBSCL khi có đến 36% -46% trong tổng số lượng bệnh nhân đến chữa bệnh tại các bệnh viện trong Thành phố

giai đoạn 2013-2019 đến từ các địa phương ngoài Cần Thơ. Tuy nhiên, hiện tại, sự đóng góp của khu vực tư vào hệ thống y tế còn hạn chế khi năm 2019, có đến 5.419 giường bệnh thuộc về khu vực công, còn khu vực tư chỉ có 750 giường. Trong tương lai, để đẩy mạnh vai trò của Cần Thơ với vị thế trung tâm y tế của ĐBSCL thì việc thúc đẩy sự tham gia của khu vực tư là thiết yếu nhằm giảm gánh nặng cho khu vực công cũng như đa dạng hóa dịch vụ khám chữa bệnh cho người dân.

2.2.2. Công tác khám chữa bệnh

Những năm qua, Cần Thơ phát triển mạnh y tế dự phòng, thực hiện tốt công tác giám sát, phát hiện dịch, các vùng có nguy cơ tiềm ẩn dịch được không chế, dập tắt, không để dịch lan rộng, đặc biệt là sốt xuất huyết, hạn chế tối đa bệnh tật và tử vong gây ra.

Nhiều bệnh viện tuyến Thành phố hiện đang từng bước trở thành các bệnh viện tuyến trên, tiếp nhận và điều trị cho nhiều bệnh nhân đến từ các tỉnh, thành trong khu vực như Bệnh viện Đa khoa Thành phố, Nhi đồng, Ung bướu, Phụ sản.

Các cơ sở khám chữa bệnh trực thuộc thực hiện tốt quy chế chuyên môn, đảm bảo các quy trình kỹ thuật trong khám chữa bệnh đồng thời tăng cường công tác khám chữa bệnh và quản lý quỹ bảo hiểm y tế.

2.2.3. Công tác đảm bảo vệ sinh, an toàn thực phẩm

Công tác bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm được chú trọng. Hoạt động tuyên truyền thời gian qua tập trung vào việc phổ biến chính sách pháp luật về quản lý chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm, nâng cao nhận thức và ý thức chấp hành pháp luật của người sản xuất kinh doanh, người tiêu dùng thực phẩm; tập huấn kiến thức cho người chế biến, kinh doanh thực phẩm. Công tác truyền thông còn được tăng cường trong những thời gian cao điểm như tháng hành động về chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm trong những ngày lễ, tết hoặc những thời điểm dễ xảy ra dịch bệnh...

Các chỉ tiêu về lĩnh vực vệ sinh an toàn thực phẩm đều đạt. Tuy nhiên, thỉnh thoảng xảy ra vài vụ ngộ độc ở qui mô nhỏ trên địa bàn, ngành đã kịp thời xử lý, hầu hết các nguyên nhân do nhiễm vi sinh vật.

2.2.4. Công tác dân số

Công tác Dân số - Kế hoạch hóa gia đình: Thực hiện tốt các lĩnh vực về quy mô dân số, cơ cấu dân số và chất lượng dân số; chỉ đạo và tổ chức thực hiện tốt các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ về Dân số - Kế hoạch hóa gia đình trên địa bàn thành phố. Tham mưu và thực hiện các chương trình, đề án về Dân số-Kế hoạch hóa gia đình của thành phố. Các chỉ tiêu về lĩnh vực Dân số-Kế hoạch hóa gia đình đều đạt và vượt.

2.2.5. Nhân lực ngành y tế

Nhân lực y tế được tăng cường; tỷ lệ bác sĩ/10.000 dân tăng từ 10,16 lên 16,70 (ước năm 2020), vượt chỉ tiêu kế hoạch đề ra (đến năm 2020 đạt 12,59) và cao hơn nhiều so với mức trung bình của toàn quốc (8,6); 100% trạm y tế có bác sĩ; 100% số ấp, khu

vực, khu dân cư có ít nhất là 01 nhân viên y tế (toàn quốc là 95% số thôn bản có nhân viên y tế).

Ủy ban nhân dân Thành phố đã ban hành Quyết định số 2629/QĐ-UBND ngày 16/8/2016 phê duyệt Đề án Đào tạo, tuyển dụng phát triển nguồn nhân lực Ngành Y tế Thành phố Cần Thơ giai đoạn 2016 - 2020, kết quả hàng năm bình quân ngành cử khoảng 340 - 385 lượt người đi đào tạo các loại, theo đó nhiều cán bộ y tế được đưa đi đào tạo dài hạn hoặc ngắn hạn.

2.3. Văn hóa và thể dục, thể thao

Trong nhiều năm qua, TP đã thực hiện tuyên truyền cổ động và tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, du lịch kỷ niệm các ngày lễ, tết, nêu bật ý nghĩa hoạt động các sự kiện của địa phương, phục vụ nhu cầu hưởng thụ văn hóa của các tầng lớp nhân dân. Việc xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh được chú trọng; tính đến cuối năm 2018, đã công nhận được 76/85 xã, phường, Thị trấn văn hóa ; 628/630 ấp, khu vực văn hóa (đạt tỷ lệ 99,68%). Bên cạnh đó, phong trào “Gia đình văn hóa” đã góp phần nâng cao vai trò, vị trí của gia đình trong đời sống văn hóa, đời sống kinh tế - xã hội.

Công tác bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hóa, di tích văn hóa, lịch sử trên địa bàn được quan tâm chỉ đạo và đạt được những kết quả quan trọng, từng bước gắn kết với phát triển du lịch.

Thành phố đã tổ chức nhiều loại hình thể dục thể thao, tạo điều kiện phát triển môn thể thao mới, phát huy thể thao dân tộc, dân gian. Năm 2020, số người tập tập luyện TDTT thường xuyên: 419.275 người, đạt 99,1% kế hoạch năm; số gia đình thể thao: 90.712 hộ, đạt 122% kế hoạch năm; số CLB TDTT: 1.246 CLB, 99,7% kế hoạch năm.

Về thể thao thành tích cao, năm 2020, Cần Thơ đạt 526 huy chương các loại (144 HCV – 162 HCB - 220 HCD). Trong đó có 454 huy chương thể thao thành tích cao (123 HCV – 133 HCB – 198 HCD), đạt 114% so với kế hoạch; Đại hội Thể thao ĐBSCL đạt 160 huy chương các loại (42 HCV – 54 HCB – 64 HCD).

2.4. Khoa học và công nghệ

2.4.1. Đầu tư tiềm lực KH&CN

Thực trạng tổ chức khoa học và công nghệ của thành phố Cần Thơ: Theo số liệu thống kê khoa học và công nghệ, năm 2020 trên địa bàn thành phố hiện có 68 cơ quan, đơn vị, viện trường... có hoạt động khoa học và công nghệ (12 tổ chức nghiên cứu và phát triển, 14 tổ chức cung ứng các dịch vụ khoa học và công nghệ, 13 cơ sở giáo dục đại học và 29 cơ quan QLNN, đơn vị sự nghiệp và doanh nghiệp có thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ từ ngân sách nhà nước). Trong 68 đơn vị trên, có 22 đơn vị là tổ chức khoa học và công nghệ (08 đơn vị công lập và 14 ngoài công lập).

Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ đã được quan tâm đầu tư, nâng cấp đã mở rộng năng lực thử nghiệm, đo lường, nâng cao năng lực thử

nghiệm, kiểm định và hiệu chuẩn phục vụ đa ngành (nông nghiệp, xây dựng, y tế, môi trường, điện).

Trung tâm Ứng dụng tiến bộ KH&CN được thành lập từ năm 2013 đến nay cơ sở vật chất đã cơ bản được đầu tư hoàn thiện. Trung tâm đã phối hợp với chuyên gia nghiên cứu thành công 12 công nghệ chủ yếu liên quan đến việc Ứng dụng công nghệ từ trường, tích hợp thêm một số công nghệ vật lý để xử lý nước sinh hoạt, nước thải, nước tưới nông nghiệp, xử lý mùi, ao nuôi thủy sản..., 10 quy trình kỹ thuật trồng rau, hoa...

Trung tâm Thông tin Khoa học và Công nghệ được đầu tư xây dựng mới từ năm 2010 cùng với các trang thiết bị phục vụ hoạt động thông tin, thống kê KH&CN với tổng giá trị đầu tư hơn 13 tỷ đồng. Qua đó, đã tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động thông tin, thống kê KH&CN quản lý, khai thác và sử dụng hiệu quả các nguồn tin KH&CN phục vụ nghiên cứu, sản xuất và đời sống xã hội.

Cũng trong giai đoạn này, năm 2015, thành phố Cần Thơ đã tổ chức khánh thành Vườn ươm Công nghệ Công nghiệp Việt Nam - Hàn Quốc tại Khu Công nghiệp Trà Nóc 2 (Gọi tắt là Vườn ươm), thành công thực hiện 11 dự án/doanh nghiệp hỗ trợ ươm tạo.

2.4.2. Đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng, gắn kết giữa nghiên cứu triển khai với nhu cầu thực tiễn

Trong thời gian qua, hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được triển khai theo hướng nâng cao tính ứng dụng và hiệu quả kinh tế - xã hội, lấy doanh nghiệp làm trung tâm hỗ trợ, đáp ứng nhu cầu thực tiễn. Giai đoạn 2016 - 2018, Thành phố đã triển khai thực hiện 37 nhiệm vụ KH&CN cấp Thành phố, 31 nhiệm vụ cấp quận, huyện; nghiệm thu 39 nhiệm vụ KH&CN cấp Thành phố, 40 nhiệm vụ cấp quận, huyện, đóng góp tích cực cho công tác quản lý nhà nước, phát triển sản xuất kinh doanh, chăm sóc sức khỏe nhân dân,... Hiện nay, số công nghệ Thành phố đang làm chủ là 12 công nghệ tại Trung tâm ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ.

2.4.3. Các hoạt động dịch vụ, phát triển thị trường KH&CN

Giai đoạn 2018-2020, đã có 63 hợp đồng chuyển giao công nghệ với tổng giá trị hợp đồng là 24.217 triệu đồng. Một số trung tâm chuyển giao, xúc tiến công nghệ, sàn giao dịch công nghệ đã thực hiện tốt vai trò của mình, như Sàn giao dịch Công nghệ Cần Thơ (Sàn ảo) vận hành với tên miền catex.vn đã giới thiệu trên 9.800 thông tin công nghệ – thiết bị từ 220 doanh nghiệp, cá nhân trong và ngoài Thành phố với trên 9,9 triệu lượt khai thác thông tin trên Sàn. Ngoài ra, Dự án Sàn giao dịch Công nghệ Cần Thơ (Sàn thực) dự án đã được Hội đồng thẩm định thông qua, hiện đang hoàn chỉnh theo ý kiến góp ý gửi lại Sở Kế hoạch đầu tư thẩm định trình UBND Thành phố xem xét, chấp thuận phê duyệt Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư. Đây là dự án nhằm phát triển thị trường KH&CN, phục vụ nhu cầu đổi mới công nghệ của các doanh nghiệp, hỗ trợ giao dịch, thương mại hóa các sản phẩm nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

Thêm vào đó, nhiều hoạt động hỗ trợ xác lập và phát triển tài sản trí tuệ đã được triển khai: tuyên truyền, phổ biến rộng rãi nội dung hỗ trợ; thường xuyên điều tra, khảo sát, rà soát, thống kê sản phẩm đặc sản, đặc trưng; hướng dẫn thủ tục đăng ký, bảo vệ và phát triển thương hiệu.

2.4.4. Tăng cường hợp tác và hội nhập quốc tế về KH&CN

Hoạt động liên kết, hợp tác về khoa học và công nghệ giữa các tỉnh, Thành phố vùng ĐBSCL và các địa phương trong cả nước, giữa các viện, trường, các tổ chức KH&CN trong và ngoài nước có sự chuyển biến tích cực. Năm 2018, Thành phố ký thỏa thuận hợp tác phát triển kinh tế - xã hội các tỉnh, Thành phố vùng kinh tế trọng điểm ĐBSCL giai đoạn 2016 -2020, trong đó có Chương trình hợp tác KH&CN, góp phần quan trọng thúc đẩy phát triển KH&CN Thành phố và vùng ĐBSCL. Bên cạnh đó, Thành phố đã tổ chức thành công nhiều sự kiện KH&CN quốc tế, thu hút sự tham gia của nhiều nhà khoa học, khai thông các kênh hợp tác, giới thiệu kinh nghiệm và mô hình phát triển KH&CN của các nước, xúc tiến các hoạt động hợp tác quốc tế; qua đó, xây dựng các mối quan hệ hợp tác và thu hút các dự án tài trợ.

2.4.5. Hoạt động khoa học công nghệ của doanh nghiệp

Nhìn chung, hoạt động khoa học công nghệ của doanh nghiệp vẫn còn những hạn chế sau:

- Những năm gần đây việc liên kết giữa Doanh nghiệp, Viện nghiên cứu, Trường đại học và Nhà khoa học được quan tâm thực hiện. Tuy nhiên vẫn chưa có sự đặt hàng nghiên cứu của DN đối với các Viện trường và các nhà khoa học. Chủ yếu các nghiên cứu được thực hiện dựa trên những tư duy khám phá, giải quyết khó khăn trong sản xuất từ các nhà nghiên cứu nên việc chuyển giao ứng dụng đến các DN còn rất hạn chế.
- Sự liên kết vẫn còn manh mún, chưa có một đơn vị/doanh nghiệp trung gian nào làm đầu mối kết nối giữa cung và cầu trong lĩnh vực khoa học công nghệ.
- Sự gắn kết từ ý tưởng, sáng chế và ứng dụng sản phẩm. Tuy nhiên, tình hình nghiên cứu nhiều ứng dụng vào thực tiễn còn ít.
- Nhiều doanh nghiệp chưa hình thành bộ phận/phòng nghiên cứu và phát triển (R&D) do yêu cầu đầu tư về nguồn nhân lực, tài lực; doanh nghiệp chỉ nhắm đến việc mua đi bán lại mà không đầu tư cho nghiên cứu, thiếu bước trung gian để tạo sản phẩm hoàn thiện từ kết quả nghiên cứu

2.4.6. Hoạt động đổi mới công nghệ và giá trị sản phẩm công nghệ cao trong tổng sản phẩm

- Hoạt động đổi mới công nghệ

Báo cáo từ sở Khoa học Công nghệ Thành phố Cần Thơ chỉ ra rằng phần lớn các dây chuyền sản xuất của doanh nghiệp trong mẫu có mức độ tự động hóa tương đối cao (50% - 75%), mức độ đồng bộ về năng suất khoảng 50%. Tuy nhiên, chỉ có 27% các doanh nghiệp lựa chọn có đổi mới thiết bị, cho thấy rằng tỉ lệ đổi mới thiết bị chưa cao. Nguyên nhân chính là do các doanh nghiệp này mới đầu tư, đổi mới chưa quá 3 năm hoặc đầu tư trên 3 năm nhưng thiết bị vẫn còn dùng tốt. Điều này có thể chỉ ra hệ thống

thiết bị, máy móc của các doanh nghiệp đều khá tốt. Tổng chi cho nghiên cứu phát triển so với tổng doanh thu đạt 11,1% vào năm 2020, tăng so với giai đoạn trước. Điều này cho thấy mặc dù sản xuất kinh doanh bị giảm sút đáng kể nhưng doanh nghiệp vẫn chú trọng đầu tư cho nghiên cứu phát triển trong giai đoạn có dịch Covid 19. Việc đầu tư vào khoa học sẽ giúp mang lại những lợi thế cạnh tranh lâu dài cho doanh nghiệp như tăng năng suất và chất lượng, giảm chi phí, hỗ trợ doanh nghiệp có thể đứng vững hơn trước những biến động lớn về mặt kinh tế xã hội.

Tuy nhiên, số đơn đăng ký sở hữu trí tuệ giảm gần một nửa từ 13 (năm 2018) đến 6 (năm 2020) mặc dù tổng chi cho nghiên cứu so với doanh thu tăng. Điều này cho thấy công tác nghiên cứu phát triển chưa hiệu quả và chưa có các đổi mới sáng tạo có thể đăng ký sở hữu trí tuệ. Điều này có thể lý giải bằng việc nhân lực nghiên cứu trong doanh nghiệp tăng nhưng phần tăng chủ yếu đến từ nhân viên phụ trợ (lực lượng không có tay nghề và trình độ chuyên môn kỹ thuật cao), do vậy các kết quả nghiên cứu khoa học công nghệ không tương xứng với chi phí bỏ ra

Tổng chi nhập khẩu máy thiết bị và công nghệ có xu hướng giảm từ năm 2018 đến 2020. Doanh nghiệp chi nhiều cho việc đổi mới máy thiết bị hơn là đổi mới công nghệ. Đây là điều không tích cực vì đổi mới công nghệ sẽ mang lại hiệu quả và tạo sản phẩm có đổi mới sáng tạo, có năng lực cạnh tranh cao trên thị trường.

- Giá trị sản phẩm công nghệ cao

Giá trị sản phẩm công nghệ cao và sản phẩm ứng dụng công nghệ cao trong tổng giá trị sản xuất công nghiệp tăng đều trong giai đoạn 2014-2019, cho thấy Thành phố đang từng bước nâng cao chất lượng sản phẩm. Việc có lượng sản phẩm công nghệ cao gia tăng cho thấy sự nỗ lực của Cần Thơ trong việc tăng cường ứng dụng công nghệ và đi đúng định hướng về việc phát triển các ngành công nghiệp có hàm lượng khoa học công nghệ và chất xám cao.

2.5. An ninh, quốc phòng

Những định hướng lớn về quốc phòng, an ninh là:

Thứ nhất, mục tiêu, nhiệm vụ của quốc phòng, an ninh là bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa, giữ vững hòa bình, ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội; chủ động đấu tranh, làm thất bại mọi âm mưu và hành động chống phá của các thế lực thù địch đối với sự nghiệp cách mạng của nhân dân.

Thứ hai, tăng cường quốc phòng, giữ vững an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội là nhiệm vụ trọng yếu thường xuyên của Đảng, Nhà nước và toàn dân, trong đó Quân đội nhân dân và Công an nhân dân là lực lượng nòng cốt. Xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, kết hợp chặt chẽ với thế trận an ninh nhân dân vững chắc. Phát triển đường lối, nghệ thuật quân sự chiến tranh nhân dân và lý luận, khoa học an ninh nhân dân. Chủ động, tăng cường hợp tác quốc tế về quốc phòng, an ninh.

Thứ ba, sự ổn định và phát triển bền vững mọi mặt đời sống kinh tế - xã hội là nền tảng vững chắc của quốc phòng - an ninh. Phát triển kinh tế - xã hội đi đôi với tăng

cường sức mạnh quốc phòng - an ninh. Kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng - an ninh, quốc phòng - an ninh với kinh tế trong từng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách phát triển kinh tế - xã hội và trên từng địa bàn.

Thứ tư, xây dựng Quân đội nhân dân và Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, với Đảng, Nhà nước và nhân dân, được nhân dân tin yêu.

Thứ năm, tăng cường sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng, sự quản lý tập trung thống nhất của Nhà nước đối với Quân đội, Công an nhân dân và sự nghiệp quốc phòng - an ninh.

IV. Đánh giá tiềm năng đất đai và thực trạng sử dụng đất, phương thức sử dụng đất các loại, tính hợp lý và hiệu quả sử dụng đất của thành phố

1. Hiện trạng sử dụng đất

Diện tích đất nông nghiệp hiện chiếm tỷ lệ rất lớn đối với một thành phố, trong đó cấu trúc sử dụng đất nông nghiệp không tối ưu. Tỷ lệ đất lúa rất cao, dù sản xuất lúa hiện không có hiệu quả cao. Đất trồng cây lâu năm có tỷ lệ phù hợp với loại địa hình, thổ nhưỡng thuận lợi nhất cho việc này ở các vùng lưu vực sông nhỏ. Nuôi trồng thủy sản và rau màu gần ngày tỷ lệ rất thấp, mặc dù tiềm năng cao, hiệu quả cao. Hoàn toàn không có rừng. Đây là yếu điểm rất lớn của Cần Thơ, nhất là khi muốn tạo ra môi trường sinh thái hấp dẫn cho người dân và du khách.

Tổng đất phi nông nghiệp quá thấp. Trong đó, tỷ trọng các loại đất tạo nên tiềm năng kinh tế của đô thị là đất sản xuất, kinh doanh, hạ tầng còn quá ít. Với tỷ lệ 70% đô thị hoá thì diện tích đất ở tại đô thị chiếm khoảng 60% tổng diện tích đất ở thì mật độ dân cư trên đất ở tại đô thị và nông thôn không có chênh lệch nhiều. Điểm đáng chú ý là có một tỷ lệ rất lớn diện tích đất phi nông nghiệp là đất hạ tầng thủy lợi và mặt nước vốn dĩ liên quan tới nông nghiệp nhiều hơn. Từ đó sẽ càng rõ sự chênh lệch và thiếu hụt rất lớn về tỷ lệ phi nông nghiệp.

2. Biến động sử dụng đất

Trong giai đoạn 2010-2020, mức độ biến động trong sử dụng đất của Cần Thơ không nhiều. Diện tích tự nhiên của Tp. Cần Thơ tăng 3.145 ha, nhóm đất nông nghiệp giảm là 1.176 ha; đất chưa sử dụng giảm 177 ha, nhóm đất phi nông nghiệp tăng 4.499 ha. Đa số việc thay đổi này là do kiểm kê, tính toán, đo đạc chính xác lại. Quy mô giảm đất nông nghiệp rất nhỏ, chưa tới 1% tổng diện tích tự nhiên. Trong nhóm đất nông nghiệp, có sự chuyển đổi từ đất trồng trọt sang thủy sản ở quy mô khoảng 1,5 ngàn ha, và đặc biệt là xóa sổ khoảng hơn 200 ha rừng cuối cùng của thành phố. Với mức biến động này, về cơ bản chỉ là vi chỉnh trong sử dụng đất, chứ chưa có những chuyển biến đáng kể.

3. Hiệu quả sử dụng đất

Chỉ khoảng 23% diện tích đất được đánh giá là hiệu quả cao về kinh tế, khoảng 47% đánh giá hiệu quả trung bình, còn lại là hiệu quả thấp. Nguyên nhân chính dẫn tới

hiệu quả kinh tế thấp trong sử dụng đất là tỷ lệ đất lúa quá cao. Chỉ số đánh giá về hiệu quả xã hội theo thông tư của Bộ TNMT cho thấy đa số đạt hiệu quả cao. Tuy nhiên, những phân tích về xã hội học đô thị ở chương sau cho thấy hiệu quả xã hội thực ra là thấp, nên tạm tính chỉ khoảng 1/3 diện tích là có hiệu quả cao về xã hội. Về hiệu quả đối với môi trường, chiếu theo các chỉ số của Bộ TNMT thì đa số là hiệu quả cao. Nhưng thực tế, diện tích trồng lúa không thể được coi là có hiệu quả cao về BVMT được, dù là về mức độ che phủ, hay các nguy cơ làm thoái hoá đất, phát thải. Chỉ có diện tích mặt nước và cây lâu năm là có thể được coi như có hiệu quả cao về môi trường. Tổng các loại diện tích này không quá 30%. Như vậy, có thể nói, về cả 3 lĩnh vực kinh tế, xã hội lẫn môi trường, đều còn rất nhiều dư địa để tăng hiệu quả sử dụng đất so với hiện trạng ở Cần Thơ.

4. Tiềm năng đất đai

- **Tiềm năng đất nông nghiệp:** Đất trồng lúa có mức tiềm năng cao với diện tích là 60.377 ha, chiếm 76,78% diện tích đất trồng lúa. Đất trồng cây hàng năm khác có mức tiềm năng cao với diện tích là 390 ha, chiếm 20,35% diện tích đất trồng cây hàng năm khác. Đất trồng cây lâu năm khác có mức tiềm năng cao với diện tích là 30.872 ha, chiếm 100% diện tích đất trồng cây lâu năm. Như vậy có thể thấy diện tích cây lâu năm hiện nay là rất hiệu quả, chỉ nên thêm không nên bớt. Trong khi đất lúa ít nhất có khoảng 1/4 số diện tích là chưa phải là hiệu quả cao nếu trồng lúa.

- **Về tiềm năng đất phi nông nghiệp,** nếu nhìn nhận theo thông tư của ngành TNMT khó thấy một bức tranh sát thực. Nói chung là đối với các mục tiêu phát triển phi nông nghiệp, tiềm năng đất phụ thuộc vào các đặc điểm vật lý, đặc biệt là cao độ, địa chất công trình, hạ tầng kết nối và vị trí địa chính trị. Đất Cần Thơ có đặc điểm vật lý không thật thuận lợi cho phát triển kinh tế phi nông nghiệp, nhưng có thể tạo ra các giá trị về sinh thái môi trường và xã hội đặc sắc. Ngoài ra, giá trị kinh tế cũng sẽ được cải thiện đáng kể khi có những kết nối hạ tầng vùng mang tính chiến lược sắp tới đây. Về địa chính trị thì Cần Thơ thuận lợi hơn so với các đô thị và các tỉnh khác trong vùng ĐBSCL.

V. Thực trạng phát triển và sự phù hợp về phân bố phát triển không gian của hệ thống đô thị và nông thôn, các khu chức năng, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội

1. Thực trạng phát triển hệ thống đô thị

1.1. Hiện trạng hệ thống đô thị từ góc độ phân loại đô thị

- Hệ thống đô thị Cần Thơ khá đặc biệt so với các tỉnh khác, vì toàn bộ Thành phố Cần Thơ được coi như một đô thị loại I trực thuộc trung ương. Trong đô thị đó có phần 5 quận nội thành và 4 huyện ngoại thành, mỗi huyện lại có một trung tâm đô thị huyện. Mỗi quan hệ giữa các đô thị này chủ yếu là giữa nội thành và ngoại thành, chứ không phải là một hệ thống các điểm đô thị độc lập. Bản thân 5 quận nội thành thì lại xác định hai quận Ô Môn, Thốt Nốt là tương đối biệt lập, trong khi 3 quận Ninh Kiều, Bình Thủy, Cái Răng tạo thành một vùng lõi.

Về nguyên tắc, nếu Cần Thơ là đô thị loại I thì có nghĩa là toàn bộ Thành phố này phải đạt các tiêu chuẩn của một đô thị loại I. Tuy nhiên, về cơ bản, cả vùng Cần Thơ không thể đạt được các tiêu chuẩn đô thị loại I. Chương trình phát triển đô thị xác định Cần Thơ là một chùm đô thị với nhóm Đô thị lõi (5 quận nội thành) đạt đô thị loại I, 04 đô thị loại IV (Thị trấn Phong Điền, Thới Lai, Cờ Đỏ, Thạnh An) và 01 đô thị loại V (Thị trấn Vĩnh Thạnh). Đây là một vấn đề mâu thuẫn. Huyện Phong Điền thực ra cũng không có nhiều khác biệt so với Ô Môn hay Thốt Nốt, vì thế, nếu đã coi Ô Môn, Thốt Nốt là quận thì cũng nên coi Phong Điền là quận. Thực chất, Cần Thơ hiện tại chỉ nên được coi như một đô thị loại II, với quy mô hơn 1 triệu dân, bao gồm 5 quận hiện nay và Phong Điền. Nhưng vùng nội thị - khu vực lõi gồm Ninh Kiều-Bình Thủy- Cái Răng. Vùng này còn chưa phát triển hết tiềm năng. Nếu muốn cả Tp. Cần Thơ trở thành một đô thị loại I thì cần có những chiến lược đột phá, tạo khác biệt lớn, chứ không phải như bây giờ.

Vấn đề lớn của phân loại đô thị ở Cần Thơ là 4 nhóm chỉ tiêu hàng đầu định nghĩa nên quy mô đô thị, đó là hiệu năng kinh tế, dân số, mật độ, tỷ lệ phi nông nghiệp, đều bị coi nhẹ. Chính vì thiếu xa về dân số và mật độ nên những thị trấn như Phong Điền, Thới Lai mặc dù đạt trên 80 điểm vẫn không được công nhận đô thị loại IV. Các đô thị trung tâm huyện khác còn cách xa nữa. Các quận nội thành muốn đạt tiêu chuẩn loại I đa số cũng phải bỏ qua mấy chỉ tiêu về dân cư, mật độ.

Chỉ có nhóm tiêu chí thứ 5 về hạ tầng đô thị mới được tập trung tính để đạt chỉ tiêu phân loại. Trong khi đó, rất nhiều chỉ tiêu trong nhóm chỉ tiêu hạ tầng đô thị không thực sự đánh giá được về chất lượng đô thị, chỉ ít là trong thời kỳ hiện nay (ví dụ như tỷ lệ diện tích đường giao thông không chứng tỏ nhiều về chất lượng giao thông, tỷ lệ kết nối mạng điện, nước gần như đã là hiển nhiên, không còn nói lên được điều gì về chất lượng hạ tầng cấp điện và cấp nước v.v.). Vì lý do này, những phân tích đô thị theo các tiêu chí phân loại đô thị chỉ cho ta một số góc nhìn về hệ thống đô thị Cần Thơ, đã được trình bày khá kỹ trong chương trình phát triển đô thị Cần Thơ. Phần tóm tắt sẽ bổ sung những góc nhìn khác từ khía cạnh kinh tế, văn hoá xã hội, hình thái, sinh thái đô thị, để có một nhận định chi tiết hơn, chính xác hơn về thực trạng hệ thống đô thị Cần Thơ.

1.2. Hiện trạng hệ thống đô thị từ góc độ kinh tế đô thị

Vấn đề kinh tế đô thị được thể hiện chính ở 3 nhóm chỉ số: Sự tập trung đô thị (urban agglomeration), các loại công năng kinh tế đô thị (urban functions) và sự phân bố các công năng này trong không gian, đặc biệt là sự nhóm hợp thành các khu chức năng (Urban cluster).

- Sự tập trung đô thị:

Về dân số toàn vùng đô thị, Cần Thơ đạt tiêu chuẩn đô thị loại I. Tuy nhiên, mật độ dân số toàn đô thị của Cần Thơ chưa được 50% so với quy chuẩn của đô thị loại I (2000 người/km²). Theo thông lệ quốc tế thì mật độ dân cư khoảng 1000 ng/km² có thể được coi là đô thị, khi đó, có thể tạm coi như toàn vùng Cần Thơ đã đạt mức tập trung về dân cư như một đô thị lớn, quy mô gần 1,5 triệu dân. Vấn đề nằm ở mức độ tập trung

của vùng nội thành. Theo quy chuẩn Việt Nam và thông lệ quốc tế, vùng nội thành hay lõi trung tâm đô thị cần đạt mật độ khoảng 10.000 người/km², để có đủ độ sầm uất và mức độ tập trung trở thành đầu tàu kinh tế cho cả đô thị và vùng xung quanh. Xét từ góc độ này, chỉ có quận Ninh Kiều là có thể được coi như nội thị. Tất cả các quận khác đều còn cách rất xa chuẩn và gần với các tiêu chí ngoại thành hơn là nội thị. Nói cách khác, Cần Thơ chỉ có một quy mô nội thị hiện trạng thực sự khoảng 300.000 dân, tương đương với mức độ của một đô thị loại II, nghĩa là một đô thị tầm trung. Khi so sánh về mật độ dân cư toàn vùng ĐBSCL, mức độ tập trung dân cư của Cần Thơ đúng là mới chỉ nhỉnh hơn các đô thị tỉnh lỵ khác một chút, chứ chưa đạt một quy mô khác hẳn, như một trung tâm vùng. Cần phải nhìn nhận thực tế là như vậy. Tỷ lệ phi nông nghiệp cũng có thể được coi như một chỉ số về sự tập trung nhân lực đô thị về mặt chất, Cần Thơ đã đạt mức 70% theo thống kê, tương đương với tỷ lệ đô thị hoá. Nhưng trên thực tế tỷ lệ này thấp hơn nhiều.

Về tập trung tư bản, có mấy chỉ số chính là giá đất, số dự án đầu tư và mức vốn đầu tư trên đơn vị diện tích và mật độ kinh tế, được nhận định trên cơ sở ảnh vệ tinh ban ngày và ban đêm. Có thể nhận thấy tình hình chung là tập trung tư bản mới dồn vào khu vực Ninh Kiều. Các quận, huyện khác, mức tập trung tư bản hiện thấp hơn rất nhiều, chỉ tương đương với cấp các huyện ngoại thành. Các quận nội thành đều có quy hoạch mở rộng diện tích, quy mô phát triển rất đáng kể, nếu vậy, bức tranh về tập trung tư bản sẽ có thay đổi nhiều so với thực trạng. Tuy nhiên, tình hình đăng ký của các dự án đầu tư cho thấy chủ yếu tiềm năng thay đổi nằm ở quận Cái Răng, với hàng trăm nhà đầu tư đăng ký, phủ kín vùng đô thị mới theo quy hoạch. Còn với các quận huyện khác, sự kém sôi động của thị trường đầu tư cho thấy cần phải xem xét lại chiến lược phát triển kinh tế và không gian đô thị. Một vấn đề là vùng tập trung này nằm lệch về một phía nam của thành phố, dẫn tới những câu hỏi cơ bản là nên dồn tiếp vào đây hay là thay đổi cấu trúc, để có được sự tiếp cận và phát triển đồng đều hơn ở các vùng còn lại.

- Công năng đô thị

Những công năng mang tính dịch vụ và sản xuất đô thị tập trung chủ yếu ở Ninh Kiều và một vài khu công nghiệp ở các quận khác, bám theo hệ thống cảng. Đa số những công năng cấp vùng là các loại động lực để phát triển đô thị lên hơn mức tự lực của mình như hạ tầng vùng, y tế, giáo dục đào tạo, quân sự, văn hoá thể thao, trung tâm du lịch, trung tâm công nghiệp, công nghệ v.v. mới phát triển ở bước đầu và cũng đều tập trung ở khu vực đô thị lõi. Trong tương lai, với những kết nối hạ tầng vùng trọng yếu như giao thông thuỷ bộ, đường sắt, trung tâm đầu mối, các hạ tầng vùng về xử lý chất thải rắn, năng lượng, hạ tầng xã hội v.v., Cần Thơ sẽ có thêm một số công năng kinh tế đô thị quy mô lớn hơn nhiều. Có thể hiện tại thì tổng diện tích các loại công năng kinh tế đô thị này còn quá thấp, và mức độ chiến lược, động lực kinh tế của các công năng này còn chưa cao. Cần phải bổ sung những loại hình công năng đô thị hiện đại, có hiệu quả cao hơn, làm động lực. Với cấu trúc công năng đô thị như hiện nay, Cần Thơ chưa thể đạt được những tiêu chuẩn thực sự về vai trò địa kinh tế và performance kinh tế đối với một đô thị loại I cấp trung ương như đã đặt ra.

- Sự phân bố các công năng trong không gian

Mấu chốt của việc đánh giá tiềm năng kinh tế đô thị trong việc phân bố các công năng trong không gian là đánh giá tính tập trung của các công năng đô thị thành các vùng chức năng. Các vùng chức năng này có thể là đơn năng, nhằm tạo ra hiệu quả về số lượng hay là các tổ hợp đa năng, để tạo hiệu quả tích hợp. Hơn nữa, điều quan trọng là vị trí các vùng công năng này nằm ở đâu, có phát huy được những ưu điểm địa chính trị của khu vực, có phát huy hết được giá trị của tài nguyên đất hay không. Nhìn chung có thể nói hiện tại chưa có nhiều công năng chiến lược ở Cần Thơ, nên phân bố không gian chưa phải vấn đề lớn. Chủ yếu là chưa tối ưu trong việc phân bố công năng ở khu vực đô thị cũ Ninh Kiều. Một số khu vực thuộc Ninh Kiều, Bình Thủy có tiềm năng rất lớn nhưng đang bố trí các công năng sử dụng đất mật độ thấp, cần phải xem lại. Đặc biệt quan trọng là khu Cồn Khương, cồn Cái Khế, khu trung tâm hành chính, trường đại học, bệnh viện lớn trong trung tâm Ninh Kiều và 2 khu quân đội lớn ở Bình Thủy.

1.3. Hiện trạng hệ thống đô thị từ góc độ văn hóa xã hội đô thị

Giá trị văn hoá xã hội của một đô thị phụ thuộc vào 4 nhóm đặc điểm chính: Cơ hội và tự do lựa chọn; Công bằng và bình đẳng; Điều kiện sống tốt và có Bản sắc.

Có thể chia làm 3 loại khu đô thị với tính chất văn hoá xã hội khác nhau: Những khu đô thị truyền thống, phát triển từ lâu đời theo lối tự phát, các khu đô thị mới và những vùng dân cư mang tính chất nông thôn nhưng nằm trong ranh giới hành chính của các quận nội thành.

Các khu đô thị truyền thống, tự phát:

Về cơ bản có ở quận Ninh Kiều, một số phường của các quận khác như phường An Thới-Bình Thủy; phường Lê Bình-quận Cái Răng; phường Thốt Nốt - quận Thốt Nốt; phường Châu Văn Liêm-quận Ô Môn; Những khu vực này có các đặc điểm cơ bản sau:

Lịch sử đô thị lâu đời, tạo thành những cấu trúc đô thị chặt chẽ và quan hệ láng giềng; Có bản sắc và lịch sử; Mật độ dân cư cao và đa dạng; Dịch vụ đô thị đa dạng; Khôi phi chính quy hoạt động tốt; Ít có sự phân biệt giàu nghèo, chênh lệch lớn giữa các khu do lịch sử phát triển lâu đời; Tỷ lệ nghèo đô thị không cao và người nghèo có nhiều cơ hội sống và làm việc. Nhưng đa số nguồn việc là loại dịch vụ bán lẻ đô thị, có ít nguồn công việc từ khối sản xuất, dịch vụ xuất khẩu ra ngoài; Không thực sự có những khu LIA hay những khu đặc biệt có vấn đề tiêu cực, mất an ninh. Tuy nhiên, đa số các khu dân cư tự phát hiện hữu có nhiều vấn đề về hạ tầng và chất lượng kỹ thuật.

Trong những khu đô thị truyền thống, đặc biệt ở 3 quận trung tâm, có những khu vực đô thị có những bản sắc văn hoá xã hội đặc thù. Hai Quận Ô Môn và Thốt Nốt, các khu đô thị tự phát mặc dù cũng có những đặc điểm chính nói trên, nhưng chưa hình thành được những khu vực có bản sắc đặc trưng.

Các khu đô thị mới:

Cần Thơ có một số khu đô thị mới đã đi vào hoạt động nhiều năm như ở các phường An Bình, An Khánh, quận Ninh Kiều, ở các trung tâm huyện như Cờ Đỏ, Vĩnh Thạnh,

Thới Lai, Phong Điền; Về cơ bản, những đô thị này khó có thể đủ độ hấp dẫn về mặt môi trường văn hoá xã hội. Bởi thế, cần phải cân nhắc kết hợp các dạng đô thị này với những cấu trúc đô thị truyền thống và giữ tỷ trọng các khu đô thị mới ở mức vừa phải.

Các khu đô thị từ nông thôn cũ:

Cần Thơ có tỷ lệ rất lớn những khu dân cư truyền thống nằm dọc theo các kênh rạch tự nhiên, ở tất cả các quận nội thành và đặc biệt huyện Phong Điền. Những nơi này còn giữ được những bản sắc văn hoá của miệt vườn sông nước, từ bố cục không gian sống tới quan hệ xã hội, phong tục tập quán. Việc bảo tồn và kết nối tất cả các khu dân cư này sẽ tạo cho Cần Thơ một mạng lưới đô thị với bản sắc văn hoá sông nước rất đặc thù về cả hình thức và quy mô mà không một đô thị nào có được. Đây chính là yếu tố liên kết giữa các quận, huyện của Cần Thơ để tạo ra một đô thị với nét văn hoá xã hội đặc thù. Các quy hoạch hiện hữu vẫn xác định những điểm cần phát huy và bảo tồn cấu trúc văn hoá đô thị truyền thống dạng miệt vườn sông nước này, nhưng chưa tính cho một vùng tổng thể toàn đô thị Cần Thơ, mà chỉ khoanh vùng cụ thể ở một số nơi như Phong Điền. Vấn đề lớn nhất ở đây là những cấu trúc truyền thống bám sát kênh rạch không có khả năng đô thị hoá tốt, do không thuận lợi cho việc cung cấp hạ tầng đô thị. Khu vực nào có tiềm năng đô thị hoá, cần phải có sự tái cấu trúc không gian.

1.4. Hiện trạng từ góc độ sinh thái cảnh quan đô thị

Có thể thấy toàn bộ đô thị Cần Thơ nằm trong một hệ thống sinh thái cảnh quan đặc thù, gắn liền với mạng lưới sông ngòi kênh rạch lan toả vào mọi góc ngách, từ trung tâm đô thị ra tới ngoại ô. Nếu thế mạnh này được phát huy, có thể tạo ra một tập hợp các hệ sinh thái cảnh quan rất hấp dẫn, là môi trường sống chất lượng cho con người và các loài động thực vật, sẽ là nơi đáng sống cho người dân và điểm đến hấp dẫn cho du khách. Hiện nay, trong những khu vực dân cư đô thị hiện hữu và quy hoạch, yếu tố đặc thù này bị coi nhẹ, nên đã suy giảm đi nhiều. Định hướng cơ bản của quy hoạch Thành phố lần này là phải làm sao kết hợp được hài hoà phát triển với tài nguyên đặc hữu này.

a. Cảnh quan thiên nhiên đặc thù

- Cảnh quan ven sông Hậu: là cảnh quan lớn, phù hợp với những đô thị tầm cỡ, gồm mặt nước, bờ sông và các cù lao. Hiện nay, cảnh quan này chưa phát huy, mới chỉ là dải bờ sông sập xệ, ngập lụt thường xuyên. Nhưng trong các quy hoạch chi tiết hiện nay, dải bờ sông này sẽ có những thay đổi, trở thành mặt tiền của Cần Thơ trong tương lai.

- Cảnh quan ven các sông nhánh - Sông Cần Thơ, Bình Thủy, Ô Môn, Thốt Nốt, Cái Răng: Đây là cảnh quan truyền thống, mang lại hình ảnh lâu đời của Cần Thơ và từng quận, với cảnh trên bến dưới thuyền đặc thù. Yếu tố sông nước cũng vẫn là chủ đạo nhưng với quy mô nhỏ hơn, thân mật hơn và có những nét khác biệt ở từng sông nhánh.

- Cảnh quan ven các kênh rạch: bao gồm yếu tố nước, giao thông thủy, bờ kè tự nhiên, đường giao thông dọc kênh, nhà vườn, miệt vườn cây trái, ruộng lúa. Đây là cảnh

quan rất hấp dẫn và đặc thù của vùng đô thị sinh thái Cần Thơ. Cảnh quan này có ở tất cả các quận và huyện Phong Điền, nhưng càng gần trung tâm thì giá trị càng cao.

b. Hệ sinh thái đặc thù

Trên cạn

Hệ sinh thái trên cạn ở Cần Thơ gồm hệ sinh thái đô thị và khu công nghiệp, khu dân cư nông thôn, nông nghiệp thuộc dạng hệ sinh thái nhân tạo, không có rừng nên có thành phần sinh vật nghèo nàn. Các mảng cây xanh rải rác trong các khu dân cư có nhiều loài côn trùng, chim, ếch tìm thấy môi trường trong nội ô đô thị khá an toàn vì không bị săn bắt và không bị ảnh hưởng của hóa chất nông nghiệp. Hiện nay chưa có khảo sát nào về đa dạng sinh học trong nội ô các quận. Đối với một số vùng ven kênh rạch và cù lao, rừng bần là một trong những hệ sinh thái đặc thù nhất.

Dưới nước

Đoạn Sông Hậu chảy qua Cần Thơ dài 65km, trong đó có đoạn qua Quận Ninh Kiều. Sông Hậu có nhiều nhánh sông cấp 1 đổ vào Tp. Cần Thơ. Sự tồn tại và vận hành lành mạnh của sông Hậu quyết định sự tồn tại của ĐBSCL nói chung, một nửa phía nam của ĐBSCL nói riêng, trong đó có Tp. Cần Thơ. Hàng năm sông mang về một lượng nước lớn trong cả hai mùa mưa nắng cùng với tải lượng phù sa, bùn cát và nguồn trứng cá và cá con từ thượng nguồn trôi về. Sông Hậu cũng chịu ảnh hưởng của chế độ bán nhật triều của thủy triều biển Đông tạo ra nhịp thủy triều độc đáo tạo khả năng tự làm sạch của dòng sông và nuôi dưỡng hệ sinh thái thủy sinh.

Về thủy sản tự nhiên, sông Hậu là một trong 2 nhánh sông chính của hệ thống sông Cửu Long. Hàng năm hệ thống sông Cửu Long nhận được một lượng trứng cá và cá con rất lớn trôi về theo nước lũ sông Mê Công. Theo ước tính, ĐBSCL có đến 450 loài thủy sản sông và tổng lượng khai thác hàng năm từ 220.000-400.000 tấn, trị giá từ 1 – 2 tỉ USD. Thủy sản tự nhiên của hệ thống sông Hậu, là một phần của hệ thống sông Cửu Long, có vai trò rất quan trọng đối với dinh dưỡng, sức khỏe người dân, duy trì hệ sinh thái và sinh kế. Phần lớn giá trị này không thể hiện trong các số liệu kinh tế.

Các chi lưu cấp I. là cửa ngõ của toàn bộ hệ thống kênh rạch bên trong các quận, huyện, vì vậy có vai trò quyết định trong việc duy trì động lực thủy triều, chất lượng nước của toàn bộ hệ thống kênh rạch bên trong. Hàng năm các chi lưu nhận được lượng lớn trứng cá và cá con từ nước lũ sông Mê Công trôi về. Nhờ đó sông Cần Thơ có sự đa dạng sinh học thủy sinh và nguồn lợi thủy sản tự nhiên rất cao.

c. Hệ thống kênh rạch nội ô

Hệ thống kênh rạch nội ô là yếu tố quan trọng nhất, lẽ ra tạo vẻ đẹp độc đáo hiếm có trên thế giới cho Tp. Cần Thơ. Đây là yếu tố kết nối, cũng là môi trường sinh thái, cảnh quan quan trọng nhất của Cần Thơ. Tuy nhiên, trên bản đồ và trong hồ sơ quản lý của các ngành chức năng không có các chỉ số về chiều rộng, chiều dài, phạm vi bảo vệ các kênh rạch. Hiện nay, đa số các kênh rạch tự nhiên, nhất là trong các khu vực nội thị, đều bị ô nhiễm nghiêm trọng và đe dọa nhiều mặt, từ san lấp, lấn chiếm đến tắc nghẽn,

sạt lở. Việc khôi phục hệ thống kênh rạch nội ô và sử dụng hợp lý, tối ưu hệ thống này là bài toán sinh thái cảnh quan quan trọng nhất của toàn thành phố.

d. Môi trường đô thị

- Âm thanh

Ô nhiễm âm thanh từ nhiều nguồn đang có chiều hướng tăng nhanh, do Karaoke gia đình, các loa di động và lượng người, ô tô và xe máy đông đúc, cả do một số cơ sở nuôi chim yến trái phép cũng gây ô nhiễm tiếng ồn trong khu dân cư. Ô nhiễm tiếng ồn còn có từ phía sông, do các phương tiện giao thông đường thủy. Nhìn chung vấn đề ô nhiễm âm thanh trong các đô thị chưa được đề cập đúng mức.

- Ánh sáng

Tại các hẻm nhỏ, các khu ổ chuột trong hẻm nhỏ, ven sông, thiếu ánh sáng mặt trời do không gian chật hẹp. Tại các khu vực đường lớn và trung tâm, có vấn đề về ô nhiễm ánh sáng do các thể loại quảng cáo, đèn đường, trang trí nhiều màu sắc, rối loạn, không có quy hoạch đồng bộ. Vấn đề chiếu sáng nhân tạo là một trong những yếu tố rất quan trọng tạo nên môi trường đô thị hấp dẫn, đặc biệt đối với các đô thị du lịch, nhưng hiện nay cũng chưa được quan tâm.

- Nhiệt độ, đảo nhiệt

Khu trung tâm Ninh Kiều, các khu dân cư đông đúc có mật độ xây dựng bê tông tập trung cao, thiếu không gian tỏa nhiệt và thiếu cây xanh tạo ra hiệu ứng đảo nhiệt (heat island) thiếu cây xanh. Tuy nhiên, những mái màu sáng, nhà thấp tầng san sát, vật liệu nhẹ mỏng của khu vực nội ô cũng dẫn tới tỏa nhiệt nhanh và không giữ nhiệt, nên vấn đề nhiệt đảo ở Cần Thơ không phải quá bức xúc.

- Thông gió.

Tại các hẻm nhỏ, sâu, ngoằn ngoèo, khu ổ chuột, do không gian chật hẹp, mật độ xây dựng cao, cản trở thông gió. Nhìn chung, Cần Thơ có thuận lợi về mặt thông gió, do ở gần các sông lớn. Hướng thông gió chính vuông góc với sông Hậu, do vậy các tuyến đường chính theo chiều này sẽ có tác dụng thông gió sâu vào đô thị. Những tuyến khác song song với sông Hậu thì thường được thông gió từ các kênh rạch, sông nhánh.

1.5. Hiện trạng từ góc độ hình thái đô thị

Có thể nói là đô thị Cần Thơ hiện tại chưa định hình, với những đặc điểm hình thái còn thiếu tổ chức, ít cấu trúc.

Cần Thơ có rất ít các điểm nhấn có tầm cỡ. Mới có Cầu Cần Thơ, Cầu Tình yêu, Bến Ninh Kiều, Chợ nổi Cái Răng, toà nhà Vincom, Công viên Lưu Hữu Phước, khu UBND thành phố. Trong đó trừ cầu Cần Thơ, Chợ Nổi, còn các điểm khác đều ở Ninh Kiều. Có thể nói, Cần Thơ thiếu rất nhiều dạng điểm nhấn hình thái, mà quan trọng nhất là thiếu các điểm trung tâm và cửa ngõ, là những yếu tố nhận dạng quan trọng của một đô thị.

Về tuyến, những tuyến không gian đô thị quan trọng là những tuyến phố chính, có giá trị về hình thái, công năng. Những tuyến này hiện nay cũng chủ yếu tập trung ở

quận Ninh Kiều, bao gồm các tuyến Hoà Bình, Nguyễn Trãi, Trần Văn Khéo, Lý Tự Trọng và các tuyến phố cổ ở khu vực bến Ninh Kiều. Tuy nhiên, ngay cả những tuyến này cũng chưa có được sự tổ chức hình thái tối đa về điểm đầu, điểm cuối, mặt đứng hai bên, khoảng lùi, cây xanh, chiếu sáng, quảng cáo, vỉa hè v.v. Một số tuyến chính đô thị rất quan trọng, dài và rộng, ở ngay khu vực trung tâm như đường Võ Văn Kiệt, Nguyễn Văn Linh, Quốc lộ 91, QL 1A, đường Trần Phú v.v. về cơ bản không có giá trị hình thái về tuyến chính đô thị, chỉ là tuyến giao thông chính mà thôi. Ninh Kiều cũng đã tổ chức được một số tuyến đi bộ, chợ đêm, tuyến ẩm thực ven sông v.v. có giá trị. Những đô thị mới cũng có tổ chức một số tuyến chính về hình thái như tuyến Lý Thái Tổ, Mai Chí Thọ ở Cái Răng, Đặng Văn Dầy ở khu dân cư Ngân Thuận ở Bình Thủy. So với những tuyến xung quanh thì các tuyến này to hơn, đẹp hơn, nhưng về cơ bản vẫn không có được những giá trị hình thái của một tuyến chính đô thị. Điểm đặc thù của Cần Thơ là có những tuyến không gian tự nhiên, bao gồm các dải ven sông và các tuyến nước, dọc theo các hệ thống kênh rạch chính. Hai bên bờ các kênh rạch này đều có đường giao thông và nhà cửa. Hiện nay, các tuyến không gian này ít được khai thác, chỉ ít là đối với du khách. Nếu biết khai thác tốt các tuyến không gian này, kết hợp đường thủy với các tuyến đi bộ, xe đạp, xe máy, xe điện để ngắm cảnh, kết nối những điểm cảnh quan, công năng tản mát lại với nhau thì Cần Thơ sẽ có một mạng lưới tuyến hình thái có một không hai trên thế giới, với quy mô liên kết toàn bộ các quận. Một số tuyến nước này có thể phát triển thành những tuyến ranh giới, giữa đô thị và nông thôn, giữa Cần Thơ và bên ngoài, giữa các quận với nhau, giữa các phường trong quận. Với cấu trúc ranh giới đó, nếu biết phát triển một cách đồng bộ thì đô thị Cần Thơ cũng sẽ có được sự định hình cấu trúc rất mạch lạc.

Xét về diện thì hình thái diện đô thị Cần Thơ cũng được chia làm 3 khu vực chính, gắn liền với đặc điểm văn hoá xã hội của từng loại hình thái: các khu đô thị tự phát, thấp tầng, mật độ cao, có đường bọc quanh khu lớn, bên trong toàn hẻm nhỏ, ngoắt ngoéo, hẻm cụt, các ô nhà to nhỏ, hình dạng khác nhau; Các khu đô thị mới, chia mạng đường nhỏ, ô cờ, hai dãy nhà úp lưng vào nhau, mật độ xây dựng từng lô cao nhưng mật độ tổng thể thấp hơn, các lô nhà chia đều; các khu nông thôn ven kênh rạch, với đường nhỏ ven đê, nhà bám theo đường, sau nhà là vườn cây trái rồi đến ruộng lúa, ao thủy sản. Những quy hoạch chi tiết hay phân khu của Cần Thơ đều chưa có những định hướng rõ ràng về diện hình thái đô thị.

Xét về hình khối thì đô thị Cần Thơ hiện nay là dạng thấp tầng, dàn trải, không có khối. Nhìn từ trên không hay từ phía sông, phía đồng lại đều chưa tạo nên bản sắc rõ ràng. Dọc theo các tuyến chính, có nhiều nhà xây to nhỏ, cao thấp khác nhau, nếu nhìn dọc phố thì không sao, nhưng nhìn ngang sẽ có cảm giác lộn xộn. Những khu đô thị mới như ở Cồn Khương, Bình Thủy, Cái Răng v.v. có chiến lược tạo ra những điểm nhấn cao tầng, thành mặt tiền của đô thị mới Cần Thơ mang tính hiện đại, tập trung ở dọc sông Hậu. Tuy nhiên, những hình ảnh như vậy có phải là mong muốn của Cần Thơ không, và có khả thi không, còn là vấn đề khác.

Tóm lại, về hình thái, Cần Thơ hiện trạng chưa định hình, và không có gì để bàn nhiều. Tuy nhiên, tại một số khu vực cũ, như Ninh Kiều, có một số đặc điểm hình thái tốt, cần hoàn thiện và phát huy. Đối với những đô thị mới và đang quy hoạch, vấn đề hình thái chưa được ý thức rõ ràng, vì thế chưa có những định hướng mạch lạc để cải thiện điều kiện này của đô thị.

2. Thực trạng phát triển các khu dân cư nông thôn

Khu vực nông thôn được xác định là những khu dân cư thuộc các xã của các huyện ngoại thành. Các khu nông thôn được coi là những quần cư thuần túy nông nghiệp. Hạ tầng cơ bản cho khu dân cư nông thôn được quy định theo tiêu chuẩn nông thôn mới và mỗi xã sẽ có một quy hoạch nông thôn mới. Những dịch vụ và hạ tầng theo quy chuẩn này cung cấp một mức tối thiểu cho người dân trong bán kính tiếp cận hàng ngày. Những loại dịch vụ khác sẽ được cung cấp tại các trung tâm đô thị.

Trong những năm qua, khu vực nông thôn đã đạt được nhiều thành tựu, các xã đều đã đạt nông thôn mới. Chương trình phát triển kinh tế nông thôn theo định hướng đa dạng hoá, kết hợp nông nghiệp đô thị, xoá đói giảm nghèo, nâng cao năng lực v.v. Tuy nhiên, có thể thấy một số vấn đề chính sau:

Về kinh tế, mặc dù đã có những tiến triển, nhưng đóng góp của khu vực nông thôn vào GRDP chỉ hơn 7%, trong khi dân số nông thôn chiếm tới 30% tổng dân số đô thị. Như vậy, có thể thấy vẫn còn chênh lệch rất lớn giữa thu nhập nông thôn và thành thị. Ngoài ra, mặc dù Cần Thơ đã quy hoạch rất nhiều công năng khác, phi nông nghiệp, chế biến, nghiên cứu v.v ở khu vực nông thôn, nhưng đa số các dự án này chưa được thực hiện. Câu hỏi đặt ra là liệu khu vực nông thôn có đủ sức hấp dẫn cho các công năng được quy hoạch này hay không. Điểm thứ ba là dù có những khóa đào tạo, nâng cao năng lực, nhưng mấu chốt nhất là phải có sự đa dạng sinh kế, đặc biệt với những vùng nông thôn còn thuần túy lúa nước, như các xã phía tây thì mới có thể dẫn đến hiệu quả lâu dài.

Về văn hoá xã hội, dù đã đạt tiêu chuẩn nông thôn mới, nghĩa là người dân đã tiếp cận được với một số loại dịch vụ, hạ tầng tối thiểu. Tuy nhiên, cũng phải thấy rõ là các quy chuẩn nông thôn mới chưa đảm bảo được một đời sống văn hoá xã hội ổn định, bền vững. Nhất là với cấu trúc dân cư chạy thành dải phân tán kiểu nông thôn nam bộ thì cho dù đạt các tiêu chuẩn nông thôn mới thì chất lượng về điều kiện xã hội vẫn rất không đảm bảo, do nhiều chiều quan hệ xã hội vẫn không được đáp ứng.

Về sinh thái cảnh quan, trừ khu vực Phong Điền thực ra nên được coi là một đô thị sinh thái thì các khu vực khác về cơ bản không có giá trị gì về sinh thái cảnh quan cả.

Có thể tóm lại là những khu dân cư nông thôn, đặc biệt là các xã thuần lúa, về cơ bản chưa thể được coi như những hình thức định cư tốt, mà chỉ là cư trú tạm bợ theo diện tích sản xuất nông nghiệp, giống như người công nhân ngủ tạm trong các khu tập thể công nhân. Khi mà việc sản xuất nông nghiệp này lại còn không mang lại hiệu quả

kinh tế lớn, thì hình thức ở tạm này càng khó có thể chấp nhận. Bài toán nông nghiệp và nông thôn về cơ bản vẫn cần phải có những bước đột phá quan trọng.

3. Thực trạng phát triển các khu chức năng đô thị

Cần Thơ chưa có nhiều khu chức năng, ngoại trừ một số khu công nghiệp quy mô nhỏ bám quanh các cảnh sông chính và một vài trường đại học. Trong quy hoạch chung cũng như các quy hoạch phân khu, rất nhiều khu chức năng được xác định gồm những khu trung tâm đô thị đa năng, thương mại dịch vụ, khu công nghiệp, khu giáo dục đào tạo, văn hoá thể thao, du lịch, v.v. Các khu này nhằm:

- Bổ sung những công năng còn thiếu đối với một đô thị tầm cỡ;
- Đón đầu các kết nối hạ tầng vùng để tận dụng thế mạnh của các kết nối này;
- Phân bổ đều các khu công năng ra các quận, huyện, để phát triển đồng đều hơn;
- Đặc biệt tận dụng phát triển ở các khu nông thôn, một mặt vì quỹ đất còn nhiều, mặt khác, nhằm đa dạng hoá sinh kế của các khu vực nông thôn.

Những vấn đề cần phải cân nhắc tiếp ở đây là:

- Mặc dù đã có rất nhiều loại công năng, nhưng quy mô tổng thể của các loại công năng này chưa lớn, và cũng chưa có những lĩnh vực thật là tiên phong, với triết lý, chiến lược rõ ràng để có thể thay đổi bức tranh tổng thể về kinh tế Cần Thơ.

- Các khu công năng phân bổ tản mát, tuy đón đầu các kết nối hạ tầng, nhưng không tạo ra được hiệu quả hội tụ và sự tập trung cần thiết để có thể cung cấp những hạ tầng bảo vệ. Một mình yếu tố kết nối hạ tầng có lẽ không đủ hấp dẫn để các doanh nghiệp đầu tư vào các khu chức năng, nên thực tế rất nhiều khu chưa thành hiện thực, chưa có dự án.

- Khu vực đất tiền nhất, trọng yếu nhất là quận Ninh Kiều chưa được sử dụng một cách tối ưu cho các chức năng chiến lược.

Vùng đô thị, khu kinh tế đô thị: Sự hội tụ đa năng trong vùng đô thị lõi đối với Cần Thơ chỉ có ở khu vực Ninh Kiều. Trong vùng đô thị lõi đó, lại có những tiểu vùng đô thị, là những tổ hợp đô thị đa công năng nhưng tập trung ở một khu vực, dạng Trung tâm tài chính, thương mại - dịch vụ văn phòng hỗn hợp. Những loại vùng như vậy mới chỉ manh nha và hình thành tương đối rõ nét ở 2 khu vực nhỏ là vùng phố chợ bến Ninh Kiều và vùng đô thị mới Cái Khế quanh khu vực Trần Văn Khéo, Ninh Kiều. Khu vực Cồn Khương theo quy hoạch cũng có thể trở thành một vùng đô thị đặc thù. Theo quy hoạch chung Thành phố 2013, bố trí các trung tâm tài chính, thương mại - dịch vụ văn phòng hỗn hợp cấp quốc gia và quốc tế tại khu đô thị truyền thống Ninh Kiều - Bình Thủy, khu đô thị mới Ô Môn, khu đô thị - công nghiệp Cái Răng. Đối với các trung tâm cấp vùng và quốc gia bố trí ở các quận Ninh Kiều, Bình Thủy, Ô Môn và Thốt Nốt.

a. Khu thương mại – dịch vụ

Thành phố tập trung xây dựng trung tâm thương mại vùng tại quận Ninh Kiều, đẩy mạnh phát triển các trung tâm thương mại vệ tinh tại trung tâm các quận, huyện hoặc cửa ngõ ra vào thành phố như Trung tâm thương mại hạng I, II tại các quận: Ninh Kiều,

Bình Thủy, Ô Môn, Cái Răng và các huyện Thốt Nốt, Cờ Đỏ, Phong Điền, Vĩnh Thạnh, với diện tích chiếm đất tối thiểu của một Trung tâm thương mại từ 10.000 m² trở lên...nhằm đáp ứng nhu cầu, giao lưu hàng hóa giữa các khu vực trên địa bàn thành phố với các tỉnh vùng ĐBSCL, cả nước và quốc tế.

Phát triển hệ thống siêu thị, đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050, trên địa bàn có 14 siêu thị, trong đó 05 siêu thị hạng I; 08 siêu thị hạng II và 01 siêu thị hạng III; đầu tư xây dựng và cải tạo các kho đầu mối cho các loại hàng hóa trên địa bàn. Trong đó, tập trung tại các cảng xuất nhập khẩu như cảng Cái Cui, Cần Thơ, Trà Nóc, Cảng xuất nhập xăng dầu và chợ đầu mối chuyên doanh lúa gạo Thốt Nốt, chợ đầu mối chuyên doanh nông sản, thủy sản.

b. Khu công nghiệp:

Tính đến tháng 7 năm 2021, các khu công nghiệp Cần Thơ có 251 dự án, thuê 352,39ha đất công nghiệp, với tổng vốn đầu tư đăng ký là 1,763 tỷ USD.

Theo quy hoạch hiện hữu, Cần Thơ có 11 khu công nghiệp, tập trung thành 5 cụm: Hưng Phú-Cái Răng, Trà Nóc (Bình Thủy- Ô Môn), Ô Môn, Thốt Nốt và Vĩnh Thạnh, tới tổng quy mô khoảng 2400ha. Có thể nói, đây là một chiến lược phân tán, với những khu công nghiệp nằm ở các điểm nút giao thông liên vùng, nhằm tận dụng ưu thế kết nối vùng, và bố trí gần như ở tất cả các quận huyện, để hướng tới phát triển đồng đều.

c. Cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp:

Cần Thơ hiện không có cụm CN và tiểu thủ CN nào. Trong quy hoạch hiện hữu thì có 5 cụm CN, tiểu thủ CN với quy mô 25-46 ha, nằm ở 4 huyện ngoại thành và 1 cụm ở Ninh Kiều. Trong 5 cụm này thì có cụm ở Phong Điền đã quyết định rút ra để tập trung phát triển Phong Điền thành đô thị sinh thái. Các cụm còn lại chủ yếu đóng vai trò cải thiện thu nhập và lao động cho các huyện ngoại thành.

d. Khu nghiên cứu, đào tạo:

Định hướng quy hoạch chung Thành phố 2013 đã xác định: các trung tâm giáo dục - đào tạo cấp vùng, quốc gia và quốc tế đặt tại khu đô thị mới Ô Môn. Các cơ sở đào tạo đại học, đào tạo nghề và các viện nghiên cứu được bố trí tại quận Ninh Kiều, quận Bình Thủy và cả ở các quận khác như quận Ô Môn, Thốt Nốt.

- Khu công nghệ thông tin tập trung Tp. Cần Thơ có diện tích 20 ha, thuộc địa bàn phường Hưng Thạnh, quận Cái Răng, Tp. Cần Thơ, do Quỹ đầu tư phát triển Tp Cần Thơ làm chủ đầu tư. Khu công nghệ này được kỳ vọng là trung tâm cung cấp hạ tầng, nhân lực và dịch vụ công nghệ thông tin phục vụ sự phát triển công nghiệp công nghệ thông tin của Tp Cần Thơ và vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

- Dự án vườn ươm công nghệ công nghiệp Việt Nam - Hàn Quốc đã khởi công từ tháng 11-2013, sẽ nghiên cứu phát triển sản phẩm thuộc 3 ngành chủ lực là chế biến thủy sản, chế biến nông sản và cơ khí chế tạo thuộc quận Ô Môn.

Tp. Cần Thơ đang triển khai Đề án phát triển nông nghiệp công nghệ cao giai đoạn 2014 – 2020, trong đó tập trung phát triển ba lĩnh vực chính: Quản lý nông sản

hướng tới chuẩn quốc tế; Đưa thủy sản thành ngành kinh tế chủ lực; Phấn đấu đưa Cần Thơ trở thành trung tâm nông nghiệp công nghệ cao của Vùng ĐBSCL, Tp. Cần Thơ đã mời gọi doanh nghiệp đầu tư nhiều dự án nông nghiệp công nghệ cao tại xã Thới Thạnh, huyện Thới Lai, tại Nông trường Sông Hậu và tại Công ty Nông nghiệp Cờ Đỏ.

Có thể nói đây là những định hướng quan trọng trong chiến lược kinh tế Cần Thơ. Tuy nhiên, việc lựa chọn địa điểm chưa thực sự thuyết phục. Những khu công nghệ cao, khu công nghệ thông tin, vườn ươm công nghệ được đặt vào những khu đô thị mới như Cái Răng, Ô Môn, nhằm tạo động lực phát triển cho các đô thị này. Song chưa rõ liệu các khu vực này đủ hấp dẫn để tạo nên các khu công nghệ cao có quy mô. Tương tự, các khu công nghệ nông nghiệp được phân bố về các nông trường, vừa xa trung tâm, ít nhân lực cao cấp, vừa ít khả năng đa dạng hoá loại hình nông nghiệp. Như vậy, việc tạo nên 3 trung tâm nông nghiệp công nghệ cao về nông nghiệp rất ít sức thuyết phục.

e. Khu du lịch, khu bảo tồn thiên nhiên:

Theo quy hoạch chung Thành phố 2013, bố trí các loại hình dịch vụ hỗn hợp tại khu đô thị Ninh Kiều - Bình Thủy, 2 khu đô thị công nghiệp Cái Răng và Thốt Nốt. Đối với loại hình dịch vụ du lịch, văn hóa truyền thống, du lịch sông nước, du lịch sinh thái vườn cây, nông nghiệp được tập trung phát triển đầu tư tại khu đô thị sinh thái Phong Điền, khu vực các cồn trên sông Hậu (cồn Ấu, cù lao Tân Lộc, cồn Cái Khế,...).

Vấn đề chính ở đây không phải là làm dịch vụ du lịch gì, mà cần phải củng cố, phát huy nhưng tiềm năng, tài sản về thiên nhiên, sinh thái và văn hoá để phục vụ du lịch. Hiện nay, đa số các định hướng mới chỉ tập trung vào khai thác các tiềm năng hiện hữu mà chưa có những chiến lược căn cơ để tạo ra tiềm năng lớn, bền vững.

f. Khu khoa học công nghệ:

Hiện tại các khu khoa học công nghệ đã có quy hoạch gồm Trung tâm ứng dụng tiến bộ KH&CN Tp Cần Thơ và Vườn ươm Công nghệ Việt Nam - Hàn Quốc với diện tích 202,15 ha, tuy nhiên vẫn chưa triển khai. Ngoài ra, UBND Tp Cần Thơ cũng đã trình đề án thành lập Khu công nghệ cao Cần Thơ, địa điểm dự kiến: phường Phước Thới, quận Ô Môn, Tp Cần Thơ, quy mô diện tích: khoảng 195ha; Địa điểm lựa chọn nằm tại trung điểm các vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao của Thành phố. Vấn đề đặt ra tương tự như đối với các khu công nghệ cao, là việc bố trí các khu này tại các đô thị mới có đủ sức hấp dẫn hay không.

4. Thực trạng phát triển kết cấu hạ tầng kĩ thuật

4.1. Giao thông

4.1.1. Đường bộ

Đánh giá hiện trạng:

Về cơ bản hệ thống giao thông mới chỉ đáp ứng nhu cầu hiện tại, là kết nối những khu vực đô thị, nông thôn với nhau, ít hàng hoá, ít nhu cầu đi lại giữa các vùng. Những tuyến quốc lộ đi qua đô thị đồng thời cũng là tuyến phố chính đô thị, chưa có sự tách biệt rõ ràng giữa mạng lưới đường chính đô thị và hệ thống vận tải liên vùng. Về mạng

lưới cũng như chất lượng các đường liên vùng và tỉnh lộ hiện nay, bao gồm cả các cầu đường bộ, về cơ bản chưa đáp ứng được quy chuẩn về đường tỉnh và vùng. Đây có thể nói chưa phải là hệ thống hạ tầng giao thông của một đô thị lớn quy mô vùng.

Một vấn đề của hệ thống giao thông bộ Cần Thơ là có chi phí rất đắt, do mặt bằng thấp, nền đất trũng, yếu. Đặc biệt những tuyến chính chạy song song với sông Hậu sẽ phải cắt qua một mạng lưới rất nhiều kênh rạch, vừa tốn chi phí, vừa có thể mâu thuẫn với giao thông thủy cũng như các vấn đề của hệ thống tự nhiên. Những tuyến vuông góc với sông Hậu có ít vấn đề hơn về chi phí và cầu, nhưng hiện nay chưa phải là những kết nối chính, trừ khi đó là đường chính đô thị cấp quận.

Đánh giá quy hoạch hiện hữu:

Quy hoạch vùng xác định Cần Thơ có 4 tuyến cao tốc vùng đi qua, sẽ nâng cao khả năng kết nối của Cần Thơ. Hiện nay các tuyến cao tốc này đang được triển khai với ưu tiên hàng đầu nên khả năng lớn sẽ hoàn thành được trong giai đoạn 2020-2030.

Quy hoạch mới nhất xác định tuyến liên vùng Ô Môn - Ròng Giềng, cho thấy vai trò của khu vực giữa, quận Ô Môn sẽ có nhiều thay đổi đáng kể so với hiện tại.

Đặc biệt tuyến 91B và nam sông Hậu theo quy hoạch chung là một trục giao thông đa phương tiện rất lớn, tới 80m. Song tính khả thi và hiệu quả của tuyến này cần phải xem xét lại, bởi tỷ lệ những khu vực được hưởng lợi và phát triển từ hạ tầng này quá ít mà chi phí đầu tư quá cao. Cần sử dụng hiệu quả hơn tuyến cao tốc nam sông Hậu thay vì làm thêm một tuyến chính đô thị quá lớn chạy song song với nó. Chẳng hạn là thêm hai kết nối lên cao tốc Nam sông Hậu ở Phong Điền và Vĩnh Thạnh thì cao tốc này có thể coi như tuyến xương sống của đô thị Cần Thơ.

4.1.2. Đường thủy nội địa

Đánh giá hiện trạng:

Giao thông thủy là một yếu tố đặc thù của Cần Thơ, với mạng lưới nước dày đặc, dẫn tới từng lô đất, và 6 tuyến kết nối quốc gia, liên vùng, nhưng nhìn chung hoạt động còn chưa tối ưu. Có những lý do cấp vùng, do hệ thống TNĐ vùng chưa hoàn thiện, còn nhiều điểm ách tắc, và những lý do nội bộ hệ thống của Cần Thơ.

Đánh giá quy hoạch hiện hữu:

Trong định hướng quy hoạch giao thông thủy hiện hữu, cấp vùng sẽ có cải tạo những kết nối chính giữa Cần Thơ và TPHCM, với nhiều đường kết nối, giải quyết các nút thắt. Nội bộ Cần Thơ có 150 tuyến đường thủy liên vùng và nội bộ các quận huyện, với tổng chiều dài khoảng 750km được quy hoạch nâng cấp, cải tạo. Nếu làm được như vậy thì năng lực vận tải thủy nội địa sẽ được nâng cao đáng kể.

Tuy nhiên, vấn đề là cần phải có một cấu trúc sản xuất, vận trù phù hợp với vận tải đường biển và hấp dẫn hơn với các doanh nghiệp này thì mới có thể kêu gọi đầu tư và việc nâng cấp này mới trở nên khả thi. Gần đây, vì nhiều lý do, hệ thống đường thủy không được coi trọng như đường bộ, đặc biệt là đối với những vận tải cao cấp. Cần có quy hoạch/kế hoạch phát triển kinh tế rõ ràng để phát huy tiềm năng thực sự của ĐTNĐ.

4.1.3. Đường biển

Cảng biển Cần Thơ là cảng tổng hợp quốc gia đầu mối khu vực (loại I), gồm các khu bến chính là Cái Cui, Hoàng Diệu, Trà Nóc, Thốt Nốt. Các khu bến của cảng chưa phát huy tác dụng (đạt khoảng 58% công suất), với nhiều lý do: thiếu hạ tầng logistics, kho bãi, thiếu kết nối với cao tốc, dịch vụ chưa tốt, luồng tuyến chưa thông v.v.

Đánh giá quy hoạch hiện hữu:

Tập trung chủ yếu vào khu vực Cái Cui, cảng Hoàng Diệu trở thành cảng du lịch, cảng Trà Nóc, Thốt Nốt là những cảng phụ, chủ yếu phục vụ quy mô nhỏ hoặc thủy nội địa. Cải thiện kết nối và dành diện tích logistics, kho bãi cho các cảng, đặc biệt là Cái Cui. Tuy nhiên, đây đều là những vấn đề kỹ thuật. Cần phải xem xét xem các luồng hàng vùng ĐBSCL đi như thế nào và có thực sự hợp lý nếu tập trung tại cảng Cần Thơ hay không, cụ thể là loại hàng nào sẽ nên tập trung ở đây, với quy mô bao nhiêu.

4.1.4. Đường hàng không

Đường hàng không hiện nay của Cần Thơ chưa phát huy được hết công suất. Vận tải hành khách mới đạt 35%, hàng hoá đạt 3,7%.

Đánh giá quy hoạch hiện hữu:

Quy hoạch hiện hữu xác định mở rộng khu vực kho bãi logistics và đô thị hàng không ở gần sân bay. Nếu những quy hoạch này được thực hiện thì năng lực hàng không sẽ tăng. Tuy nhiên, vấn đề chính ở đây không phải là thiếu đô thị hay kho bãi, mà là người ta sẽ đến Cần Thơ làm gì và nguồn hàng để vận tải hàng không là gì, từ đâu đến và sẽ đi đâu. Cần phải xác định được rõ hơn nhu cầu vận tải hàng không.

4.1.5. Đường sắt

Những tuyến đường sắt kết nối Cần Thơ với TPHCM và đường sắt dọc bờ nam sông Hậu đã có trong định hướng quy hoạch mạng lưới đường sắt quốc gia. Nếu có kết nối đường sắt với TPHCM, vị thế địa kinh tế, chính trị của Cần Thơ sẽ thay đổi rất đáng kể, vì thời gian di chuyển là yếu tố quan trọng nhất. Những kết nối hiện nay đều có thời gian quá dài, khiến cho Cần Thơ không thể được xem như một vệ tinh của TPHCM được.

4.1.6. Logistics

Nhìn chung, năng lực logistics hiện nay của Cần Thơ còn yếu và được quy hoạch để cải thiện thành trung tâm logistics cấp vùng, đặc biệt gắn liền với cảng Cái Cui và Sân bay. Tuy nhiên, có lẽ vấn đề chính không hẳn nằm ở logistics, mà ở nguồn hàng. Vì thế cần giải quyết quy hoạch nguồn hàng chứ không chỉ dừng lại ở cung cấp đất logistics.

4.2. Hạ tầng thủy lợi và phòng chống thiên tai

Hạ tầng thủy lợi và PCTT là loại hạ tầng quan trọng nhất ở vùng ĐBSCL, về cả vai trò và quy mô sử dụng đất, nhu cầu đầu tư. Riêng phần đề điều của thủy lợi cũng đã chiếm nửa diện tích hạ tầng kỹ thuật của Thành phố. Nếu tính cả diện tích mặt nước vào hạ tầng thủy lợi thì tổng diện tích lĩnh vực này là rất lớn. Nhiệm vụ chính của Thủy lợi

bao gồm Cấp, Thoát nước cho sản xuất nông nghiệp và phòng chống thiên tai do nước gây ra, như sạt lở, ngập lụt, xâm nhập mặn v.v. Hệ thống hạ tầng thủy lợi hiện nay đã đáp ứng những nhu cầu này. Sắp tới, do sử dụng nước thượng nguồn, BĐKH, điều kiện thủy văn có thể thay đổi, dẫn tới việc điều chỉnh hệ thống thủy lợi, nhưng về cơ bản không có vấn đề gì về kỹ thuật.

Tuy nhiên, có hai vấn đề có thể dẫn tới thay đổi lớn trong hệ thống thủy lợi. Thứ nhất là nếu đặt yêu cầu thủy lợi không chỉ là tưới tiêu, mà là quản lý nước tổng hợp, thì còn rất nhiều vấn đề, từ ô nhiễm nước, chất lượng nước, đa dạng sinh học, lưu thông dòng chảy, cung cấp phù sa, cảnh quan, văn hóa xã hội v.v. Cần phải nhìn nhận mạng lưới sông ngòi kênh rạch Cần Thơ như những cấu thành quan trọng nhất của đô thị, cảnh quan, là bộ phận của cơ thể sống, chứ không chỉ là những kênh cống tưới tiêu. Nếu xét góc độ đó thì toàn bộ hệ thống kênh rạch nội ô hiện nay của Cần Thơ đang có vấn đề, làm mất đi một tiềm năng rất cơ bản của thành phố. Còn nếu cứ tiếp tục như vậy thì trong tương lai, vấn đề sẽ trầm trọng hơn và lan ra các khu đô thị mới.

Thứ hai là nếu phát triển phi nông nghiệp quy mô lớn, bao gồm đô thị và công nghiệp, thương mại dịch vụ, thì nhu cầu về bảo vệ, đặc biệt là chống ngập lụt, sạt lở sẽ khác hẳn với hiện nay. Hệ thống thủy lợi cần kết hợp với hệ thống kỹ thuật san nền tiêu thủy của đô thị để trở thành một mạng lưới đồng bộ, hiệu quả. Ranh giới hai lĩnh vực này ở đâu và kết hợp với nhau như thế nào là một vấn đề trọng tâm.

4.3. Hạ tầng chuẩn bị kỹ thuật

Những khu vực đất đủ độ cao thuận lợi cho phát triển đô thị, xây dựng ở Cần Thơ chỉ tập trung ở dọc sông Hậu. Nhưng ngay cả khu vực này cũng chưa đủ độ cao để đảm bảo không ngập hiện tại và nhất là trong tương lai. Đa phần các khu vực thuận lợi này đều có công trình xây dựng hiện hữu, với mật độ khá cao, xen kẽ xoi đổ với các khu vực chưa xây dựng. Mạng lưới nước dày đặc tuy thuận lợi cho tiêu nước, nhưng cũng dẫn nước tới mọi nơi khi lụt, đồng thời chia nhỏ mặt bằng, gây khó khăn cho việc san nền. Mặt khác, nguồn vật liệu san nền của Cần Thơ cũng không có sẵn. Hiện nay, không có quản lý san nền đồng bộ, mà chỉ có cục bộ, dự án sau nâng nền cao hơn dự án trước, dẫn tới chuyển vấn đề ngập lụt từ chỗ nọ ra chỗ kia. Trong quy hoạch mới, cần có định hướng cho 2 vấn đề chính: thứ nhất là chuẩn bị kỹ thuật cho khu vực hiện hữu, tương đối có nền cao hơn, thuận lợi hơn ven sông Hậu như thế nào. Thứ hai là nếu muốn phát triển ra vùng trũng thấp hơn, ngoài khu vực thuận lợi này thì có giải pháp gì.

4.4. Hạ tầng cấp nước

a. Hiện trạng sử dụng nước

- **Khu vực thành thị:** toàn khu vực có hơn 155.000 hộ dùng nước. Tỷ lệ dân số nội thị được cấp nước: 73-99%. Tiêu chuẩn dùng nước: 120 – 140 lít/người/ngày. Tỷ lệ thất thoát: 28-28.5%.

Khu vực nông thôn: Tỷ lệ sử dụng nước hợp vệ sinh: 71,46%. Tỷ lệ sử dụng nước đạt Quy chuẩn: 38,47%

b. Hiện trạng các công trình xử lý nước sạch

- Khu vực thành thị: có 13 nhà máy cấp nước Nguồn nước thô lấy từ Sông

Hậu, Sông Cần Thơ, Thốt Nốt, Cái Sắn, Bình Thủy...

- Khu vực nông thôn: chủ yếu sử dụng nguồn nước ngầm. Hiện tại có khoảng 439 giếng khoan với công suất cấp nước nhỏ khoảng 4 – 6 m³/ngđ.

c. Hiện trạng mạng lưới đường ống

- Khu vực thành thị: mạng lưới cấp nước nội đô cho thành phố Cần Thơ chiều dài khoảng hơn 500 km với đường kính chủ yếu từ D60 – D700mm bao gồm các loại vật liệu ống: gang, thép, PVC, PE, Phibro XM. Mạng lưới đường ống được xây dựng qua nhiều thời kỳ, trong đó một số đường ống đã bị hư hỏng, Mạng lưới đường ống cấp nước chủ yếu được đầu nối mạch vòng cung cấp nước sạch cho các quận trung tâm thành phố.

- Khu vực nông thôn: mạng lưới được xây dựng với quy mô nhỏ, cung cấp nước sạch cục bộ cho trung tâm huyện và các xã.

4.5. Hạ tầng thoát và xử lý nước thải

a. Hiện trạng lưu lượng nước thải

Lượng nước thải ước tính thải ra môi trường hiện tại trong ngày của thành phố Cần Thơ ước tính khoảng 125.992m³/ngày đêm, trong đó: Nước thải từ các khu đô thị trung tâm: 116.692 m³/ngày.đêm; Nước thải từ các thị trấn ngoại thành: 9.300 m³/ngày đêm.

Hiện trạng hệ thống thu gom

- Khu vực đô thị: Hệ thống thoát nước nói chung chủ yếu tập trung tại các khu vực trung tâm cũ của thành phố và các khu vực đô thị hiện hữu như Ô Môn, Thốt Nốt, Cái Răng tuy nhiên hệ thống thoát nước cũng chỉ chủ yếu thu gom nước thải tại các hộ dân bám theo mặt đường. Các khu vực dân cư nằm xa các trục đường giao thông chính gần như chưa được đầu nối với hệ thống thu gom.

- Các thị trấn ngoại thành: Hầu hết các thị trấn ngoại thành đều chưa có hệ thống thu gom, nước thải phát sinh sẽ được xả thẳng ra hệ thống kênh mương.

Hiện trạng xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt

- **Khu vực đô thị:** hầu hết các hộ dân đều có thiết bị vệ sinh và bể tự hoại tuy nhiên việc thoát nước sau bể tự hoại chưa đồng bộ: Các khu vực trung tâm, các bể tự hoại được đầu nối vào hệ thống thoát nước của thành phố trong khi ở các vùng ngoại vi nước thải sau bể tự hoại vẫn được xả thẳng vào hệ thống kênh rạch.

- **Khu vực nông thôn:** một phần các hộ dân chưa có bể tự hoại tuy nhiên toàn bộ nước thải sinh hoạt (dù được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại hay không) đều xả ra các kênh rạch.

- **Xử lý tập trung:** Nước thải sinh hoạt hiện tại chỉ được xử lý tại duy nhất nhà máy xử lý nước thải Cái Sắn, công suất thiết kế 30.000m³/ng.đ. Công suất hoạt động thực tế trung bình 23.000m³/ng.đ, ngày cao điểm 27.000m³/ng.đ và chủ yếu xử lý nước thải cho quận Ninh Kiều.

- Nước thải từ các công trình công cộng

- Công trình công cộng: hầu như chưa có hệ thống xử lý nước thải
- Bệnh viện: đã chuyển về các cơ sở mới và có trạm xử lý nước thải tập trung
- Nước thải công nghiệp: Nhằm giải quyết vấn đề môi trường ở các KCN, thành phố đã triển khai xây dựng nhà máy xử lý nước thải tập trung tại KCN Trà Nóc và KCN Thốt Nốt. Trong đó:

- Nhà máy xử lý nước thải tập trung tại KCN Thốt Nốt: 2.500 m³/ngày đêm
- Nhà máy xử lý nước thải tập trung tại KCN Trà Nóc: 12.000 m³/ngày đêm

4.6. Hạ tầng chất thải rắn

- Khối lượng CTR sinh hoạt ở Cần Thơ gia tăng trong khoảng 5 năm gần đây là không nhiều, dao động trong khoảng 920-950 tấn/ngày do sự gia tăng dân số thấp và hệ số phát thải CTRSH là không thay đổi. Các CTR công nghiệp (18.568 tấn/năm), CTR y tế nguy hại (1,2 - 1,8 tấn/ngày) và CTNH trong CTR công nghiệp tại các KCN (khoảng 280 tấn/ngày) ngày càng tăng, trung bình hơn 10%/năm do sự phát triển kinh tế xã hội.

- Hiện nay, Cần Thơ chưa phân loại CTR, mới thu gom được khoảng 80-90% ở các quận nội thành và chỉ khoảng 60% ở các huyện. Công tác xử lý CTR chưa đồng bộ. Mỗi ngày, 400 tấn CTR được đốt (phát điện) tại nhà máy của Công ty TNHH Năng lượng Môi trường EB tại Khu xử lý chất thải rắn thuộc xã Trường Xuân, huyện Thới Lai, lượng CTR thu gom được còn lại được xử lý rải rác tại 10 bãi chôn lấp với diện tích rất chênh lệch, từ 0,2 ha đến 20 ha và đa số có diện tích < 1 ha.

- Chất thải y tế được phân loại, thu gom và một phần lớn chất thải y tế nguy hại hiện được xử lý tại Bệnh viện Lao và Bệnh phổi theo mô hình cụm bằng công nghệ hấp nhiệt ướt kết hợp nghiền cắt với công suất 140 kg/giờ. Phần còn lại được xử lý thông qua hợp đồng với (các) đơn vị xử lý chất thải nguy hại. CTR công nghiệp (thông thường và nguy hại) được phân loại, thu gom và xử lý phù hợp.

- Nhìn chung, hạ tầng kỹ thuật quản lý CTR còn một số hạn chế và chưa đáp ứng được yêu cầu thực tế.

4.7. Hạ tầng điện

- Nhiều dự án nguồn điện chậm tiến độ so với quy hoạch làm ảnh hưởng nghiêm trọng tới việc đảm bảo cung ứng điện trong thời gian tới.

- Nguồn điện từ năng lượng tái tạo chậm phát triển, đồng thời hệ thống truyền tải điện để giải tỏa công suất phát triển chưa sẵn sàng.

- Nguồn nhiên liệu cho phát điện chủ yếu là LNG từ khí lô B nhưng chỉ được khoảng 10 năm. Sau đó sẽ phải nhập khẩu.

- Tp Cần Thơ có tiềm năng phát triển điện MT, 2 năm 2019-2020, sau khi có 1 số chính sách ưu đãi, nhiều nhà đầu tư quy mô nhỏ đã đầu tư phát triển các cơ sở điện mặt trời mái nhà, đạt tổng công suất điện mái nhà khoảng 80MWp;

- Lãnh đạo Tp Cần Thơ đã có nhiều nỗ lực thúc đẩy phát triển điện lực:

- Tháng 4/2021, Tp Cần Thơ đã khởi động dự án chuyển hoá carbon thấp với mục tiêu đến năm 2025 sẽ tập trung phát triển và ứng dụng rộng rãi năng lượng gió và năng lượng mặt trời trên toàn thành phố. Đến năm 2030 sẽ tăng mức cung lên đến 6.000MW điện gió và 12.000MW điện mặt trời mỗi năm;
- Tháng 5/2021, lãnh đạo Tp Cần Thơ có buổi làm việc trực tuyến với Tập đoàn SK Hàn Quốc nhằm trao đổi về phát triển NLTT, kho cảng khí hóa lỏng LNG, sản xuất pin nhiên liệu hydrogen hướng đến kinh tế năng lượng sạch.
- Nghiên cứu cho thấy Cần Thơ có tiềm năng sản xuất điện năng lượng mặt trời có thể đáp ứng 46% – 70% nhu cầu sử dụng điện nếu kết hợp diện tích đất nông nghiệp.

4.8. Hạ tầng thông tin và truyền thông

Điểm mạnh

- Nhận thức về vai trò, lợi ích của việc ứng dụng CNTT, nỗ lực thực hiện chuyển đổi số và Thành phố đạt nhiều kết quả tích cực trong chuyển đổi số;
- Hạ tầng trang thiết bị CNTT, hệ thống mạng nội bộ, bưu chính được đầu tư nâng cấp đồng bộ trong cơ quan nhà nước; Vận hành ổn định, đảm bảo an toàn;
- Trình độ của nhân lực CNTT, nhận thức, kỹ năng sử dụng CNTT.

Điểm yếu

- Phương thức tăng trưởng thay đổi chưa rõ; Thiếu cơ chế, chính sách phù hợp hỗ trợ thúc đẩy khởi nghiệp sáng tạo;
- Hệ thống kết cấu hạ tầng bưu chính, viễn thông còn hạn chế, thiếu đồng bộ;
- Chất lượng nguồn nhân lực, trình độ khoa học, công nghệ còn khoảng cách so với y/c; Công nghiệp CNTT chậm triển khai.

4.9. Thực trạng chung về nhà ở

Nhà ở không phải là vấn đề lớn ở Cần Thơ, nhu cầu nhà ở của Cần Thơ đã được đáp ứng, theo những chỉ số chính: diện tích nhà ở trên đầu người, tỷ lệ nhà kiên cố và bán kiên cố, số gia đình không có nhà ở. Trong chương trình phát triển nhà ở, một số chỉ số như tổng diện tích nhà ở, tỷ lệ chung cư và nhà ở xã hội không đạt được. Tuy nhiên, điều đó có thể do những mục tiêu đề ra không xuất phát từ nhu cầu và cấu trúc kinh tế, văn hoá xã hội thực sự. Cần phải xem lại cách xác định những mục tiêu này.

4.10. Hạ tầng nghĩa trang

Theo thông lệ quy hoạch, lĩnh vực nghĩa trang cùng nằm trong một tổ hợp hạ tầng kỹ thuật với xử lý chất thải. Những tiêu chuẩn kỹ thuật được nêu ra chủ yếu là năng lực xử lý như vận chuyển, thiêu đốt, chôn táng, thoát nước v.v. Gần đây, lĩnh vực dịch vụ đi kèm mới được chú trọng hơn một chút. Nhưng về cơ bản, đây vẫn được coi chủ yếu là một lĩnh vực cần phải được tập trung xử lý, ở những vị trí càng xa, càng ít ảnh hưởng đến đời sống càng tốt.

Việc chôn cất ở Cần Thơ có nhiều điểm mạnh, vì nó liên quan mật thiết tới những hoạt động tâm linh của các giáo xứ, chùa chiền. Một phần được đặt trong các không gian

tôn giáo, hoặc là đặt ngay trong vườn nhà. Đây cần được coi là những thế mạnh, chứ không phải là vấn đề. Dù đa số các quan điểm quy hoạch coi việc mộ phần phân tán là ảnh hưởng tới không gian sống, nên cần phải được gom lại thành những bãi chôn tập trung theo quy hoạch. Nghĩa trang là một lĩnh vực tâm linh tối cao, chứ không đơn thuần là một loại bãi rác đặc biệt. Từ đó ta có thể đưa ra định hướng phù hợp trong tương lai.

5. Thực trạng phát triển hạ tầng xã hội

5.1. Hạ tầng giáo dục đào tạo và nghề nghiệp

Đối với giáo dục nghề nghiệp, nhìn chung, mạng lưới giáo dục nghề nghiệp khá đồng bộ, với cơ sở vật chất đảm bảo và chuẩn hóa theo yêu cầu đổi mới. Một số nghề trọng điểm có cơ sở vật chất được quan tâm đầu tư xây dựng, sửa chữa và mua sắm, đáp ứng được tốt yêu cầu của chương trình dạy và học. Đặc biệt những dự án như “Đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp” cũng đóng góp một phần lớn trong việc nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập. Tuy nhiên, hạ tầng giáo dục nghề nghiệp vẫn còn mặt trái là chỉ tập trung vào một số ngành nghề đào tạo trọng điểm, dẫn đến sự thiếu đồng bộ và chênh lệch trong hệ thống cơ sở vật chất, đặc biệt với các ngành nghề đã tồn tại từ xưa mà không được đầu tư nâng cấp và làm mới. Ngoài ra, mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp vẫn còn tình trạng đào tạo chồng chéo, gây mất ổn định cung cầu trong đào tạo. Các ngành đặc thù cần thiết cho giai đoạn phát triển sắp tới của Cần Thơ, đặc biệt là các ngành công nghệ hiện đại hoặc sản xuất ứng dụng công nghệ cao chưa được chú trọng và đào tạo bài bản.

5.2. Hạ tầng y tế

Hiện tại, TP Cần Thơ đang có tổng số 31 cơ sở khám chữa bệnh với, 6.481 giường, trong đó là 20 cơ sở khám chữa bệnh công lập trực thuộc, 05 bệnh viện trung ương đóng trên địa bàn, 06 cơ sở y tế ngoài Công lập. Số giường bệnh bình quân trên 10.000 dân tăng đều qua các năm, từ 33,64 giường năm 2015 lên 52,07 giường năm 2020, cao hơn mức trung bình cả nước là 29 và của ĐBSCL là 30. Điều này chứng tỏ cơ sở vật chất về y tế của TP Cần Thơ có mức chuyển mình lớn, giúp khả năng tiếp cận dịch vụ chăm sóc sức khỏe của người dân Cần Thơ không thua kém các TP trực thuộc trung ương khác, xứng đáng là Trung tâm y tế của khu vực.

Song song đó, ngành y tế chú trọng ứng dụng công nghệ thông tin, giảm các thủ tục hành chính, giúp việc theo dõi và quản lý điều trị đạt hiệu quả cao, tiết kiệm chi phí cho người bệnh. Tất cả cơ sở khám, chữa bệnh, kể cả các trạm y tế, hoàn chỉnh việc kê đơn qua máy tính và đảm bảo chuyển dữ liệu thanh toán qua hệ thống giám định của Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

Quyết định 1988/QĐ-UBND ngày 08 tháng 08 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố về Quy hoạch phát triển Y tế TP Cần Thơ đến năm 2020, tầm nhìn năm 2030 đã nêu rõ, trong thời gian tới, cần chú trọng tăng cường đầu tư về trang thiết bị cho Bệnh viện Nhi đồng Thành phố để có đủ năng lực đáp ứng vai trò là bệnh viện của vùng Tây Nam Bộ, góp phần giảm tải cho các Bệnh viện Nhi đồng của Thành phố Hồ Chí Minh.

Giai đoạn 2021-2025: gồm 16 bệnh viện, trong đó thành lập mới 03 Bệnh viện gồm: Bệnh viện Răng Hàm Mặt, Bệnh viện Lão khoa, Bệnh viện Bệnh nhiệt đới.

5.3. Hạ tầng khoa học công nghệ

Cần Thơ có 22 đơn vị là tổ chức KH&CN, trong đó: 13 đơn vị hoạt động trong lĩnh vực Khoa học Kỹ thuật và công nghệ, 05 đơn vị hoạt động trong lĩnh vực Khoa học Xã hội, 03 đơn vị hoạt động trong lĩnh vực Khoa học Nông nghiệp và 01 đơn vị hoạt động trong lĩnh vực Khoa học Y dược. Cần Thơ là địa phương có điều kiện tốt nhất vùng ĐBSCL về tiềm năng KH-CN cả nguồn nhân lực lẫn cơ sở vật chất, nhất là trong lĩnh vực nông nghiệp và nông nghiệp công nghệ cao. Cần Thơ có hệ thống đa dạng các trường đại học, viện nghiên cứu; trong đó có những đơn vị hàng đầu của quốc gia và khu vực về lĩnh vực nông nghiệp như Đại học Cần Thơ, Đại học Kỹ thuật Công nghệ Cần Thơ, Đại học Nam Cần Thơ, Viện Nghiên cứu lúa ĐBSCL... cùng đội ngũ cán bộ nghiên cứu về nông nghiệp và các lĩnh vực liên quan như công nghệ sinh học, công nghệ, công nghệ thông tin.

Hiện nay, Thành phố đang nghiên cứu đề án thành lập khu công nghệ cao, tập trung vào công nghệ sinh học, tự động hóa, công nghệ vật liệu mới và công nghệ năng lượng. Đây là trung tâm công nghệ cao của vùng đồng bằng sông Cửu Long, là nơi tập trung, liên kết hoạt động nghiên cứu và phát triển, ứng dụng công nghệ cao, đào tạo nhân lực công nghệ cao, thu hút các viện nghiên cứu và các tổ chức công nghệ, giúp thúc đẩy nhanh quá trình xây dựng Thành phố Cần Thơ trở thành Thành phố thông minh, hiện đại.

5.4. Hạ tầng văn hóa, thể thao và du lịch

5.4.1. Hạ tầng văn hóa

a. Hệ thống bảo tàng

Toàn Thành phố hiện có 03 bảo tàng công lập là: Bảo tàng Thành phố trực thuộc Sở VH-TTDL, Bảo tàng Quân khu 9 và Chi nhánh Bảo tàng Hồ Chí Minh tại Cần Thơ; chưa có bảo tàng tư nhân phục vụ cộng đồng.

b. Hệ thống Thư viện công cộng

Hệ thống thư viện công cộng của thành phố Cần Thơ gồm: 01 thư viện thành phố; 9/9 thư viện quận/huyện; 83/83 thư viện xã/phường/thị trấn và 18 tủ sách cộng đồng tại 12 chùa Khmer, các trung tâm, cơ sở bảo trợ xã hội (chưa tính Thư viện, phòng đọc sách của các Trường)...

c. Điện ảnh và chiếu bóng

Rạp chiếu phim công lập: Đơn vị này đã giải thể từ năm 2017, do đó, hiện nay Thành phố Cần Thơ không có rạp chiếu phim công lập.

Rạp chiếu phim tư nhân: Hiện tại Thành phố có 05 cụm rạp chiếu phim của hệ thống CGV, Lotte Cinema, đạt mức doanh thu cao, với công nghệ phim 3D trở lên, phục vụ nhu cầu giải trí khán giả, nhất là giới trẻ.

d. Biểu diễn nghệ thuật

Hiện nay Thành phố Cần Thơ có duy nhất một Nhà hát thuộc công lập là Nhà hát Tây Đô, với khoảng 800 ghế ngồi, trên cơ sở sửa chữa, nâng cấp rạp Hậu Giang cũ đi vào hoạt động năm 2007. Không có bãi đậu xe, trang thiết bị còn lạc hậu nên không thể tổ chức các chương trình quy mô...

5.4.2. Hạ tầng thể thao

Thực hiện Quy hoạch phát triển ngành Thể dục thể thao đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030, Khu liên hợp thể dục thể thao khoảng 17,3 ha đã được đầu tư các công trình thể dục thể thao cơ bản tương đối hoàn chỉnh như: Sân vận động, Nhà thi đấu đa năng đảm bảo thi đấu cấp quốc gia, quốc tế, có 4 Nhà tập thể thao từng môn, cụm 8 sân Quần vợt, cụm 5 sân Bóng đá mini, 02 sân Bóng chuyền bãi biển, và tiếp tục xây dựng, hoàn thiện các công trình thể thao cơ bản nhằm phục vụ tập luyện thể dục thể thao của người dân, đảm bảo điều kiện tốt cho VĐV tập luyện và tổ chức các giải thi đấu quốc gia, quốc tế.

Đối với cấp quận, huyện thực hiện theo Quy hoạch kinh tế - xã hội của địa phương; cơ sở vật chất cấp xã, phường, Thị trấn, Nhà Văn hóa, Khu thể thao ấp: hiện có 630/630 ấp, khu vực đều có Nhà Văn hóa - Khu thể thao ấp, khu vực theo quy định của Thành phố, mỗi Nhà thông tin ấp, khu vực có diện tích từ 50 - 300 m².

Tuy nhiên, việc sử dụng, vận hành các thiết chế thể dục, thể thao ở một số nơi hiệu quả chưa cao; nhiều công trình thể dục, thể thao được xã hội đầu tư nhưng phân bố chưa đồng đều, chỉ tập trung ở một số quận nội ô; các nguồn lực đầu tư cho thể dục, thể thao còn hạn chế.

Hiện nay nhiều công trình trong khu liên hợp thể dục thể thao, một số nhà tập và thi đấu tại các trường học trong Thành phố bị xuống cấp, chưa được nâng cấp, sửa chữa kịp thời; sân bãi phục vụ cho hoạt động thể dục thể thao ở cơ sở còn hạn chế làm ảnh hưởng đến hoạt động thể dục thể thao trên địa bàn Thành phố.

5.4.3. Hạ tầng du lịch

Các công trình phục vụ du lịch đa dạng, có thể kể đến như: Tuyến phố đi bộ từ Bến Ninh Kiều đến chợ đêm Trần Phú, công trình cầu đi bộ Ninh Kiều, công viên sông Hậu; cải tạo Hồ Bún Xáng, Công viên Lưu Hữu Phước, Công viên Hùng Vương, Bảo tàng Thành phố.

Trong tương lai, cần thu hút nhiều hãng bay khai thác tuyến bay đến Cảng hàng không Quốc tế Cần Thơ nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho giao thương và du lịch phát triển, trong đó việc kết nối các địa phương trọng điểm về du lịch để thu hút khách du lịch đến Cần Thơ. Hiện nay, có 09 đường bay nội địa do các hãng hàng không Vietnam Airlines, VietJet Air, Vasco, Bamboo Airways khai thác và 02 đường bay quốc tế do các hãng AirAsia và Thai AirAsia khai thác.

Về hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch, có nhiều loại hình thương mại dịch vụ du lịch mới, cao cấp được đầu tư đưa vào khai thác. Ngoài ra, có tổng số có 616 cơ sở lưu trú du lịch, trên 10.500 phòng (trong đó khách sạn được công nhận từ 1 đến 5 sao

là 133 khách sạn, với 5.030 phòng); có 64 doanh nghiệp lữ hành (lữ hành nội địa: 39 doanh nghiệp, lữ hành quốc tế: 25 doanh nghiệp); có 34 khu/điểm du lịch.

5.5. Hạ tầng thương mại

5.5.1. Mạng lưới chợ

Tính đến năm 2020, trên địa bàn TP Cần Thơ có 105 chợ các loại, trong đó có 5 chợ hạng 1 (chiếm 5% tổng số chợ), 13 chợ hạng 2 (chiếm 12 %), 83 chợ hạng 3 (chiếm 83%). Nhìn chung, cơ sở vật chất kỹ thuật của phần lớn các chợ được xây dựng kiên cố và bán kiên cố, đáp ứng khá tốt nhu cầu trao đổi, giao lưu hàng hoá của dân cư. Tuy nhiên, hiệu suất sử dụng sạp chưa cao và không đồng đều, nhiều nơi tại khu vực nội thị chợ đã bị quá tải, tận dụng hết diện tích đất trống, trong khi nhiều nơi khác còn tình trạng không sử dụng hết diện tích, nhiều kios chợ bỏ trống, xuống cấp. Tuy nhiên, một số vấn đề còn tồn tại bao gồm:

- Về bố trí, sắp xếp các ngành hàng, khu vực kinh doanh: có không ít chợ ngành hàng bố trí chưa hợp lý, hàng nọ xen lẫn hàng kia, đặc biệt là chợ có quy mô lớn, ở trung tâm khu dân cư.
- Nguyên nhân chính là do tại một số chợ thiết kế quy hoạch mặt bằng chợ thiếu hợp lý ngay từ đầu hoặc không tiên lượng được tốc độ phát triển và mức độ tập trung dân cư, thiết kế cũ đã không còn phù hợp với nhu cầu phát triển.
- Về vấn đề vệ sinh môi trường, an toàn thực phẩm: hầu hết khu vực bán thực phẩm tươi sống, ăn uống của các chợ qua khảo sát đều rất bẩn, đặc biệt là khu hàng cá.
- Thực hiện nhiệm vụ quản lý chợ: nhìn chung việc thực hiện văn minh thương mại ở các chợ chưa tốt, việc rõ ràng, minh bạch trong tài chính thu chi ở một số chợ chưa thực hiện tốt.

5.5.2. Mạng lưới siêu thị

Trên địa bàn TP hiện có 13 siêu thị. Trong số đó, có 08 siêu thị tổng hợp và 04 siêu thị chuyên doanh. Địa bàn có số lượng siêu thị nhiều nhất là quận Ninh Kiều với 10 siêu thị, sau đó là quận Cái Răng, Thốt Nốt với 01 siêu thị, đây là hai địa bàn phát triển nhất về kinh tế - xã hội và tập trung khách du lịch của Thành phố.

Có thể nhận thấy, về số lượng siêu thị hiện nay đáp ứng nhu cầu cung cấp hàng hóa không chỉ cho Thành phố Cần Thơ mà còn cho nhiều địa phương trong vùng đồng bằng sông Cửu Long. Tuy nhiên, hệ thống siêu thị này phân bố không đồng đều, chủ yếu tập trung tại quận Ninh Kiều. Các quận, huyện khác của Thành phố chưa xuất hiện loại hình này.

5.5.3. Mạng lưới trung tâm thương mại

Trên địa bàn TP Cần Thơ hiện có 6 trung tâm thương mại gồm 02 TTTM hạng 1; 04 TTTM hạng 3. Về cơ cấu phân bố, trong số 06 TTTM trên địa bàn, quận Ninh Kiều có 05 TTTM và Quận Cái Răng có 01 TTTM. Các trung tâm thương mại bao gồm: Vincom Plaza Xuân Khánh, Vincom Hùng Vương, Lotte Mart, Sense City, Big C Cần Thơ, Go Cần Thơ.

Nhìn chung, việc đầu tư phát triển hệ thống trung tâm thương mại trên địa bàn TP Cần Thơ cơ bản đáp ứng được nhu cầu tiêu dùng của dân cư cũng như theo kịp sự phát triển của TP trong tương lai. Tuy nhiên, định hướng quy hoạch cần chú ý đến việc đầu tư xây dựng các trung tâm thương mại chủ yếu theo hướng sẽ hình thành thêm, phân bố một cách hợp lý các TTTM mới, đủ tiêu chuẩn thoả mãn các nhu cầu đa dạng từ thu nhập thấp, trung bình và cao, phục vụ cho dân cư TP cũng như khách vãng lai và khách quốc tế.

5.5.4. Mạng lưới cửa hàng bán lẻ hiện đại

Cửa hàng tiện lợi là loại cửa hàng phát triển tập trung ở các khu dân cư, phục vụ nhu cầu mua sắm thuận tiện của cư dân xung quanh, khách du lịch với những sản phẩm thiết yếu là các mặt hàng cần thiết hàng ngày. Phần lớn các cửa hàng thuộc các doanh nghiệp trong nước như Vinmart +, Satrafood, Bách Hóa Xanh, Coop, tập trung chủ yếu ở quận Ninh Kiều, Bình Thủy và Cái Răng.

Đây là những cửa hàng kinh doanh các mặt hàng thiết yếu, sản phẩm công nghiệp tiêu dùng. Hàng hóa kinh doanh có chọn lọc và chất lượng đảm bảo, giá cả phù hợp. Loại hình kinh doanh này đang phát triển mạnh mẽ, phù hợp với nhu cầu tiêu dùng của cư dân đô thị và sẽ dần thay thế các điểm kinh doanh tự phát, cửa hàng tạp hóa nhỏ lẻ... góp phần cải thiện ý thức kinh doanh và thay đổi diện mạo kết cấu hạ tầng thương mại Thành phố.

PHẦN III. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU VÀ LỰA CHỌN PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN

I. MỤC TIÊU QUAN ĐIỂM

1. Quan điểm phát triển kinh tế

Với vị thế là trung tâm của khu vực Đồng bằng sông Cửu Long với kết nối giao thông chiến lược và những thành tựu phát triển về kinh tế, văn hoá, y tế, giáo dục và đào tạo, và khoa học công nghệ, Cần Thơ đã và đang khai thác và phát huy tốt các tiềm năng, lợi thế cho việc phát triển dựa trên 3 trụ cột: Kinh tế - Xã hội – Môi trường. Cần Thơ là đô thị loại 1 trực thuộc Trung ương, đang trên đà phát triển trở thành một trong những động lực tăng trưởng, trung tâm của vùng đồng bằng sông Cửu Long về công nghiệp và dịch vụ và sản xuất nông nghiệp theo hướng hiện đại. Trong tương lai, Cần Thơ cần đạt mục tiêu thực sự trở thành đô thị hạt nhân liên kết và kết nối vùng với vai trò liên kết khu vực và Quốc tế.

Song song với việc phát triển kinh tế, Cần Thơ cũng chú trọng mục tiêu nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và an sinh xã hội của người dân, hỗ trợ đào tạo nhân lực trình độ cao và các cơ sở hạ tầng và dịch vụ xã hội tốt cho người dân thành phố và vùng Đồng bằng sông Cửu Long trong giai đoạn phát triển tiếp theo. Đồng thời, với vị trí chiến lược việc bảo tồn và phát triển môi trường của vùng, Cần Thơ hướng tới đóng góp tích cực trong việc ứng phó với biến đổi khí hậu ở đồng bằng sông Cửu Long.

Với những ưu tiên về phát triển và vai trò liên kết vùng nói trên, trong quy hoạch Thành phố Cần Thơ 2021 – 2030, với tầm nhìn đến 2050, các quan điểm phát triển được định nghĩa bao gồm quan điểm phát triển tầm khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, cũng như mục tiêu phát triển đặc thù cho Thành phố Cần Thơ để đạt được sự phát triển toàn diện, tương hỗ và bao trùm về Kinh tế - Xã hội - Bảo vệ môi trường.

1.1. Quan điểm phát triển của Vùng ĐBSCL

Đồng bằng sông Cửu Long với tiềm năng thiên nhiên, con người cũng như tiềm năng về sự phát triển về tính liên kết vùng tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển trên 3 trụ cột kinh tế - xã hội – môi trường (sinh thái). Để tận dụng tối đa tiềm năng, hạn chế thách thức, quan điểm phát triển của vùng ĐBSCL được định nghĩa trên 5 trụ cột:

- (1)** Quan điểm về phát triển bền vững
- (2)** Quan điểm về biến thách thức thành cơ hội
- (3)** Quan điểm về phát triển tập trung
- (4)** Quan điểm về liên kết vùng
- (5)** Quan điểm tập trung vào phát triển hạ tầng

Tập trung phát triển kết cấu hạ tầng thiết yếu, có ý nghĩa quan trọng cấp quốc gia, cấp vùng như giao thông, năng lượng, cấp nước sạch và kết cấu hạ tầng phục vụ việc chuyển đổi mô hình phát triển của Vùng.

1.2. Quan điểm về phát triển TP Cần Thơ

Cụ thể, thống nhất quan điểm phát triển của khu vực cũng như định hướng phát triển theo 3 trụ cột Kinh tế - xã hội - môi trường, quan điểm phát triển của TP Cần Thơ dựa trên 6 lĩnh vực chính.

- Xây dựng và phát triển Cần Thơ **thành Thành phố trung tâm vùng, sinh thái, văn minh, hiện đại, mang đậm bản sắc sông nước vùng đồng bằng sông Cửu Long** là nhiệm vụ quan trọng, có ý nghĩa không chỉ về kinh tế - xã hội mà cả về chính trị, quốc phòng, an ninh.

- Xây dựng và phát triển Cần Thơ phải trên cơ sở **khai thác, phát huy tối đa các tiềm năng, lợi thế của thành phố, của vùng đồng bằng sông Cửu Long**, nhất là vai trò trung tâm vùng, vị trí cửa ngõ của vùng hạ lưu sông Mê Công.

- Giải quyết tốt mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, thích ứng tốt với biến đổi khí hậu. Xem con người là trung tâm của sự phát triển thông qua việc cải thiện mức sống, cải thiện chỉ số phát triển con người, cải thiện năng suất lao động, rút ngắn khoảng cách giàu – nghèo, khoảng cách thành thị và nông thôn, cải thiện tiếp cận dịch vụ tiện ích và phúc lợi xã hội.

- Tập trung nghiên cứu, ứng dụng mạnh mẽ các công nghệ mới và thúc đẩy khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, xem khoa học công nghệ là động lực cho sự phát triển của thành phố và vùng ĐBSCL,

- **Đẩy mạnh thu hút đầu tư, nhất là thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI)** nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế địa phương. Ưu tiên thu hút đầu tư vào lĩnh vực thành phố đang có lợi thế và có trình độ khoa học công nghệ cao, trở thành những doanh nghiệp đầu tàu thúc đẩy nâng cấp chuỗi cung ứng.

- **Tăng cường năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của các cấp ủy, tổ chức Đảng, hiệu lực, hiệu quả quản lý của các cấp chính quyền**, xây dựng khối đại đoàn kết các dân tộc; phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội, truyền thống văn hoá, cách mạng của người dân Cần Thơ.

- **Tăng cường chất lượng điều hành để tận dụng hiệu quả “lợi thế so sánh” của thành phố Cần Thơ và vùng ĐBSCL** trong bối cảnh toàn cầu hóa. Phối hợp với Trung ương hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách phát triển; cải thiện chất lượng môi trường đầu tư kinh doanh và kết cấu hạ tầng.

2. Quan điểm phát triển không gian

Những nguyên tắc đề xuất và lựa chọn phương án phát triển không gian bao gồm:

(1) Tuân thủ NQ 120 và quy hoạch vùng ĐBSCL

- Thuận thiên, coi nước là tài nguyên chính
- Lấy con người làm trung tâm

(2) Phù hợp với NQ59:

- Đô thị trung tâm vùng
- Đô thị sinh thái, bản sắc sông nước
- Đô thị thông minh, hiện đại.

(3) Đáp ứng được nhu cầu của chương trình phát triển kinh tế xã hội:

- Xác định những ngành kinh tế chủ đạo là: Kinh tế nông nghiệp, năng lượng, Logistics, Dược, Du lịch, Thương Mại, Dịch vụ, Y tế, Giáo dục, Tài chính, IT, Điện tử.
- Về quy mô, nhu cầu sử dụng đất cho các lĩnh vực kinh tế mà chiến lược phát triển kinh tế xã hội đưa ra đối với từng lĩnh vực phát triển.

3. Những chiến lược phát triển không gian

a) Các chiến lược phát triển không gian phù hợp với quy hoạch vùng:

- *Thuận thiên, coi nước là tài nguyên:*

Dành chỗ cho nước, đảm bảo lưu thông nước, hạn chế can thiệp bằng đê đập, nén diện tích xây dựng thành nhiều điểm nhỏ phân tán, chuyển đổi cơ cấu sản xuất và cấu trúc không gian nông nghiệp phù hợp với điều kiện tự nhiên.

- *Lấy con người làm trung tâm:*

Tạo không gian sống tốt cho con người là yêu cầu đầu tiên. Hạ tầng sẽ phục vụ nhu cầu đó. Đặc biệt cần nâng cao chất lượng sống và cơ hội thu nhập cho các khu dân cư nông thôn. Nguyên tắc là phải tái cấu trúc không gian định cư nông thôn phân tán theo dải thành từng cụm mới có thể phát huy thế mạnh hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, tạo đời sống xã hội dịch vụ phong phú, hấp dẫn và giải phóng được diện tích xanh.

b) Các chiến lược không gian nhằm thực hiện NQ 59

- *Đô thị trung tâm vùng:* Mấu chốt nhất là phải tạo ra những vùng không gian hội tụ đủ lớn và rõ ràng để đạt được quy mô về lượng và tính tích hợp về chất, để thành những điểm đến hấp dẫn cấp vùng. Cần phải tập trung những cơ sở hiện có của Cần Thơ như y tế, giáo dục đào tạo, văn hoá nghệ thuật, thể dục thể thao, nông nghiệp, logistics v.v. thành những khu đô thị trọng điểm, mới tạo thành sức hút cho toàn vùng. Những khu này không nhất thiết là phải đơn năng, mà nên đa năng, nhưng có một công năng chủ đạo. Những không gian này đều phải thuận lợi tối đa về tiếp cận, hạ tầng, gần với trung tâm đô thị, và xây dựng trên nền tảng hệ sinh thái cảnh quan sông nước để có thể đủ độ hấp dẫn với nhà đầu tư và các đối tượng sử dụng. Tiếp sau đó là cần phát huy vai trò quốc gia, quốc tế, liên vùng: Tạo những Hub dạng TOD tại khu vực ga đường sắt, sân bay, cảng biển. Tạo thương hiệu mekong trong không gian, để thành một điểm đến quốc gia, quốc tế hấp dẫn, thành một đô thị trực thuộc trung ương khác biệt hẳn với các đô thị khác.

- *Đô thị sinh thái bản sắc sông nước:* Có ba chiến lược chính để hướng tới thực hiện tầm nhìn này

- + Phát triển hệ thống mặt tiền đô thị nước: Mặt tiền chính của đô thị lớn Cần Thơ xác định là mặt tiền sông Hậu, với những phát triển lớn nhất, quy mô nhất, tạo ra một bộ mặt đô thị mới khang trang, sang trọng, hấp dẫn ven sông Hậu. Tiếp theo là những mặt tiền hai bên các sông phụ: Sông Cần Thơ, Cái Răng, Bình Thủy, Ô Môn, Thốt Nốt, mỗi một mặt tiền có bản sắc riêng của một bộ mặt trung tâm quận.

+ Bảo tồn và phát huy nền hệ thống miệt vườn sinh thái kênh rạch: Giá trị rất lớn của không gian Cần Thơ nằm ở khu vực lưu vực các sông nhánh, từ Thốt Nốt tới Cái Răng. Hệ thống sông rạch tự nhiên đan xen với cấu trúc dân cư, miệt vườn cây trái trù phú tạo thành một tổng hoà sinh thái, văn hoá, lịch sử có tầm cỡ thế giới. Đặc biệt quan trọng là dải ven sông Hậu từ Thốt Nốt tới Ô Môn và khu vực lưu vực sông Cần Thơ, thuộc các quận Bình Thủy, Ninh Kiều, Cái Răng và huyện Phong Điền. Cần giữ vững và phát huy nền tảng này cho mọi phát triển bền vững, hình thành một đô thị sinh thái, bản sắc sông nước. Các công năng phát triển có thể được đan xen trên nền tảng này, nhưng không được phá huỷ nền tảng.

+ Phát triển những vùng trũng trữ nước, kết hợp không gian sinh thái ngập nước và điểm đô thị du lịch sinh thái ngập nước: Đặc biệt là tại hai đô thị Cờ Đỏ và Thới Lai, do điều kiện đều là hội tụ của 6-7 kênh nước vào một điểm. Các đô thị này không cần to nhưng đặc sắc, phát triển theo dạng sinh thái sông nước, có thể theo mô hình bọt biển.

- *Đô thị thông minh, hiện đại:*

+ Tiên phong và showroom về các mô hình phát triển không gian, dẫn đầu về mô hình phát triển không gian cho vùng ĐBSCL. Đặc biệt quan trọng là những cấu trúc không gian đặc thù cho các lĩnh vực mới như technopolis, đô thị sáng tạo, đô thị sinh thái, khôi phục rừng ngập nước, khu năng lượng tái tạo, bảo tồn và phát huy những không gian có giá trị văn hoá xã hội.

+ Sử dụng những yếu tố chính của đô thị thông minh như công nghệ số, kết nối internet vạn vật để cho phép những phát triển đô thị mà trước đây không làm được: những phát triển phân tán trên vùng sinh thái rộng, hạn chế sử dụng đất xây dựng, tối giản đất hạ tầng giao thông.

c) Chiến lược phát triển không gian phù hợp với định hướng phát triển kinh tế xã hội:

- Đặc biệt quan tâm những chiến lược không gian xoay quanh cơ chế đặc thù của Cần Thơ và những định hướng vùng mới: trung tâm kinh tế nông nghiệp, đô thị sân bay, cảng hàng hải quốc tế, nhà ga đường sắt.

- Tích hợp và tận dụng hiện trạng, để hạn chế tối đa những biến động không cần thiết;

- Hỗ trợ những sáng kiến và dự án của thị trường, tạo điều kiện linh động tối đa trong sử dụng đất; Chỉ quy hoạch sử dụng đất trong khuôn khổ quy hoạch xây dựng. Ngành tài nguyên môi trường chỉ làm các kế hoạch sử dụng đất và đưa ra các chỉ tiêu cho quy hoạch sử dụng đất chứ không thể làm quy hoạch sử dụng đất dài hạn tới từng thửa.

- Phát huy tối đa hạ tầng vùng; liên kết tốt về không gian với các tỉnh lân cận;

II. Phương án phát triển kinh tế - xã hội được lựa chọn:

Cần Thơ trở thành “Trái tim” của vùng đồng bằng sông Cửu Long, thành phố thông minh đáng sống của Việt Nam

Định hướng Cần Thơ tiếp tục: (i) nâng cao vị thế trong chuỗi giá trị để trở thành trung tâm chế biến giá trị cao, kinh doanh nông sản, nghiên cứu nông nghiệp của Việt Nam, (ii) phát triển nhanh chóng và đồng bộ ngành logistics hiện đại – đóng vai trò là ngành mở neo để giải quyết nút thắt của cả khu vực, thúc đẩy phát triển các ngành công nghiệp khác (iii) tiếp tục mở rộng các ngành công nghiệp chủ đạo theo hướng công nghệ cao và công nghiệp mới (Dược phẩm, Năng lượng tái tạo) và (iv) triển khai toàn diện nhóm ngành dịch vụ tiêu dùng (Du lịch, Bán lẻ,...) phục vụ khu vực và quảng bá thương hiệu Cần Thơ như một điểm đến nổi bật của vùng ĐBSCL. Chiến lược tới năm 2030, Cần Thơ trở thành “trái tim” của vùng Đồng bằng sông Cửu Long, tầm nhìn đến năm 2050 trở thành thành phố thông minh đáng sống ở Việt Nam.

Đối với chiến lược trở thành “trái tim” của đồng bằng sông Cửu Long, chiến lược này khẳng định Cần Thơ là một phần không thể thiếu cho sự phát triển của vùng. Thành phố Cần Thơ sẽ đảm nhiệm vai trò động lực cho sự phát triển của vùng, phát triển toàn diện để trở thành trung tâm công nghiệp với các cụm ngành đạt tiêu chuẩn quốc tế, thu hút nhiều nhà đầu tư đầu tư thúc đẩy chuỗi cung ứng toàn vùng và tham gia vào chuỗi cung ứng toàn cầu; trung tâm thương mại, dịch vụ; trung tâm du lịch hiện đại, thúc đẩy phát triển du lịch toàn vùng, biến du lịch trở thành ngành công nghiệp không khói, thúc đẩy phát triển đô thị và quảng bá sản phẩm đặc trưng của vùng; trung tâm cung ứng khoa học - công nghệ đặc biệt trong lĩnh vực nông nghiệp hiện đại (gen, sinh học, blockchain, AI, máy móc thiết bị,...); trung tâm phát triển con người, cung ứng nguồn nhân lực chất lượng cao cho vùng, trung tâm y tế - chăm sóc sức khỏe chất lượng cao, văn hóa, thể dục thể thao; trung tâm tái tạo tài nguyên và thích ứng với biến đổi khí hậu, cung ứng các giải pháp phục vụ phát triển kinh tế tuần hoàn cho vùng; tiên phong phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của vùng; đô thị hạt nhân của đồng bằng sông Cửu Long với kết cấu hạ tầng hiện đại, thông minh và có sự kết nối tốt giữa người dân và chính quyền đô thị.

Đối với tầm nhìn thành phố đáng sống ở Việt Nam, Cần Thơ cần tập trung phát triển hướng tới sự phát triển cân bằng, hài hòa giữa kinh tế - xã hội - môi trường với chất lượng cuộc sống con người được đảm bảo. Thành phố có thể chế, cơ chế, chính sách và môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi cho mọi thành phần kinh tế tham gia, đầu tư và khởi nghiệp, nhất là khu vực tư nhân. Khoảng cách giàu - nghèo, thành thị - nông thôn, nam - nữ được rút ngắn, an sinh xã hội được đảm bảo. Thành phố Cần Thơ trở thành một thành phố an ninh, an toàn trên các lĩnh vực: kinh doanh, thực phẩm và đời sống, chất lượng môi trường được đảm bảo: sạch, cân bằng sinh thái, thích ứng tốt với biến đổi khí hậu bằng cả giải pháp công trình và phi công trình, phát triển năng lượng tái tạo và vật liệu mới từ rác và phế phẩm, nhất là phế phẩm nông nghiệp. Bên cạnh đó, chất lượng cuộc sống cần được đảm bảo: người dân có thể dễ dàng tiếp cận y tế - chăm sóc sức khỏe chất lượng cao, dịch vụ giáo dục - đào tạo chất lượng cao. Thành phố tiên phong trong lĩnh vực thể dục thể thao với các loại hình văn hóa đa dạng và các giá trị truyền thống được bảo tồn. Thành phố hướng tới một tương lai có giao thông và kết nối

tốt, nhất là giao thông công cộng và hàng không quốc tế kết nối trực tiếp với thế giới, kết cấu hạ tầng đảm bảo được các yếu tố: đẹp, hiện đại và có bản sắc.

Lộ trình phát triển được xây dựng cho Cần Thơ như sau:

(1) Hiện tại, Cần Thơ có nhiều tiềm năng mới

Thành phố đã được xác định là trung tâm vùng ĐBSCL, là đô thị loại I trực thuộc trung ương và được đầu tư hơn hẳn các thành phố khác của vùng, như sân bay, đại học, bệnh viện, bến cảng v.v. Tuy nhiên, Cần Thơ mới chỉ phát triển nhanh hơn các thành phố tỉnh lỵ khác một chút, chứ chưa thật sự là trung tâm vùng, cũng chưa thực sự là đô thị loại I. Tuy nhiên, với việc phê duyệt quy hoạch mới vùng ĐBSCL, phê duyệt cơ chế đặc thù cho Cần Thơ, thành phố đang có một loạt tiềm năng mới, ở quy mô khác hẳn quá khứ, thể hiện chủ yếu ở hai khía cạnh: liên kết vùng về kinh tế và hạ tầng vùng.

Liên kết vùng về Kinh tế: Thành phố nằm ở trung tâm các cụm kinh tế nông nghiệp và có trung tâm đầu mối nông nghiệp tổng hợp cấp vùng: cụm Thủy sản (cá da trơn) thuộc các tỉnh Kiên Giang, An Giang, Đồng Tháp; cụm Thủy sản (tôm) thuộc các tỉnh Cà Mau, Hậu Giang, Sóc Trăng, Bạc Liêu; cụm lúa: An Giang, Đồng Tháp; Cụm cây trái: Vĩnh Long, Tiền Giang, Bến Tre, Trà Vinh.

Vai trò của Cần Thơ là trung tâm nông nghiệp giá trị cao được xây dựng dựa trên việc phát triển chuỗi giá trị đầu cuối và khả năng kết nối hậu cần: Nghiên cứu nông nghiệp, Chế biến thực phẩm, Bán buôn và bán lẻ và các hoạt động phụ dọc chuỗi giá trị Nông nghiệp hiện tại.

Về lĩnh vực phi nông nghiệp, Cần Thơ nằm ở giao điểm hai trục động lực về đô thị hoá, công nghiệp hoá cấp vùng là trục TPHCM- Cần Thơ và trục nam sông Hậu.

Liên kết vùng về hạ tầng và hậu cần: Cần Thơ khẳng định vị thế cửa ngõ kết nối ĐBSCL tiếp cận tới thị trường trong nước và quốc tế. Với hệ thống đường cao tốc đã được quy hoạch, hệ thống cảng thủy nội địa, cảng biển và sân bay quốc tế, đường sắt, Cần Thơ là đầu mối giao thông trọng điểm, kết nối các tỉnh ĐBSCL với các thị trường khác.

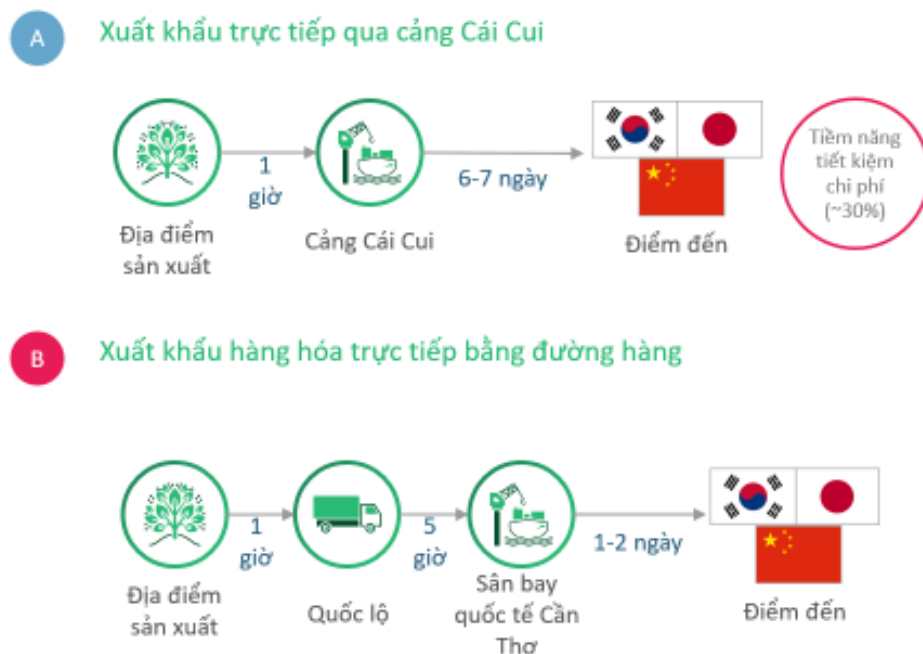
Hình 1. Liên kết vùng về hậu cần



Nguồn: Thông tin thu thập

Tiềm năng còn nhiều để Cần Thơ cải thiện hơn nữa về mặt chi phí và thời gian vận chuyển đối với hoạt động xuất – nhập khẩu trực tiếp, giải quyết được bài toán của cả khu vực. Việc xuất khẩu trực tiếp qua cảng Cái Cui có thể tiết kiệm cho nhà xuất khẩu 30% chi phí cũng như 5 ngày vận chuyển. Xuất khẩu hàng hóa trực tiếp bằng đường hàng không từ Cần Thơ có thể tiết kiệm cho các nhà xuất khẩu đến ~ 10 ngày, từ đó mở ra nhiều cơ hội cho mạng giao hàng tốc độ cao đối với các sản phẩm tươi sống và thương mại điện tử.

Hình 2: Cơ hội cho các hình thức vận chuyển hàng hóa mới cho Cần Thơ



Nguồn: Phân tích của chuyên gia

Liên kết vùng về hạ tầng Xã hội: Cần Thơ có thể trở thành điểm đến du lịch và dịch vụ tiêu dùng của Đồng bằng sông Cửu Long với tiềm năng phát triển thành (i) Trung tâm du lịch & nghỉ dưỡng của Đồng bằng sông Cửu Long và (ii) Trung tâm dịch vụ tiêu dùng, đóng vai trò nâng cao chất lượng cuộc sống cho khu vực.

(2) Mục tiêu đến năm 2030, thành phố Cần Thơ trở thành “trái tim” của vùng Đồng bằng sông Cửu Long

Tới 2025: đẩy mạnh buôn bán nông nghiệp:

Thành phố Cần Thơ sẽ tập trung phát triển nhóm ngành Kinh doanh buôn bán Nông nghiệp giá trị cao tới năm 2025, nhờ việc đẩy mạnh chuỗi giá trị nông nghiệp, tập trung vào các giai đoạn đem lại giá trị cao như nông nghiệp công nghệ cao, chế biến nông sản. Thành phố tập trung đẩy mạnh ngành logistics để khơi thông con đường vận chuyển nông sản của toàn vùng, phát triển trung tâm logistics tập trung tân tiến, hiện đại, đẩy mạnh nguồn cung ứng logistics toàn diện, đặc biệt về hệ thống kho bãi, cung ứng lạnh và năng lực xuất khẩu trực tiếp. Phát triển logistics cũng là tiền đề để tiếp tục phát triển các nhóm ngành kinh tế giá trị cao, hiện đại khác trong tương lai.

Bản thân nền sản xuất nông nghiệp Cần Thơ có quy mô nhỏ nhưng hiện đại, an toàn, ứng dụng công nghệ cao và trở thành động lực cho phát triển dịch vụ du lịch nông nghiệp;

Tới 2030: Đa dạng hoá kinh tế:

Để thúc đẩy tăng trưởng mạnh mẽ trong giai đoạn 2025 - 2030, Thành phố Cần Thơ định hướng dần dần chuyển đổi sang Công nghiệp và Dịch vụ, mục tiêu trở thành trung tâm kinh tế đa dạng của miền Nam Việt Nam vào năm 2030. Các ngành đẩy mạnh phát triển bao gồm: Sản xuất Dược phẩm, Năng lượng tái tạo, Chế biến nông sản.

Các nhóm ngành về Dịch vụ như Bán lẻ, Giáo dục, Y tế cũng được phát triển cân bằng và đa dạng, tạo nên một môi trường sống hiện đại để thu hút và giữ chân nhân tài, gia tăng mức độ đáng sống của thành phố, phát triển đồng đều và bền vững.

Trong giai đoạn này, Thành phố Cần Thơ sẽ trở thành trung tâm cung ứng cho vùng đồng bằng sông Cửu Long về sản phẩm công nghệ cao như: giống, sản phẩm công nghệ sinh học, số hóa trong sản xuất nông nghiệp, công nghiệp chế biến chuyên sâu, máy móc thiết bị; dịch vụ du lịch, y tế, giáo dục, logistics,...;

Phát triển mạnh công nghiệp công nghệ thông tin, năng lượng tái tạo, vật liệu mới, kinh tế biển; trở thành trung tâm vùng về giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu và thân thiện môi trường;

(3) Tầm nhìn tới năm 2050, Cần Thơ tiếp tục phát triển đồng đều định hướng trở thành Thành phố thông minh đáng sống của Việt Nam - trọng tâm dịch vụ

Thành phố Cần Thơ định hướng phát triển trở thành thành phố thông minh đáng sống của Việt Nam, là điểm đến hấp dẫn về dịch vụ tiêu dùng chất lượng cao, tập trung vào hoạt động bán lẻ hiện đại và du lịch giá trị cao, tiên phong trong phát triển đô thị xanh. Thành phố tập trung phát triển các lợi thế so sánh và lợi thế cạnh tranh của vùng đồng bằng sông Cửu Long trên nền tảng công nghệ cao, kinh tế xanh, tuần hoàn, bền vững, thích ứng tốt với biến đổi khí hậu và bắt kịp xu hướng công nghệ mới của nhân loại;

Nhóm ngành dịch vụ sẽ là trọng tâm chính của thành phố trong giai đoạn này, tập trung đẩy mạnh mức đáng sống, nâng cao chất lượng cuộc sống người dân.

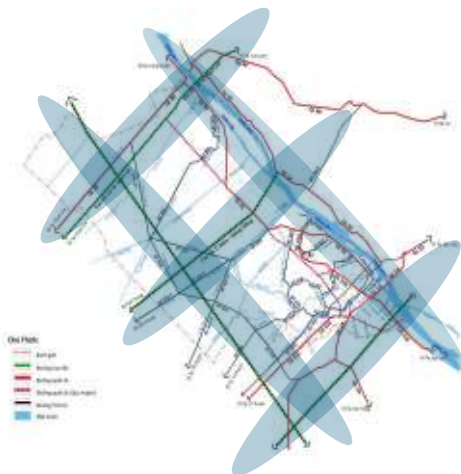
Thành phố tập trung phát triển mạnh mẽ cơ sở hạ tầng xã hội, đa dạng hóa các dịch vụ tiện ích và giải trí phục vụ cho cả khu vực đồng bằng sông Cửu Long. Năng lượng sạch với quy mô lớn để phát triển Cần Thơ trở thành thành phố thông minh vào 2050.

Bên cạnh đó, Cần Thơ cũng đặc biệt đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực, phát triển con người Cần Thơ “trí tuệ, năng động, nhân ái, hào hiệp, thanh lịch”, phát triển môi trường sống hiện đại, tăng mức đáng sống của thành phố để thu hút và giữ chân nhân tài.

Trong mục tiêu dài hạn, Cần Thơ tập trung thu hút đầu tư cơ sở hạ tầng xanh, bao gồm cơ sở hạ tầng giao thông đô thị thông minh, giao thông công cộng, nâng cao năng lực số hóa của doanh nghiệp, người dân và chính quyền, định hướng phát triển hướng tới thành phố thông minh, đáng sống vào năm 2050. hội nhập và kết nối giao thương bằng đường hàng không đến các đô thị lớn trên thế giới, đặc biệt là các đô thị lớn của Châu Á.

(4) Phương án phát triển

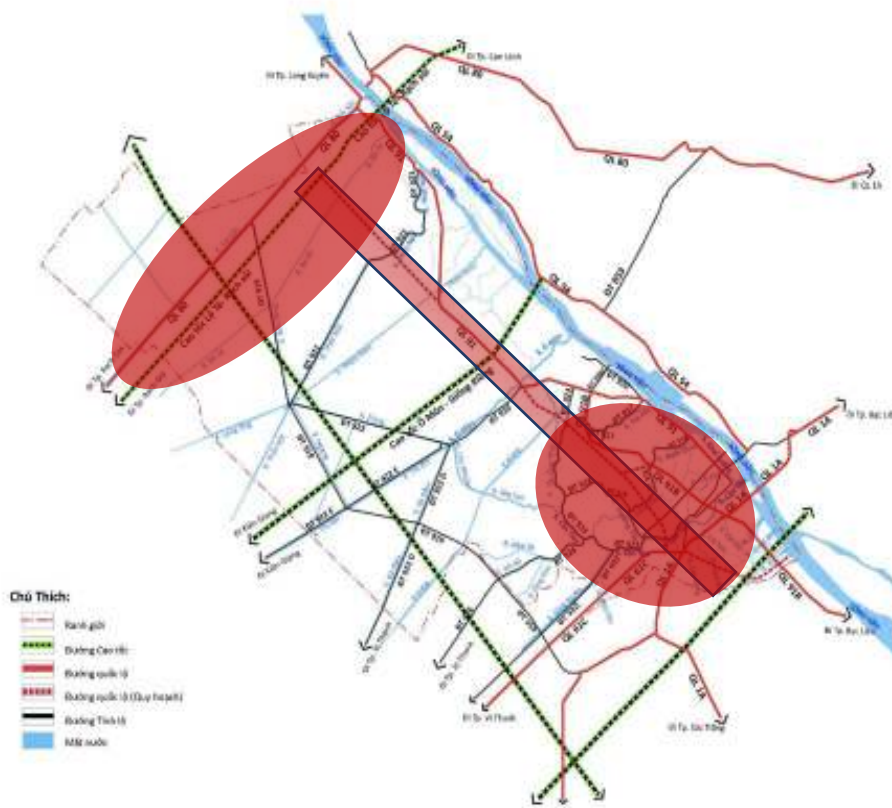
1- Logic kết nối vùng



- Nhìn nhận cả dọc nam sông hậu là một hành lang lớn, với nhiều điểm đô thị, Với kết nối liên vùng bằng đường cao tốc, quốc lộ, đường thủy sông Hậu.
- Bản thân Cần Thơ cũng là một chuỗi đô thị có kết nối cả bắc nam và đông tây.
- Cấu trúc cao tốc, đường sắt, đường thủy và hàng hải, hàng không mới cấp vùng sẽ thay đổi tương quan lực lượng hiện hữu của Cần thơ. Không còn quá tập trung vào khu đô thị hiện hữu và dải mỏng ven sông Hậu. Có nhiều cơ hội cho các hướng phát triển khác.

2- Phân vùng phát triển chính

Hình 3: Bản đồ định hướng phát triển trung tâm kinh tế động lực đến năm 2030



Nguồn: *Sở Kế hoạch và Đầu tư và Phân tích chuyên gia*

Cần Thơ được xác định có hai trung tâm kinh tế động lực, một ở phía Bắc, từ Thốt Nốt kéo dọc theo tuyến đường quốc lộ 80 và Cao tốc Lộ Tẻ, Rạch Sỏi; và một ở phía Nam, xung quanh khu vực trung tâm hiện hữu Ninh Kiều, Bình Thủy, Cái Răng.

Cụm phía Bắc thiên về công nghiệp, cụm phía Nam đa chức năng, nhưng thiên về đô thị, thương mại, dịch vụ.

Hai cụm này được kết nối với nhau bởi tuyến đường đa phương thức Nam sông Hậu.

3- Kinh nghiệm quốc tế tổng thể cho toàn bộ chiến lược phát triển không gian **thành phố Cần Thơ - Ví dụ vùng đô thị sinh thái Hùng An - Trung Quốc**

Hình 4: Ví dụ vùng đô thị sinh thái Hùng An – Trung Quốc



Nguồn: thông tin thu thập

Mô hình kinh nghiệm quy hoạch quận mới Tây An ở Hà Bắc, Trung Quốc, “Mô hình Xiongan”, được coi là mô hình quy hoạch “thành phố của tương lai” được đánh giá cao trong giới học thuật quốc tế, với triển vọng phát triển chất lượng cao trong kỷ nguyên mới. Với những đặc điểm chính sau:

a) Mô hình "kiểu nhóm": không có trung tâm duy nhất, không có bánh lớn, phát triển đô thị linh hoạt

Toàn bộ hệ thống đô thị sẽ được tổ chức thành các nhóm nhỏ, không có một trung tâm thành phố duy nhất và không mở rộng một cách lộn xộn như một chiếc bánh. Thay vào đó, sẽ xây dựng một nhóm thành phố với quy mô phù hợp và cân bằng việc làm và nhà ở.

Ưu tiên sinh thái và phát triển xanh, điều phối sản xuất, đời sống và sinh thái, dần dần hình thành cấu trúc không gian đô thị-nông thôn kiểu nhóm với quy hoạch đô thị và nông thôn và các chức năng hoàn chỉnh. Các thành phố có quy mô vừa phải bố trí dày đặc và tích hợp nước và thành phố.

Khôi phục lại những vùng sinh thái lịch sử và tạo ra một khu vườn sinh thái;

Tại khu vực xuất phát, chọn một khu vực thích hợp để quy hoạch và xây dựng khu vực xuất phát, diện tích khoảng 20 đến 30 km vuông.

Chuẩn bị không gian sống và sinh thái tối ưu để triển khai các ngành công nghệ cao cấp cao.

Một số thị trấn nhỏ đặc trưng và những ngôi làng xinh đẹp được hình thành. Diện tích quy hoạch và xây dựng Làng Đẹp khoảng 50 km vuông.

Giữa mỗi nhóm, các hệ thống xanh lam như rừng, đất ngập nước và không gian xanh được bao quanh bởi các khoảng và có ranh giới phát triển rõ ràng. Các chức năng tương đối đầy đủ có thể đáp ứng được nhu cầu công việc và cuộc sống.

Quy hoạch khoảng trống chiến lược để dành không gian cho các chiến lược phát triển lớn và phát triển đô thị bền vững, giúp phát triển đô thị linh hoạt.

b) "Bộ mặt đô thị" khác biệt: không phải toàn rừng bê tông, kiểm soát chặt chẽ chiều cao công trình

Việc quy hoạch và xây dựng sẽ tập trung vào tinh hoa của nghệ thuật kiến trúc và cảnh quan. Kết hợp giữa bản sắc và hiện đại phương Tây, tiếp nối văn hóa truyền thống và bảo tồn các gen của văn hóa. Định hình phong cách đô thị kiểu đặc thù, phong cảnh vùng trũng ngập nước và thời trang cách tân.

Các tòa nhà cao tầng sẽ bị hạn chế rất nhiều, chiều cao của các tòa nhà cần được kiểm soát chặt chẽ, và không nên có những khu rừng xi măng và những bức tường bằng kính ở khắp mọi nơi. Theo bố trí chức năng đô thị và đặc điểm công nghiệp, các công trình cao tầng sẽ được quy hoạch và xây dựng tại một khu vực cụ thể của quận mới, nơi tập trung các chức năng kinh doanh trung tâm, tài chính, trụ sở công ty và các chức năng khác.

Các tòa nhà sẽ tạo thành đường chân trời của thành phố với các đường viền trải dài và nhịp điệu nhấp nhô, không có cảm giác ngột ngạt của những tòa nhà cao tầng. Những tòa nhà vừa mang nét quyến rũ cổ điển vừa mang hương vị hiện đại, hòa mình vào thiên nhiên, ngay thẳng và phóng khoáng, và không tham gia vào những tòa nhà kỳ lạ.

Tuân theo quy luật xây dựng thành phố đơn giản và tôn trọng thiên nhiên. Các tòa nhà sẽ không sao chép và sẽ có phong cách riêng biệt.

Vành đai rừng bên ngoài bao quanh, rừng bên trong xanh tốt, xung quanh là đầy sóng xanh, tạo thành hình ảnh không gian mười vườn, trăm cánh đồng hoa, rừng thiên niên kỷ và nước mệnh mông trên quy mô hàng vạn ha.

c) Động cơ phát triển chất lượng cao: tạo ra một vùng đất đổi mới toàn cầu và một vùng đất mới cho cải cách và mở cửa

Hiện tại, hơn 100 doanh nghiệp công nghệ cao cấp cao đã định cư ở Xiongan, và các nguồn lực đổi mới đang nhanh chóng thu thập trong khu vực mới.

Bộ cục nâng cao của blockchain, terahertz, điện toán nhận thức và nghiên cứu và phát triển công nghệ khác và thử nghiệm" "bộ cục đầu tiên của IPv6".

Đề xuất tích cực tiếp thu, tập hợp các yếu tố và nguồn lực đổi mới, triển khai các ngành công nghệ cao từ điểm xuất phát cao, xây dựng nền kinh tế thực sự, đổi mới khoa học và công nghệ, tài chính hiện đại, nguồn nhân lực hiện đại. hệ thống công nghiệp.

38 chỉ tiêu chủ yếu. "Các chỉ số như cơ sở hạ tầng thông minh vượt quá 90%, nhà gigabit tiêu chuẩn băng thông rộng tốc độ cao, doanh nghiệp 10 Gigabit và các chỉ số khác đang dẫn đầu trên thế giới."

Một mô hình quốc gia cho sự phát triển chất lượng cao trong thời kỳ mới, và để khám phá những kinh nghiệm có thể học hỏi và nhân rộng. Phát triển thể hệ công nghệ thông tin mới và cuộc sống hiện đại Khoa học công nghệ sinh học, vật liệu mới, công nghiệp dịch vụ hiện đại cao cấp, nông nghiệp sinh thái xanh và các ngành công nghiệp công nghệ cao cấp độ cao khác.

Cải cách và đổi mới là linh hồn và là động lực đầu tiên cho sự phát triển, tạo ra một môi trường phục vụ chính phủ thuận tiện và hiệu quả, một môi trường chính sách đổi mới và cởi mở, đồng thời xây dựng và thực hiện một loạt các chính sách và biện pháp về đất đai, tài chính, thuế, tài chính, tài năng và mở ra thế giới bên ngoài, đảm bảo rằng người nhận có thể đến và ở lại. Sống và phát triển tốt.

Xây dựng nền tảng đổi mới khoa học và công nghệ đẳng cấp thế giới, xây dựng cơ sở hạ tầng giáo dục khoa học và công nghệ đẳng cấp thế giới, xây dựng hệ thống dịch vụ đổi mới đẳng cấp thế giới và phân đầu xây dựng một thế giới.

d) Thành phố kiểu mẫu sinh thái: Thành phố là vườn, không gian xanh và xanh chiếm 70%

Trong tương lai, đô thị sẽ được lồng vào một không gian sinh thái đan xen giữa xanh dương và xanh lá, tỷ lệ không gian xanh dương và xanh lục sẽ ổn định ở mức 70%.

Công viên sinh thái đồng quê quy mô lớn, công viên tổng hợp quy mô lớn và công viên cộng đồng cho phép cư dân vào rừng 3 km, vào vành đai rừng 1 km, công viên 300 m, đường phố 100% bóng mát. Tỷ lệ che phủ rừng theo quy hoạch của khu mới là 40%. Tỷ lệ phủ xanh theo quy hoạch của khu vực xuất phát đạt 50%.

"Nhìn ra thế giới, hiện tại không có thành phố lớn nào có thể đạt tới 70% không gian xanh. Khu mới sẽ thể hiện một nét duyên dáng về sinh thái. Tái tạo thị trấn nước được bao quanh bởi rừng và hồ, nơi kết hợp thành phố và cây xanh.

Thúc đẩy phối hợp quản lý môi trường khu vực, xây dựng các đập kiểm soát lũ lụt và duy trì các đặc điểm lịch sử ban đầu của nó.

Một vành đai rừng sẽ được xây dựng; các hành lang sinh thái xanh sẽ được xây dựng ở hai bên kênh chính và các trục đường chính; các khoảnh rừng quy mô lớn sẽ được xây dựng giữa các đô thị nhóm và các khu bảo tồn sinh thái quan trọng.

e) Lấy con người làm trung tâm: 15 phút đi bộ để đáp ứng nhu cầu hàng ngày và tạo ra một hệ thống an ninh nhà ở đa dạng kết hợp thuê và mua

5 phút đi bộ để đưa trẻ đến trường mẫu giáo, 10 phút đến trường tiểu học, 15 phút đến trường trung học cơ sở. Trong tương lai, các nhu cầu cơ bản của cuộc sống hàng ngày có thể được giải quyết trong vòng 15 phút đi bộ, và các cửa hàng tiện lợi, trạm dịch vụ y tế, trung tâm thể dục nhỏ, nhà trẻ, ... cách đó 5 phút đi bộ. .

Lấy người dân làm trung tâm, tập trung vào đảm bảo và cải thiện đời sống của người dân, xây dựng các cơ sở dịch vụ công chất lượng cao và dùng chung, cải thiện mức độ dịch vụ công, nâng cao năng lực thực hiện, tích tụ và sức hấp dẫn của khu vực mới, và tạo ra một thành phố đáng sống, thân thiện với doanh nghiệp, Một thành phố hiện đại bền vững.

Sự phát triển đô thị được tổ chức theo nhóm, cân bằng giữa công việc và nhà ở, và các khu nhỏ. Người dân không có thêm gánh nặng nào ngoài công việc và cuộc sống hàng ngày, và sẽ không lãng phí nhiều thời gian trên đường.

Quy hoạch hệ thống cơ sở dịch vụ công cộng ba cấp độ "thành phố-nhóm-cộng đồng" để xây dựng một vòng tròn sinh hoạt ba cấp của cộng đồng, khu phố và khu phố. Khi bắt đầu xây dựng, các công trình dịch vụ công cộng có chất lượng cao và trình độ cao, đồng thời sử dụng các nguồn lực như giáo dục, y tế, văn hóa chất lượng cao trong và ngoài nước.

Thiết lập hệ thống nhà ở và hệ thống cung ứng nhà ở đa dạng, cung ứng nhiều đối tượng, đa kênh đảm bảo đồng thời cho thuê và mua. Cải thiện chính sách cung ứng nhà ở đa cấp và hệ thống điều tiết thị trường, kiểm soát chặt chẽ việc phát triển bất động sản, thiết lập cơ chế dài hạn nghiêm cấm đầu cơ.

f) Giao thông "kết hợp giữa tốc độ và tốc độ chậm": sự kết hợp giữa nhà ga và thành phố, đường hẹp và mạng lưới dày đặc, "xe buýt + xe đạp + đi bộ" sẽ là phương thức di chuyển chính trong thành phố

Phương tiện giao thông có thể được mô tả là "sự kết hợp giữa nhanh và chậm". Mất nửa giờ để đến đô thị tĩnh lặng bằng đường cao tốc, "di chuyển chậm" trong thành phố cũng rất thuận tiện và "xe buýt + xe đạp + đi bộ" sẽ là phương thức di chuyển chính trong thành phố.

Bố trí tập trung các cơ sở dịch vụ công cộng xung quanh các hành lang giao thông công cộng, và tỷ lệ các chuyến đi giao thông xanh trong diện tích xuất phát đạt 90%.

Mật độ mạng lưới đường bộ trong khu vực bắt đầu có thể đạt 10 đến 15 km / km vuông.

g) Thành phố song sinh số: Quy hoạch đồng thời “thành phố số và thành phố thực” để xây dựng thành phố mới xanh và thông minh

Thành phố kỹ thuật số và thành phố thực được quy hoạch và xây dựng đồng thời. Hai thành phố sẽ tương tác để tạo ra một thành phố song sinh kỹ thuật số và một thành phố thông minh.

Đề xuất thiết lập và cải thiện hệ thống quản lý tài sản dữ liệu lớn và xây dựng một thành phố kỹ thuật số hàng đầu thế giới với khả năng học sâu.

Một số quyết định có thể được mô phỏng trong thành phố ảo trước khi chúng được thực hiện trong tương lai và chúng có thể được thực hiện hoặc sửa đổi theo kết quả mô phỏng để đóng vai trò ra quyết định hỗ trợ.

Hệ thống cơ sở nhận thức khu vực mới sẽ được xây dựng đồng thời với cơ sở hạ tầng đô thị và một nền tảng mở thống nhất cho Internet vạn vật đô thị sẽ được xây dựng. Sử dụng điện toán đám mây và các công nghệ khác, các nhà quản lý có thể sử dụng trung tâm quản lý thông tin thành phố thông minh để phân tích tình hình tổng thể của thành phố trong thời gian thực và thực hiện quản lý thông minh các nguồn lực công.

h) Màu xanh lá cây và carbon thấp:

"Sử dụng vườn mưa, không gian xanh trồng, đất ngập nước sinh thái và các tiện ích khác, khu vực mới có thể đạt được 100% tích tụ tự nhiên và lọc sạch lượng mưa vừa và nhỏ. Lượng mưa được thu gom và xử lý để phủ xanh đô thị, ngăn ngừa ngập úng đô thị.

Thúc đẩy sản xuất và lối sống xanh, carbon thấp và phương thức xây dựng và vận hành đô thị phù hợp với các yêu cầu về xanh, thông minh và sáng tạo, sử dụng các vật liệu và quy trình kỹ thuật bảo vệ môi trường tiên tiến, tiết kiệm năng lượng và các tiêu chuẩn quy trình kỹ thuật cho đô thị xây dựng và tạo ra một môi trường đô thị xanh chất lượng cao.

Xác định tổng lượng nước tiêu thụ và giới hạn hiệu quả sử dụng nước, đồng thời thực hiện hệ thống quản lý tài nguyên nước chặt chẽ nhất. Thúc đẩy toàn diện việc thiết kế, xây dựng và vận hành các công trình xanh, đồng thời thúc đẩy tích cực và điều đặn các phương pháp xây dựng nhà tiên chế và tái chế.

i) Giữ lại hoài niệm: không di chuyển cây cổ thụ, không phá bỏ công trình kiến trúc cổ, bảo vệ lịch sử và văn hóa

Không có di sản văn hóa thì không có tương lai. Trong quy hoạch và xây dựng, kiên quyết không di dời cây cổ thụ, không phá bỏ công trình kiến trúc cổ, không di chuyển cổng vòm cổ. Còn địa điểm ban đầu sẽ không được dời đi. Thành phố mới xây dựng phải có địa điểm cũ, để người dân vui đi nỗi nhớ nhà.

Để một thành phố mới đứng vững, điều cốt yếu là phải kế thừa bối cảnh văn hóa và quan tâm đến việc bảo vệ các di tích lịch sử và các đặc điểm lịch sử.

j) Xây dựng đô thị An toàn: Xây dựng hệ thống an ninh đô thị hiện đại để đảm bảo kế hoạch thiên niên kỷ là hoàn hảo

An toàn là nền tảng của mọi thứ và là nền tảng cốt lõi của một thành phố.

Thiết lập và thực hiện vững chắc khái niệm an ninh quốc gia tổng thể, hình thành một hệ thống an ninh đô thị hiện đại, có hệ thống và mọi thời tiết, và xây dựng một hệ thống đô thị an toàn.

Xem xét đầy đủ tất cả các khía cạnh của các yếu tố an toàn, giám sát và cảnh báo sớm, ra quyết định và chỉ huy, tình huống khẩn cấp, cứu hộ và các hệ thống khác về thiên tai và các vấn đề an toàn đều đạt tiêu chuẩn cao, và sẽ trở thành một thành phố an toàn.

Sắp xếp cẩn thận trong việc xây dựng hệ thống an ninh đô thị và phòng chống thiên tai khẩn cấp, an ninh nguồn nước và an ninh cung cấp năng lượng. Tiêu chuẩn phòng chống lũ lụt tại khu vực bắt đầu là 200 năm một lần và tiêu chuẩn phòng chống ngập úng là một lần trong 50 năm.

Xây dựng hoàn chỉnh hệ thống an toàn đô thị và hệ thống phòng chống thiên tai khẩn cấp, đồng thời nâng cao toàn diện khả năng phòng ngừa toàn diện về giám sát và cảnh báo sớm, phòng chống và cứu nạn, ứng phó khẩn cấp, xử lý khủng hoảng, ... đảm bảo thực hiện được kế hoạch ngàn năm.

III. Mục tiêu tổng quát

Cần Thơ là thành phố sinh thái, văn minh, hiện đại mang đậm bản sắc văn hóa sông nước vùng đồng bằng sông Cửu Long; là trung tâm của vùng về dịch vụ thương mại, du lịch, logistics, công nghiệp chế biến, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, giáo dục và đào tạo, y tế chuyên sâu, khoa học công nghệ, văn hóa, thể thao; là đô thị hạt nhân vùng đồng bằng sông Cửu Long; đời sống vật chất và tinh thần của người dân đạt mức cao; tổ chức đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; quốc phòng, an ninh được bảo đảm vững chắc.

IV. Mục tiêu cụ thể

1. Mục tiêu kinh tế-xã hội

1.1. Các chỉ tiêu kinh tế

Tăng trưởng kinh tế thời kỳ 10 năm 2021-2030 là 9,0%.

Cơ cấu kinh tế lần lượt các khu vực Nông nghiệp, Công nghiệp và Dịch vụ đạt 8,0%, 31,3%, 53,7% vào năm 2025 và đạt 5,2%, 34,9%, 53% vào năm 2030.

Tăng trưởng của khu vực trong thời kỳ 2021-2025: Nông nghiệp tăng 0,7%, Công nghiệp tăng 8,5%, Dịch vụ tăng 9,7 % và thời kỳ 2026-2030: Nông nghiệp tăng 0,6%, Công nghiệp tăng 12,6 %, Dịch vụ tăng 9,6%.

GRDP bình quân đầu người tính theo giá hiện hành đạt 194,37 triệu VNĐ vào năm 2030, đạt mức tăng trưởng 10,5%/năm giai đoạn 2021-2030.

Năng suất lao động trung bình đạt 132,9 triệu đồng vào năm 2030, đạt mức tăng trưởng 6,2 %/năm giai đoạn 2021-2030.

Tổng vốn đầu tư giai đoạn 2021-2030 đạt 339 nghìn tỷ VNĐ vào năm 2030, đạt mức tăng trưởng 7,9 %/năm giai đoạn 2021-2030.

Mức thu nhập bình quân hàng tháng/đầu người đạt 13,6 triệu VNĐ vào năm 2030.

1.2. Các chỉ tiêu xã hội

Dân số dự kiến đạt 1,375 triệu người vào năm 2030, đạt mức tăng trưởng 1%/năm giai đoạn 2021-2030.

Dân số trong độ tuổi lao động đạt 928 ngàn người vào năm 2030, đạt mức tăng trưởng 2,6 %/năm giai đoạn 2021-2030.

Lao động đã qua đào tạo đạt 85-90% vào năm 2030.

Cơ cấu lao động trong các khu vực Nông nghiệp, Công nghiệp, Dịch vụ lần lượt ở mức 17,3 %, 22,9 % và 57,5 % vào năm 2030.

Giai đoạn 2021-2025: Có 24 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; 8 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu. Tỷ lệ dân số được cung cấp nước sạch đạt 97%, trong đó đô thị đạt 100%, nông thôn đạt 94%. Tỷ lệ thu gom, xử lý chất thải rắn ở đô thị đạt 100%. Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đạt 95%. Tỷ lệ hộ nghèo ở mức dưới 0,5%.

Giai đoạn 2026-2030: 100% số hộ được cung cấp đầy đủ nước sạch. Hầu hết chất thải rắn được thu gom và xử lý. Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đạt 100%.

2. Mục tiêu về không gian

Bảng 1. Chỉ tiêu về không gian

	Sử dụng đất	Hiện trạng %	Quy hoạch sdd hiện hữu đến 2030 %	Định hướng 2030 %	Định hướng 2050 %
I	Đất nông nghiệp	79	72	55	50
1.1.	Đất lúa	54,6%	48,3%	25	10
1.2.	Thủy sản	1,9%	2,1%	5	10
1.3.	Rừng ngập nước	0%	0%	1	3
1.4.	Cây trái	21,4%	19,8%	22	25
1.5.	khác	1,4%	1,8%	2	2
II	Đất phi nông nghiệp:	21	28	45	50
2.1.	Sản xuất (2.3-2.8)	1,1%	3,3%	10	15
2.2.	Hạ tầng (2.9)	6,7%	8,8%	10	10
2.3.	Ở (2.11, 2.12)	6,0%	8,5%	10	10
2.4.	Không gian trống (2.10, 2.17, 2.19, 2.20)	6,0%	6,2%	10	10
2.5	Khác	0,8%	1,2%	5	5

PHẦN IV. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN NGÀNH, LĨNH VỰC QUAN TRỌNG

I. Xác định ngành quan trọng của thành phố và mục tiêu phát triển

Để tạo ra những bước đột phá cho Thành phố Cần Thơ trong giai đoạn tới, việc xác định các ngành kinh tế trọng điểm là bắt buộc để tạo đòn bẩy cho sự phát triển của thành phố. Hơn 20 ngành kinh tế được đánh giá để chọn ra 12 ngành kinh tế ưu tiên dựa trên thế mạnh của Cần Thơ và triển vọng phát triển trong tương lai của ngành. Các ngành được lựa chọn bao gồm: Chế biến Thực phẩm, Thương mại Nông lâm thủy sản, Bán lẻ, Du lịch, Logistics, Năng lượng, Dược phẩm, CNTT, Điện tử, Dịch vụ tài chính, Giáo dục, Y tế.

Phương pháp để xác định ngành kinh tế ưu tiên gồm 4 bước sau chính: Phù hợp với thế mạnh của TP Cần Thơ (đánh giá SWOT), Đánh giá triển vọng ngành, Lấy ý kiến từ ban lãnh đạo Cần Thơ, Nghiên cứu Dữ liệu và quy hoạch hiện có.

(1) Phù hợp với thế mạnh của Cần Thơ (đánh giá SWOT): Một mô hình toàn diện gồm 6 tiêu chí lớn: tài sản hữu hình, tài sản vô hình, luật pháp và quản trị, các cụm kinh tế, nhu cầu và công nghệ số được sử dụng để đánh giá thực trạng của Thành phố Cần Thơ. Trong mỗi tiêu chí lớn là những tiêu chí nhỏ hơn để việc đánh giá được chi tiết và chính xác, tổng cộng có 15 tiêu chí nhỏ được tổng hợp trong bảng. Mỗi tiêu chí được đánh giá với mức điểm tối đa là 5.

Sau khi kỹ lưỡng đánh giá, điểm của mỗi tiêu chí của TP Cần Thơ như sau: Tài sản hữu hình (3.3), tài sản vô hình (3), luật pháp (3), các cụm kinh tế (3), nhu cầu thị trường (3.5), công nghệ số (3.5). Nếu nhìn vào các tiêu chí nhỏ, có thể thấy rõ thế mạnh của Cần Thơ nằm ở khả năng kết nối vùng với các cơ sở hạ tầng sắp phát triển giúp Cần Thơ thành trung tâm của 3 hành lang kinh tế, thị trường khu vực ĐBSCL quy mô lớn với tốc độ phát triển hàng năm 2 chữ số, mức độ số hóa khá cao khi chỉ số ứng dụng CNTT đứng thứ 2 toàn quốc.

Với mỗi ngành, trọng số sẽ được đưa ra cho các tiêu chí lớn, tùy vào mức độ quan trọng của tiêu chí đó trong ngành được đánh giá. Tổng điểm của mỗi ngành sẽ là kết quả của “**Trọng số 1 (%) * Tiêu chí 1 + Trọng số 2 (%) * Tiêu chí 2 + ... + Trọng số n (%) * Tiêu chí n**”. Những ngành được lựa chọn là những ngành có tổng điểm cao nhất và sẽ phát huy được toàn diện thế mạnh của Thành phố. Các ngành được ưu tiên dựa trên thế mạnh của Cần Thơ bao gồm Chế biến Thực phẩm, Thương mại Nông lâm thủy sản, Bán lẻ, Du lịch, Logistics, Năng lượng, Dược phẩm, CNTT, Điện tử, Dịch vụ tài chính, Giáo dục, Y tế.

(2) Đánh giá triển vọng ngành: Ngoài việc lựa chọn ngành ưu tiên dựa trên thế mạnh nội tại của Thành phố, triển vọng ngành cũng được đánh giá để đảm bảo các lĩnh vực lựa chọn cũng là những ngành có tiềm năng phát triển trong tương lai. Trước tiên, 6 xu hướng toàn cầu được lựa chọn cho chiến lược phát triển của Thành phố Cần Thơ. Các xu hướng này bao gồm: năng lượng tái tạo và sản phẩm xanh, thương mại điện tử

và di động, kinh tế chia sẻ, cơ sở hạ tầng thông minh, sự phát triển của ngành dịch vụ và sự gia tăng của các dịch vụ chăm sóc sức khỏe.

Ngoài ra, tiềm năng ngành cũng được đánh giá dựa trên dự báo tăng trưởng CAGR của ngành tại Việt Nam từ năm 2020-2030. Dựa trên độ phù hợp với thế mạnh của Cần Thơ và triển vọng phát triển trong tương lai, 2 nhóm ngành ưu tiên đã được chọn lựa:

Ngành ưu tiên số 1 (Những ngành phát triển nhanh nhất và là có nền tảng phát triển vững chắc nhất của Cần Thơ với tăng trưởng CAGR ~ 7% và điểm SWOT từ 3.28 trở lên): Kinh doanh Nông nghiệp (Chế biến thực phẩm và thương mại nông lâm thủy sản), Du lịch, Logistics, Bán lẻ, Năng lượng, Dược phẩm.

Ngành ưu tiên số 2 (Các ngành thế mạnh của Cần Thơ với mức tăng trưởng CAGR~6.5% và SWOT đạt 3.24 trở lên): Điện tử, Dịch vụ Xã hội (Y tế và Giáo dục), Công nghệ thông tin, Dịch vụ tài chính.

(3) Lấy ý kiến từ lãnh đạo TP Cần Thơ: Thông qua các cuộc họp với đội ngũ lãnh đạo TP Cần Thơ, đội ngũ tư vấn đã thu thập thêm thông tin để đảm bảo các đánh giá phù hợp với tình hình thực tế của thành phố Cần Thơ cũng như hiểu thêm về những nguyện vọng, định hướng đã đề ra của Thành phố.

(4). Nghiên cứu Dữ liệu và quy hoạch hiện có: Các tài liệu về quy hoạch hiện có giúp cũng như phương hướng mà Đảng, Nhà nước và các Lãnh đạo đã đề ra cho các lĩnh vực, ngành nghề cũng đều được tích hợp trong quá trình lựa chọn ngành ưu tiên, từ đó có sự đánh giá tổng quát và đầy đủ hơn về thế mạnh cũng như định hướng của mỗi ngành.

II. Đề xuất giải pháp phát triển ngành quan trọng của Thành phố

1. Nông lâm nghiệp và thủy sản

Sản xuất nông nghiệp không phải lĩnh vực kinh tế chính của Cần Thơ, nhưng vẫn là một ngành rất quan trọng, vì diện tích nông nghiệp rất lớn, và có ảnh hưởng nhiều mặt tới sinh thái, môi trường, cảnh quan, văn hoá xã hội, tiềm năng du lịch. Về cơ bản, xác định diện tích nông nghiệp của Cần Thơ là nông nghiệp đô thị, với những vai trò như không gian xanh đô thị, và là showroom về các giải pháp công nghệ nông nghiệp cấp vùng, chứ không phải là những vùng chuyên canh nông sản.

(a) Nông nghiệp đô thị

Cải thiện tổ chức sản xuất nông nghiệp: Khuyến khích các hộ sản xuất hình thành các hình thức liên kết phù hợp như hợp tác xã, tổ hợp tác; Chú trọng giá trị văn hoá xã hội, công ăn việc làm, khả năng nâng cao năng lực của người lao động.

Chuyển đổi sản xuất nông nghiệp: Giảm bớt diện tích trồng lúa; Chuyển từ lúa sang diện tích rau màu, cây trái và thủy sản.

Mô hình nông nghiệp: Cần Thơ là showroom về các loại mô hình nông nghiệp vùng ĐBSCL, từ siêu thâm canh tới các thể loại xen canh, luân canh, công nghệ cao, mô hình thí điểm các loại giống.

Nông nghiệp sinh thái, cảnh quan: Nhấn mạnh vai trò sinh thái, cảnh quan trong nông nghiệp đô thị, tạo nền tảng cho môi trường sống tốt, hấp dẫn du khách.

Sử dụng hạ tầng thủy lợi như hạ tầng xanh cho đô thị

(b) Chế biến nông sản

Thu hút đầu tư chiến lược trong lĩnh vực chế biến nông sản: xây dựng danh mục chương trình, dự án kêu gọi đầu tư nước ngoài, kèm theo hệ thống chính sách khuyến khích đầu tư; kêu gọi các dự án tài trợ từ các chính phủ và các tổ chức quốc tế cho lĩnh vực phát triển khoa học và công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực; đơn giản hóa thủ tục quản lý đầu tư, nhất là thủ tục cấp và giao đất, giảm tiền thuê đất và miễn giảm thuế đối với các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

Tăng cường hợp tác 4 nhà trong chế biến nông sản: khuyến khích các doanh nghiệp nông nghiệp, chế biến và xuất khẩu nông thủy sản tăng cường liên kết, liên doanh đầu tư với các doanh nghiệp trong và ngoài vùng ĐBSCL, nhất là ở TP. Hồ Chí Minh, để hiện đại hóa ngành chế biến; đẩy mạnh chia sẻ kiến thức giữa các doanh nghiệp, thành lập các trung tâm đổi mới để thúc đẩy ứng dụng công nghệ cao.

(c) Dịch vụ Nông nghiệp

- Thương mại nông sản

- Xây dựng vùng nguyên liệu ổn định, gắn với hệ thống chế biến tiêu thụ. Đẩy mạnh thực hiện liên kết vùng, liên kết theo chuỗi giá trị nhằm bảo đảm tiêu thụ hàng hóa nông sản ổn định.

- Thành lập các cụm xuất khẩu theo mô hình PPP, cải thiện khả năng kết nối và cơ sở hạ tầng hậu cần, kho bãi, kết hợp với các loại dịch vụ như hải quan, đóng container v.v. Tạo thế mạnh thị trường thông qua liên kết, tạo khối lượng giao dịch lớn.

- Tập trung phát triển hoạt động quản lý chất lượng, xác định nguồn gốc, xây dựng thương hiệu và sở hữu các chứng nhận quốc tế - đặt mục tiêu trở thành trung tâm thương mại hàng hóa của khu vực.

- Kết hợp các dịch vụ tài chính, ngân hàng, bảo hiểm đối với sản xuất và xuất nhập khẩu nông sản.

- Du lịch sinh thái nông nghiệp:

Trở thành “đầu tàu” cho ngành du lịch sinh thái nông nghiệp của khu vực bằng cách đa dạng hóa sản phẩm/dịch vụ.

2. Công nghiệp

(1) Phát huy các thế mạnh sẵn có trong mảng công nghiệp nhẹ

Các ngành công nghiệp nhẹ hiện là động lực chính của khu vực sản xuất (82% tổng doanh thu doanh nghiệp sản xuất). Chế biến thực phẩm dẫn đầu về giá trị (doanh thu 71 nghìn tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng kép hàng năm '15-19' đạt 4%) và tạo ra việc làm 41% việc làm trong lĩnh vực sản xuất

(2) Đa dạng hóa các ngành công nghiệp mới

Tiềm năng trong các ngành khác ngoài chế biến thực phẩm phần lớn chưa được khai thác (doanh thu 5 nghìn tỷ đồng mỗi ngành so với 71 nghìn tỷ đồng cho chế biến thực phẩm). Hiệu suất tăng trưởng khác nhau trong 5 năm qua (CAGR từ -30% đến + 62%)

(3) Tối ưu hóa tiềm năng để thu hút đầu tư nước ngoài

Tổng quy mô vốn FDI lũy kế vẫn còn hạn chế (~ 4% của Hải Phòng và 21% của Đà Nẵng). Đầu tư chính đến từ Hàn Quốc (37%), Singapore (18%), do đó có dư địa để thu hút thêm vốn đầu tư từ các nước phát triển khác (ví dụ: Nhật Bản, Hoa Kỳ)

Phương hướng các ngành chính:

a. Ngành chế biến thực phẩm

Phát triển chế biến thực phẩm theo cả chiều rộng và chiều sâu: Cung cố thể mạnh hiện có về thủy sản sang chế biến sâu hơn trên chuỗi giá trị (chế biến thứ cấp) với nhiều loại sản phẩm chủ lực hơn nhằm phát huy tối đa giá trị gia tăng. Những sản phẩm nông nghiệp hiện tại của Cần Thơ đang tập trung vào phân khúc chưa chế biến hoặc chế biến thô, do vậy, cần nâng cấp lên các sản phẩm chế biến sẵn, ăn liền, theo công nghệ mới với các sản phẩm như: Xúc xích, pa tê, chà bông, thủy sản đông lạnh chế biến sẵn, đồ hộp sấy, hút chân không.

Xây dựng chiến lược tiếp thị và xây dựng thương hiệu quốc tế để định vị sản phẩm của Cần Thơ là sản phẩm nông nghiệp và thực phẩm bền vững, chất lượng cao

Phát triển R&D và các dịch vụ hỗ trợ nông nghiệp, tiến tới trở thành một trung tâm kinh doanh nông nghiệp của ĐBSCL với các hoạt động trên toàn chuỗi giá trị, từ nghiên cứu phát triển, chế biến, thương mại và dịch vụ hỗ trợ.

Với ngành chế biến thủy sản, các định hướng chính bao gồm: liên kết hậu cần với các vùng sản xuất thủy sản tập trung và chuyên canh; đầu tư vào công nghệ xử lý thủy sản, cho phép sản xuất những mặt hàng có giá trị gia tăng và tinh chế cao; đẩy mạnh việc tìm kiếm hợp đồng xuất khẩu sang các thị trường phát triển; khuyến khích doanh nghiệp đầu tư nhà máy chế biến phụ phẩm thủy sản với công nghệ tiên tiến, đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường; thúc đẩy hợp tác với các nhà đầu tư tiềm năng như Cargill (Tập đoàn thực phẩm Hoa Kỳ, vào Việt Nam từ năm 1995 và hiện chuyên cung cấp thức ăn chăn nuôi), Tập đoàn Nhật Bản gần đây đã mua 35% cổ phần của công ty nuôi trồng và chế biến tôm Việt Nam Minh Phú.

Với ngành chế biến và xay xát gạo, tập trung chế biến lúa chất lượng cao; phát triển kinh tế tuần hoàn bằng việc chế biến phụ phẩm của ngành lúa gạo phân bón làm từ rơm, khí sinh học vỏ trấu; áp dụng công nghệ truy xuất nguồn gốc và sản xuất gạo bền vững; xây dựng và nâng cấp kho lưu trữ gạo tự động với hệ thống làm sạch và sấy khô đồng bộ; triển khai các chiến dịch quảng bá & xây dựng thương hiệu gạo quốc gia tại thị trường xuất khẩu chính; thúc đẩy hợp tác với các nhà đầu tư tiềm năng như Sunrise (Nhà phân phối gạo Úc, đã mua lại nhà máy chế biến gạo công suất 260.000 tấn tại Đồng Tháp vào năm 2018), Santake (Nhà sản xuất Nhật Bản, cung cấp hệ thống xay xát, sấy khô & bảo quản gạo công nghệ cao tại Việt Nam).

Với ngành chế biến rau, củ, quả, mở rộng sang lĩnh vực chế biến, bảo quản rau và trái cây với các sản phẩm như rau đông lạnh, rau đóng hộp và rau sấy khô; đẩy mạnh những sản phẩm tinh chế để phục vụ xuất khẩu: nước hoa quả đóng chai, sản phẩm dinh dưỡng, mỹ phẩm; xây dựng Trung tâm hậu cần Cái Răng để thu nhận rau quả từ các tỉnh

Đồng bằng sông Cửu Long, hệ thống bảo quản lạnh để bảo quản rau quả tươi & giảm tổn thất sau thu hoạch; tăng cường kết nối cảng biển và sân bay để tạo điều kiện xuất khẩu sang các thị trường Châu Á lân cận.

Với ngành chế biến phụ phẩm nông nghiệp, xây dựng mô hình phát triển dựa trên 4 trụ cột chính (1) Sản xuất: sử dụng nguyên liệu đầu vào sạch và bền vững; (2) Tiêu thụ: Cung cấp thông tin về nông nghiệp tuần hoàn cho người dân; (3) Quản lý phụ phẩm: Xây dựng mô hình tái chế dài hạn và (4) Xây dựng phát triển các ngành liên quan.

b. Ngành năng lượng

Tập trung vào việc sản xuất điện khí sử dụng nguồn khí gas sạch với tiềm năng to lớn để trở thành trung tâm năng lượng khí tự nhiên của cả miền Nam nhờ có: (1) Nguồn cung chiến lược từ khí lô B, có thể tiếp cận nguồn cung khí tự nhiên trực tiếp trong 10- 20 năm tới, (2) Với việc mở rộng nhà máy điện Ô Môn II, III, IV, tổng công suất điện khí của Cần Thơ sẽ tăng lên 3,8 GW, đưa Cần Thơ sẽ trở thành trung tâm sản xuất năng lượng khí lớn thứ 2 tại khu vực miền Nam.

Phát triển các nguồn năng lượng tái tạo, mở rộng sang năng lượng mặt trời và năng lượng sinh khối.

Tiên phong trong các lĩnh vực năng lượng mới: về tầm nhìn dài hạn, phát triển thêm khí hóa lỏng LNG, hydrogen, phát triển hệ thống năng lượng cho thành phố thông minh.

Phát triển, mở rộng sang các dịch vụ liên quan năng lượng như bảo trì, sản xuất linh kiện quy mô vừa và nhỏ, tạo nên tảng để Cần Thơ trở thành trung tâm năng lượng của khu vực.

c. Ngành sản xuất dược phẩm

Tiếp tục phát triển các sản xuất thuốc phân tử nhỏ bằng việc tận dụng ưu thế khi có nhà máy dược Hậu Giang, một trong các công ty dược phẩm hàng đầu Việt Nam.

Đón đầu làn sóng thu hút các doanh nghiệp dược đầu tư vào Việt Nam: chủ động chuẩn bị thu hút các công ty dược lớn về sản xuất thuốc phân tử nhỏ và vac-xin dịch chuyển tới Việt Nam.

Tập trung phát triển cụm ngành dược, y tế, tận dụng lợi thế về nguồn lao động chất lượng cao từ các trường đại học Y dược có tiếng trong khu vực như đại học Y dược Cần Thơ, đại học Nam Cần Thơ và cải thiện kết nối đường không và đường thủy.

Tầm nhìn đến năm 2050, Cần Thơ sẽ tiên phong trong khu vực ĐBSCL về công nghệ sinh học. Cần Thơ tập trung phát triển các trung tâm nghiên cứu và phát triển và tận dụng nguồn lao động công nghệ cao

d. Sản xuất linh kiện điện tử

Cần Thơ cần tiếp tục tạo môi trường thuận lợi, thu hút vốn đầu tư nước ngoài phát triển các sản phẩm linh, phụ kiện điện tử theo hướng gắn kết vào chuỗi sản xuất, cung ứng quốc tế (không nhất thiết là sản phẩm hoàn chỉnh cuối cùng).

Gắn kết phát triển sản xuất công nghiệp điện tử với sản xuất cơ điện tử, cơ khí chính xác để phát triển các sản phẩm kết hợp như: máy móc gia công cơ khí chính xác, máy móc sử dụng công nghệ cao cho các ngành công nghiệp

3. Thương mại và Dịch vụ

3.1. Thương mại

- Hiện đại hóa hệ thống bán lẻ hiện tại
- Nâng cấp hệ thống chợ truyền thống
- Mở rộng mạng lưới bán lẻ hiện tại: Tăng cường bán lẻ hiện đại (siêu thị, trung tâm thương mại), bổ trợ cho bán lẻ truyền thống.
- Thu hút nhà đầu tư chiến lược mảng bán lẻ: Tập trung thu hút các nhà bán đang mở rộng hoạt động kinh doanh sang các thành phố loại 2 bằng cách nâng cao năng lực cạnh tranh và cải thiện năng lực xúc tiến đầu tư.
- Tận dụng mạng lưới bán lẻ hàng đầu khu vực ĐBSCL cùng tỷ lệ đô thị hóa cao ở mức 70%
- Trở thành trung tâm thương mại điện tử vệ tinh của vùng
- Cần Thơ cần có những bước đầu trong việc phát triển hệ thống logistics phục vụ thương mại điện tử (kho bãi, trung tâm phân phối) để thu hút các công ty thương mại điện tử; thiết lập mạng lưới các doanh nghiệp bán lẻ qua kênh thương mại điện tử. Năm bắt xu hướng tăng trưởng về thu nhập và tầng lớp trung lưu.
- Tiên phong trong bán lẻ phục vụ du lịch
- Triển khai các mô hình bán lẻ trải nghiệm, áp dụng công nghệ số cho các tài nguyên du lịch hiện tại (ví dụ chợ nổi Cái Răng) để tạo ra những trải nghiệm độc đáo, tăng giá trị cho ngành bán lẻ, tận dụng thị trường du lịch ĐBSCL và tầng lớp trung lưu đang tăng tại Cần Thơ.

3.2. Dịch vụ

3.2.1. Du lịch

- Phát triển Cần Thơ trở thành điểm du lịch sinh thái độc đáo
- Xây dựng thương hiệu và định vị là một điểm đến du lịch sinh thái, nơi hội tụ và trưng bày các đặc sản, mô hình văn hoá, sinh thái, du lịch của Đồng bằng sông Cửu Long và hệ sinh thái ven sông với các kênh rạch và vị trí trung tâm ĐBSCL. Giá trị du lịch được làm nổi bật: cuộc sống của người dân gắn với ruộng vườn trên các cù lao và vùng đất ven sông, sinh hoạt sông nước truyền thống mà tiêu biểu là chợ nổi, cảnh quan sông nước lồng trong không gian văn hóa đờn ca tài tử đậm chất Nam Bộ, vẻ đẹp dọc sông Hậu và sông Cần Thơ, Cù lao Tân Lộc (quận Thốt Nốt), Cồn Sơn (quận Bình Thủy).
- Trở thành Trung tâm văn hóa đồng bằng sông Cửu Long
- Cần Thơ tập trung phát triển du lịch tận dụng điểm tham quan lịch sử và chợ nổi tiêu biểu, tài sản văn hóa lịch sử và kiến trúc đa dạng, độc đáo. Với lợi thế có rất nhiều

chùa chiền, lễ hội, di tích lịch sử, Cần Thơ sẽ là điểm đến khám phá văn hóa không thể bỏ qua. Chợ nổi Cái Răng, Nhà cổ Bình Thủy, Thiền Viện Trúc Lâm Phương Nam, Chùa Ông, là những điểm du lịch được nhiều du khách quan tâm. Những điểm ít được khách du lịch hơn biết đến là: Khu du lịch Lung Cột Cầu, Khu di tích lịch sử Giàn Gừa, Ngày hội vườn trái cây Tân Lộc, Lễ hội Ok Om Bok tại chùa Pothi Somrôm, Làng nghề hủ tiếu, cũng như công trình Đền thờ các vua Hùng Cần Thơ đang được xây dựng. Do vậy, cần đẩy mạnh truyền thông cho các địa điểm này để đa dạng hóa các sản phẩm du lịch và mang lại nhiều trải nghiệm độc đáo, lý thú cho khách tham quan.

- Phát triển du lịch MICE của miền Nam Việt Nam

Thành phố Cần Thơ phù hợp với việc tổ chức các sản phẩm du lịch sự kiện, hội nghị hội thảo, triển lãm và khuyến thưởng, phát triển thành điểm du lịch MICE của miền Nam Việt Nam, tận dụng kết nối sân bay và vị trí thủ phủ của Đồng bằng sông Cửu Long. Sự kiện lớn là một trong những hoạt động có khả năng tạo dựng thương hiệu du lịch, đồng thời có thể tạo dựng được nhiều sản phẩm du lịch trong khuôn khổ sự kiện. Sản phẩm du lịch này tập trung phát triển ở khu vực quận Ninh Kiều, giai đoạn sau năm 2020 có thể mở rộng phát triển ở các quận Bình Thủy, Cái Răng, Ô Môn. Việc phát triển sản phẩm MICE sẽ mang lại cho TP Cần Thơ lợi thế cạnh tranh trong khu vực đồng bằng sông Cửu Long bởi khu vực đang chủ yếu tập trung vào các sản phẩm du lịch sinh thái, du lịch văn hóa và ít các sự lựa chọn cho du lịch MICE.

- Phát triển du lịch ngôi nhà thứ hai (2nd home) và bất động sản xanh dọc sông Hậu

Cần Thơ có thể phát triển thêm các loại hình bất động sản này dọc sông Hậu nhờ cảnh quan sông nước, môi trường sinh thái yên bình, thành phố trong lành, ít ô nhiễm hơn so với các thành phố lớn khác, phù hợp với loại hình nghỉ dưỡng. Ngoài ra, cũng đang có rất nhiều các nhà đầu tư lớn trong lĩnh vực bất động sản sẽ xây dựng các khu đô thị sinh thái tại thành phố, do vậy, đây cũng là sản phẩm du lịch đáng để quan tâm, đặc biệt, phù hợp với tầm nhìn của Cần Thơ khi mong muốn trở thành thành phố đáng sống, thu hút nhân tài đến định cư.

Việc thúc đẩy du lịch MICE và du lịch ngôi nhà thứ hai sẽ tạo động lực mạnh mẽ cho các ngành khác như công nghiệp, đặc biệt là công nghiệp chế biến thực phẩm, kinh doanh sản phẩm thủ công mỹ nghệ, các dịch vụ hậu cần như ẩm thực, lưu trú phục vụ cho du lịch, từ đó đóng góp cho phát triển đô thị, tiêu dùng, xuất khẩu tại chỗ và thu hút đầu tư.

3.2.2. Logistics

Nâng cấp, mở rộng và hiện đại hóa hạ tầng logistics, bao gồm cả hệ thống nhà kho và chuỗi kho lạnh, tập trung thu hút đầu tư vào chuỗi kho lạnh. Hiện tại, hệ thống nhà kho tại ĐBSCL chỉ chiếm 10% tổng công suất nhà kho tại Việt Nam, và thiếu khoảng 100,000-200,000 ngăn chứa kho lạnh.

Mở rộng các dịch vụ logistics, cung cấp các dịch vụ logistics trọn gói, tận dụng lợi thế sẽ có một trung tâm logistics vùng được quy hoạch tại quận Cái Răng, Cần Thơ.

Trung tâm logistics dự kiến sẽ có hệ thống kho, hệ thống container hàng kho/hàng lạnh/hàng thường, khu chế xuất, khu dịch vụ; đảm bảo là đầu mối kho vận chất lượng cao của ĐBSCL.

Tăng cường kết nối hạ tầng giao thông phục vụ phát triển logistics đường biển và đường hàng không, nhằm phát huy tối đa lợi thế về vị trí, vai trò đầu mối giao thông vận tải liên vùng và liên vận quốc tế, đưa thành phố Cần Thơ thành một đầu mối logistics quan trọng của vùng ĐBSCL; tận dụng một trong hai cảng hàng không quốc tế duy nhất của ĐBSCL, cùng với việc có cảng Cái Cui, kết nối trực tiếp với các cảng nước sâu khác.

4. Các lĩnh vực xã hội

4.1. Giáo dục

Mở rộng quy mô đào tạo nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng.

Mở rộng cơ sở hạ tầng, quy mô trường, lớp cần, sắp xếp một cách hợp lý, đầu tư theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, đảm bảo có đủ chỗ và tăng tỷ lệ huy động học sinh đúng độ tuổi đến trường, đặc biệt ở bậc trung học phổ thông.

Đẩy mạnh việc ứng dụng khoa học công nghệ trong giảng dạy và quản lý giáo dục để nâng cao chất lượng dạy học và bắt kịp với xu hướng trên toàn thế giới. Ngoài ra, cần chú trọng vào hệ thống giáo dục nghề nghiệp để giải quyết tình trạng thiếu hụt lao động nghề ở thị trường lao động, tập trung vào đào tạo lý thuyết gắn liền với thực hành, tăng cường hợp tác giữa trường học và doanh nghiệp để đảm bảo đầu ra cho sinh viên.

Hợp tác phát triển đào tạo nghề và đại học với TPHCM, tạo hàng loạt chi nhánh của các cơ sở giáo dục đào tạo TPHCM và Hà Nội tại Cần Thơ.

4.2. Y tế

Phát triển mạng lưới y học dự phòng có đủ khả năng dự báo, giám sát, phát hiện và khống chế các dịch bệnh, nhằm giảm tỷ lệ mắc và tử vong do dịch bệnh gây ra. Phấn đấu đến năm 2030, trên 95% dân số được quản lý sức khỏe; 100% trạm y tế xã, phường, thị trấn thực hiện hiệu quả việc dự phòng, quản lý, điều trị một số bệnh không lây nhiễm.

Phát triển mạng lưới khám, chữa bệnh, đặc biệt tại tuyến y tế cơ sở, bảo đảm cho mọi người dân tiếp cận một cách thuận lợi với các dịch vụ có chất lượng tại các cơ sở y tế, bao gồm các cơ sở y tế công lập và ngoài công lập, nâng tỷ lệ hài lòng của người dân với dịch vụ y tế địa phương đạt trên 90%.

Đầu tư cơ sở hạ tầng đáp ứng nhu cầu phát triển của xã hội. Bảo đảm trang thiết bị thiết yếu tại các trạm y tế và từng bước đầu tư trang thiết bị hiện đại cho hệ thống y tế dự phòng, hệ thống khám chữa bệnh và phục hồi chức năng.

Phát triển nguồn nhân lực y tế cả về số lượng và chất lượng nhằm từng bước khắc phục khó khăn về nhân lực cho các đơn vị y tế tuyến cơ sở tại vùng khó khăn và các chuyên khoa đặc thù. Ban hành các chính sách ưu đãi đặc biệt nhằm thu hút để ổn định

nhân lực y tế có trình độ chuyên môn cao, chuyên sâu yên tâm công tác lâu dài tại địa phương.

Hình thành Trung tâm Y tế chuyên sâu của TP, bao gồm: các BV đa khoa và chuyên khoa chất lượng cao khu vực đồng bằng sông Cửu Long; Trung tâm Khám sức khỏe và tầm soát bệnh bằng công nghệ cao; Trung tâm điều hành cấp cứu 115 và mạng lưới cấp cứu vệ tinh với hệ thống điều phối thông minh. Hình thành nền y tế thông minh, với ba nội dung chính là phòng bệnh thông minh, khám chữa bệnh thông minh và quản trị y tế thông minh, trọng tâm là y tế cộng đồng.

Thành lập các Trung tâm ghép tạng, Trung tâm Kiểm chuẩn xét nghiệm vùng, Trung tâm Kiểm dịch y tế quốc tế.

4.3. Khoa học Công nghệ

Định hướng phát triển khoa học công nghệ với mục tiêu trở thành tăng tổng đầu tư xã hội cho khoa học và công nghệ đạt 2,5% GRDP vào năm 2030. Bảo đảm mức đầu tư từ ngân sách nhà nước cho khoa học và công nghệ không dưới 2% tổng chi ngân sách nhà nước hàng năm. Bảo đảm mức đầu tư từ ngân sách nhà nước cho khoa học và công nghệ không dưới 2% tổng chi ngân sách nhà nước hàng năm. Nhóm giải pháp phát triển khoa học công nghệ bao gồm 4 nhóm giải pháp chính.

Tăng cường liên kết với các đơn vị trong và ngoài nước (các viện nghiên cứu, các trường đại học) cũng như liên kết giữa các nhà nghiên cứu và các doanh nghiệp để cùng phát triển các dự án nghiên cứu, gửi các nhà nghiên cứu của Cần Thơ sang nước ngoài làm việc, tận dụng tốt các cơ hội từ các hợp tác song phương giữa Việt Nam và các đối tác nước ngoài về khoa học công nghệ.

Thường xuyên tổ chức các buổi triển lãm, giới thiệu sản phẩm, cũng như các buổi đào tạo trực tiếp tại doanh nghiệp. Thành lập sàn giao dịch công nghệ để tăng cường xúc tiến, chuyển giao công nghệ, giới thiệu chào bán, kết nối cung cầu và chuyển giao công nghệ thiết bị. Nâng cao năng lực của Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ thành phố Cần Thơ, với vai trò là đầu tàu trong việc triển khai các tiến bộ khoa học công nghệ vào đời sống.

Tạo môi trường kinh doanh thuận lợi, phát triển các doanh nghiệp nhỏ và vừa hoạt động trong lĩnh vực KH&CN, đặc biệt là các doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo. Tăng cường đầu tư phát triển hạ tầng nghiên cứu khoa học và kỹ thuật theo hướng hiện đại hóa. Xây dựng Khu tập trung dịch vụ hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo với nhiệm vụ hỗ trợ các doanh nghiệp mới thành lập trong thủ tục, nguồn vốn, các hoạt động xúc tiến và quảng bá, đào tạo kỹ năng quản lý quản lý doanh nghiệp,... Khuyến khích và hỗ trợ doanh nghiệp tham gia ngày hội khởi nghiệp công nghệ quốc gia (TECHFEST) để giao lưu, liên kết với các doanh nghiệp trong và ngoài nước cũng như là cơ hội để quảng bá sản phẩm công nghệ mới.

Có cơ chế khuyến khích, thúc đẩy việc thành lập các trung tâm đổi mới sáng tạo trong trường đại học, tạo điều kiện cho sinh viên được thực hành thường xuyên; Hợp tác sâu rộng với các trường đại học hàng đầu về khoa học công nghệ (ví dụ Đại học

FPT) để thu hút, triển khai việc đào tạo sâu rộng cho đội ngũ sinh viên khoa học công nghệ. Liên kết với các trường đại học, tổ chức khoa học ở nước ngoài, tạo điều kiện cho các sinh viên, nhà nghiên cứu có thành tích xuất sắc đi trao đổi, giao lưu, tham gia các hội thảo, triển lãm khoa học công nghệ của nước ngoài.

Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng Khu công nghệ cao Cần Thơ với vai trò, chức năng là trung tâm khoa học và công nghệ của vùng đồng bằng sông Cửu Long. Đầu tư xây dựng Sàn giao dịch công nghệ.

4.4. Văn hóa

Đổi mới và tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, góp phần nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của văn hóa đối với sự phát triển của thành phố:

Chú trọng xây dựng người Cần Thơ phát triển toàn diện, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững của thành phố. Tiếp tục xây dựng người Cần Thơ “Trí tuệ - năng động - nhân ái - hào hiệp - thanh lịch”, tập trung đẩy mạnh các hoạt động giáo dục nhân cách, đạo đức, lối sống trong gia đình, nhà trường và xã hội, với các đặc tính “Yêu nước, nhân ái, nghĩa tình, trọng đạo lý, trung thực, đoàn kết, cần cù, sáng tạo, phát huy vai trò của văn học, nghệ thuật trong việc định hướng thị hiếu thẩm mỹ, bồi dưỡng tâm hồn, tình cảm, trí tuệ, kỹ năng sống, hướng tới sự hoàn thiện nhân cách của mỗi cá nhân và xã hội.

Đẩy mạnh thực hiện có hiệu quả các phong trào, cuộc vận động về văn hóa, góp phần xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh.

Tăng cường xây dựng văn hóa chính trị và văn hóa kinh tế: chú trọng công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, bảo vệ nền tảng tư tưởng, đạo đức của Đảng; coi trọng xây dựng văn hóa từ trong Đảng, trong bộ máy nhà nước; các đoàn thể đẩy mạnh việc “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; tuyên truyền sâu rộng và đưa văn hóa pháp luật thấm sâu vào lối sống, nếp nghĩ và hành vi của mỗi người dân, tiếp tục đẩy mạnh xây dựng chính quyền điện tử, cải cách thủ tục hành chính; đẩy mạnh việc triển khai Cuộc vận động xây dựng văn hóa doanh nghiệp, tinh thần khởi nghiệp sáng tạo.

Chú trọng phát triển công nghiệp văn hóa đi đôi với xây dựng, hoàn thiện thị trường văn hóa

Tăng cường bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan, chủ động hội nhập, tăng cường giao lưu, hợp tác quốc tế về văn hóa, xây dựng và đẩy mạnh triển khai hiệu quả Chiến lược văn hóa đối ngoại và Chiến lược ngoại giao văn hóa của Việt Nam tại thành phố Cần Thơ trong giai đoạn mới, tăng cường công tác quản lý nhà nước về văn hóa; kiểm soát hiệu quả thông tin xấu, độc trên mạng internet xây dựng, phát triển nguồn nhân lực làm công tác văn hóa

Chú trọng xây dựng phát triển đội ngũ cán bộ làm công tác văn hóa. Quan tâm quy hoạch, đào tạo chuyên sâu, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, đặc biệt là cán bộ ở cơ sở. Có chính sách phát hiện, bồi dưỡng, đãi ngộ, tôn vinh cán bộ trong lĩnh vực văn

hóa, nghệ thuật; trọng dụng đội ngũ cán bộ văn hóa có tâm, có tầm, có phẩm chất đạo đức, năng lực, uy tín, tâm huyết với nghề.

Củng cố, kiện toàn đội ngũ giảng viên và đầu tư xây dựng Trường Cao đẳng văn hóa nghệ thuật xứng tầm khu vực đồng bằng sông Cửu Long, đáp ứng yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực và phát triển tài năng trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật.

Xây dựng chế độ, chính sách hỗ trợ, thu hút đối với đội ngũ văn nghệ sĩ, nghệ nhân, ca sĩ, diễn viên tài năng, góp phần tạo nguồn nhân lực cần thiết, đáp ứng tốt yêu cầu phát triển văn hóa thành phố. Thực hiện các hình thức tôn vinh, đãi ngộ nghệ nhân truyền dạy, quảng bá di sản văn hóa phi vật thể, bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số”.

4.5. Thể thao

Tiếp tục phát triển mạnh mẽ thể thao, góp phần nâng cao sức khỏe, thể lực, tầm vóc người Cần Thơ. Chú trọng nâng cao chất lượng hoạt động thể thao quần chúng, hình thành nền nếp rèn luyện thân thể thường xuyên cho mọi người; chú trọng nâng cao chất lượng thể thao thành tích cao, giáo dục thể chất cho thanh thiếu niên, học sinh; quan tâm phát triển phong trào thể thao trong cán bộ, công chức, công nhân viên chức, người lao động ở các cơ quan hành chính sự nghiệp, các khu công nghiệp, trong người cao tuổi, người khuyết tật và lực lượng vũ trang.

Quan tâm mở rộng và nâng cao chất lượng thể thao thành tích cao; nâng cao trình độ vận động viên một số môn thể thao trọng điểm đạt ngang tầm châu Á và thế giới; huấn luyện, đào tạo ngày càng nhiều vận động viên đẳng cấp cho đội tuyển quốc gia và đạt nhiều thành tích ở các giải thể thao thế giới; bảo đảm hệ thống cơ sở vật chất, sân bãi tập luyện và tổ chức thi đấu các giải thể thao tầm quốc gia và quốc tế.

Mục tiêu đến năm 2030

- Tỷ lệ người dân tập luyện thể thao thường xuyên so với dân số đạt trên 42%.
- Tỷ lệ gia đình thể thao/Tổng số hộ đạt trên 32%.
- Phân đấu đưa thể thao Cần Thơ vào vị trí đứng đầu trong khu vực đồng bằng sông Cửu Long và nằm trong top 10 của cả nước.

4.6. An sinh xã hội

Định hướng phát triển lao động và việc làm ở Cần Thơ cần tập trung giải quyết ba vấn đề chính: (1) Lao động được đào tạo bài bản nhưng lại làm việc trong lĩnh vực giá trị gia tăng thấp; (2) Tình trạng di cư sang các đô thị khác để tìm việc và (3) Thiếu lao động phổ thông. Để giải quyết các vấn đề này, cần có sự can thiệp tới nhiều lĩnh vực khác nhau.

(1) Tình trạng lao động làm việc trong lĩnh vực giá trị gia tăng thấp

Tập trung vào việc động lực phát triển những ngành kinh tế giá trị cao, từ đó tạo sinh kế cho người dân, tập trung vào các lĩnh vực như da giày, thủy sản, kỹ thuật cao...

Lên chiến lược phát triển nguồn nhân lực hợp lý để sẵn sàng cho từng mục tiêu phát triển của từng giai đoạn.

Tạo cơ chế, chính sách hợp lý nhằm bồi dưỡng, đào tạo và tạo điều kiện cho lao động có việc làm phù hợp với các ngành kinh tế mới thông qua hợp tác với các doanh nghiệp, trường đại học, các tổ chức trong nước và quốc tế.

(2) Tình trạng lao động di cư khỏi thành phố

Có kế hoạch nhân lực và lao động ước tính dựa theo tỷ lệ di cư. Từ đó xây dựng các mục tiêu hợp lý với số lượng lao động hiện tại. Ngoài ra, tập trung tạo cơ hội việc làm và ở lại cho những dân cư vùng khác vào Cần Thơ học tập và sinh sống, để cân bằng sự thiếu hụt lao động.

Cải cách khung pháp lý ảnh hưởng đến người dân và người di cư, tập trung để phát triển phần “nội lực”, về kinh tế, hạ tầng giao thông và xã hội bền vững, từ đó tạo sinh kế cho người dân trong dài hạn. Việc làm ổn định và thu nhập cao sẽ là động lực chính để người dân ở lại.

(3) Tình trạng thiếu lao động phổ thông

Thu hút các lao động phổ thông từ các vùng lân cận. Bằng cách tạo những chính sách và cơ chế phù hợp, Cần Thơ có thể có lực lượng lao động tạm thời đối với các công việc cơ bản.

Phát triển theo hướng hiện đại hóa, từ đó tạo ra nhiều việc làm mới: có kế hoạch rõ ràng về số lượng lao động phổ thông, lao động chuyên nghiệp trong thời gian sắp tới (tính đến năm 2030); đảm bảo mức sống và điều kiện phát triển của lao động phổ thông, để lực lượng lao động có thể yên tâm đào tạo tay nghề; truyền thông rộng rãi, kèm theo các cơ chế phù hợp với lao động phổ thông, kèm theo các chương trình đào tạo và định hướng lao động nghề sớm cho học sinh khi còn ngồi ghế nhà trường.

Để nâng cao mức sống và an sinh xã hội, Cần Thơ cần: cung cấp các chính sách dành riêng cho những đối tượng gặp khó khăn như hộ nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số, liên quan đến tín dụng, khuyến nông, giải quyết việc làm; chuẩn bị kế hoạch tương trợ cho các sự kiện như thiên tai, bão lũ, dịch bệnh diễn ra để đảm bảo sinh kế cho người dân, đặc biệt là các đối tượng dễ chịu tổn thương; đưa ra các chính sách dành riêng cho nữ giới, bao gồm tổ chức các chương trình tập huấn, đào tạo dành riêng cho nữ giới, hỗ trợ tài chính hoặc cải thiện các chính sách thai sản cho phụ nữ...

PHẦN V: PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ XÃ HỘI

I. Phương án tổ chức không gian cho các hoạt động kinh tế của Thành phố

1- Không gian cho các hoạt động dịch vụ, hành chính đô thị đa năng

- Khu vực lõi đô thị trung tâm Ninh Kiều, nam Bình Thủy, bắc Cái Răng cung cấp dịch vụ tổng hợp đô thị cho toàn thành phố, đặc biệt là khu vực phía nam.
- Tuyến đô thị kết nối dọc theo đường nam sông Hậu cung cấp dịch vụ đô thị tổng hợp cho khu vực phát triển phía bắc.
- Các điểm đô thị phân tán như Thới Lai, Cờ Đỏ, Vĩnh Thạnh, Thốt Nốt cung cấp dịch vụ đô thị cho khu vực xung quanh.

Hình 5: Entertainment and service, trade center Bleutech-Park, Las Vegas

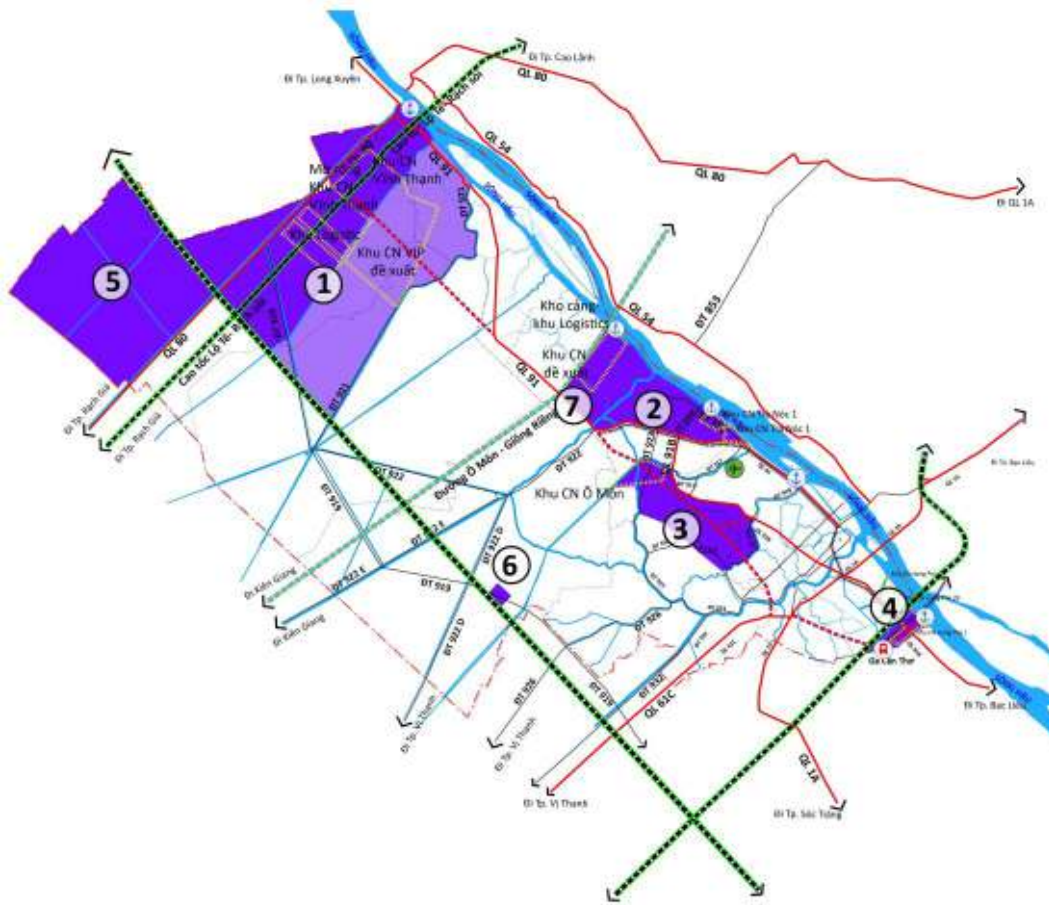


Nguồn: thông tin thu thập

2- Không gian cho các hoạt động sản xuất công nghiệp

- Nguyên tắc chung về không gian công nghiệp là phải tập trung thành vùng để có thể cung cấp hạ tầng thuận tiện, nhưng không quá nén để có thể đan xen với những yếu tố cảnh quan sinh thái môi trường, đô thị công nghiệp.
- Khu vực công nghiệp cao cấp, ít sử dụng diện tích hơn, tập trung ở vùng đô thị trung tâm phía nam, đặc biệt quanh cụm cảng Trà Nóc và sân bay, phía bắc sông Trà Nóc và quanh cụm cảng Cái Cui và nhà ga xe lửa Cái Răng, kết hợp với các trung tâm logistics và đô thị công nghiệp. Khu vực này bao gồm các loại chế biến nông sản cao cấp, năng lượng, chế tạo, dược v.v.

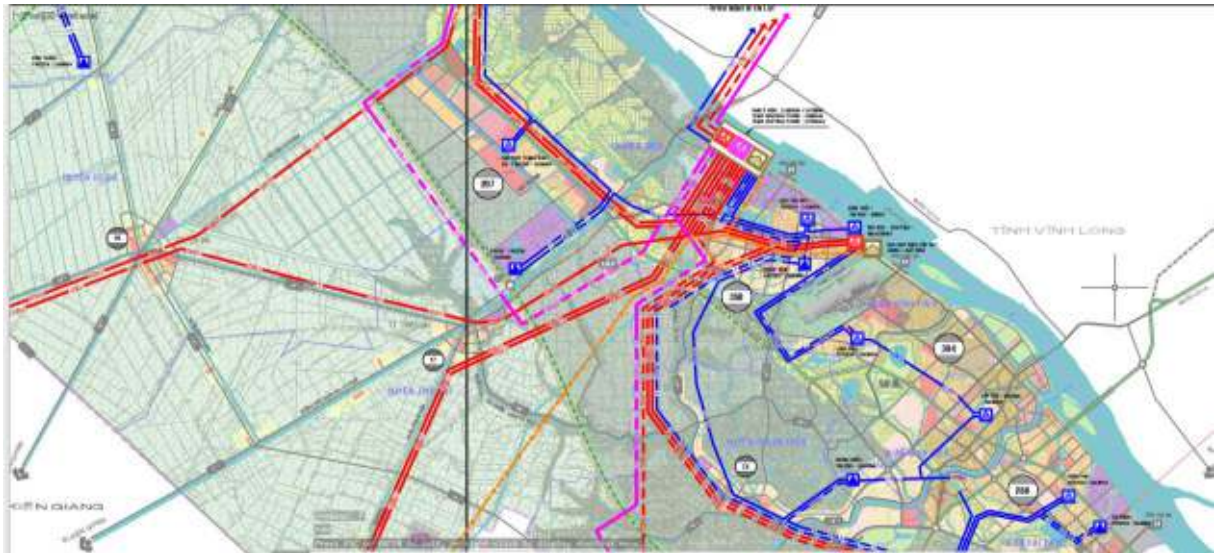
Hình 6: Bản đồ Phân vùng công nghiệp



STT	Phân vùng	Diện tích (ha)
1	Vùng công nghiệp lớn tập trung: Vĩnh Thạnh – Thốt Nốt: chế biến, chế tạo, logistics, cảng	24.000
2	Vùng trung tâm công nghiệp năng lượng: Ô Môn.	2.600
3	Vùng chế biến công nghệ cao, dược: đô thị sân bay, Ô Môn	3.500
4	Vùng logistics hàng hải: Cái Răng, phía nam cao tốc TP. HCM-Cần Thơ.	600
5	Vùng năng lượng mặt trời: phía tây cao tốc An Giang- Trần Đề	12.000
6	Trung tâm công nghiệp môi trường: Thới Lai.	150
7	Khu công nghiệp cảng, logistics Ô Môn	1.200
	Tổng cộng	44.050

Nguồn: *Sở Kế hoạch và Đầu tư*

- Trung tâm năng lượng cấp vùng, tập trung vào các lĩnh vực nhiệt điện, khí hoá lỏng, tổng kho xăng dầu, chất đốt v.v. nằm ở khu công nghiệp Ô Môn, có cảng chuyên dùng riêng.



Nguồn: *Sở Kế hoạch và Đầu tư*

- Trung tâm liên kết và chế biến nông sản và đô thị công nghệ nông nghiệp v.v. nằm ở khu vực phía Tây Bình Thủy và một phần Phong Điền, phía tây nam của cảng hàng không, kết nối thuận lợi cả với cảng hàng không, cảng Trà Nóc và Cái Cui, kết nối đường bộ qua cao tốc với các tỉnh và thuận tiện kết nối với trung tâm đô thị Ninh Kiều-Cái Răng cũng như những vùng mô hình công nghệ nông nghiệp xung quanh, thuộc Phong Điền, Thới Lai.



Nguồn: *Sở Kế hoạch và Đầu tư*

- Khu vực công nghiệp cần nhiều diện tích hơn, bao gồm cả chế biến nông sản và chế tạo, năng lượng, logistics vùng tập trung ở phía bắc, nằm dọc theo tuyến quốc lộ 80 và cao tốc Lộ Tẻ-Rạch Sỏi. Kết nối chính là qua cao tốc Lộ tẻ rạch sỏi và An Giang-Trần Đề. Kết nối đường hàng hải qua cảng Cái Cui và đường thủy nội địa qua tân cảng Thốt Nốt mở rộng.

- Công nghiệp năng lượng mặt trời xen lẫn với nông nghiệp tập trung ở phía tây đường cao tốc An Giang- Trần Đề, thuộc Vĩnh Thạnh.

- Trung tâm xử lý chất thải, công nghệ môi trường cấp vùng nằm ở Thới Lai và một phần phía tây của Vĩnh Thạnh.

3- Không gian cho các hoạt động dịch vụ xã hội, công nghệ cao cấp vùng

Bao gồm một loạt các trung tâm đô thị đại học và giáo dục đào tạo, đô thị y tế và chăm sóc sức khỏe, văn hoá thể thao, thương mại dịch vụ, công nghệ thông tin, tạo thành một vành đai bám xung quanh lõi trung tâm đa năng Ninh Kiều, Bình Thủy. Vành đai này vừa có kết nối thuận tiện vào lõi trung tâm, vừa thuận tiện kết nối tới sân bay, cao tốc, nhà ga, bến cảng, và tiếp giáp trực tiếp với vùng đô thị sinh thái Phong Điền và sẽ trở thành vành đai động lực chính đưa Cần Thơ lên thành trung tâm vùng.

Hình 7: Minh họa không gian đô thị đại học



Hình 8: Minh họa không gian chăm sóc sức khỏe, y tế

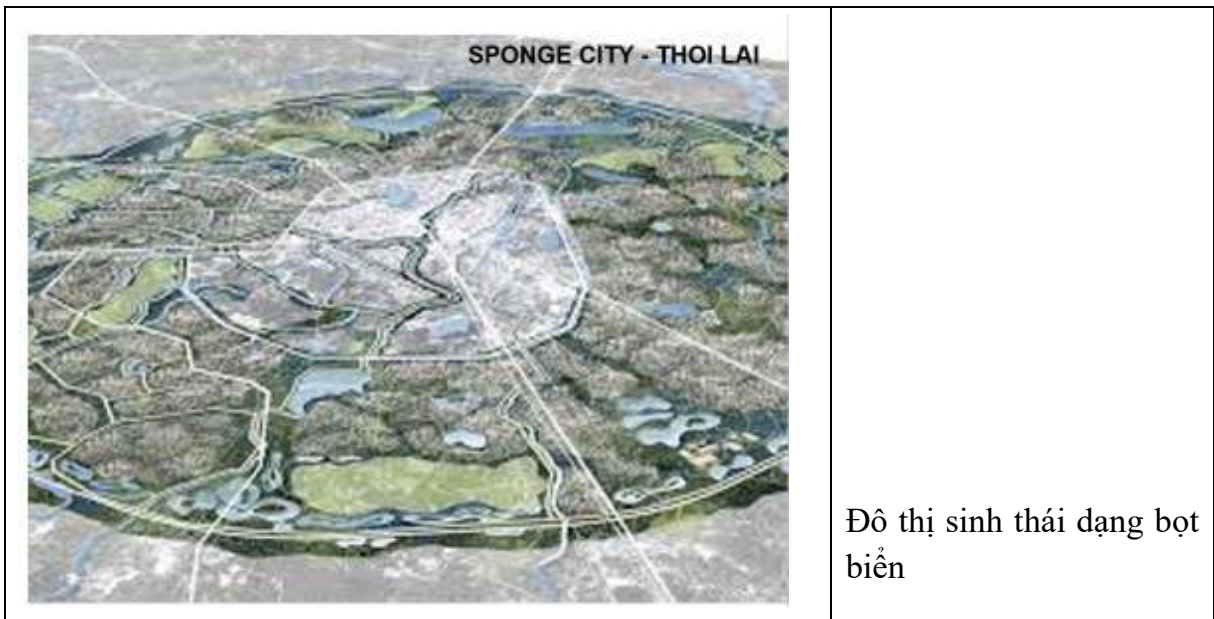


Nguồn: thông tin thu thập

4- Không gian du lịch sinh thái, cảnh quan

Đây là một trong những lĩnh vực mũi nhọn, đồng thời tạo thành bản sắc chính và sợi dây liên kết tất cả các vùng đô thị Cần Thơ thành một thành phố lớn với bản sắc sông nước. Bao gồm không gian cảnh quan ven sông Hậu và các sông chính, sinh thái cảnh quan miệt vườn sẵn có ở Phong Điền và ven sông Hậu, từ Ô Môn tới Thốt Nốt, khu vực tạo mới không gian sinh thái ngập nước quanh thị trấn Cờ Đỏ, thị trấn Thới Lai và hệ thống du lịch sinh thái nông nghiệp, trang trại theo mô hình nông trường sông Hậu, có thể mở rộng ra phía bắc nông trường sông Hậu và phía tây thuộc nông trường Cờ đỏ.

 ECO-TOURISM CITY Phum Baitang, Siemreap	Không gian miệt vườn, du lịch sinh thái đặc thù nông thôn miền Tây.
 ECOLOGIC RIVERSIDE CITY	Đô thị cao cấp
 WETLAND CITY	Đô thị du lịch sinh thái sông nước.



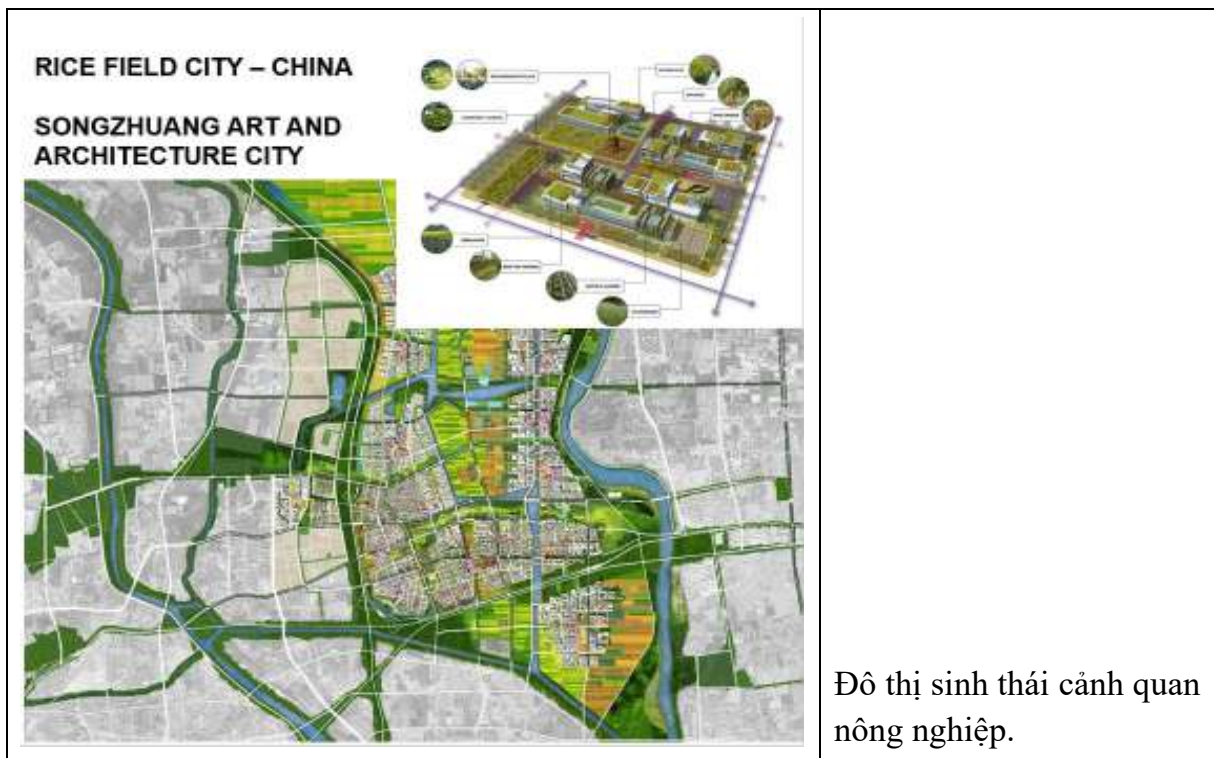
5- Không gian nông nghiệp:

Về cơ bản, Cần Thơ là một đô thị, do đó xác định nông nghiệp phải là nông nghiệp đô thị, với rất nhiều vai trò, từ chuyển giao công nghệ, cảnh quan, sinh thái, văn hoá xã hội cho tới hạ tầng xanh. Giá trị về sản lượng nông nghiệp không phải là mục tiêu hàng đầu. Vì thế, không xác định Cần Thơ sẽ tập trung vào chuyên canh bất kỳ một loại nông sản nào, nhất là lúa.

Dưới góc độ là mô hình chuyển giao công nghệ nông nghiệp cho vùng và quốc gia, thậm chí quốc tế, thì diện tích nông nghiệp Cần Thơ có thể được nhìn nhận dưới góc độ tổ hợp các mô hình công nghệ chuyên canh, từ thủy sản, cây trái, rau màu, chăn nuôi và cả lúa và các mô hình xen canh, luân canh, vườn ao chuồng khác nhau, như một dạng showroom công nghệ canh tác nông nghiệp. Cụ thể mô hình nào được thực hiện ở đâu cần theo các dự án và nhu cầu nghiên cứu, thị trường. Tuy nhiên có thể xác định một số vùng nông nghiệp lớn với tính chất đặc thù như sau:

- Trung tâm cây trái dạng miệt vườn sông nước truyền thống nằm ở phía tây Cái Răng, Phong Điền, ven sông Hậu thuộc Ô Môn, Thốt Nốt, kết hợp với bất động sản du lịch nghỉ dưỡng cao cấp. Khu vực trang trại nông nghiệp đa năng, kết hợp vườn ao chuồng với du lịch trang trại, du lịch cộng đồng, nằm ở các địa phận nông trường sông Hậu, nông trường Cờ Đỏ và có thể mở rộng về phía bắc nông trường sông Hậu. Trung tâm nghiên cứu và mô hình lúa nằm ở Thới Lai. Những vùng khác là nông nghiệp đô thị, đan xen trong các cấu trúc đô thị, với tác dụng về sinh thái, cảnh quan, xã hội, du lịch, nghỉ dưỡng nhiều hơn là nông nghiệp.

- Ngoài ra, hiện nay có 10 khu nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp công nghệ cao được đề xuất bởi ngành nông nghiệp. Những cấu trúc này sẽ được phân bố đất đai tới 2025. Tuy nhiên, về lâu dài, mọi khu vực nông nghiệp đều có thể là khu nông nghiệp công nghệ cao, vì đây chỉ là vấn đề dự án cụ thể.



II. Phương án tổ chức hệ thống đô thị và nông thôn

1. Phân loại đô thị

Để Cần Thơ trở thành đô thị loại I, thực ra toàn thành phố phải đạt tiêu chuẩn loại I. Hiện nay, chương trình phát triển đô thị mới đưa ra mục tiêu là 5 quận nội thành cần đạt đô thị loại I và các trung tâm huyện đạt đô thị loại IV. Tuy nhiên, Cần Thơ cũng chưa đáp ứng được các tiêu chuẩn này với mật độ dân cư hiện tại và dự kiến trong tương lai. Mục tiêu thực sự trở thành đô thị loại I do đó là mục tiêu rất dài hạn. Mặt khác, việc Cần Thơ là đô thị loại mấy thực ra không quan trọng bằng quan điểm chung cho rằng toàn thành phố Cần Thơ là một đô thị, chứ không phải là một tỉnh như các tỉnh khác với một số điểm đô thị, còn lại là nông thôn. Vì vậy, quan điểm ở đây là quy hoạch này không cần quan tâm tới phân loại đô thị. Chương trình phát triển đô thị là một chương trình riêng chuyên ngành, nhằm đạt được một số mục tiêu về không gian đô thị. Còn ở đây là quy hoạch tích hợp thì sẽ không tích hợp những nội dung của chương trình phát triển đô thị.

Với phạm vi của quy hoạch này, Cần Thơ nên ưu tiên mục tiêu toàn bộ thành phố là một đô thị với tổng dân số khoảng 1,5 triệu người, có tính chất chung là một đô thị sinh thái, dân cư đan xen với cảnh quan nông nghiệp. Khu vực Ninh Kiều - Cái Răng (một số phường trung tâm Cái Răng) sẽ là vùng lõi, cần đạt mật độ khoảng 8000 - 10.000 người/km², với quy mô dân số khoảng 500 nghìn người.

Tỷ lệ đô thị hoá khi đó là 100%, tuy nhiên, tỉ lệ phi nông nghiệp là quan trọng hơn cả (do tỉ lệ đô thị hoá phụ thuộc vào việc quy định ranh giới nội thị thay vì mật độ dân số). Tỉ lệ phi nông nghiệp cần đạt khoảng 90%. Với mục tiêu tỉ trọng lĩnh vực nông nghiệp trong nền kinh tế đạt mức dưới 6%, tỉ lệ lao động không nên vượt ngưỡng 10%

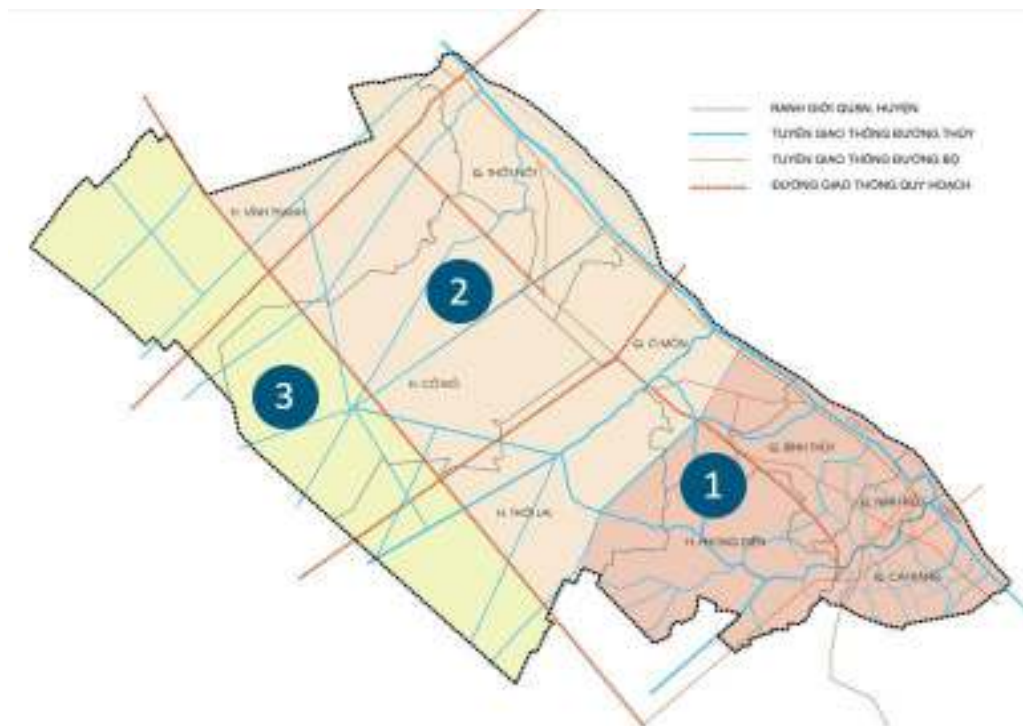
tổng lao động. Chênh lệch lớn về thu nhập có thể xảy ra nếu tỉ lệ lao động không được phân bố đồng đều.

2. Phân vùng đô thị

Trong tương lai, khi có những hệ thống kết nối cao tốc vùng mới, cấu trúc đô thị của Cần Thơ sẽ có nhiều thay đổi lớn. Thay vì chỉ có một hướng là sông Hậu, Cần Thơ tương lai sẽ có cả những hướng tổ chức không gian liên quan tới các tuyến cao tốc chính. Mặt khác, quan điểm của quy hoạch này là không phân biệt thành đô thị và nông thôn, mà coi toàn bộ lãnh thổ Cần Thơ là một đô thị, với những vùng đô thị khác nhau.

Từ đó, có thể phân vùng khu vực Cần Thơ thành 3 vùng sau:

Hình 9. Sơ đồ phân vùng khu vực Cần Thơ



Thành phố Cần Thơ được chia thành 3 vùng đô thị chính:

1. Vùng lõi trung tâm đô thị phía Nam,
2. Vùng phát triển kinh tế mới phía Bắc,
3. Vùng cải tạo sinh kế nông nghiệp phía Tây đường cao tốc An Giang- Trần Đề.

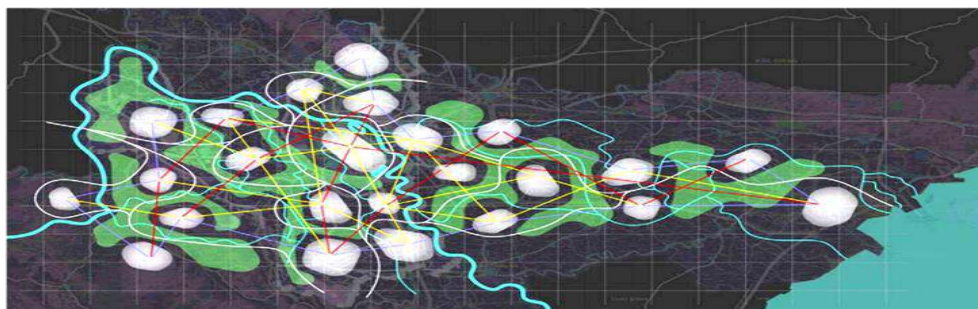
- **Vùng đô thị chính phía nam, bao gồm các quận Ninh Kiều - Bình Thủy - Cái Răng, huyện Phong Điền, và một phần huyện Thới Lai, quận Ô Môn, lấy ranh giới là kênh KH08.** Vùng này là vùng đô thị trung tâm, với tất cả các kết nối liên vùng quan trọng: đường sắt, đường thủy, hàng không, hàng hải, cao tốc trung tâm Cần Thơ – Thành phố Hồ Chí Minh, cao tốc An Giang - Cần Thơ, QL 61C, QL 1A, QL 91, 91B. Trong vùng này có đủ các công năng chính để Cần Thơ có thể trở thành trung tâm vùng trong tương lai, bao gồm trung tâm lịch sử Ninh Kiều, trung tâm mới Cái Răng, đô thị sân bay, đô thị cảng Cái Cui, đô thị Cảng Trà Nóc, Agropolis Bình thủy, Technopolis Cái Răng, trung tâm Giáo dục Đào tạo, trung tâm Y tế, trị liệu, trung tâm Thể dục Thể thao, trung tâm Thương mại Dịch vụ Đô thị Sinh thái Phong Điền. Trong tương lai gần

nên tập trung vào vùng này.

- **Vùng đô thị phía Bắc: Ô Môn, Thới Lai, Cờ Đỏ, Thốt Nốt - Vĩnh Thạnh:** Nằm từ kênh KH08 về phía Bắc, có cao tốc Ô Môn - Giồng Riềng và trục sông Ô Môn ở giữa. trục cao tốc Lộ Tẻ - Rạch Sỏi, QL 80, QL 91, Cao tốc An Giang - Cần Thơ, cảng Thốt Nốt, các kênh rạch chính là kênh cái Sắn, rạch Bò Ót, rạch Thốt Nốt, kênh Thom Rôm.

- **Vùng đô thị phía tây cao tốc An Giang - Cần Thơ:** Vùng này thuộc đất các huyện Thới Lai, Cờ Đỏ, Vĩnh Thạnh, bị ngăn cách bởi Cao tốc An Giang - Cần Thơ. Khu vực phía Tây đường cao tốc do đó sẽ bị ngăn cách khỏi vùng phía Đông. Mỗi liên hệ giữa hai nửa sẽ suy yếu nhiều. Thị Trấn Cờ Đỏ bị cắt sang bên này đường, sẽ không thể phục vụ tốt được cho nửa bên kia huyện như trước. Những phần của huyện Vĩnh Thạnh, Thới Lai phía bên này đường gần như thuần nông, và cũng bị ngăn cách với trung tâm huyện phía Đông.

3. Nguyên lý tổ chức không gian đô thị



Nguyên lý tổ chức không gian đô thị dựa trên nguyên tắc lấy yếu tố nước làm trọng tâm để có thể tạo ra những đô thị sinh thái đặc thù mang bản sắc sông nước, đồng thời thích ứng được với dự báo về BĐKH, nước biển dâng.

Cách tốt nhất để tổ chức những dạng đô thị này là Terracing - tạo thành những dạng đảo đô thị nén, cốt nền cao trên nền là hệ sinh thái thấp, dành chỗ cho nước.

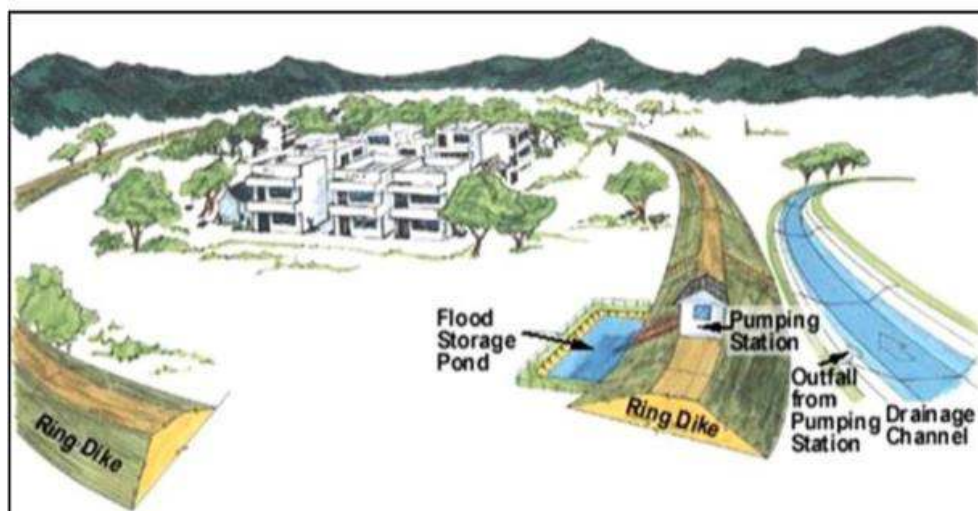


Figure 5 Polder's components

Nguyên lý thứ hai là Poldering, nghĩa là phát triển gọn trong từng ô nhỏ được bao quanh bởi nước và đê bao cục bộ, sử dụng máy bơm để tiêu nước trong ô ra ngoài.

4. Nguyên lý tổ chức không gian khu dân cư nông thôn

Đặc điểm hiện hữu của đa số khu dân cư nông thôn là bám thành dải mỏng ven kênh rạch, đằng sau là cánh đồng lúa hoặc vườn cây trái. Đặc điểm này gắn liền với cơ cấu sử dụng đất dạng đồn điền phân thửa từ thời Pháp thuộc. Những cấu trúc này là cấu trúc chia đất dạng công nghiệp cho các tá điền khai hoang đất mới, chứ không phải là những định cư có cấu trúc xã hội như các làng bản. Về kỹ thuật, những dải định cư này nằm trong dải đất tôn cao khi đào các kênh mương thủy lợi. Trong tương lai, cấu trúc này mang lại khó khăn lớn cho việc cung cấp các hạ tầng kỹ thuật, bao gồm giao thông, cấp nước, xử lý nước thải, thu gom rác thải, hoạt động văn hoá xã hội cộng đồng v.v. Đặc biệt, cấu trúc này nếu phát triển thêm sẽ ảnh hưởng rất lớn đến tài nguyên sinh thái cảnh quan trọng yếu nhất là mạng lưới nước, kênh rạch, do chúng sẽ thu hẹp không gian của nước, cống hoá các kênh rạch, gây ô nhiễm nước và có thể bị ảnh hưởng lớn bởi nguy cơ sạt lở bờ nước. Diện tích tôn nền lịch sử do đào kênh nước về cơ bản cũng chỉ đáp ứng được nhu cầu dựng tạm các cấu trúc nhẹ ven kênh trong lịch sử, dạng chòi canh ngoài đồng, chứ không thể đủ để thành dải dân cư lâu dài. Những giải pháp cải thiện hạ tầng kỹ thuật, cung cấp hạ tầng xã hội theo quy chuẩn nông thôn mới trong thời gian qua tuy có cải thiện đôi chút chất lượng sống của người nông dân, nhưng về cơ bản không thể đáp ứng tiêu chí về hạ tầng kỹ thuật và xã hội cho một cuộc sống bền vững, chất lượng cao, bình đẳng trong bối cảnh một đô thị.

Trong tương lai, cần phải tái tổ chức lại không gian khu dân cư nông thôn, để tăng chất lượng sống, chất lượng hạ tầng, cũng như chuẩn bị lâu dài cho một phát triển đô thị hoá bền vững. Về cơ bản có hai nguyên lý chuyển đổi cấu trúc.

Nguyên lý thứ nhất là khi một phần lớn diện tích nông nghiệp không còn là lúa nữa, mà là những trang trại vườn ao chuồng, thì cấu trúc xây dựng sẽ đan xen một cách hữu cơ và tự nhiên vào diện tích nông nghiệp chứ không chỉ ở mép ngoài.

Hình 10. Đô thị sinh thái cảnh quan nông nghiệp



Nguyên lý thứ hai là cần tập trung các cụm dân cư ở giữa các lô đất để cung cấp hạ tầng và giải phóng không gian xanh ven nước, thay vì bám sát mặt nước:





Ví dụ ở trên cho thấy việc tập trung đô thị vào khu vực ven các trục đường giao thông chính, giải toả khu vực ven kênh nước để tạo thành tuyến sinh thái cảnh quan, đồng thời dành chỗ cho nước dưới dạng hạ tầng xanh.

III. Phương án tổ chức các khu chức năng

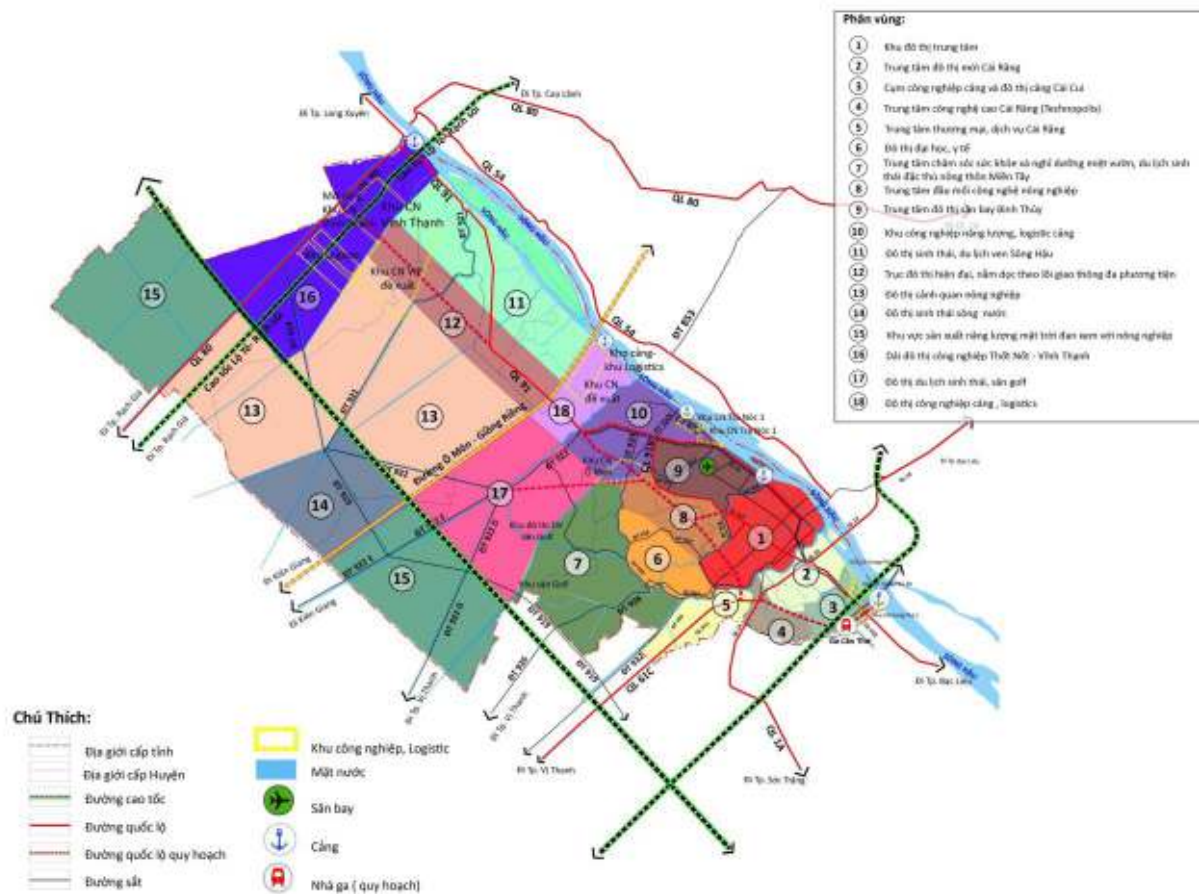
1. Các khu chức năng hiện hữu

Hiện nay, về cơ bản Cần Thơ không được tổ chức thực sự thành các khu chức năng, mà có những công trình cấp quốc gia, cấp vùng, nằm xen kẽ với các khu đô thị. Chỉ có một số khu công nghiệp tương đối tập trung nằm ở khu vực các cảnh Thốt Nốt, Trà Nóc, Cái Cui. Vị trí của tất cả các công trình chức năng hiện hữu từ cấp tỉnh/ thành phố trực thuộc trung ương đều đã được phân bổ chi tiết trong quy hoạch sử dụng đất hiện hữu tới 2030.

2. Phương án tổ chức các khu chức năng mới

Quan điểm về tổ chức các khu chức năng mới là khoanh vùng những vùng lớn ưu tiên một số chức năng để có thể tạo thành những điểm đến quan trọng quy mô vùng, tạo hiệu ứng lợi ích kinh tế dựa trên quy mô, chứ không phân tán tự phát. Tuy nhiên, mỗi vùng lớn này không phải đơn năng, mà đều khuyến khích phát triển đa năng. Về nguyên tắc mọi công năng đều nên được linh hoạt chấp thuận, theo nhu cầu thị trường, nhưng có ưu tiên một số lĩnh vực sẽ tập trung ở một số khu vực. Chuẩn bị những loại hình hạ tầng và không gian, với những quy chế đặc thù để thu hút các công năng mong muốn chứ không áp đặt chỉ được làm những công năng này.

Hình 11. Bản đồ phương hướng phát triển không gian Thành phố Cần Thơ



Nguồn: *Sở Kế hoạch và Đầu tư và Phân tích chuyên gia*

Bảng 2: Thống kê diện tích các khu chức năng:

STT	Phân vùng	Diện tích (Ha)
1	Trung tâm đô thị lịch sử Ninh Kiều	5.200
2	Trung tâm đô thị mới Cái Răng	2.500
3	Cụm công nghiệp cảng và đô thị cảng Cái Cui	2.000
4	Trung tâm công nghệ cao Cái Răng (Technopolis)	1.500
5	Trung tâm thương mại, dịch vụ Cái Răng	2.400
6	Đô thị đại học, y tế	3.300
7	Trung tâm chăm sóc sức khỏe và nghỉ dưỡng miệt vườn, du lịch sinh thái đặc thù nông thôn Miền Tây	8.900
8	Trung tâm đầu mối công nghệ nông nghiệp	2.500
9	Trung tâm đô thị sân bay quốc tế Cần Thơ	3.500
10	Khu công nghiệp năng lượng, logistic cảng	5.500
11	Đô thị sinh thái, du lịch ven Sông Hậu	11.000
12	Trục đô thị hiện đại, nằm dọc theo lối giao thông đa phương tiện	7.200
13	Đô thị cảnh quan nông nghiệp	28.300
14	Đô thị sinh thái sông nước	6.600

STT	Phân vùng	Diện tích (Ha)
15	Khu vực sản xuất năng lượng mặt trời đan xen với nông nghiệp	13.500
16	Dải đô thị công nghiệp Thốt Nốt - Vĩnh Thạnh	12.000
17	Đô thị du lịch sinh thái, sân Golf	12.700
18	Đô thị công nghiệp cảng, logistics	2.900

1- Khu vực số 1: Trung tâm đô thị lịch sử Ninh Kiều

Trung tâm lịch sử, du lịch, thương mại, dịch vụ, tập trung quanh khu vực bên Ninh Kiều và phường Cái Khế. Công năng phức hợp, đa dạng, mật độ cao. Đặc biệt quan tâm phát triển những tổ hợp đô thị đa năng, sáng tạo, công nghệ cao, cao ốc văn phòng, tạo ra động lực kinh tế mới cho quận Ninh Kiều. Có hai công năng quan trọng nhất cần được tổ chức tại Ninh Kiều bao gồm trung tâm sáng tạo, và vườn ươm doanh nghiệp.

2- Khu vực số 2: Trung tâm đô thị mới

Khu này tạo thành nửa bên kia sông của vùng lõi trung tâm đô thị. Phần này sẽ tập trung ở khu vực các phường ven sông Cần Thơ. Những công năng chính của khu vực đô thị này bao gồm: Trung tâm văn hoá nghệ thuật, trung tâm hành chính, trung tâm công nghệ thông tin và trung tâm hội chợ triển lãm, hội chợ, hội nghị.

3- Khu vực số 3: Cụm công nghiệp và đô thị cảng, TOD nhà ga

Logistics cấp vùng kết hợp với cảng quốc tế chính của vùng ĐBSCL trong 10 năm tới. Đây là điểm tập trung vận chuyển container của vùng ĐBSCL theo đường thủy và đường hàng Hải. Kết hợp với vận tải nhanh bằng đường sắt trong tương lai kết nối với vùng TP.HCM.

4- Khu vực số 4: Trung tâm công nghệ cao (Technopolis)

Vùng đô thị sinh thái kết hợp với công nghệ cao, vườn ươm doanh nghiệp công nghệ cao, 4.0, công nghệ thông tin v.v. Quan điểm là tạo ra một vùng đô thị có chất lượng cao về không gian, sinh thái, hấp dẫn các doanh nghiệp quan trọng trong các lĩnh vực công nghệ mới, công nghệ số.

Vùng này được xác định nằm ở phía tây Nam của quận Cái Răng, có kết nối tối ưu về mọi hướng, đặc biệt là kết nối đường sắt về TP.HCM.

5- Khu vực số 5: Trung tâm thương mại dịch vụ:

Nằm ở phía Tây Cái Răng và một phần Phong Điền, nút giao thuận lợi từ phía Tây, Nam, Bắc và kết nối phía Đông về trục tăng trưởng vùng và TP.HCM. Đây là một vùng đô thị thương mại dịch vụ lớn, bao gồm rất nhiều chức năng:

- Cửa hàng outlet
- Chợ đầu mối
- Trung tâm vui chơi giải trí, công viên chuyên đề v.v.

6- Khu vực số 6: Trung tâm y tế, giáo dục, có thể kết hợp trụ sở đảng uỷ tương lai:

Là một vùng đô thị kết hợp các loại dịch vụ cấp vùng và quốc gia về y tế, điều dưỡng, thể dục thể thao. Ngày nay, xu hướng quốc tế là những khu vực chăm sóc sức khoẻ, bao gồm y tế, trị liệu, điều dưỡng, thể thao, thể hình, được đặt trong những bối cảnh không gian rất đẹp, như là những đô thị du lịch sang trọng. Bởi vì quan niệm là sức khoẻ chỉ có thể đạt được thông qua một sự hài lòng và dễ chịu tổng thể, chứ không phải nằm chính ở thuốc men, máy móc, bệnh viện.

7- Khu vực số 7- Khu miệt vườn, du lịch sinh thái đặc thù nông thôn miền Tây

Nằm ở khu vực phía tây của huyện Phong Điền. Kết hợp những dịch vụ du lịch với du lịch cộng đồng, du lịch resort cao cấp và bất động sản xanh. Tận dụng những cấu trúc cảnh quan và nông nghiệp hiện hữu để phát triển du lịch sinh thái. Kết hợp với các dịch vụ thể dục thể thao, chẳng hạn một làng Olympic quốc tế, và chăm sóc sức khoẻ.

8- Khu vực số 8- Trung tâm đầu mối công nghệ nông nghiệp - trung tâm liên kết sản xuất và chế biến nông nghiệp

Nằm giữa vùng các quận Ninh Kiều - Bình Thủy - Phong Điền, kết nối giữa một vùng nguyên liệu và sản xuất nông nghiệp đa dạng, từ rau màu, cây trái, thủy sản, lúa, với các trung tâm đô thị, giáo dục đào tạo, kết nối nhanh ra sân bay và các cảng.

9- Khu vực số 9 - Trung tâm đô thị Sân bay quốc tế Cần Thơ

Phát triển đô thị mới quanh tổ hợp sân bay và cảng Trà Nóc, kết nối ra bờ sông Hậu. Các công năng chính liên quan tới logistics sân bay, cảng, văn phòng, khu ở cao cấp, dịch vụ đào tạo hàng không v.v. Quy mô của trung tâm đô thị này không nên xác định quá lớn. Xác định không gian dự phòng cho việc mở rộng thêm đường bay trong trường hợp cần thiết. Trong tương lai xa, có thể di dời các khu công nghiệp ven sông.

10- Khu vực số 10 - Vùng công nghiệp năng lượng, logistic cảng Ô Môn

Bao gồm khu trung tâm năng lượng Ô môn, với tập trung vào nhiệt điện và khí hoá lỏng. Ngoài ra, đây là khu vực có thể phát triển lĩnh vực dược, sản xuất linh kiện điện tử cũng như chế biến nông sản công nghệ cao. Khu vực này cũng đan xen với đô thị, các loại hình dịch vụ cấp vùng. Một phần khu này có thể được cân nhắc làm đô thị quân đội.

11- Khu vực số 11- Đô thị sinh thái, du lịch ven sông Hậu

Đô thị này nằm từ Sông Hậu tới vành đai 1, QL 91, thuộc hai quận Ô Môn và Thốt Nốt. Công năng chủ yếu là bất động sản du lịch và đô thị du lịch, phát huy tối đa cấu trúc nước của các rạch sông tự nhiên và mặt tiền chính là bờ sông Hậu. Cũng có thể đan xen các điểm công nghiệp sạch, công nghệ cao hay thủ công nghiệp, thương mại dịch vụ để tạo sự đa dạng về sinh kế cho người dân.

12- Khu vực số 12- Trục đô thị hiện đại, nằm dọc theo lõi giao thông đa phương tiện

Theo ý tưởng của đồ án quy hoạch xây dựng thành phố năm 2013. Trục đô thị này được bố trí dọc theo một trục giao thông đa phương tiện, hiện đại, với đặc biệt chú trọng giao thông công cộng.

Hai bên trục này, đô thị được bố trí xen kẽ với các vùng nước, tạo thành những tầng bậc với cao độ khác nhau, cho những công năng đô thị khác nhau.

Những không gian công cộng chính có thể tiếp cận dễ dàng từ trục, tại các điểm ga công cộng.

13- Khu vực số 13 - Đô thị cảnh quan nông nghiệp:

Đô thị này được dự tính phát triển trên khu vực đồng ruộng của nông trường Sông Hậu, Cờ Đỏ, với một số nguyên tắc sau:

Giữ một vùng cảnh quan ruộng lúa và rau màu ở giữa, đan xen cấu trúc đô thị dạng nanh sấu. Trong khu vực đô thị, dùng cấu trúc phân lô ruộng hiện hữu, đa dạng hoá sản phẩm nông nghiệp trong từng lô, đan xen công trình, thành một dạng đô thị vườn hiện đại, dựa trên cấu trúc chia ô vuông thẳng, khác với tính chất không gian tự nhiên của khu vực ven sông Hậu hay khu vực Phong Điền.

Đa dạng hoá sản phẩm và công nghệ nông nghiệp, tạo điều kiện để đào tạo, nâng cao năng lực của người dân trong vùng, sau đó dần dần đan xen dân từ nơi khác đến.

14- Khu vực số 14- Đô thị sinh thái Cờ Đỏ

Đối với vùng giữa, thực trạng quan trọng nhất là thị trấn Cờ Đỏ. Thị trấn này vốn là trung tâm hành chính của huyện Cờ Đỏ. Nhưng khi có đường cao tốc mới, thị trấn bị cắt ra phía Tây, không phục vụ tối ưu không gian phía Đông. Nếu không có những chiến lược phát triển đặc thù, toàn bộ khu vực phía Tây cao tốc gần như sẽ trở thành khu vực thừa, không có động lực phát triển lâu dài và hiện đại. Như vậy, sẽ là bất công đối với vài chục ngàn dân cư đang sống ở khu vực này. Mặt khác, như vậy cũng là không phát huy hết tiềm năng của điều kiện tự nhiên của TP.

Đặc điểm điều kiện tự nhiên ở đây là: Hội tụ của nhiều kênh nước lớn, vùng đất trũng, thổ nhưỡng phèn hoạt động, vùng giáp nước giữa thủy triều biển Đông và biển Tây, không thực sự thuận lợi cho phát triển nông nghiệp. Làm nông nghiệp ở khu vực này về lâu dài sẽ không đủ lợi nhuận để đảm bảo thu nhập tốt cho người dân tương đương với các khu vực khác. Vì thế, tốt nhất là nên tạo dựng lại hệ sinh thái rừng ngập nước cho khu vực này. Từ đó, tạo thành một tài nguyên mới để phát triển đa dạng sinh học, cũng như cảnh quan độc nhất vô nhị cho khu vực Cờ Đỏ, trở thành một đô thị vùng rừng ngập nước. Trong đó, cũng có thể có những khu vực đô thị nổi trên nước, như ví dụ của Hà Lan.

15- Khu vực số 15- Khu vực sản xuất năng lượng mặt trời đan xen với nông nghiệp:

Toàn bộ khu vực phía bắc và phía Tây, bị ngăn cách bởi các tuyến cao tốc, có mật độ dân cư hiện hữu rất thấp, có thể xác định là những khu vực rộng lớn để sản xuất

năng lượng mặt trời. Bên dưới hệ thống pin mặt trời vẫn có thể trồng lúa, nuôi trồng thủy sản hoặc làm rau màu, chăn nuôi v.v.

Với diện tích năng lượng mặt trời này, Cần Thơ không chỉ tự chủ được nguồn năng lượng cho mình, mà còn có thể trở thành trung tâm năng lượng tái tạo của vùng. Khu vực này sẽ cung cấp năng lượng tái tạo trực tiếp cho vùng công nghiệp Vĩnh Thạnh.

16- Khu vực số 16- Dải đô thị công nghiệp sinh thái Thốt Nốt - Vĩnh Thạnh:

Khu vực cụm cảng Thốt Nốt xác định là một điểm trung tâm nhỏ, hoạt động logistics là chính, kết hợp kho bãi, công nghiệp chế biến, nhằm đón đầu luồng hàng rời từ phía tây qua kênh Cái Sắn, Cao tốc Lộ Tế- Rạch Sỏi và từ phía bắc An Giang về, chủ yếu là lĩnh vực lúa gạo.

Quan trọng là phát trên cả một dải công nghiệp sạch đan xen với cảnh quan sinh thái, vùng bảo tồn dọc theo quốc lộ 80 và cao tốc Lộ Tế - Rạch Sỏi, như kinh nghiệm nhiều nước trên thế giới đang làm hiện nay.

17- Khu vực số 17- Đô thị du lịch sinh thái sân golf Thới Lai:

Thay vì mở rộng khu vực xây dựng đô thị ngày nay, thì tạo ra một vùng vành đai xanh sinh thái xung quanh đô thị này, nâng cao chất lượng không gian của khu vực đô thị này, biến đây thành một điểm đến về không gian đô thị, chứ không chỉ là một trung tâm hành chính của một xã nông thôn.

Ngoài ra, còn dự kiến phát triển Đô thị du lịch sinh thái sân golf tại khu vực phía nam Thới Lai. Ở đây có vị trí khá gần với Trung tâm TP. Cần Thơ và nằm trên tuyến đường dự kiến Định Môn - Trường Xuân A. Việc phát triển một quần thể sân golf lớn ở khu vực này có thể tạo ra một điểm đến mới về du lịch cho Cần Thơ.

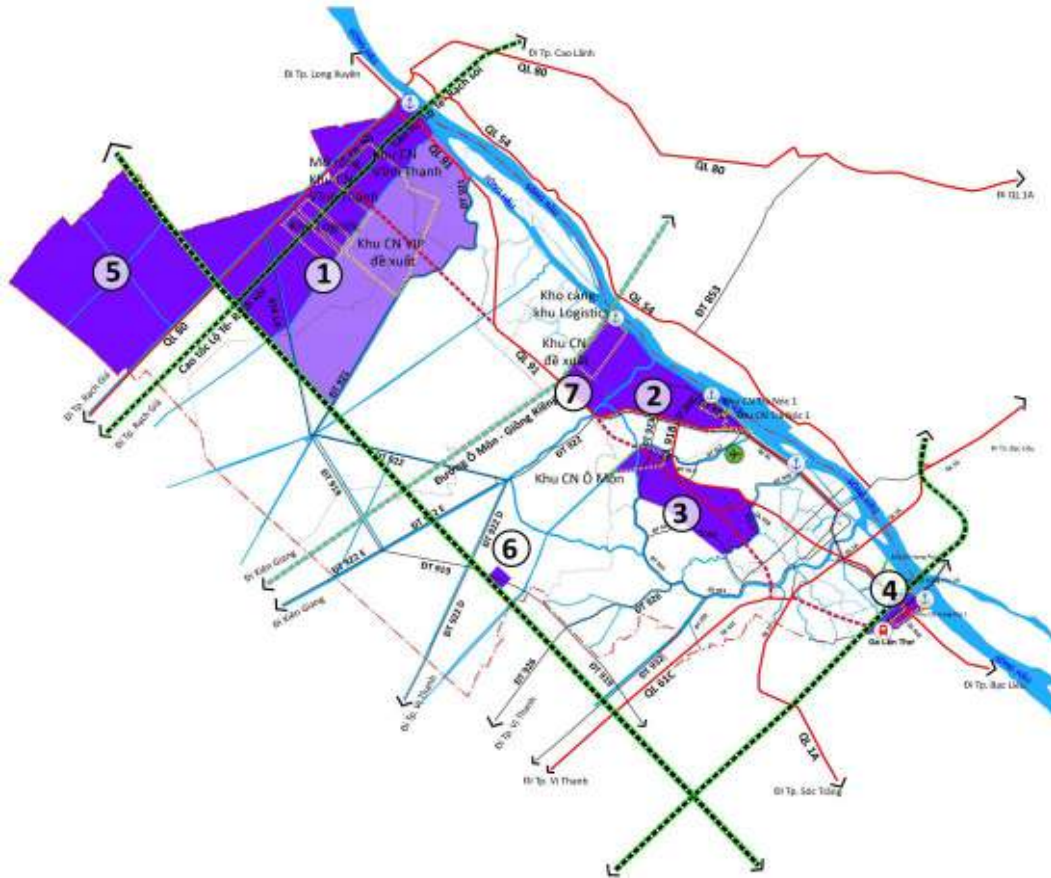
18- Khu vực số 18- Đô thị công nghiệp cảng, logistics Ô Môn:

- Đô thị công nghiệp cảng, logistics Ô Môn ở phía Bắc sông Ô Môn, phía Nam Tuyến Sa Đéc (Đồng Tháp) - Ô Môn (Cần Thơ) - Giồng Riềng (Kiên Giang), với các loại hình chức năng Khu đô thị, cảng, Khu công nghiệp, dịch vụ và logistic là điểm kết nối giữa trung tâm TP. Cần Thơ với các khu vực trong vùng ĐBSCL. Đô thị công nghiệp cảng, logistics Ô Môn phải đảm bảo không ảnh hưởng đến việc phát triển Đô thị sinh thái, du lịch ven Sông Hậu.

3. Các khu kinh tế cụ thể

a. Các khu công nghiệp

Hình 12. Bản đồ phân vùng công nghiệp



STT	Tên Khu công nghiệp	Diện tích (ha)	
1	Khu công nghiệp Hưng Phú 1	262	
2	Khu công nghiệp Hưng Phú 2A	134	Chuyển thành đô thị du lịch ven sông
3	Khu công nghiệp Hưng Phú 2B	67	Chuyển thành đô thị du lịch ven sông
4	Khu công nghiệp Ô Môn	500	
5	Khu công nghiệp Trà Nóc 1	135	
6	Khu công nghiệp Trà Nóc 2	155	
7	Khu công nghiệp Vĩnh Thạnh	900	
8	Mở rộng KCN Vĩnh Thạnh	200	
9	Khu công nghiệp VSIP đề xuất	3400	Chờ quyết định Trung Ương
10	Khu Logistic	1100	Nhập vào khu VSIP
11	Khu cảng Ô Môn	200	Theo đề xuất của ban QLKCN và Sở KHĐT
12	Khu công nghiệp Ô Môn đề xuất	1000	Theo đề xuất của ban QLKCN và Sở KHĐT
	Tổng cộng	8053	

Phát triển các Khu công nghiệp trên địa bàn thành phố Cần Thơ đã được điều chỉnh, bổ sung theo Công văn 156/TTg-CN ngày 04/12/2021 về đề án bổ sung quy hoạch các khu công nghiệp trên địa bàn thành phố Cần Thơ:

- Điều chỉnh giảm diện tích khu công nghiệp Thốt Nốt từ 600 ha xuống 200 ha.
- Đưa khu công nghiệp Ô Môn có diện tích 600 ha và khu công nghiệp Bắc Ô Môn có diện tích 400 ha ra khỏi Quy hoạch phát triển các khu công nghiệp ở Việt Nam.
- Bổ sung quy hoạch khu công nghiệp Ô Môn - Cần Thơ (diện tích là 500 ha; vị trí tại phường Trường Lạc, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ) và khu công nghiệp Vĩnh Thạnh (diện tích là 900 ha; vị trí tại xã Vĩnh Trinh, huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ) vào Quy hoạch phát triển các khu công nghiệp.
- Định hướng đến 2030: Ngoài KCN 900ha Vĩnh Thạnh, nghiên cứu mở rộng thêm KCN cảng logistics Ô Môn với diện tích khoảng 1.200ha (trong đó diện tích kho cảng, bến bãi, khu logistics khoảng 200 ha, khu công nghiệp khoảng 1.000ha)
- Định hướng phát triển mô hình các khu công nghiệp tại 3 huyện Vĩnh Thạnh, Thới Lai và Cờ Đỏ như sau:
 - Tiếp tục hoàn thiện hạ tầng các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, bao gồm cả hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội; xây dựng khu công nghệ cao, khu công nghệ thông tin; khai thác và vận hành hiệu quả Vườn ươm công nghệ công nghiệp Việt Nam-Hàn Quốc; thu hút đầu tư Khu công nghiệp hữu nghị Việt Nam-Nhật Bản.

- Tập trung đầu tư và hoàn chỉnh đồng bộ hạ tầng kỹ thuật chủ yếu cho các khu công nghiệp đang hoạt động, tạo môi trường thuận lợi thu hút đầu tư phát triển các ngành công nghiệp trong các khu công nghiệp trên địa bàn thành phố, đáp ứng nhu cầu sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

- Đầu tư và hoàn thành xây dựng các dự án khu nhà phục vụ cho công nhân trong các khu công nghiệp. Đẩy mạnh công tác bồi thường, hỗ trợ tái định cư, tạo đất sạch, hoàn thiện dần kết cấu hạ tầng các khu công nghiệp.

- Chú trọng công tác xử lý môi trường theo đúng các tiêu chuẩn hiện hành của Nhà nước trong quá trình hoạt động và sản xuất của các doanh nghiệp khu công nghiệp.

- Khuyến khích các cơ sở công nghiệp đổi mới công nghệ sản xuất theo hướng hiện đại. Thu hút đầu tư vào các ngành nghề tạo ra các sản phẩm công nghiệp công nghệ cao và có giá trị gia tăng lớn.

b. Các cụm Công nghiệp

- Tiếp tục phương án phát triển 5 cụm công nghiệp, với tổng diện tích 170ha. Định hướng đến 2030, mở rộng cụm công nghiệp tại Bình Thủy (có thể lên tới đa 65ha).

- Bổ sung Cụm Công nghiệp chuyên ngành hàng không (30ha) gần khu vực sân bay quận Bình Thủy.

- Phát triển các cụm ngành thông qua việc tạo dựng các hành lang động lực thuộc tiểu vùng sông Mê Công và mở rộng. Khai thác dọc hành lang Đông Tây, sông Mê Công. Phát triển một số các ngành công nghiệp chế tác trên cơ sở khai thác tiềm năng trong khuôn khổ hợp tác Tiểu vùng Mê Kông mở rộng (GMS) và nguồn nguyên liệu nhập từ ngoài vùng...

- Khu nông nghiệp công nghệ cao

- Nghiên cứu, đào tạo

- Khu du lịch

- Khu thể dục thể thao

cấp, mở rộng hoàn thành 10 tuyến đường tỉnh (đường tỉnh 917, 918, 921, 922, 920, 920B, 920C, 923, 926, 932) với tổng chiều dài 112,60km đạt quy mô, tiêu chuẩn kỹ thuật cấp III. Giai đoạn 2030 - 2050: sẽ tiếp tục đầu tư xây dựng mới và nâng cấp, mở rộng 09 tuyến còn lại (đường tỉnh 916, 917B, 919B, 921B, 921C, 921D, 922B, 922D, 922E) với tổng chiều dài 222,50km đạt quy mô, tiêu chuẩn kỹ thuật cấp III.

- **Các tuyến trục chính đô thị:** giai đoạn 2021 - 2030: tập trung thi công hoàn thành 05 tuyến (đang thi công ở giai đoạn 2016 - 2020), đồng thời triển khai đầu tư xây dựng hoàn thành 01 tuyến Đường Vành đai phía Tây thành phố Cần Thơ (nối Quốc lộ 91 đến Quốc lộ 61C). Bổ sung vào quy hoạch 07 tuyến trục và 05 nút giao trọng điểm. Ngoài ra, giai đoạn 2030 – 2050 có thể đầu tư xây dựng mới 3 tuyến đường kết nối các khu vực quan trọng trong thành phố

1.2. Hệ thống kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa

Mạng lưới các tuyến đường thủy nội địa: 06 tuyến cấp quốc gia với tổng chiều dài 134,9km cấp kỹ thuật đường thủy cấp III, 09 tuyến cấp thành phố với tổng chiều dài 127,05km,

Hệ thống cảng, bến thủy nội địa: cụm cảng hàng hóa đường thủy nội địa trên sông Hậu, Rạch Cần Thơ tiếp nhận cỡ tàu 5.000 tấn, công suất 5.050 tấn/ năm. Cụm cảng khách Cần Thơ – Hậu Giang trên sông Hậu, Kênh Xà No, kênh Quản Lộ Phụng Hiệp tiếp nhận cỡ tàu 250 ghé, công suất 9,5 triệu hành khách/ năm.

1.3. Hạ tầng đường biển

- **Luồng cho tàu biển tải trọng lớn vào sông Hậu:** Giai đoạn 2021 - 2030: triển khai đầu tư Dự án hoàn chỉnh giai đoạn 2 Luồng cho tàu biển trọng tải lớn vào sông Hậu để đáp ứng cho các tàu có trọng tải đến 20.000 tấn lưu thông thường xuyên trên tuyến luồng ra - vào các cảng trên sông Hậu.

- **Hệ thống cảng biển: gồm 03 khu bến** (1) Khu bến Cái Cui (2) Khu bến Hoàng Diệu - Bình Thủy (3) Khu bến Trà Nóc - Ô Môn - Thốt Nốt và 01 Cảng khách Bến cảng khách quốc tế Cần Thơ.

1.4. Hạ tầng hàng không:

Giai đoạn 2021 - 2030: nâng cấp Cảng hàng không quốc tế Cần Thơ hiện hữu trong phạm vi diện tích quy hoạch đã được phê duyệt là 390 ha, nâng cấp kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay, xây dựng các công trình thiết yếu của cảng hàng không đáp ứng yêu cầu nâng công suất lên 7 triệu hành khách/năm. Giai đoạn 2030 - 2050: mở rộng Cảng hàng không quốc tế Cần Thơ, mở rộng thêm diện tích quy hoạch để xây dựng mới thêm 01 khu hàng không dân dụng và 01 đường hạ cất cánh đáp ứng yêu cầu nâng công suất lên 15 triệu hành khách/năm

1.5. Hạ tầng đường sắt:

- **Tuyến đường sắt quốc gia thành phố Hồ Chí Minh - Cần Thơ:** Giai đoạn 2021-2030 xây dựng tuyến đường sắt thành phố Hồ Chí Minh - Cần Thơ, đối với đoạn qua địa bàn thành phố Cần Thơ có hướng tuyến vượt qua sông Hậu, đi trên cao trùng

với hướng tuyến trục đường 1A hiện hữu vượt qua khu công nghiệp Hưng Phú và khu đô thị mới Nam Cần Thơ, đi về điểm cuối tuyến tại nhà ga Cần Thơ trên địa bàn quận Cái Răng (tại vị trí nằm gần Đường nối Quốc lộ 91 - Nam Sông Hậu). Dự kiến diện tích đất cần thiết xây dựng ga Cần Thơ là 31,2 ha.

- **Các tuyến đường sắt đô thị:** Quy hoạch 03 tuyến đường sắt đô thị đi trên cao, nằm giữa các đường chính đô thị trục dọc trên toàn địa bàn thành phố có lộ giới 40-80m (có dải phân cách giữa >4m để bố trí đường sắt đi trên cao), bao gồm: (1) Trục đường Vành đai phía Tây; (2) Trục quốc lộ Nam Sông Hậu và quốc lộ 91B; (3) Trục Quốc lộ 91.

2. Phương án phát triển san nền, thoát nước mặt

2.1. Định hướng thiết kế quy hoạch chiều cao

- Đối với các KĐT hiện hữu, mật độ xây dựng cao sẽ san đắp cục bộ chống ngập lụt và tạo hướng thoát nước khi xây dựng cải tạo chỉnh trang đô thị.

- Riêng đối với Khu trung tâm TP hiện hữu (Khu vực Quận Ninh Kiều, Quận Bình Thủy) do mật độ xây dựng tập trung quá lớn nên cần tổ chức xây dựng bờ bao chống ngập lụt cho các khu vực có cao độ nền thấp bị ảnh hưởng ngập lụt.

- Đối với các KĐT mới sẽ tiến hành san đắp nâng cao nền đất tới cao độ khống chế để tạo mặt bằng xây dựng, tuy nhiên phải triệt để tận dụng địa hình tự nhiên, giữ lại sông rạch hiện hữu đồng thời tăng cường đào hồ và kênh rạch dọc các trục đường để có tác dụng thoát nước, tạo cảnh quan cho đô thị và lấy đất đắp.

- Đối với khu vực dân cư nông thôn, khu vực có mật độ xây dựng thấp, nhà vườn chỉ san đắp cục bộ đối với nền xây dựng của các công trình tới cao độ khống chế, hạn chế tối đa việc san đắp làm thay đổi địa hình và mặt phủ tự nhiên.

2.2. Định hướng thoát nước mặt:

- Hệ thống thoát nước mưa của TP. Cần Thơ trong tương lai cần được xây dựng và cải tạo nhằm đáp ứng yêu cầu thoát nước mưa và thẩm mỹ của đô thị loại 1.

- Đối với các khu vực mới phát triển hệ thống thoát nước mưa được thiết kế theo hệ thống thoát riêng bằng cống ngầm và mương nắp đan xả trực tiếp ra sông rạch.

- Đối với các khu vực đô thị hiện hữu cần cải tạo lại các tuyến mương cống thoát nước hiện hữu, từng bước tách nước thải sinh hoạt để đưa về trạm xử lý trước khi xả ra môi trường đặc biệt là trong mùa khô để tránh ô nhiễm.

- Tận dụng tối đa hệ thống sông rạch hiện hữu để thoát nước mưa và tạo cảnh quan sông nước, tăng cường nạo vét sông rạch để tăng khả năng tiêu thoát nước.

- Trong các khu công viên cây xanh sẽ đào một số hồ lớn tạo cảnh quan kết hợp làm hồ điều hoà thoát nước mưa trong mùa lũ và lấy đất đắp nền.

- Đối với các khu công nghiệp tập trung sẽ xây dựng hệ thống thoát nước mưa riêng của các khu công nghiệp.

- Đối với các khu vực dân cư nông thôn tập trung (trung tâm xã) có thể cho phép sử dụng hệ thống thoát nước chung nước mưa và nước thải sinh hoạt bằng cống, mương nắp đan, mương hở tuy nhiên nước bẩn sinh hoạt phải được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại hoặc hồ sinh học trước khi xả vào hệ thống thoát nước chung.

3. Phương án phát triển hệ thống cấp nước

3.1. Dự báo nhu cầu dùng nước

Bảng 3. Dự báo nhu cầu dùng nước

TT	Chỉ tiêu	Quy mô		Tiêu chuẩn cấp nước		Tỷ lệ cấp nước (%)	Nhu cầu cấp nước (m3/ngày)
		Đơn vị	Số lượng	Đơn vị	Tiêu chuẩn		
1	Đô thị trung tâm	Người	1.340.000	m3/người .ngày	180	100	241.200,00
2	Thị trấn ngoại thành	Người	81.000	m3/người .ngày	150	90	10.935,00
3	Tổng nhu cầu nước sinh hoạt (A)						252.135,00
4	Nhu cầu nước dịch vụ (B)	%*A	10				25.213,50
5	Tưới cây, rửa đường (C)	%*A	10				25.213,50
6	Công nghiệp tập trung (ha)	ha	2.960	m3/ha	40		118,41
7	Cụm công nghiệp	ha	271	m3/ha	10		2,71
8	Tổng nhu cầu công nghiệp (D)						121,12
9	TỔNG (A+B+C+D)						302.683,12
10	Nước ngoài doanh thu	% (A+B+C+D)	15				45.402,47
11	Tổng nhu cầu dùng nước (E)						48.085,59
12	Nước bản thân nhà máy	%*E	8				27.846,85
13	TỔNG NHU CẦU CẤP NƯỚC						375.932,43

Nguồn: *Sở Tài nguyên và Môi trường và Phân tích chuyên gia*

3.2. Dự kiến phương án cấp nước

Với đặc thù của thành phố chịu ảnh hưởng ngày càng gia tăng của tình hình biến đổi khí hậu để giảm thiểu các tác động tiêu cực và tăng tính an toàn cấp nước, giải pháp cấp nước tập trung được cho là thích hợp với Thành phố. Theo đó, các nhà máy nước hiện tại được đánh giá có chất lượng nước thô tốt, ít bị tác động do biến đổi khí hậu sẽ được cân nhắc đầu tư nâng cấp và mở rộng công suất để đáp ứng tối đa nhu cầu dùng nước trong khu vực. Các nhà máy mới sẽ được xây dựng để đáp ứng phần nhu cầu dùng nước bị thiếu hụt. Một số các nhà máy nước nhỏ hiện có tại các thị trấn sẽ được quy hoạch thành các trạm bơm tăng áp để tăng khả năng kết nối liên vùng cho hệ thống.

Bảng 4: Dự kiến các nhà máy nước tại Thành phố Cần Thơ năm 2030

TT	NMN	Tình trạng	Nguồn nước	CS hiện tại (m ³ / ngđ)	Công suất dự kiến năm 2030 (m ³ / ngđ)
1	Cần Thơ 1	Hiện có	Sông Cần Thơ	55.000	55.000
2	Cần Thơ 2	Hiện có	Sông Hậu	52.500	97.500
3	Long Hòa	Hiện có	Sông Bình Thủy	-	Chuyển thành trạm bơm tăng áp
4	Trà Nóc	Hiện có	Sông Hậu	20.000	40.000
5	Ô Môn 1	Hiện có	Sông Ô môn	2.500	Chuyển thành trạm bơm tăng áp
6	Ô Môn 2	Hiện có	Sông Hậu	-	100.000
7	Hưng Phú	Hiện có	Sông Hậu	10.000	10.000
8	Ba Láng	Hiện có	Sông Ba Láng	7.500	Chuyển thành trạm bơm tăng áp
9	Bông Vang	Hiện có	Sông Cần thơ	10.000	Chuyển thành trạm bơm tăng áp
10	Thốt Nốt 1	Hiện có	Sông Hậu	10.000	10.000
11	Thốt Nốt 2	Hiện có	Sông Hậu	-	100.000
12	Vĩnh Thạnh	Hiện có	sông Cái Sắn	3.200	Chuyển thành trạm bơm tăng áp
12	Thạnh An	Hiện có	sông Cái Sắn	720	Chuyển thành trạm bơm tăng áp
13	Thới Lai	Hiện có	Sông Ô Môn	2.500	Chuyển thành trạm bơm tăng áp
14	Cờ Đỏ	Hiện có	Kênh Thốt Nốt	480	5.000
		Hiện có	Nước ngầm	30.164	
TỔNG LƯU LƯỢNG CẤP NƯỚC				204.584	417.500

Nguồn: *Sở Tài nguyên và Môi trường và Phân tích chuyên gia*

3.3. Hệ thống truyền tải và phân phối

Sẽ phát triển đồng bộ với nhu cầu và năng lực cấp nước sạch của Thành Phố

4. Phương án phát triển hệ thống thoát nước

- Xác định nhu cầu thu gom

Bảng 5: Lưu lượng nước thải sinh hoạt

TT	Chỉ tiêu	Quy mô		Tiêu chuẩn thoát nước		Nhu cầu thu gom (m3/ngày)
		Đơn vị	Số lượng	Đơn vị	Tiêu chuẩn	
I	NƯỚC THẢI SINH HOẠT					
1	Đô thị trung tâm	Người	1.340.000	m3/người.ngày	164	219.760.000
	Quận Ninh Kiều - Bình Thủy	Người	500.000	m3/người.ngày	164	82.000.000
	Khu Đô thị công nghiệp Cái Răng	Người	300.000	m3/người.ngày	164	49.200.000
	Khu DT sinh thái Phong Điền	Người	90.000	m3/người.ngày	164	14.760.000
	Khu DT mới Ô Môn - Phong Điền Bình Thủy	Người	160.000	m3/người.ngày	164	26.240.000
	Khu Đô thị công nghiệp Thốt Nốt	Người	290.000	m3/người.ngày	164	47.560.000
2	Thị trấn ngoại thành	Người	81.000	m3/người.ngày	109	8.829.000
	Thị trấn Cờ Đỏ	Người	20.000	m3/người.ngày	109	2.180.000
	Thị trấn Thới Lai	Người	22.000	m3/người.ngày	109	2.398.000
	Thị trấn Vĩnh Thạnh	Người	26.000	m3/người.ngày	109	2.834.000
	Thị trấn Thạnh An	Người	13.000	m3/người.ngày	109	1.417.000
	TỔNG NƯỚC THẢI SINH HOẠT					228.589.000
II	NƯỚC THẢI SẢN XUẤT					
	Khu công nghiệp tập trung	ha	2.260,1	m3/ha	164	370.661
	Cụm công nghiệp	ha	271,3	m3/ha	109	29.572
	TỔNG NƯỚC THẢI SẢN XUẤT					400.233

Nguồn: *Sở Tài nguyên và Môi trường và Phân tích chuyên gia*

4.1. Mạng lưới thu gom

Sẽ phát triển đồng bộ với nhu cầu và năng lực xử lý của các nhà máy xử lý nước thải

4.2. Nhà máy xử lý nước thải

Bảng 6. Vị trí các nhà máy nước được đề xuất

TT	NM xử lý nước thải	Công suất dự kiến 2030 (m ³ /ngđ)	Vị trí
1	Cái Sâu 1	60.000	Phường Phú Thứ, quận Cái Răng
2	Cái Sâu 2	60.000	Phường Phú Thứ, quận Cái Răng.
3	Long Tuyền	30.000	Quận Bình Thủy
4	Trà Nóc	30.000	Phường Thới An Đông, quận Bình Thủy.
5	Ô Môn	30.000	Phường Thới An, quận Ô Môn.
6	Thốt Nốt	50.000	Quận Thốt Nốt.
7	Phong Điền	15.000	Xã Nhơn Ái, huyện Phong Điền
8	Vĩnh Thạnh	3.000	Thị trấn Vĩnh Thạnh.
9	Thạnh An	2.000	Thị trấn Thạnh An.
10	Cờ Đỏ	3.000	Thị trấn Cờ Đỏ.
11	Thới Lai	3.000	Thị trấn Thới Lai.
	Cộng	286.500	

Nguồn: *Sở Tài nguyên và Môi trường và Phân tích chuyên gia*

5. Phương án phát triển các khu xử lý chất thải

Tổ chức xây dựng cơ sở dữ liệu về chất thải rắn sinh hoạt, công nghiệp (thông thường và nguy hại), y tế, xây dựng. Tạo được sự đồng bộ và phối hợp trong quản lý, vận hành hệ thống thu gom và xử lý chất thải rắn.

Quy hoạch mạng lưới xử lý chất thải rắn đảm bảo: nhu cầu quỹ đất cho chất thải rắn xây dựng tại bãi chôn lấp hợp vệ sinh; nhu cầu đất cho chất thải rắn theo vùng liên quận, huyện; quy mô và công suất các khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt và công nghiệp; và công suất đáp ứng nhu cầu xử lý chất thải rắn y tế nguy hại trên địa bàn thành phố Cần Thơ đến năm 2030, tầm nhìn 2050.

6. Phương án phát triển hệ thống điện

Cấp điện: Trong giai đoạn 2021-2025, tại Cần Thơ sẽ xây lắp 04 nhà máy nhiệt điện Tuabin khí hỗn hợp (TBKHH) tại Ô Môn. Thành phố cũng sẽ phát triển điện mặt trời dự kiến 30-50ha (trong khu 150ha), bổ sung tại khu sản xuất khí Hydrogen làm cơ sở sản xuất Hydrogen xanh. Điện mặt trời mái nhà đã hòa lưới sẽ được huy động vào giờ cao điểm.

Hydrogen và LNG: Quy hoạch khu sản xuất hydrogen và quy hoạch kho cảng LNG, quy hoạch khí hydrogen; dự kiến quy hoạch 150 ha, tại phường Phước Thới (Khu nhà máy xử lý rác Ô Môn), quận Ô Môn, TP.Cần Thơ).

Đường dẫn khí lô B: giữ nguyên như quy hoạch điện VII, tuy nhiên tiến độ cần điều chỉnh phù hợp với tiến độ xây dựng và vận hành các TBKHH Ô Môn để đảm bảo tiết kiệm và hiệu quả.

Định hướng thiết kế công trình lưới điện và TBA

Lưới điện: Theo dự thảo quy hoạch điện VIII, nâng cấp, mở rộng đường dây và trạm 500kV và 220kV ở các trạm Cần Thơ, Ô Môn, Thốt Nốt.

Phát triển, nâng cấp lưới điện 220kV, 110kV để cung cấp điện tin cậy trong chế độ làm việc bình thường theo các quy định hiện hành. Lưới điện 220kV đảm bảo dự phòng cho phát triển ở giai đoạn kế tiếp. Phát triển lưới điện trung thế: xây dựng và cải tạo lưới điện theo tiêu chuẩn.

Gam máy biến áp phân phối: Khu vực nội thành, đô thị mới, thị trấn lắp các máy biến áp công suất từ 160kVA đến 750kVA; Khu vực nông thôn, đô thị mới, thị trấn lắp máy biến áp công suất từ 75kVA đến 630kVA; Các trạm biến áp chuyên dùng của khách hàng được thiết kế phù hợp với quy mô phụ tải.

Phát triển lưới điện hạ thế: xây mới đồng bộ với đường dây trung thế để giảm chi phí đầu tư; Cấp điện áp 220/380V với kết cấu chính là 3 pha 4 dây và nhánh rẽ 1 pha 2 dây hoặc 3 dây.

7. Phương án phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông

7.1. Bưu chính

Phát triển hạ tầng bưu chính theo hướng đẩy mạnh chuyển đổi số trong bưu chính. Xây dựng mã địa chỉ bưu chính đến 100% hộ gia đình, cập nhật trên dữ liệu bản đồ số Việt Nam V-map.

Phát triển các nền tảng bưu chính dùng chung phục vụ chính phủ số, kinh tế số và xã hội số.

Phát triển Trung tâm bưu chính vùng theo dự thảo quy hoạch thông tin-truyền thông thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050, dự kiến đặt gần sân bay Trà Nóc, rộng khoảng 20 ha. Phân vùng/khu vực như đang triển khai theo đơn vị hành chính.

Xây dựng các nền tảng quản lý, vận hành kho bãi, chuyển phát, địa chỉ số gắn với bản đồ số quốc gia ... kết nối giữa chủ hàng, các nhà giao vận và khách hàng để tăng cường năng lực chuyển phát, giảm thời gian giao nhận, vận chuyển.

7.2. Hạ tầng viễn thông/hạ tầng số

Phát triển hạ tầng số với thành phần chính là hạ tầng viễn thông băng rộng kết nối đến từng doanh nghiệp, gia đình, từng cá nhân, hạ tầng điện toán đám mây, nền tảng định danh và xác thực số. .. đáp ứng được các yêu cầu phát triển IoT, thành phố thông minh, phương tiện tự động, sản xuất thông minh.

Phổ cập mạng băng rộng cố định đến người sử dụng, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ truyền dẫn quang tốc độ siêu cao, dung lượng lớn, ưu tiên các cơ quan nhà nước, các tổ chức kinh tế xã hội như trường học, bệnh viện, các khu công nghệ cao, khu CNTT tập trung, ...

Phát triển trạm 4G, phủ sóng phục vụ 100% dân số, phát triển trạm 5G để phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế số, xã hội số.

Phổ cập điện thoại thông minh tới hầu hết người dân, với hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn huy động từ các nguồn đóng góp XH hóa.

Nâng cao năng lực trung tâm dữ liệu Thành phố và được kết nối đồng bộ để phục vụ các hệ thống thông tin của thành phố tin cậy, ổn định dựa trên công nghệ điện toán đám mây và kiến trúc siêu hội tụ, đạt chuẩn TIER3. Xây dựng trung tâm dữ liệu vùng có diện tích khoảng 07ha, dự kiến đặt tại quận Bình Thủy đạt chuẩn TIER3.

Phát triển hạ tầng IoT phục vụ xây dựng đô thị thông minh, sinh thái và các hạ tầng thiết yếu như giao thông, môi trường, năng lượng, điện nước, y tế, giáo dục, an ninh trật tự, quản lý đô thị.... chuyển đổi thành một bộ phận cấu thành quan trọng của hạ tầng số.

Phát triển, hoàn thiện các cơ sở dữ liệu chuyên ngành (ưu tiên y tế, giáo dục, khoa học và công nghệ, tài chính, tài nguyên môi trường, xây dựng trước năm 2025), bảo đảm tận dụng, kế thừa các cơ sở dữ liệu quốc gia.

Ngầm hóa hạ tầng mạng cáp viễn thông và nâng cao tỷ lệ dùng chung hạ tầng.

7.3. Hạ tầng công nghệ thông tin, ứng dụng CNTT và an toàn thông tin

Nâng cấp, hoàn thiện nền tảng tích hợp chia sẻ dữ liệu thành phố (LGSP) đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của Bộ Thông tin và Truyền thông, kết nối với nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia.

Triển khai xây dựng hạ tầng lõi của đô thị thông minh và phát triển Chính quyền điện tử bao gồm trung tâm giám sát, điều hành thông minh Tp. Cần Thơ.

Nâng cấp chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến, cổng dữ liệu của Thành phố kết nối, chia sẻ dữ liệu với Cổng dữ liệu quốc gia.

Xây dựng Chính quyền điện tử: Chuẩn hóa quy trình nghiệp vụ, hướng tới Chính phủ số, nền kinh tế số và xã hội số, thực hiện trong giai đoạn 2021 – 2025. 100% hệ thống phần mềm chuyên ngành, cơ sở dữ liệu của các sở, ngành, địa phương được kết nối, liên thông, đồng bộ trên nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu Tp. Cần Thơ.

Hoàn thiện các ứng dụng dịch vụ dùng chung thiết yếu của Tp. Cần Thơ.

Xây dựng đô thị thông minh Tp Cần Thơ: Triển khai đề án xây dựng thành phố Cần Thơ phát triển thành đô thị thông minh giai đoạn 2021 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 theo quyết định số 1652/QĐ-UBND ngày 02/8/2021 của UBND Thành phố.

Chuyển đổi và nâng cấp bệnh viện hiện có sang bệnh viện thông minh tại 70% các bệnh viện tuyến Tp, huyện, trường học thông minh tại 70% trường THPT; triển khai

các phần mềm hỗ trợ nông nghiệp thông minh. Xây dựng hoàn thành, phát triển hệ thống giao thông thông minh, hệ thống camera giám sát an ninh trên địa bàn Tp. Cần Thơ.

Nâng cấp Trung tâm tích hợp dữ liệu của Thành phố đáp ứng tiêu chuẩn, qui chuẩn theo quy định. Sau năm 2030, xây dựng thêm 01 Trung tâm tích hợp dữ liệu dự phòng.

Hỗ trợ phát triển kinh tế số, xã hội số:

- Phát triển doanh nghiệp công nghệ số, thúc đẩy chuyển đổi số tại các doanh nghiệp; - Phát triển các lĩnh vực ưu tiên nhằm gia tăng tiện ích của người dân: giáo dục thông minh; y tế thông minh; nông nghiệp thông minh, giao thông thông minh và quản lý, giám sát an ninh;

- Triển khai kế hoạch phát triển thương mại điện tử Tp. Cần Thơ giai đoạn 2021-2025 theo quyết định số 1279/QĐ-UBND ngày 15 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban Nhân dân thành phố và Kế hoạch số 241/KH-UBND về việc Chuyển đổi số Tp. Cần Thơ đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Thành lập Trung tâm Hỗ trợ chuyển đổi số thành phố Cần Thơ đặt tại Sở TT&TT nhằm hỗ trợ sở, ngành, quận, huyện thực hiện chuyển đổi số;

- Hỗ trợ người dân tham gia chuyển đổi số (cấp quang, thiết bị, kiến thức và kỹ năng, không dùng tiền mặt...);

- Phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số: đào tạo và dạy nghề gắn với công nghệ số như trí tuệ nhân tạo (AI), khoa học dữ liệu, dữ liệu lớn (big data), điện toán đám mây (Cloud computing), internet vạn vật (IoT), thực tế ảo/thực tế tăng cường (VR/AR), chuỗi khối (blockchain), in ba chiều (3D printing).

- Chuẩn bị mặt bằng, đầu tư hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội, đặc biệt quan tâm xây dựng các cơ chế chính sách phù hợp hỗ trợ, kêu gọi đầu tư, bảo đảm tính cạnh tranh để thu hút các doanh nghiệp lớn trong và ngoài nước tham gia đầu tư vào khu công nghệ thông tin tập trung.

*An toàn thông tin: Duy trì và nâng cấp Trung tâm giám sát an toàn thông tin (SOC) phục vụ các ngành và chính quyền các cấp trong toàn Thành phố, đảm bảo an toàn, an ninh mạng cấp độ 3.

7.4. Phát triển công nghiệp CNTT

Hình thành một ngành công nghiệp CNTT đủ mạnh để làm ngành kinh tế mũi nhọn, thúc đẩy sự tăng trưởng của các ngành công nghiệp khác, tạo đà tăng trưởng cho nền kinh tế thành phố và khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, tạo điều kiện thuận lợi cho môi trường đầu tư vào lĩnh vực công nghệ thông tin của thành phố trong những năm tiếp theo.

Ưu tiên dành mặt bằng trong khu CN để thu hút các trường đại học, các cơ sở đào tạo công nghệ thông tin, các chuyên gia công nghệ thông tin để thực hiện công tác nghiên cứu, phát triển phần mềm và nội dung số, đào tạo và phát triển được một nguồn nhân lực công nghệ thông tin chất lượng cao để cung ứng cho thành phố Cần Thơ và cả vùng đồng bằng sông Cửu Long.

- Tiếp tục triển khai dự án khu công nghiệp CNTT tại thành phố Cần Thơ, đến năm 2025, ưu tiên dành thêm đất, đảm bảo đủ lớn và tiêu chuẩn cao để thu hút đầu tư của các tập đoàn công nghệ lớn trên thế giới.

- Xem xét phát triển phân khu công nghiệp dữ liệu trong khu CNTT tập trung, phát triển các phòng thí nghiệm trọng điểm nhằm phát triển các sản phẩm trọng điểm Make in Viet Nam, phát triển nền tảng Internet công nghiệp, phục vụ sản xuất thông minh và sản phẩm IoT Make in Viet Nam.

7.5. Phát triển mạng lưới cơ sở báo chí, phát thanh, truyền hình, thông tin điện tử, cơ sở xuất bản, thông tin đối ngoại, thông tin cơ sở

Giai đoạn 2021-2025: Giữ nguyên số lượng cơ quan báo chí, giao quyền tự chủ tài chính cơ quan báo chí, Tp. Cần Thơ thực hiện cơ chế đặt hàng đối với các nội dung phục vụ nhiệm vụ chính trị. Giai đoạn 2026 – 2030 hội tụ các cơ quan báo chí, hội tụ các ấn phẩm báo chí, chuyển đổi số, ứng dụng các công nghệ IoT, AI, BigData. Chuyển cơ sở hiện có thành Trung tâm Báo chí Tp. Cần Thơ.

- * Phát triển hạ tầng phát thanh truyền hình đồng bộ với hạ tầng viễn thông/hạ tầng số. Ngầm hoá hạ tầng truyền hình cáp, truyền hình IPTV, truyền hình internet đồng bộ với hạ tầng mạng ngoại vi. Phát triển thông tin cơ sở dựa trên hạ tầng số.

- * Với các cơ sở in hiện xen kẽ trong khu dân cư, khu đô thị: Trên cơ sở tiêu chí, thực hiện rà soát, phân loại các cơ sở gây ô nhiễm môi trường, không phù hợp quy hoạch đô thị để có kế hoạch và thực hiện di dời vào các khu, cụm công nghiệp.

II. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG XÃ HỘI

1. Hạ tầng giáo dục đào tạo và nghề nghiệp

Cấp mầm non: Đến năm 2025, đầu tư xây dựng thêm 250 phòng học mới, cùng với đó là xây dựng thêm các phòng giáo dục thể chất, phòng nghệ thuật.

Cấp tiểu học: Đầu tư xây dựng phòng học, các phòng chức năng (giáo dục thể chất, giáo dục nghệ thuật, tin học, ngoại ngữ, thiết bị giáo dục, hỗ trợ giáo dục khuyết tật học hòa nhập) và thư viện, bàn ghế 02 chỗ ngồi, máy tính và thiết bị phòng học ngoại ngữ. Đặc biệt chú trọng việc xây dựng các sân chơi cho học sinh tiểu học để đảm bảo phát triển toàn diện.

Cấp trung học: 770 phòng học cần xây mới cho cấp THCS và 356 phòng cần xây mới cho cấp THPT đến năm 2025, chủ yếu tập trung vào các phòng chức năng gồm phòng học bộ môn, phòng thiết bị, thư viện.

Giáo dục nghề nghiệp: Mở rộng và nâng cấp các trường cao đẳng, trung cấp nghề, trung cấp chuyên nghiệp và trường dạy nghề; Phát triển các trung tâm giáo dục thường xuyên theo hướng hợp nhất với trung tâm dạy nghề, ưu tiên các huyện: Vĩnh Thạnh, Cờ Đỏ, Phong Điền và Thới Lai; Nâng cấp trường Cao đẳng nghề Cần Thơ thành trường dạy nghề chất lượng cao, tập trung đầu tư mua sắm thiết bị cho 7 ngành gồm Công nghệ ô tô, công nghệ thông tin (ứng dụng phần mềm), quản trị mạng máy tính, điện tử công nghiệp, điện công nghiệp, cắt gọt kim loại, cơ điện tử.

Cao đẳng, đại học: Phát triển trường đại học Cần Thơ theo mô hình Đại học quốc gia và thành lập 4 trường trực thuộc; Xây dựng khu sinh thái đại học thuộc Đại học Nam Cần Thơ; Hiện đại hóa trang thiết bị kỹ thuật của Đại học Y Dược Cần Thơ; Phát triển đại học Tây Đô đến năm 2025 trở thành một trong các trường đại học tư thục đa ngành hàng đầu ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long; Phát triển đại học FPT Cần Thơ thành đơn vị hàng đầu của khu vực ĐBSCL trong việc đào tạo nguồn nhân lực cho các ngành Công nghệ Thông tin, Truyền thông.

2. Hạ tầng y tế và chăm sóc sức khỏe

2.1. Hệ thống tổ chức cơ sở khám chữa bệnh công lập

Tuyển thành phố

- Nâng cấp, mở rộng quy mô giường bệnh cho các Bệnh viện Chuyên khoa tuyển thành phố theo hướng chuyên khoa kỹ thuật cao và chuyên khoa sâu.
- Thành lập thêm một số Trung tâm chuyên sâu như Trung tâm Thận lọc máu, Trung tâm Nội tiết.
- Tăng cường đầu tư về trang thiết bị cho Bệnh viện Nhi đồng thành phố để có đủ năng lực đáp ứng vai trò là bệnh viện của vùng Tây Nam Bộ, góp phần giảm tải cho các Bệnh viện Nhi đồng của Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuyển quận, huyện

- Nâng cấp, mở rộng Bệnh viện Đa khoa tuyển quận, huyện theo hướng đa khoa cơ bản và đa khoa nâng cao.
- Cải tạo, mở rộng và nâng cấp các Trung tâm y tế, đảm bảo 100% Trung tâm y tế quận, huyện được đầu tư trang thiết bị y tế theo chuẩn của Bộ Y tế để các đơn vị này được hoạt động đồng bộ, có chiều sâu và hiệu quả, chỉ đạo thực hiện tốt các chương trình y tế.
- Phát triển một số chuyên khoa như: Nội, Ngoại, Sản, Nhi... cần lưu ý đến việc củng cố đơn vị đột quy, chăm sóc sức khỏe người cao tuổi.
- Củng cố hoàn thiện mô hình tổ chức y tế tuyển quận, huyện theo hướng tinh gọn để hình thành trung tâm y tế đa chức năng, tiến tới hình thành hệ thống Trung tâm Kiểm soát dịch bệnh đồng bộ ở tất cả các cấp.

Tuyển xã, phường, thị trấn

- Nâng cao năng lực, đầu tư xây dựng, nâng cấp các Trạm y tế đủ tiêu chuẩn tối thiểu đáp ứng Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã và điều kiện thực tế.
- Tổ chức hệ thống Trạm y tế xã, phường, thị trấn gắn với y tế học đường và phù hợp với đặc điểm của thành phố Cần Thơ.
- Duy trì 100% xã, phường, thị trấn có Trạm y tế có thể triển khai các điểm khám lưu động để người dân thuận tiện trong tiếp cận và sử dụng các dịch vụ y tế, đặc biệt là địa bàn có khu công nghiệp.

2.2. Hệ thống khám chữa bệnh tư nhân

- Khuyến khích các tổ chức tư nhân thành lập các cơ sở y tế, khám chữa bệnh, phục vụ cho nhu cầu khám chữa bệnh đa dạng của nhân dân cũng như giảm tải áp lực cho hệ thống y tế công.

- Thành lập các Bệnh viện tư nhân với quy mô 1.672 giường bệnh vào năm 2025 và nâng lên 1.972 giường bệnh vào năm 2030. Đến năm 2030, số Bệnh viện tư nhân dự kiến tăng lên thành 16 bệnh viện.

i. Hạ tầng khoa học công nghệ

Phát triển hạ tầng thông tin khoa học và công nghệ nhằm phục vụ, hỗ trợ kỹ thuật cho nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, đáp ứng với mục tiêu đưa Cần Thơ trở thành trung tâm khoa học và công nghệ của vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Thành phố cần tập trung vào việc tăng cường cơ sở vật chất, kỹ thuật, nhà xưởng, phòng thí nghiệm cho các tổ chức khoa học công nghệ bao gồm: Vườn ươm công nghệ, các tổ chức khoa học và công nghệ công lập, các trường đại học, cao đẳng trên địa bàn thành phố. Đặc biệt, cần chú trọng vào cơ sở hạ tầng số, hạ tầng thông minh, tạo nền tảng để xây dựng thành phố thông minh.

ii. Hạ tầng thương mại

- Chợ đầu mối nông sản

Xây dựng mới 01 chợ đầu mối nông sản tại quận Cái Răng, quy hoạch chợ đầu mối nông, thủy sản Đồng bằng Sông Cửu Long giai đoạn 1, với diện tích từ 10 - 18 ha (cả 3 giai đoạn dự kiến từ 55-60 ha).

- Mạng lưới chợ

Mở rộng thêm đối với những địa điểm quá tải và cải tạo nhằm mục đích khác như cho thuê đối với những kiosk bị bỏ trống.

Thay đổi một phần thói quen họp chợ truyền thống của người dân bằng cách xây dựng mô hình lai giữa chợ truyền thống và siêu thị/cửa hàng thông minh. Nâng cấp cơ sở vật chất ở nông thôn.

Chuẩn hóa phương thức bố trí, bày biện trong chợ và cần có hướng dẫn cụ thể với từng địa phương. Thí điểm chọn lọc tại một số chợ lớn rồi nhân rộng mô hình trên khía cạnh khu vực. Cần có các tiêu chuẩn cụ thể về bày trí, vệ sinh thực phẩm môi trường, an toàn chữa cháy.

- Hệ thống cửa hàng thương mại, tạp hóa

Tạo cơ chế để thúc đẩy sự phát triển của các cửa hàng thương mại, tạp hóa hiện đại ngay ở những khu dân cư nông thôn, xa trung tâm, để người dân làm quen với mô hình thương mại phát triển và hiện đại.

- Mạng lưới siêu thị, cửa hàng bán lẻ hiện đại

Nghiên cứu và phân bố mạng lưới siêu thị tới các vùng xa trung tâm. Quy hoạch và định hướng để đưa vào hệ thống siêu thị hiệu quả. Thay đổi linh hoạt quy mô của siêu thị để phù hợp với nhu cầu của người dân vùng xa trung tâm.

- Mạng lưới trung tâm thương mại.

Mở rộng và xây dựng các trung tâm thương mại hiện đại, hợp tác với các doanh nghiệp trong và ngoài nước, đáp ứng tiêu chuẩn phục vụ cho cả cư dân thành phố lẫn khách vắng lai và khách quốc tế.

- Hạ tầng phục vụ luân chuyển hàng hóa
- Hệ thống trung tâm hội chợ, triển lãm thương mại

Đẩy mạnh việc xây dựng các trung tâm hội chợ, triển lãm thương mại đạt quy mô khu vực, thu hút các hoạt động thương mại, quảng bá giới thiệu sản phẩm không chỉ trong khu vực mà còn trên phạm vi toàn quốc và quốc tế.

Đầu tư nâng cấp Trung tâm hội chợ triển lãm Cần Thơ với tổng diện tích tối thiểu 30 ha.

- Hệ thống logistics

Xây dựng hệ thống trung tâm logistics hoạt động hoàn chỉnh, liên kết giữa các cụm cảng, hệ thống giao nhận, hệ thống xe, hệ thống kho vận hành. Cần áp dụng công nghệ vào việc quản lý thông tin, đồng bộ hóa, giúp tiết kiệm chi phí quản lý và tăng hiệu suất luân chuyển hàng hóa.

iii. Hạ tầng du lịch

- Hạ tầng du lịch chung
- Tăng cường đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng giao thông các tuyến gắn với các điểm, cụm, trung tâm du lịch trên địa bàn Thành phố.
- Cải thiện công tác quản lý môi trường, rác thải tốt hơn, tăng cường kế hoạch chương trình kiểm tra tình trạng môi trường. Xây dựng chương trình thu gom và xử lý rác thải cho chợ nổi Cái Răng và các khu điểm du lịch.
- Hạ tầng du lịch sông nước
- Nâng cao hạ tầng để phục vụ du lịch đường sông Cần Thơ có các tuyến đường sông quan trọng kết nối thành phố Hồ Chí Minh đến Cần Thơ và các tỉnh, thành phố vùng ĐBSCL.
- Nghiên cứu kết hợp các mô hình bán lẻ hiện đại trên chợ nổi (ví dụ như mô hình cửa hàng 7-eleven trên du thuyền tại Thái Lan).
- Tập trung đẩy mạnh đề án Phát triển Chợ nổi Cái Răng, xây dựng chợ nổi Cái Răng thành điểm đến đặc trưng của thành phố Cần Thơ, trong đó tập trung vào
 - Hạ tầng du lịch văn hóa
 - Với các di sản văn hóa truyền thống: tập trung nâng cấp và bảo tồn các di sản văn hóa cốt lõi, đặc biệt là các di sản văn hóa phi vật thể quốc gia.
 - Tích cực xây dựng và triển khai đề án phát triển kinh tế đêm ở khu vực quận Ninh Kiều, tập trung vào các dịch vụ: (1) ăn uống, chợ đêm; (2) kinh doanh, mua sắm; (3) các hoạt động vui chơi giải trí khác.
 - Áp dụng số hóa trong việc phát triển bảo tàng. Phát triển định dạng 3D và chương trình tham quan ảo.

- Hạ tầng du lịch MICE
- Khuyến khích xây dựng thêm các khách sạn, khu nghỉ dưỡng 4-5 sao để phục vụ đối tượng khách hạng sang
- Phát triển cơ sở hạ tầng hội nghị, hội thảo chất lượng cao
- Hạ tầng du lịch theo định hướng “Ngôi nhà thứ hai”
- Xây dựng thêm các sản phẩm bất động sản du lịch nghỉ dưỡng dọc sông Hậu để phục vụ cho định hướng phát triển lĩnh vực “ngôi nhà thứ hai” tại Cần Thơ.

iv. Hạ tầng thể dục, thể thao

- Cấp cơ sở (xã, phường)
- 01 sân thể thao cơ bản.
- 01 bể bơi luyện tập (nếu có điều kiện).
- 01 nhà tập.
- Tối thiểu 3 – 5 sân thể thao từng môn được phân bổ trên các địa bàn dân cư.
Tổng diện tích từ 1,5 ha đến 2,0 ha theo bảng dưới đây
- Cấp quận/huyện
- 01 sân vận động 2000 chỗ - đến 5000 chỗ (quận, huyện có nhu cầu cao được phép có quy mô lớn hơn).
- 01 – 02 bể bơi tập luyện và thi đấu từ 500 chỗ - 1500 chỗ.
- 01 nhà tập luyện và thi đấu từ 500 chỗ - 1500 chỗ (quận, huyện có nhu cầu cao được phép có quy mô lớn hơn).
- Một số sân thể thao ngoài trời
- Cấp tỉnh/thành phố
- 01 sân vận động trung tâm từ 10.000 chỗ đến 20.000 chỗ (tỉnh/thành phố có nhu cầu cao được phép có quy mô lớn hơn).
- 02 – 03 bể bơi tập luyện và thi đấu từ 2.000 chỗ - 3.000 chỗ (bể nhảy cầu nếu có).
- Sân thể thao từng môn (diện tích khoảng 2ha) tối thiểu 06 sân.
- Nhiều nhà tập cho từng môn.
- 01 – 02 nhà tập và thi đấu nhiều môn có khán đài từ 2.000 chỗ đến 3.000 chỗ.
- 01 trường bắn súng thể thao (nếu có);
- 01 cơ sở luyện tập các môn thể thao đặc thù
- Tổng diện tích: từ 12 ha – 16 ha theo bảng dưới đây

v. Hạ tầng văn hóa

Tập trung vào một vài công trình trọng điểm được đầu tư kỹ càng để tạo điểm nhấn văn hóa.

Đối với các địa điểm hạ tầng văn hóa còn lại, cần tập trung mang tính bảo tồn để giữ gìn bản sắc cốt lõi.

Vận dụng công nghệ và tài nguyên số vào xây dựng các địa điểm hạ tầng văn hóa có thể bắt đầu từ việc dùng công nghệ để kiểm soát và quản lý các công trình hạ tầng văn hóa.

vi. Hạ tầng an sinh xã hội

Đối với giáo dục nghề nghiệp, phối hợp với sở giáo dục trong việc đề xuất các dự án xây dựng các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, gắn liền với nhu cầu thực tiễn của thành phố trong tương lai sắp tới

PHẦN VII: LẬP PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ VÀ KHOANH VÙNG ĐẤT ĐAI THEO KHU CHỨC NĂNG VÀ THEO LOẠI ĐẤT ĐẾN TỪNG ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP QUẬN, HUYỆN

I. ĐỊNH HƯỚNG SỬ DỤNG ĐẤT CỦA TP TRONG THỜI KỲ QUY HOẠCH

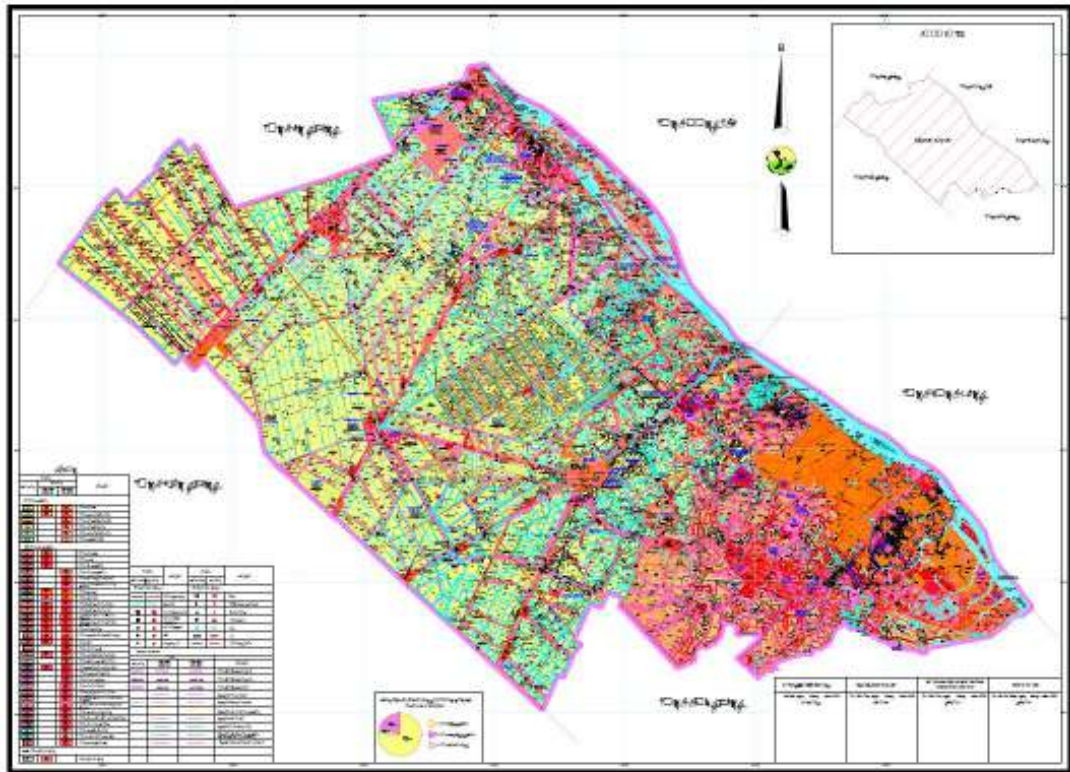
1. Quan điểm chung về sử dụng đất

- Khai thác khoa học, hợp lý và sử dụng tiết kiệm, bền vững, có hiệu quả đối với đất sản xuất nông nghiệp và đất phi nông nghiệp:
- Khai thác sử dụng đất để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội gắn liền với đảm bảo quốc phòng, an ninh và phải đảm bảo gìn giữ bản sắc văn hóa.

II. XÁC ĐỊNH CHỈ TIÊU SỬ DỤNG ĐẤT THEO LOẠI ĐẤT

1. Nhu cầu sử dụng đất tới 2030 theo thống kê hiện tại

- Từ nay đến năm 2030, để đáp ứng được yêu cầu đất cho các mục đích phát triển kinh tế-xã hội, dự kiến sẽ chuyển 10.585,31 ha đất nông nghiệp sang sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp, diện tích đất khu vực nông, lâm, thủy sản đến năm 2030 là 100.017,91 ha, chiếm 69,44% tổng diện tích tự nhiên.
- Để đảm bảo chỉ tiêu phát triển kinh tế ngành công nghiệp đã đề ra, đến năm 2030 thành phố cần bố trí tổng quỹ đất cho công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp đến năm 2030 là 4.102,67 ha. Trong đó: đất khu công nghiệp là 2.960,13 ha, đất cụm công nghiệp: với 8 cụm công nghiệp tổng diện tích 271,30 ha, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: 871,24 ha. Quy hoạch các cụm TTCN-làng nghề, các cơ sở sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp, các nhà máy, công xưởng,...
- Đến năm 2030, diện tích đất phát triển thương mại, dịch vụ có 663,23ha, tăng 251,62ha so với năm 2020.
- Đất quốc phòng đến năm 2030 có 1.087,57 ha tăng 242,37 ha so với năm 2020. Đất an ninh đến năm 2030 có 147,52 ha, tăng 83,00 ha so với năm 2020.
- Diện tích đất cho lĩnh vực phát triển hạ tầng, xã hội đến năm 2030 có 12.709,45 ha; tăng 3.009,90 ha so với năm 2020.



III. XÁC ĐỊNH CHỈ TIÊU SỬ DỤNG ĐẤT THEO KHU CHỨC NĂNG¹

1. Khu sản xuất nông nghiệp

- Trên địa bàn thành phố chưa hình thành các khu sản xuất nông nghiệp tập trung riêng biệt, nhưng được phân bố tương đối tập trung, hoặc đan xen giữa các khu vực trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản với nhau. Dự kiến, diện tích đất dành cho phát triển khu sản xuất nông nghiệp đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 khoảng 90.000 - 100.000 ha.

2. Khu lâm nghiệp, khu bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học

- Khu vực xung quanh thị trấn Cờ Đỏ có thể phát triển thành một vùng rừng ngập nước, với tính chất như một dạng công viên sinh thái đô thị, phục vụ mục đích du lịch sinh thái sau này. Quy mô của khu công viên rừng này có thể từ 5.000-10.000 ha.

3. Khu phát triển công nghiệp

- Dự kiến, diện tích đất dành cho phát triển công nghiệp (khu, cụm công nghiệp) trong 3 khu vực nói trên đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 sẽ dao động trong khoảng 3.000 - 4.500 ha.

- Tuy nhiên, những diện tích đất phát triển công nghiệp sinh thái mới ở dọc theo tuyến cao tốc Lộ Tẻ - Rạch Sỏi và khu vực quanh sân bay, có thể sẽ phát triển với quy mô lớn hơn nhiều, dự kiến có thể lên tới 15.000 ha.

¹ gồm khu sản xuất nông nghiệp, khu lâm nghiệp, khu du lịch, khu bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, khu phát triển công nghiệp, khu đô thị, khu thương mại - dịch vụ, khu dân cư nông thôn

- Vùng khai thác năng lượng mặt trời phía tây cao tốc nam sông Hậu có quy mô khoảng 10.000 ha. Tuy nhiên, đây có thể được tính vừa là vùng công nghiệp, vừa là nông nghiệp công nghệ cao.

4. Khu đô thị

- Giai đoạn 2005-2015, đô thị trên địa bàn phát triển khá nhanh, nên đã góp phần đẩy nhanh tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và đô thị hóa, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế-xã hội của thành phố. Dự kiến, diện tích đất dành cho phát triển các khu đô thị đến năm 2025 và đến năm 2030 theo các quy hoạch hiện hữu khoảng 18.500 - 28.000 ha.

5. Khu thương mại – dịch vụ

- Dự kiến diện tích đất dành cho phát triển các khu thương mại – dịch vụ phân tán tại khu vực đô thị và nông thôn đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 khoảng 500 - 1.000 ha. Riêng vùng thương mại dịch vụ tập trung xác định quy mô khoảng 3.000 - 5.000ha.

6. Khu dân cư nông thôn

- Dự kiến, diện tích đất dành cho phát triển khu dân cư đô thị dạng phân tán dọc theo các kênh rạch và xen kẽ với diện tích nông nghiệp, diện tích đất xanh đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 khoảng 12.000-15.000 ha.

IV. XÁC ĐỊNH CHỈ TIÊU SỬ DỤNG ĐẤT THEO LOẠI ĐẤT

Về chỉ tiêu sử dụng đất, chia làm hai loại. Một loại chỉ tiêu dựa trên nhu cầu sử dụng đất của các ngành và quận huyện. Nhu cầu này được tổng hợp và phân bổ đất theo quy hoạch sử dụng đất hiện hữu tới 2030. Nhu cầu này bao gồm những dự án đã được xác định tại thời điểm hiện tại, do các bên có nhu cầu đưa lên.

Quy hoạch hay kế hoạch sử dụng đất 2030 là một công cụ pháp lý chính xác tới từng lô đất, đảm bảo phân bổ đất đai cho tất cả các nhu cầu đã rõ thành dự án tại thời điểm thực trạng. Tuy nhiên, trong quá trình phát triển, những lô đất khác ngoài phạm vi các công trình đã được xác định này vẫn có thể được chuyển đổi mục đích sử dụng, dựa trên việc thống nhất với định hướng sử dụng đất 2030 và 2050 trong quy hoạch này, mà không cần phải điều chỉnh quy hoạch tích hợp. Cần phải hiểu bản kế hoạch sử dụng đất 2030 như một loại công cụ để thực hiện quy hoạch, và sẽ được áp dụng linh hoạt trong quá trình thực hiện quy hoạch.

1. Chỉ tiêu sử dụng đất do quy hoạch sử dụng đất cấp Quốc gia phân bổ

Tại Quyết định Số 326/QĐ-TTg, ngày 09 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ. Phân bổ cho TP. Cần Thơ các chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2030, cụ thể như sau:

Bảng 7. So sánh các chỉ tiêu sử dụng đất cấp Quốc gia và chỉ tiêu cấp tỉnh xác định phương án phân bổ đến năm 2030

TT	Loại đất	Mã	Diện tích năm 2020 (ha)	Diện tích QH đến năm 2030		Chênh lệch giữa QH/HT	Chênh lệch giữa DT phân bổ/Tỉnh xác định
				Diện tích cấp Quốc gia phân bổ	Tỉnh xác định (ha)		
(1)	(2)		(3)	(4)	(6)=(4)+(5)	(7)=(6)-(3)	(8)=(4)-(3)
TỔNG DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN			144.040		144.040	-	
I	Loại đất		-		-		
1	Đất nông nghiệp	NNP	114.256	104.807	104.807	-9.449	0
	<i>Trong đó:</i>						
1.1	Đất trồng lúa	LUA	78.632	74.319	74.319	-4.313	0
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	78.632	74.319	74.319	-4.313	0
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	1.916		1.547	-368	
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	30.872		25.506	-5.366	
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	-		-	-	
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	-		-	-	
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	-		-	-	
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	2.798		2.864	66	
1.8	Đất làm muối	LMU	-		-	-	
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	39		570	532	
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	29.764	39.233	39.233	9.469	0
	<i>Trong đó:</i>		-		-	-	
2.1	Đất quốc phòng	CQP	845	844	844	-1	0
2.2	Đất an ninh	CAN	65	76	76	11	0
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	475	2.350	2.350	1.875	0
2.4	Đất khu chế xuất	SKT	-		-	-	
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	0		158	158	
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	412		818	406	
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	659		941	282	

TT	Loại đất	Mã	Diện tích năm 2020 (ha)	Diện tích QH đến năm 2030		Chênh lệch giữa QH/HT	Chênh lệch giữa DT phân bổ/Tỉnh xác định
				Diện tích cấp Quốc gia phân bổ	Tỉnh xác định (ha)		
2.7	Đất cho hoạt động khoáng sản	SKS	-		-	-	
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	9		9	-	
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	9.700	12.517	12.517	2.817	0
	<i>Trong đó</i>		-		-	-	
2.9.1	<i>Đất giao thông</i>	DGT	3.661	5.651	5.651	1.990	0
2.9.2	<i>Đất thủy lợi</i>	DTL	4.620		3.884	-736	
2.9.3	<i>Đất xây dựng cơ sở văn hóa</i>	DVH	55	191	191	136	0
2.9.4	<i>Đất xây dựng cơ sở y tế</i>	DYT	88	145	145	57	0
2.9.5	<i>Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo</i>	DGD	571	1.299	1.299	728	0
2.9.6	<i>Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao</i>	DTT	39	143	143	104	0
2.9.7	<i>Đất công trình năng lượng</i>	DNL	210	244	244	34	0
2.9.8	<i>Đất công trình bưu chính viễn thông</i>	DBV	37	57	57	20	0
2.9.9	<i>Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia</i>	DKG	-	13,00	13,00	13,00	0
2.9.10	<i>Đất có di tích lịch sử văn hóa</i>	DDT	18	41	41	23	0
2.9.11	<i>Đất bãi thải, xử lý chất thải</i>	DRA	60	176	176	116	0
2.9.12	<i>Đất cơ sở tôn giáo</i>	TON	144		148	4	
2.9.13	<i>Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng</i>	NTD	165		240	75	

TT	Loại đất	Mã	Diện tích năm 2020 (ha)	Diện tích QH đến năm 2030		Chênh lệch giữa QH/HT	Chênh lệch giữa DT phân bổ/Tỉnh xác định
				Diện tích cấp Quốc gia phân bổ	Tỉnh xác định (ha)		
2.9.14	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH	2		206	204	
2.9.15	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH	2		11	9	
2.9.16	Đất chợ	DCH	28		68	40	
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	1		168	167	
2.11	Đất ở tại nông thôn	ONT	3.441		3.974	533	
2.12	Đất ở tại đô thị	ODT	5.206		8.082	2.876	
2.13	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	179		280	101	
2.14	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	37		38	1	
2.15	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	-		-	-	
2.16	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	12		22	11	
2.17	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	90		325	235	
2.18	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	23		26	4	
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	8.576		8.568	-7	
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	15		15	0	
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	21		21	0	
3	Đất chưa sử dụng	CSD	20	0	0	-20	0

Nguồn: Quyết định Số 326/QĐ-ttg, ngày 09 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ

Như vậy UBND TP. Cần Thơ cập nhật các chỉ tiêu sử dụng đất Quốc gia phân bổ trên địa thành phố và các chỉ tiêu sử dụng đất của thành phố phù hợp với chỉ tiêu quy hoạch cấp Quốc gia.

2. Chỉ tiêu sử dụng đất theo loại đất cho các ngành, lĩnh vực:

Từ kết quả thống kê đất đai 2020 và định hướng sử dụng đất hiện hữu dựa trên thu thập nhu cầu sử dụng đất của các sở ban ngành, UBND các quận, huyện của thành phố Cần Thơ cho thấy khả năng đáp ứng về số lượng, chất lượng đất đai cho nhu cầu sử dụng của các loại đất thể hiện như sau:

2.1. Khu vực nông lâm nghiệp - thủy sản

Diện tích đất khu vực nông, lâm, thủy sản đến năm 2030 là 101.373 ha, giảm 10.047 ha so với năm 2020.

Trong những năm tới đất sản xuất nông nghiệp vẫn là nguồn kinh tế quan trọng trong phát triển kinh tế nhằm đảm bảo mục tiêu an toàn lương thực, giải quyết việc làm cho lao động nông thôn. Việc khai thác quỹ đất trong kỳ quy hoạch đã tận dụng triệt để, tối đa, sử dụng đất tiết kiệm đúng mục đích, đủ nhu cầu, có hiệu quả và bền vững. Cần hoàn thiện hệ thống thủy lợi (kênh mương, trạm bơm, kè, cống...) đảm bảo tưới, tiêu, thâm canh tăng vụ và chuyển dịch cơ cấu cây trồng: Một số diện tích đất trồng lúa kém hiệu quả chuyển sang trồng màu, nuôi trồng thủy sản. Việc khai thác sử dụng đất đai được gắn liền với bảo vệ môi trường, các chất thải trong sản xuất, chất thải sinh hoạt trong khu dân cư cần được xử lý kịp thời tránh tình trạng ô nhiễm môi trường ảnh hưởng đến sức khỏe nhân dân.

- Trong giai đoạn từ nay đến năm 2030, để đáp ứng được yêu cầu đất cho các mục đích phát triển kinh tế - xã hội, dự kiến sẽ chuyển 10.188 ha đất nông nghiệp sang sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp.

2.2. Khu vực công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp

Để đảm bảo chỉ tiêu phát triển kinh tế ngành công nghiệp đã đề ra, đến năm 2030 thành phố cần bố trí quỹ đất phù hợp để đảm bảo mục tiêu.

Tổng quỹ đất cho công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp đến năm 2030 là 3.449 ha. Trong đó:

- Đất khu công nghiệp: Đến năm 2030 là 2.350 ha (theo đúng chỉ tiêu phân bổ Quốc gia).

Diện tích đất KCN phân bổ ở: Bình Thủy 136 ha; Cái Răng 463 ha; Ô Môn 562 ha; Thốt Nốt 289 ha và Vĩnh Thạnh 900 ha.

- Đất cụm công nghiệp: Đến năm 2030 có 8 cụm công nghiệp với tổng diện tích 158 ha.

- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: Đến năm 2030 có 941 ha, tăng 282 ha so với năm 2020. Quy hoạch các cụm TTCN-làng nghề, các cơ sở sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp, các nhà máy, công xưởng,...

2.3. Khu vực thương mại – dịch vụ

Đến năm 2030, diện tích đất phát triển thương mại, dịch vụ có 818 ha, tăng 406ha so với năm 2020.

Những hạng mục quan trọng quy hoạch trong kỳ gồm: Triển khai thực hiện Khu thương mại dịch vụ (thuộc quy hoạch khu dân cư, tái định cư và trung tâm văn hóa TDTT phía Nam QL.91 - QH 1/500); Tuyến dịch vụ thương mại (thuộc Quy hoạch chi tiết xây dựng mở rộng trung tâm quận Ô Môn - QH 1/2000); Trung tâm hội chợ triển lãm; đất các TTTM, siêu thị, các khu TMDV tại các quận, huyện và quy hoạch các khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, các điểm thương mại dịch vụ ở các xã, phường, thị trấn trên địa bàn các quận, huyện,...

2.4. Chỉ tiêu sử dụng đất cho lĩnh vực quốc phòng - an ninh

- Đất quốc phòng đến năm 2030 có 844 ha giảm 1,2 ha so với năm 2020. Diện tích đất quốc phòng thực hiện theo đúng tinh thần văn bản 1549/BCH-HC ngày 27/7/2021 về việc đăng ký nhu cầu sử dụng đất trên địa bàn thành phố thời kỳ 2021-2030 và Quy hoạch thể trận quân sự khu vực phòng thủ thành phố Cần Thơ giai đoạn 2012-2015 và định hướng đến 2020 đã được Bộ Tổng Tham mưu phê duyệt. Theo đó Bộ chỉ huy quân sự thành phố đăng ký 20 hạng mục công trình Sở chỉ huy căn cứ hậu phương và Sở chỉ huy căn cứ chiến đấu với diện tích là 113 ha, diện tích đăng ký các công trình sử dụng 100% trên đất quốc phòng, chính vì vậy chỉ tiêu sử dụng đất không có sự biến động. Mặt khác đất quốc phòng giảm 1,2 ha do chuyển sang đất chuyên dùng.

- Thực hiện theo Văn bản số 749/CATP-PH10 ngày 21/7/2021 của Công an thành phố về đăng ký nhu cầu sử dụng đất Đất an ninh đến năm 2030, cụ thể: Thời kỳ đến năm 2030 đăng ký 18 hạng mục công trình dự án, trong đó có 16 công trình có nhu cầu sử dụng đất với nhu cầu sử dụng đất là 7,15 ha, để xây dựng các công trình dự án: Trụ sở làm việc Công an phường Tân An; Trụ sở làm việc Công an phường An Phú; Trụ sở làm việc Công an phường Trà Nóc; Trụ sở làm việc Công an thị trấn Thới Lai; Trụ sở làm việc Công an xã Trường Thắng; Trụ sở làm việc Công an xã Tân Thạnh; Trụ sở làm việc Công an xã Trung An; Trụ sở làm việc Công an xã Tân Thới; Trụ sở làm việc Công an xã Giai Xuân; Xây dựng trụ sở làm việc Thủy đội phòng Cảnh sát giao thông đường thủy - Công an thành phố Cần Thơ (Phường Thới Thuận, quận Thốt Nốt); Nâng cấp, mở rộng Nhà tạm giữ Công an quận Bình Thủy; Thao trường tập luyện, diễn tập phòng chống bạo loạn, biểu tình - PK02, PCCC&CNCH Công an thành phố Cần Thơ (Phường Long Xuyên, quận Bình Thủy, TP Cần Thơ); Cơ sở làm việc Phòng Cảnh sát giao thông đường bộ (Phường Cái Khế, quận Ninh Kiều, TP Cần Thơ); Trụ sở làm việc Đội chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ huyện Vĩnh Thạnh; Trụ sở làm việc Đội chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ huyện Thới Lai. Ngoài ra trong phương án còn dự kiến 4,51 ha đất an ninh dự phòng xây dựng các cơ sở công an cấp xã.

Đến năm 2030 diện tích đất an ninh có 76 ha, tăng 11 ha so với năm 2020, đúng theo chỉ tiêu Quốc gia phân bổ.

2.5. Chỉ tiêu sử dụng đất cho lĩnh vực phát triển hạ tầng - xã hội

Diện tích đất cho lĩnh vực phát triển hạ tầng, xã hội đến năm 2030 có 12.517 ha; tăng 2.817 ha so với năm 2020. Đất phát triển hạ tầng xã hội bao gồm: Đất giao thông; Đất thủy lợi; Đất văn hóa; Đất cơ sở y tế; Đất cơ sở giáo dục; Đất thể dục thể thao; đất năng lượng; đất bưu chính viễn thông; đất xây dựng kho dự trữ quốc gia; đất di tích lịch sử văn hóa; Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng; Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ; Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội và đất chợ.

3. Nhu cầu sử dụng đất tới 2030 và 2050 theo định hướng mới:

Trong khi kế hoạch sử dụng đất 2030 nhằm đảm bảo phân bổ quỹ đất tối ưu cho nhu cầu phát triển với các dự án hiện hữu, được các bên liên quan đề xuất, việc định hướng những nhu cầu sử dụng đất mới cho 2030 và 2050 nhằm hoạch định cơ cấu sử dụng đất tối ưu để có thể đạt được tầm nhìn tổng thể của thành phố Cần Thơ đã được xác định rõ ở phần III. Về cơ bản, những cấu trúc đất ở, hạ tầng kỹ thuật và xã hội nhằm phục vụ nhu cầu theo quy chuẩn ở các cấp từ xã, huyện, quận và thành phố đều đã được đề xuất rất chi tiết trong các nhu cầu sử dụng đất hiện nay được đưa lên. Vì thế, về cơ bản không có nhu cầu phải điều chỉnh các loại đất này. Có thể coi đây là kịch bản tối thiểu về sử dụng đất, đảm bảo cho Cần Thơ đạt các chỉ tiêu kỹ thuật cho một đô thị loại I như chương trình phát triển đô thị đề ra.

Những định hướng sử dụng đất khác biệt lớn so với kịch bản tối thiểu này chủ yếu bao gồm những diện tích chuyển đổi lớn, nhằm tạo ra các khu công năng đô thị trọng yếu cấp vùng và quốc gia, nhằm biến Cần Thơ thực sự trở thành một trung tâm khoa học công nghệ, thương mại dịch vụ của vùng ĐBSCL, là một điểm đổi trọng với vùng TP.HCM trên trục động lực chính của vùng ĐBSCL.

Những dự án chiến lược thành phố mới, ngoài các dự án đã xác định hiện hữu, sẽ được hoạch định trong phạm vi chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất mới này.

V. Tổng hợp, cân đối nhu cầu sử dụng đất, phân bổ và khoanh vùng các chỉ tiêu sử dụng đất đến từng đơn vị hành chính cấp huyện

Việc cân đối phân bổ và khoanh vùng các nhu cầu sử dụng đất tới từng đơn vị hành chính cấp huyện chỉ có thể xác định đối với những dự án hiện đã được định hình, do các ban ngành và địa phương đề xuất. Như đã nêu ở trên, đây chỉ là kịch bản sử dụng đất tối thiểu. Đối với những nhu cầu phát triển ngoài phạm vi này, theo định hướng về chuyển đổi sử dụng đất 2030 và 2050 của quy hoạch này, sẽ không thể phân bổ chi tiết tới từng đơn vị hành chính cấp huyện. Sau này, dựa trên logic chung về định hướng phát triển kinh tế xã hội và không gian tổng thể, các huyện, quận có thể điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất chi tiết hàng năm hoặc 5 năm của mình.

1. Chỉ tiêu sử dụng đất cấp tỉnh

Trên cơ sở phương hướng, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của thành phố giai đoạn 2021 - 2030, tiềm năng đất đai, các quan điểm định hướng sử dụng đất và nhu cầu sử dụng của các ngành, các lĩnh vực, các quận, huyện và cân đối với chỉ tiêu phân bổ

đất Quốc Gia. Chỉ tiêu sử dụng đất trong phương án phân bổ đất đai của TP được xác định như sau:

Bảng 8. Diện tích các chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2030

STT	Chỉ tiêu	Mã	Hiện trạng năm 2020		QH đến năm 2030		Tăng (+); giảm (-)
			Diện tích (ha)	Cơ Cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ Cấu (%)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	TỔNG DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN		144.040	100,00	144.040	100,00	-
I	Loại đất		-		-	-	-
1	Đất nông nghiệp	NNP	114.256	79,32	104.807	72,76	-9.449
	<i>Trong đó:</i>		-		-	-	-
1.1	Đất trồng lúa	LUA	78.632	54,59	74.319	51,60	-4.313
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	78.632	54,59	74.319	51,60	-4.313
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	1.916	1,33	1.547	1,07	-368
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	30.872	21,43	25.506	17,71	-5.366
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	-	-	-	-	0
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	-	-	-	-	0
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	-	-	-	-	0
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	2.798	1,94	2.864	1,99	66
1.8	Đất làm muối	LMU	-	-	-	-	0
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	39	0,03	570	0,40	532
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	29.764	20,66	39.233	27,24	9.469
	<i>Trong đó:</i>		-	-	-	-	0
2.1	Đất quốc phòng	CQP	845	0,59	844	0,59	-1
2.2	Đất an ninh	CAN	65	0,04	76	0,05	11
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	475	0,33	2.350	1,63	1.875
2.4	Đất khu chế xuất	SKT	-	-	-	-	0
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	-	-	158	0,11	158
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	412	0,29	818	0,57	406
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	659	0,46	941	0,65	282

STT	Chỉ tiêu	Mã	Hiện trạng năm 2020		QH đến năm 2030		Tăng (+); giảm (-)
			Diện tích (ha)	Cơ Cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ Cấu (%)	
2.7	Đất cho hoạt động khoáng sản	SKS	-	-	-	-	0
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	9	0,01	9	0,01	0
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	9.700	6,73	12.517	8,69	2.817
	<i>Trong đó</i>		-	-	-	-	-
2.9.1	<i>Đất giao thông</i>	DGT	3.661	2,54	5.651	3,92	1.990
2.9.2	<i>Đất thủy lợi</i>	DTL	4.620	3,21	3.884	2,70	-736
2.9.3	<i>Đất xây dựng cơ sở văn hóa</i>	DVH	55	0,04	191	0,13	136
2.9.4	<i>Đất xây dựng cơ sở y tế</i>	DYT	88	0,06	145	0,10	57
2.9.5	<i>Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo</i>	DGD	571	0,40	1.299	0,90	728
2.9.6	<i>Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao</i>	DTT	39	0,03	143	0,10	104
2.9.7	Đất công trình năng lượng	DNL	210	0,15	244	0,17	34
2.9.8	<i>Đất công trình bưu chính viễn thông</i>	DBV	37	0,03	57	0,04	20
2.9.9	<i>Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia</i>	DKG	-	-	13	0,01	13
2.9.10	<i>Đất có di tích lịch sử văn hóa</i>	DDT	18	0,01	41	0,03	23
2.9.11	<i>Đất bãi thải, xử lý chất thải</i>	DRA	60	0,04	176	0,12	116
2.9.12	<i>Đất cơ sở tôn giáo</i>	TON	144	0,10	148	0,10	4
2.9.13	<i>Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng</i>	NTD	165	0,11	240	0,17	75
2.9.14	<i>Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ</i>	DKH	2	0,00	206	0,14	204
2.9.15	<i>Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội</i>	DXH	2	0,00	11	0,01	9
2.9.16	<i>Đất chợ</i>	DCH	28	0,02	68	0,05	40
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	1	0,00	168	0,12	167
2.11	Đất ở tại nông thôn	ONT	3.441	2,39	3.974	2,76	533
2.12	Đất ở tại đô thị	ODT	5.206	3,61	8.082	5,61	2.876

STT	Chỉ tiêu	Mã	Hiện trạng năm 2020		QH đến năm 2030		Tăng (+); giảm (-)
			Diện tích (ha)	Cơ Cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ Cấu (%)	
2.13	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	179	0,12	280	0,19	101
2.14	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	37	0,03	38	0,03	1
2.15	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	-	-	-	-	-
2.16	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	12	0,01	22	0,02	11
2.17	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	90	0,06	325	0,23	235
2.18	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	23	0,02	26	0,02	4
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	8.576	5,95	8.568	5,95	-7
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	15	0,01	15	0,01	0
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	21	0,01	21	0,01	0
3	Đất chưa sử dụng	CSD	20	0,01	-	-	-20

VI. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Về quy hoạch sử dụng đất

Phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai theo khu chức năng và theo loại đất đến từng đơn vị hành chính cấp huyện trong quy hoạch thành phố Cần Thơ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050 thành phố Cần Thơ sau khi được Chính phủ phê duyệt sẽ là cơ sở để quy hoạch, kế hoạch các ngành, lĩnh vực, địa phương của thành phố liên quan đến việc sử dụng đất; việc tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất phải thống nhất chặt chẽ từ thành phố đến các quận, huyện đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của thành phố.

2. Về chính sách tài chính đất đai

- Có chính sách tạo nguồn về tài chính để các chủ thể thực hiện đúng tiến độ các dự án theo phương án sử dụng đất được cấp có thẩm quyền phê duyệt;
- Có chính sách điều tiết giá trị gia tăng từ đất do Nhà nước đầu tư cơ sở hạ tầng và chuyển mục đích sử dụng đất mang lại; điều tiết các nguồn thu từ đất để cân đối, phân phối hợp lý tạo nguồn lực phát triển đồng đều giữa các địa phương trong thành phố, bảo đảm hài hòa giữa mục tiêu phát triển kinh tế với các mục tiêu an sinh xã hội, tạo môi trường sống hài hòa, bền vững cho người dân; ngăn chặn tình trạng chuyển nhượng đất vì mục đích đầu cơ.

3. Về quản lý sử dụng đất

- Xây dựng các quy định cụ thể để quản lý và bảo vệ các vùng trồng lúa, khu bảo tồn thiên nhiên; phát triển các vùng chuyên canh quy mô lớn trong sản xuất nông nghiệp.
- Xây dựng và ban hành quy định để xác định rõ trách nhiệm cụ thể giữa Thành phố và địa phương, trong từng ngành, từng cấp, từng cơ quan, đơn vị, trách nhiệm tập thể và cá nhân trong việc quản lý đất đai nói chung và thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được quyết định, xét duyệt nói riêng.
- Kiên quyết thu hồi đất đối với những dự án đã được giao, cho thuê đất nhưng không thực hiện đầu tư đúng thời gian quy định, sử dụng đất không hiệu quả, sử dụng đất trái mục đích được giao, thuê; ngăn chặn có hiệu quả tình trạng mua bán, chuyển nhượng, chuyển mục đích sử dụng đất trái phép. Phát huy tốt vai trò của người đứng đầu các cấp, các ngành, cơ quan, đơn vị trong quản lý tài nguyên đất đai.
- Xác lập pháp lý đối với đất còn mới nổi, bãi bồi ven sông; dứt điểm xác lập pháp lý đối với đất do nhà nước quản lý.

3.1. Các chính sách đối với đất nông nghiệp

- Đầu tư quy hoạch xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn nhằm hỗ trợ nông dân phát triển sản xuất và ổn định cuộc sống.
- Hỗ trợ, khuyến khích nông dân áp dụng các tiến bộ khoa học, thực hiện các biện pháp nhằm sử dụng tiết kiệm và tăng giá trị sử dụng đất.
- Tổ chức điều tra, đánh giá thực trạng đất canh tác nông nghiệp bỏ hoang hóa

(nhất là đất trồng lúa) để đề xuất cơ chế, chính sách nhằm khuyến khích việc sử dụng đất tiết kiệm, hiệu quả tránh bỏ hoang, không sử dụng gây lãng phí đất đai.

3.2. Chính sách đất đai đối với phát triển công nghiệp

- Xây dựng cơ chế, chính sách nhằm khuyến khích các nhà đầu tư phát triển khu, cụm công nghiệp đã được quy hoạch, đặc biệt là tại các huyện còn khó khăn trong thành phố.

- Có chính sách ưu tiên đầu tư cơ sở hạ tầng nhằm từng bước thu hút phát triển công nghiệp, khuyến khích các nhà đầu tư chuyển các cơ sở sản xuất vào các cụm công nghiệp để hạn chế việc lấy đất vào diện tích đất nông nghiệp và tại các khu dân cư.

3.3. Chính sách đất đai đối với phát triển đô thị

- Xây dựng chính sách điều chỉnh quá trình phát triển đô thị phù hợp với tốc độ phát triển công nghiệp, với quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế và phân công lao động của thành phố.

- Xây dựng cơ chế quản lý đô thị nhằm khắc phục tình trạng mất cân đối trong cơ cấu sử dụng đất đô thị giữa đất ở với đất xây dựng cơ sở hạ tầng

3.4. Chính sách đất đai đối với phát triển hạ tầng

- Tạo quỹ đất để thu hút đầu tư phát triển, xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội. Có các giải pháp và chính sách cụ thể bảo đảm quỹ đất cho các lĩnh vực giáo dục - đào tạo, y tế, văn hóa, thể dục thể thao, trong đó chú trọng kêu gọi cho xã hội hóa các lĩnh vực này.

- Có chính sách đầu tư hạ tầng đối với quỹ đất ít có khả năng nông nghiệp để làm mặt bằng sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp và phát triển khu dân cư mới nhằm hạn chế đến mức thấp nhất việc chuyển đất sản xuất nông nghiệp có hiệu quả sang sử dụng vào các mục đích phi nông nghiệp.

4. Chính sách thu hút đầu tư

- Thực hiện các chính sách ưu đãi để tạo sức thu hút phát triển công nghiệp, các ngành dịch vụ, du lịch; có chính sách bồi thường, hỗ trợ linh hoạt đối với các trường hợp thu hồi đất; ưu tiên dành quỹ đất tái định cư để bố trí cho các hộ bị giải tỏa, thu hồi đất; đầu tư kết cấu hạ tầng tại các khu tái định cư nhằm ổn định đời sống của nhân dân.

- Xây dựng kế hoạch cụ thể, giải quyết tốt vấn đề nông dân, nông nghiệp và nông thôn, đào tạo nghề và tạo việc làm cho lao động nông nghiệp khi bị thu hồi đất sản xuất nông nghiệp; tập trung mọi nguồn lực và kêu gọi đầu tư xã hội hóa để hoàn thành mục tiêu xây dựng nông thôn mới nhằm ổn định sản xuất và đời sống khu vực nông thôn.

- Xây dựng cơ chế tạo quỹ đất sạch theo quy hoạch; tăng cường thực hiện việc đấu giá đất khi Nhà nước giao đất, cho thuê đất, khai thác khoáng sản nhằm tăng thu ngân sách từ đất, khuyến khích đầu tư phát triển vào những lĩnh vực thế mạnh của thành phố theo nguyên tắc tiết kiệm, có hiệu quả, bảo vệ tài nguyên đất và môi trường sinh thái.

5. Giải pháp đào tạo nguồn nhân lực

- Xây dựng và thực hiện đào tạo và nâng cao chất lượng chuyên môn nghiệp vụ, năng lực và ý thức trách nhiệm của đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý đất đai ở các cấp, đặc biệt là ở cấp huyện, thành phố, cán bộ địa chính xã, phường, thị trấn để đáp ứng yêu cầu về đổi mới ngành và hội nhập quốc tế;
- Chú trọng công tác đào tạo cán bộ chuyên môn có đủ năng lực lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đạt hiệu quả và chất lượng;
- Nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý, giám sát thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất các cấp đã được phê duyệt;
- Tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật cho các đơn vị sự nghiệp có chức năng lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Xây dựng các chương trình đào tạo ngắn hạn trên cơ sở đào tạo theo chuyên đề, ưu tiên đào tạo cho cán bộ lập, thực hiện và giám sát quy hoạch sử dụng đất ở địa phương.

6. Giải pháp về khoa học công nghệ và kỹ thuật

- Bố trí đủ điều kiện vật chất, từng bước ứng dụng thành tựu khoa học, công nghệ trong việc lập và giám sát, tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;
- Tăng cường công tác điều tra cơ bản, nâng cao chất lượng công tác dự báo, sự tham gia phản biện khoa học trong và ngoài ngành nhằm nâng cao tính khả thi của phương án quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;
- Xây dựng và cập nhật cơ sở dữ liệu quản lý tài nguyên đất, áp dụng công nghệ tiên tiến để cải thiện chất lượng điều tra quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;
- củng cố và nâng cao hệ thống thông tin về đất đai, ứng dụng công nghệ viễn thám trong việc kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đáp ứng yêu cầu quản lý đất đai và hội nhập quốc tế.

7. Giải pháp về bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường

- Có chính sách thỏa đáng tiếp tục khuyến khích mọi tổ chức, cá nhân đầu tư bảo vệ, cải tạo, nâng cao độ phì của đất. Khuyến khích khai hoang, đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng cho các mục đích nông nghiệp, phi nông nghiệp nhằm sử dụng triệt để, tiết kiệm và hiệu quả quỹ đất tự nhiên trên địa bàn.
- Bảo vệ tầng đất canh tác khi chuyển đất sản xuất nông nghiệp sang sử dụng vào các mục đích phi nông nghiệp.
- Đẩy mạnh việc khoanh nuôi, bảo vệ, trồng mới rừng, nâng cao hệ số che phủ, trồng rừng ngập mặn ven biển và trồng cây xanh phân tán trong các khu vực phát triển đô thị, khu công nghiệp,...
- Đầu tư các công trình xử lý chất thải ở các khu, cụm công nghiệp, bệnh viện, khu đô thị,... đảm bảo chất thải được xử lý đạt tiêu chuẩn trước khi thải ra môi trường, các khu, cụm công nghiệp chỉ được đưa vào hoạt động khi có khu xử lý nước thải hoàn chỉnh.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.
- Tăng cường công tác quản lý môi trường trong khu công nghiệp, khu đô thị; tổ chức tốt hoạt động quản lý môi trường trong các khu công nghiệp, khu đô thị theo sự phân cấp và ủy quyền của bộ máy quản lý môi trường; nâng cao năng lực của bộ máy quản lý môi trường trong các khu công nghiệp, khu dân cư đô thị, khu dân cư nông thôn.
- Sớm xây dựng và ban hành quy chế, nội quy về bảo vệ môi trường; nghiên cứu xây dựng quy chế khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư trang thiết bị sản xuất hiện đại, cũng như trang thiết bị xử lý các tác động môi trường trong hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Ngoài việc bảo đảm hệ thống xử lý nước thải công nghiệp ngay trong quá trình đầu tư phát triển hạ tầng khu công nghiệp, cần phối hợp với các cơ quan có liên quan cấp Thành phố, thành phố xây dựng quy hoạch xử lý chất thải rắn qua hệ thống thu gom và xử lý tập trung.
- Các địa phương cần triển khai đồng bộ, kịp thời việc đầu tư các công trình xử lý rác thải công nghiệp, rác thải sinh hoạt tại các khu đô thị, khu dân cư nông thôn.
- Xây dựng hệ thống quan trắc môi trường trong các khu công nghiệp, khu đô thị, khu dân cư nông thôn; xây dựng cơ chế phối hợp giữa cơ quan quản lý nhà nước về môi trường với Ban quản lý các khu công nghiệp. Thông qua hệ thống quan trắc môi trường đánh giá kịp thời, chính xác và kiểm soát được tình trạng chất lượng môi trường cũng như mức độ ô nhiễm môi trường trong các khu công nghiệp, khu đô thị, khu dân cư nông thôn.
- Sử dụng đất trong các hoạt động khai thác sản xuất vật liệu xây dựng phải có phương án an toàn về môi trường, khi kết thúc hoạt động khai thác phải có kế hoạch phục hồi hiện trạng bề mặt sử dụng đất ban đầu.
- Xây dựng cơ chế để hình thành doanh nghiệp dịch vụ môi trường phục vụ cho các hoạt động của các khu công nghiệp, khu đô thị, khu dân cư nông thôn.
- Kiên quyết di dời toàn bộ nhà máy, xí nghiệp sản xuất gây ô nhiễm ra khỏi khu dân cư theo quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.
- Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức cho người dân và các tổ chức, doanh nghiệp về bảo vệ môi trường, coi bảo vệ môi trường là trách nhiệm chung của toàn xã hội.

PHẦN VIII: PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH XÂY DỰNG VÙNG LIÊN QUẬN HUYỆN, VÙNG HUYỆN

8.1. PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH XÂY DỰNG VÙNG LIÊN QUẬN HUYỆN.

8.1.1. Mục đích phân vùng liên quận huyện

Quy hoạch xây dựng vùng liên quận huyện là một trong những quy hoạch chuyên ngành sẽ được thực hiện sau này. Vì thế, ở đây chỉ là những định hướng cơ bản về phân vùng và chức năng, tính chất của các vùng liên quận huyện, làm cơ sở cho việc lập quy hoạch xây dựng vùng liên quận huyện sau này. Đây không phải là đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên quận huyện.

Ranh giới giữa các quận huyện nhiều khi không phải dựa trên một chiến lược kinh tế - xã hội - không gian rõ ràng ngay từ đầu mà do sự tùy biến linh hoạt theo lịch sử đô thị hóa, khu vực đô thị mở rộng về phía nông thôn, tạo nên những ranh giới kiểu da báo. Khi hệ thống giao thông, hạ tầng, dự án chiến lược mới xuất hiện không trùng khớp với những ranh giới ấy sẽ tạo ra những khó khăn nhất định trong quản lý và phát triển đô thị. Chính vì vậy, sự liên kết, tương tác giữa các quận huyện với nhau thành một liên quận- huyện sẽ phù hợp với các định hướng chiến lược cho toàn thành phố.

Mặt khác, đối với các đô thị lớn như Cần Thơ, khoảng cách giữa quy hoạch chung với quy hoạch chi tiết, giữa định hướng tổng quát của toàn thành phố với kế hoạch phát triển từng quận - huyện có độ xa, độ lệch nhất định vì lý do khác biệt quy mô đối tượng. Các phân vùng, phân khu sẽ điều hòa sự khác biệt về quy mô giữa toàn đô thị với từng quận - huyện.

Ngoài ra, các khu vực trong thành phố Cần Thơ có điều kiện tự nhiên, kinh tế- xã hội khác nhau, có nền tảng không đồng đều. Vậy nên, việc phân vùng sẽ giúp các khu vực có định hướng phát triển phù hợp với tiềm năng sẵn có của mình.

Cuối cùng, nguồn lực đầu tư phát triển không phải vô hạn. Việc phân vùng sẽ giúp sự phân kỳ đầu tư cho toàn thành phố hiệu quả hơn, cần xác định những khu vực nào đầu tư trước để tạo động lực kéo theo sự phát triển cho các khu vực khác.

8.1.2. Cơ sở, tiêu chí phân vùng

- *Khả năng tương liên thúc đẩy* phát triển kinh tế: Mỗi quận - huyện trong vùng có những thế mạnh về kinh tế, văn hóa - xã hội, sinh thái - cảnh quan, hình thái riêng của mình, nhưng chúng có thể hỗ trợ, kết hợp cùng nhau để tạo nên một vùng kinh tế đặc trưng, cùng nhau tăng cường sức mạnh kinh tế.

- *Khả năng kết nối* giao thông trong vùng: Giao thông giữa các quận - huyện trong vùng phải thuận tiện. Đối với Cần Thơ, giao thông đường bộ và đường thủy đều quan trọng, vậy nên các mảnh ghép trong phân vùng phải liên hệ thuận tiện bằng cả hai hình thức giao thông này.

- *Khả năng cùng nhận* diện ranh giới: Ranh giới là yếu tố quan trọng trong quy hoạch xây dựng, nhất là hình thái. Các phân mảnh quận - huyện khác nhau nhưng cùng

- *Khả năng sắp xếp phân kỳ đầu tư*: Mỗi phân vùng có thể phân kỳ đầu tư, quan trọng trước, ít quan trọng hơn sau, không thể dàn trải đầu tư tất cả ngay lập tức.

Trên cơ sở các tiêu chí phân vùng kể trên, Thành phố Cần Thơ được chia thành 9 vùng liên quận huyện. Cách phân vùng dựa trên đặc điểm và công năng, ranh giới sông nước và những vùng kỹ thuật về thủy lợi để có thể đồng bộ với những chiến lược về thủy lợi và phòng chống thiên tai sau này. Đa số vùng đều có kết nối với mặt tiền là sông Hậu và có những kết nối thuận tiện về mặt giao thông chiến lược với nhau, với các tỉnh xung quanh và vùng TPHCM thông qua các trục giao thông dọc ngang. Những vùng liên quận huyện ở trong vùng đô thị trung tâm phía nam thì thiên về một công năng đặc thù nhất định, trong khi đó những vùng liên quận huyện phía bắc thì thường có cấu trúc cho phép phát triển đa năng, để thành những vùng tương đối cân bằng về tiềm năng phát triển nông nghiệp và phi nông nghiệp.

Sau này, nếu có thể, nên tái tổ chức lại hệ thống hành chính thành phố Cần Thơ, sao cho mỗi một vùng liên quận huyện này trở thành một quận, huyện thì việc điều hành phát triển sẽ thuận tiện hơn nhiều.

154

Thuộc địa phận Quận Cái Răng và một phần huyện Phong Điền. Ranh giới địa lý là phía nam sông Cần Thơ, là khu vực phát triển đô thị mới, công nghệ mới, hiện đại, đa dạng, gắn với nút hạ tầng đa phương tiện giữa cao tốc, cảng Cái Cui và nhà ga đường sắt. Nên mở rộng ranh giới hành chính quận Cái Răng ra toàn bộ khu vực này.

b- Vùng liên quận huyện trung tâm:

Bao gồm Ninh Kiều, phía nam quận Bình Thủy và một phần nhỏ thuộc Phong Điền. Ranh giới là sông Bình Thủy và sông Cần Thơ. Vùng này là trung tâm thương mại dịch vụ đa năng mang tính lịch sử. Nên mở rộng ranh giới hành chính của Ninh Kiều ra toàn bộ khu vực này thì sẽ phát huy được thế mạnh của thương hiệu Ninh Kiều so với những khu vực trước đây thuộc Bình Thủy hay Phong Điền.

c- Vùng Liên quận huyện đô thị sân bay:

Nằm giữa sông Trà Nóc, sông Bình Thủy. Thuộc địa phận Bình Thủy và một phần Phong Điền, Ô Môn. Vùng này có thể gọi chung là đô thị sân bay và nên quy về quận Bình Thủy. Công năng của vùng này bao gồm tất cả các chức năng có liên quan tới sân bay quốc tế Cần Thơ như một lợi thế đặc thù của vùng ĐBSCL, bao gồm các loại dịch vụ sân bay, đô thị sân bay, văn phòng, thương mại, du lịch, và các chức năng hưởng lợi chính bởi kết nối nhanh bằng đường hàng không, bao gồm các dịch vụ cấp vùng về y tế, giáo dục, văn hoá nghệ thuật, chế biến nông sản cao cấp, dược phẩm, mỹ phẩm v.v.

d- Vùng liên quận huyện trung tâm công nghiệp Ô môn:

Vùng này là trung tâm năng lượng và công nghiệp công nghệ cao của vùng ĐBSCL sau này, nằm phía bắc sông Trà nóc, nam sông Ô Môn. Vùng này hiện nay có một phần thuộc Bình Thủy và một phần thuộc Ô Môn, Thới Lai. Về mặt diện tích, vùng này tuy nhỏ nhưng là một vùng trọng điểm về phát triển công nghiệp và thu nhập của tỉnh sau này.

e- Vùng đô thị sinh thái Phong Điền:

Huyện Phong Điền hiện nay có diện tích rất lớn và cảnh quan sinh thái nhà vườn rất đẹp. Tuy nhiên trong tương lai, một phần diện tích đó sẽ phải được dùng đồng thời với những công năng khác trên cơ sở phát huy nền cảnh quan sinh thái hiện có, để có thể tạo ra được một đô thị Cần Thơ hiện đại, thực sự là trung tâm vùng. Công năng du lịch sinh thái miệt vườn chỉ còn là một trong những công năng và sẽ tập trung chính ở khu vực phía tây của huyện Phong Điền hiện nay và một phần khu vực miệt vườn của Thới Lai. Ngoài ở cao cấp, du lịch nghỉ dưỡng, vùng này cũng có thể phát triển thành trung tâm điều dưỡng, chăm sóc sức khoẻ, trung tâm thể dục thể thao cấp vùng.

f- Vùng trung tâm công nghệ lúa

Vùng này có ranh giới từ tuyến Ô môn- Ròng Giềng quy hoạch ở phía bắc tới kênh KH08 ở phía nam. Thuộc ranh giới chính là huyện Thới Lai, nhưng có cả quận Ô Môn. Thới lai có thương hiệu về nghiên cứu công nghệ lúa, với viện lúa vùng ĐBSCL. Tuy nhiên, nếu chỉ có lúa không thì vùng này sẽ không có khả năng phát triển kinh tế một cách bền vững và toàn diện, vì thế, nếu sau này huyện Thới lai có ranh giới mới

như vậy thì cũng cần có một vùng liên quan tới khu đô thị trực nối ven quốc lộ 91 và cửa ra sông Hậu, để có thể phát triển đồng bộ cả đô thị, du lịch dịch vụ.

g- Vùng du lịch nông nghiệp trang trại

Vùng này nằm giữ tuyến Ô Môn - Rừng Giềng và sông Thốt Nốt. Địa giới vùng này chủ yếu thuộc huyện Cờ Đỏ và các quận Ô Môn, Thốt Nốt hiện nay. Đặc điểm hiện hữu lớn nhất của vùng này hiện nay là cấu trúc rất đặc biệt của nông trường sông Hậu, là một cấu trúc sau này có thể và nên mở rộng ra thành bản sắc của toàn vùng, với những trang trại vườn ao chuồng đa dạng, đan xen với du lịch cộng đồng, du lịch trang trại nông nghiệp. Tương tự như khu vực Thới Lai, vùng này cũng nên có một khúc kết nối ra sông Hậu, để có thể phát triển đa dạng từ du lịch sông tới đô thị ven trục vành đai và kết nối lên cao tốc nam sông Hậu, kết nối về phía TPHCM và về phía tây.

h- Vùng công nghiệp phía bắc

Vùng này ở phía bắc sông Thốt Nốt. Địa phận chính nằm ở Vĩnh Thạnh, chỉ có một ít ven sông Hậu là thuộc Thốt Nốt. Đây là vùng công nghiệp lớn trong tương lai của Cần Thơ cũng như vùng ĐBSCL. Vấn đề chiến lược đối với vùng này là phải dành những quỹ đất rộng cho các khu công nghiệp, không chia nhỏ đất, và phải nâng cấp cảng Thốt Nốt cũng như vùng hậu cảng để trở thành cửa ra đường thủy cho cả vùng công nghiệp.

i- Vùng phía tây cao tốc:

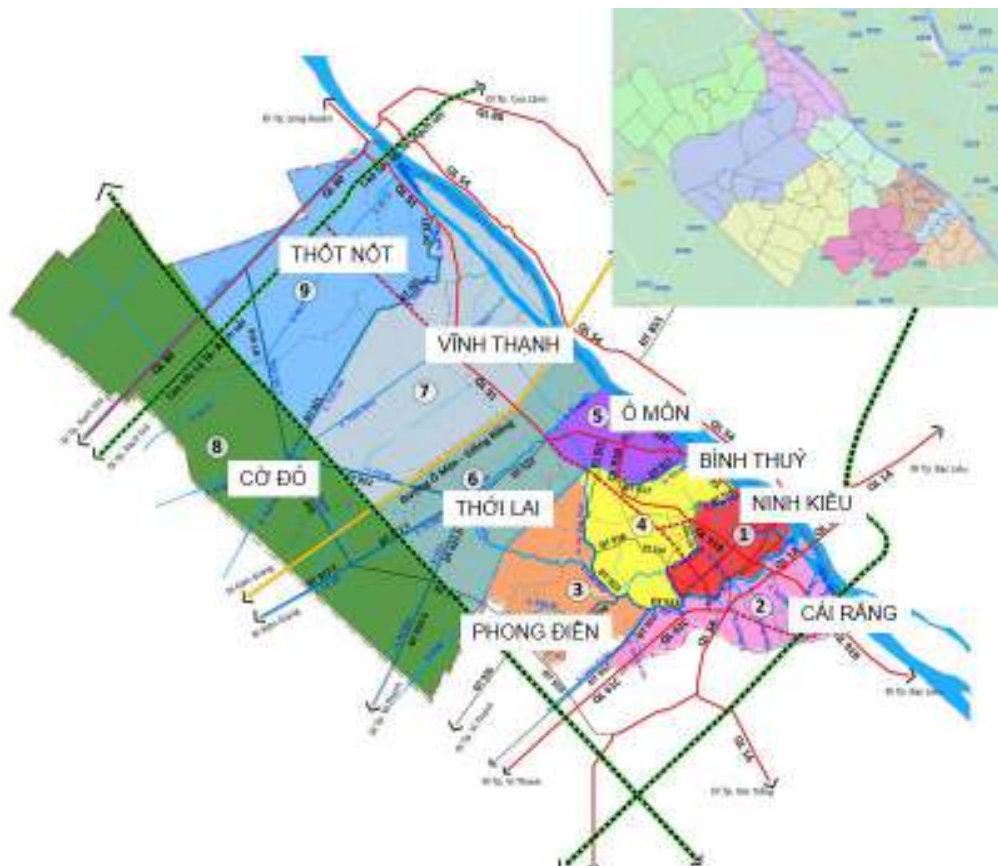
Vùng này nằm ở phía tây cao tốc An Giang- Trần Đề, là một vùng bị cắt ra khỏi phía đông. Vùng này thuộc các huyện Thới Lai, Cờ Đỏ, Vĩnh Thạnh, nhưng thị trấn Cờ Đỏ và nông trường Cờ Đỏ là những thương hiệu quan trọng nhất và có tiềm năng phát triển nhất ở khu vực này, vì thế nên coi cả vùng này là thị xã Cờ Đỏ mới, với lõi trung tâm là thị trấn Cờ Đỏ hiện nay. Khu này bao gồm nhiều định hướng công năng, với 2 ý chính là: phát triển điện mặt trời đan xen với nông nghiệp ở phía bắc và phía nam. Thị trấn du lịch sinh thái rừng ngập nước và du lịch nông trại ở vùng giữa, trong đó du lịch sinh thái ngập nước sẽ thiên về phía nam của thị trấn Cờ Đỏ hiện nay và nông trại tương tự như nông trường Hậu Giang sẽ được làm ở khu vực nông trường Cờ đỏ hiện nay.

8.1.3. Phân chia lại địa giới hành chính các quận huyện:

- TP. Cần Thơ là đô thị sông nước đề xuất nên lấy sông làm ranh giới.
- TP. Cần Thơ có 5 quận diện tích nhỏ, mật độ cao, tạo nên vùng lõi đô thị và phân chia 3 huyện đều có mặt tiền sông Hậu, một mặt tiếp cận cao tốc, có kết nối về vùng TP.HCM, riêng vùng phía tây cao tốc nam sông Hậu nên là một huyện do bị cách biệt.
- Ranh giới và tên quận huyện làm sao phát huy tối đa thương hiệu hiện hữu.
- Mỗi quận huyện có một trọng tâm, một thương hiệu.
 - Ninh Kiều: trung tâm lịch sử, điều chỉnh ranh giới hành chính trong thời kỳ quy hoạch 2021-2030.
 - Cái Răng: trung tâm đô thị mới, cảng biển vùng, nhà ga vùng.
 - Bình Thủy: đô thị sân bay, trung tâm dịch vụ vùng: đầu mối nông nghiệp, y tế, giáo dục, văn hoá thể thao, trung tâm hành chính thành phố

- Ô Môn: trung tâm năng lượng vùng.
- Phong Điền: trung tâm du lịch sinh thái miệt vườn.
- Thới Lai: trung tâm nghiên cứu công nghệ lúa.
- Vĩnh Thạnh: mô hình đô thị du lịch trang trại, vườn ao chuồng.
- Thốt Nốt: trung tâm công nghiệp vùng.
- Cờ Đỏ: trung tâm du lịch sinh thái ngập nước và nông trại.

Hình 14: Bản đồ ranh quận huyện đề xuất điều chỉnh



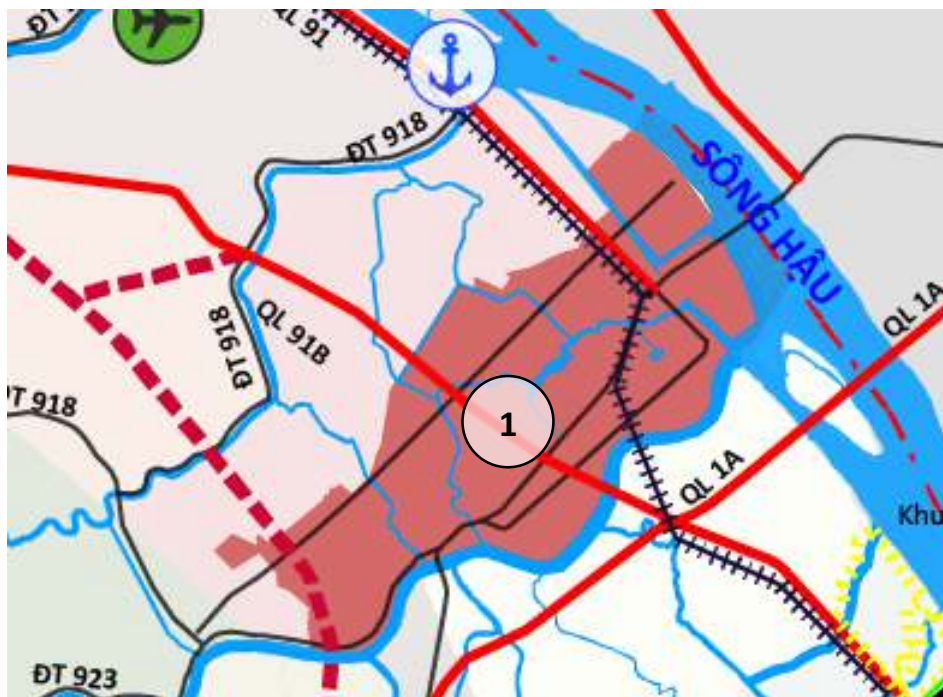
STT	Quận/Huyện	Diện tích cũ (ha)	Diện tích mới (ha)	Diện tích thay đổi (ha)
1	Ninh Kiều	2.889,6	5.504,3	+ 2.614,7
2	Bình Thủy	7.087,0	9.674,1	+ 2.587,1
3	Cái Răng	6.781,6	8.967,2	+ 2.185,6
4	Ô Môn	13.191,2	5.289,0	- 7.902,2
5	Thốt Nốt	12.166,6	24.492,8	+ 12.326,2
6	Phong Điền	12.558,5	8.565,6	- 3.992,9
7	Thới Lai	26.700,3	16.914,4	- 9.785,9
8	Cờ Đỏ	31.990,6	37.804,3	+ 5.813,7
9	Vĩnh Thạnh	30.674,4	26.828,1	- 3.846,3

8.2. Phương án quy hoạch xây dựng vùng quận huyện.

Quy hoạch xây dựng vùng quận huyện cũng là một trong những quy hoạch chuyên ngành sẽ được thực hiện sau này. Vì thế, ở đây chỉ là những định hướng cơ bản về phân vùng và chức năng, tính chất của các vùng quận huyện, làm cơ sở cho việc lập quy hoạch xây dựng vùng quận huyện sau này. Đây không phải là đồ án quy hoạch xây dựng vùng quận huyện.

I. Quận Ninh Kiều

Hình 15: Định hướng phát triển chức năng quận Ninh Kiều:



1	Trung tâm đô thị lịch sử Ninh Kiều
---	------------------------------------

1. Định hướng kinh tế đô thị

- Chức năng chính là trung tâm lõi đô thị lịch sử: Mật độ dân cư và xây dựng cao, công năng đa dạng, giá đất cao, công năng cao cấp.
- Mật độ, giá trị đất hiện nay của các phường đều nằm trong phạm vi tốt, chưa đến mức quá tải hạ tầng, tất cả các phường đều còn tiềm năng tăng dân. Đặc biệt hai phường Cái Khế và An Bình có tiềm năng lớn để tăng dân số, mật độ đáng kể.
- Cần bổ sung những công năng tiên tiến, hiện đại, có tầm chiến lược, với mật độ sử dụng đất cao. Di dời những khu công cộng lớn không thực sự hiệu quả về sử dụng đất vàng ra vùng ngoài xa hơn.
- Tái cấu trúc khu vực Cồn Khương, Cái Khế, trên cơ sở coi đây là mặt tiền số một, trung tâm đô thị hiện đại ven sông Hậu, với mật độ sử dụng cao nhất cho phép. Chuyển đổi công năng những khu vực công viên, biệt thự mật độ thấp, thể dục thể thao v.v. ra khỏi khu vực này.
- Tái cấu trúc dải ven sông Cần Thơ, để trở thành mặt tiền quan trọng mang tính đặc thù lịch sử của Ninh Kiều, đặc biệt là những khu vực ven sông phía tây.

- Tái cấu trúc những khu vực đất công lớn trong vùng giữa (bệnh viện lớn, trường đại học, khu hành chính), để thành lập những trung tâm có động lực kinh tế cao như vườn ươm doanh nghiệp, trung tâm thương mại dịch vụ, trung tâm tài chính, văn phòng, trung tâm sáng tạo và văn hoá nghệ thuật.

- Di dời hết những cơ sở công nghiệp không phù hợp trong địa bàn, đặc biệt là dọc sông vào những vùng công nghiệp tập trung.

- Xác định Ninh Kiều không còn đất nông nghiệp, chỉ có đất xanh đô thị, có thể trồng cây nông nghiệp dưới dạng thiết kế cảnh quan đô thị.

2. Định hướng xã hội học đô thị

- Là một vùng dày đặc, với quan hệ xã hội phong phú, đa dạng, với nhiều tiểu vùng rõ nét, hấp dẫn du khách.

- Hình thành một bản đồ phân tiểu vùng bản sắc văn hoá xã hội làm định hướng cho các hoạt động quy hoạch, quản lý, chỉnh trang nâng cấp đô thị.

- Đặc biệt cần chú trọng bảo tồn và phát huy giá trị tiểu vùng văn hoá đô thị dạng phố chợ cổ quanh vùng bên Ninh Kiều, các Khu vực dân cư tự phát quanh hồ Xáng Thối;

- Phát huy bản sắc đô thị ở các khu vực trung tâm du lịch Cái Khế, khu vực làng chài ven sông; khu vực văn hoá công giáo và Phật giáo quanh các công trình tín ngưỡng.

3. Định hướng sinh thái, cảnh quan

- Cải tạo, nâng cao chất lượng của các vùng xanh và kênh rạch trọng yếu. Cải thiện chất lượng mặt nước, khoanh vùng những khu vực mặt nước kênh rạch cho hệ sinh thái tự nhiên dưới nước.

- Khuyến khích mở những dạng bảo tồn sinh thái kết hợp du lịch. Nếu có được một đa dạng sinh học và cảnh quan ngay trong nội đô thì sẽ rất hấp dẫn.

- Có thể tạo dựng một mô hình du lịch sinh thái cảnh quan miệt vườn kênh rạch ở khu vực quanh rạch Mương Khai.

4. Định hướng hình thái đô thị

- Kết hợp với phần Tây Nam sông Bình Thủy của quận Bình Thủy để tạo nên vành đai sông nước số 1, trở thành trung tâm của trung tâm Cần Thơ.

- Cần tạo dựng và cải tạo các công trình điểm nhấn, cửa ngõ hấp dẫn, dễ ghi nhớ địa điểm, đặc biệt là các cầu trên sông Cần Thơ, các cầu qua sông Bình Thủy.

- Lập tuyến du lịch kết nối những điểm nhấn hiện hữu và dự kiến trong các quy hoạch đô thị mới như Cồn Khương.

- Mở rộng các tuyến phố đi bộ. Cải tạo tuyến kênh nước thành tuyến đi bộ, đi xe đạp và thuyền du lịch nhỏ, với cảnh quan và dịch vụ hai bên.

- Thiết kế cảnh quan, nâng cấp 4 tuyến chính 30/4, Nguyễn Trãi và Trần Văn Khéo, Lý Tự Trọng, đặc biệt lưu ý điểm nhấn hai đầu đường và cấu trúc mặt đứng dọc tuyến.

- Xác định chiến lược phát triển khối tích đô thị, đặc biệt dọc theo bờ sông Hậu, sông Cần Thơ và dọc các trục đường chính. Khối tích của quận sẽ cao ở phía gần sông Hậu, sông Cần Thơ và thấp dần theo hướng Tây, trong đó khu vực ven sông Hậu sẽ tập trung nhiều nhà cao tầng nhất, xen kẽ các khoảng không gian mở lớn nhìn ra sông tạo cảm giác mạnh mẽ, giàu sang nhưng khoáng hoạt.

5. Định hướng hạ tầng đô thị

- Cấu trúc giao thông chính của Ninh Kiều về cơ bản đã ổn định và không còn đất, nên ngoài những giao thông tĩnh trên địa bàn, về cơ bản không có thay đổi nhiều về phần cứng. Tuy nhiên hiệu quả hệ thống giao thông có thể tăng lên đáng kể nếu có những đề án riêng nghiên cứu về quản lý giao thông đô thị thông minh.

- Đáng lưu ý nhất là hệ thống thủy lợi phòng chống thiên tai, hiện nay đã được quy hoạch để bảo vệ vùng đô thị lõi. Nên nghiên cứu hạ tầng này đủ bảo vệ cả vùng liên quận huyện trung tâm.

- Đặc biệt lưu ý vấn đề quy hoạch môi trường tiếng ồn và ánh sáng.

- Hạ tầng cây xanh đô thị cần có quy hoạch một cách chiến lược, để phát huy hiệu quả cao nhất trong bối cảnh đất ít.

II. Quận Cái Răng

Hình 16. Định hướng phát triển chức năng quận Cái Răng



2	Trung tâm đô thị mới Cái Răng
3	Cụm công nghiệp cảng và đô thị cảng Cái Cui
4	Trung tâm công nghệ cao Cái Răng (Technopolis)
5	Trung tâm thương mại, dịch vụ Cái Răng

1. Định hướng kinh tế đô thị

Quận Cái Răng sẽ phát triển các khu chức năng chính sau:

- Trung tâm đô thị mới Cái Răng: Khu này tạo thành nửa bên kia sông của vùng lõi trung tâm đô thị, với các chức năng mang tính hiện đại: Trung tâm văn hoá nghệ thuật, trung tâm hành chính, trung tâm công nghệ thông tin và trung tâm hội chợ triển lãm, hội chợ, hội nghị, những tiện ích hướng tới giới trẻ.
- Cụm công nghiệp cảng và đô thị cảng Cái Cui tích hợp với ga đường sắt: Logistics cấp vùng, công nghiệp chế biến, chế tạo v.v. Đây là điểm tập trung vận chuyển container của vùng ĐBSCL theo đường thủy và đường hàng hải. Kết hợp với vận tải nhanh bằng đường sắt trong tương lai kết nối với vùng TPHCM.
- Trung tâm công nghệ cao Cái Răng: Vùng đô thị sinh thái kết hợp với công nghệ cao, vườn ươm doanh nghiệp công nghệ cao.
- Trung tâm thương mại dịch vụ Cái Răng- Phong Điền: vùng đô thị thương mại dịch vụ lớn, bao gồm các chức năng: chợ đầu mối, trung tâm vui chơi giải trí, công viên chuyên đề, vườn bách thú, vườn thực vật v.v.
- Tiếp tục phát triển dọc sông Cần Thơ để trở thành đô thị hai bên sông. Ở khu vực ven sông cần giải tỏa một số khu nhà ở ngõ hẻm để tạo ra những ô đất có diện tích lớn để xây nhà cao tầng cũng như khoảng không gian mở hướng ra sông Cần Thơ. Đặc biệt lưu ý phát triển khu vực xóm chài ở cửa sông Cần Thơ thành một trung tâm thương mại dịch vụ, dạng CBD trọng yếu nhất của Cần Thơ sau này.
- Phát triển công nghiệp cảng Cái Cui và đô thị cảng Cái Cui làm động lực phát triển phía Đông quận cũng như toàn quận. Tuy nhiên do có sự chia cắt không gian bởi tuyến cao tốc trong tương lai, khu vực phát triển chính sẽ phải tập trung ở phía nam cao tốc, khu vực Hưng Phú 1 và về phía tây. Diện tích khu vực này ít nên chỉ đủ để làm cảng và Logistics hậu cảng, không có đất để làm công nghiệp.
- Chuyển đổi phần lớn diện tích những khu công nghiệp Hưng Phú 2, nằm phía bắc cao tốc thành đô thị, do không gian này có giá trị quá lớn và liên hoàn với vùng đô thị trung tâm mới của Cái Răng. Phát triển đô thị hiện đại ven sông Hậu ở khu vực Hưng Phú 2.
- Nếu có nhu cầu về phát triển công nghiệp thì nên bố trí ở phía tây, dọc theo tuyến cao tốc, chứ không dàn ra mặt tiền sông Hậu. Tuy nhiên cũng chỉ chấp nhận những loại hình công nghiệp sạch, không ô nhiễm, không tốn đất.
- Di dời hết các hoạt động công nghiệp lạc hậu ở khu vực ven sông Cần Thơ.
- Xác định Cái Răng không còn đất nông nghiệp, chỉ có đất cây xanh cảnh quan sinh thái đô thị.
- Khu vực cồn Ấu làm du lịch cao cấp, sân golf.

2. Định hướng xã hội học đô thị

- Bản sắc văn hoá quan trọng nhất của Cái Răng là chợ nổi Cái Răng. Cần kết hợp thêm nhiều yếu tố du lịch sông nước vào khu vực chợ nổi Cái Răng.

- Phát huy bản sắc văn hoá của những khu vực đô thị phật giáo.
- Cái Răng có rất nhiều xáo trộn về cơ cấu sử dụng đất so với hiện trạng, với diện tích đô thị mới rất lớn và việc chuyển đổi công năng những khu vực miệt vườn phía tây, vì thế một bài toán quan trọng là phải dồn dân cư vào những khu đô thị cho đạt mật độ hiệu quả về kinh tế và giải phóng mặt bằng cho phát triển ở ngoại ô. Cần tái cấu trúc lao động và công ăn việc làm cho người dân ở khu vực đền bù giải toả làm dự án mới. Đảm bảo hệ thống hạ tầng xã hội cho các khu dân cư mới.
- Cần có nghiên cứu kỹ về những cấu trúc không gian hiệu quả về xã hội học đô thị, đặc biệt là các không gian công cộng. Hiện nay quy hoạch phân khu đô thị mới cho Cái Răng chưa thể hiện được những chất lượng không gian xã hội học đô thị.

3. Định hướng sinh thái - cảnh quan

- Phục hồi hệ thực vật ven sông rạch quận Cái Răng, khắc phục ô nhiễm môi trường. Khắc phục một số điểm ngập lụt trong quận, ví dụ nút giao thông IC3 Cầu Cần Thơ ở phường Hưng Phú.
- Quỹ đất ở quận Cái Răng chịu áp lực ít hơn so với quận Ninh Kiều. Quận Cái Răng có thể dành ra một số diện tích để thành lập một số khu bảo tồn cảnh quan thiên nhiên ngay trong lòng đô thị, ví dụ như ở các phường Hưng Thạnh, có diện tích quỹ đất đất có thể làm được một số khu công viên - bảo tồn cảnh quan nhỏ ở ngay giữa lòng đô thị. Các khu này sẽ có giá trị rất lớn về nhiều mặt, nhất là về du lịch.

4. Định hướng hình thái đô thị

- Xác định hình thái đô thị hiện đại, với những điểm nhấn cao tầng dọc theo mặt tiền sông hậu.
- Dọc sông Cần Thơ còn dư địa để phát triển trung tâm dịch vụ, thương mại, nhà ở, cùng với Ninh Kiều tạo thành đô thị bên bờ sông Cần Thơ. Cùng với đó là bổ sung thêm cầu kết nối hai quận tạo thành đô thị hai bên sông. Cầu qua sông Cần thơ và những điểm nhấn đô thị dọc sông Cần Thơ là những yếu tố điểm hình thái đô thị quan trọng.
- Tạo dựng các điểm nhấn hấp dẫn, cửa ngõ dễ ghi nhớ trên QL1A và QL91C. Lựa chọn hình thức kiến trúc hấp dẫn cho các tòa nhà cao tầng ở các khu dân cư cũng như các cây cầu để tạo điểm nhấn đặc sắc.
- Những tuyến hình thái trọng điểm bao gồm các tuyến ven sông và kênh rạch và những tuyến đô thị chính vuông góc ra sông Hậu và sông Cần Thơ.

5. Định hướng hạ tầng đô thị

Cái Răng là đô thị mới, nên những định hướng về hạ tầng là rất quan trọng.

Về giao thông, cần xác định là không phải tổng diện tích đất giao thông, cũng không phải những tuyến chính tạo nên chất lượng giao thông. Càng tập trung vào một số ít tuyến chính càng có nhiều nguy cơ ách tắc giao thông, đồng thời tăng nguy cơ tai nạn giao thông và phá huỷ cấu trúc đô thị. Quan trọng hơn là sự đồng bộ của các cấp giao thông. Đường chính chỉ nên khoảng cách khoảng 2km một đường, đường cấp 2

chia khoảng từ 150- 250m, đường cấp 3 ngược lại nhỏ, hẻm cụt càng tốt và không cần vỉa hè, hạn chế tốc độ.

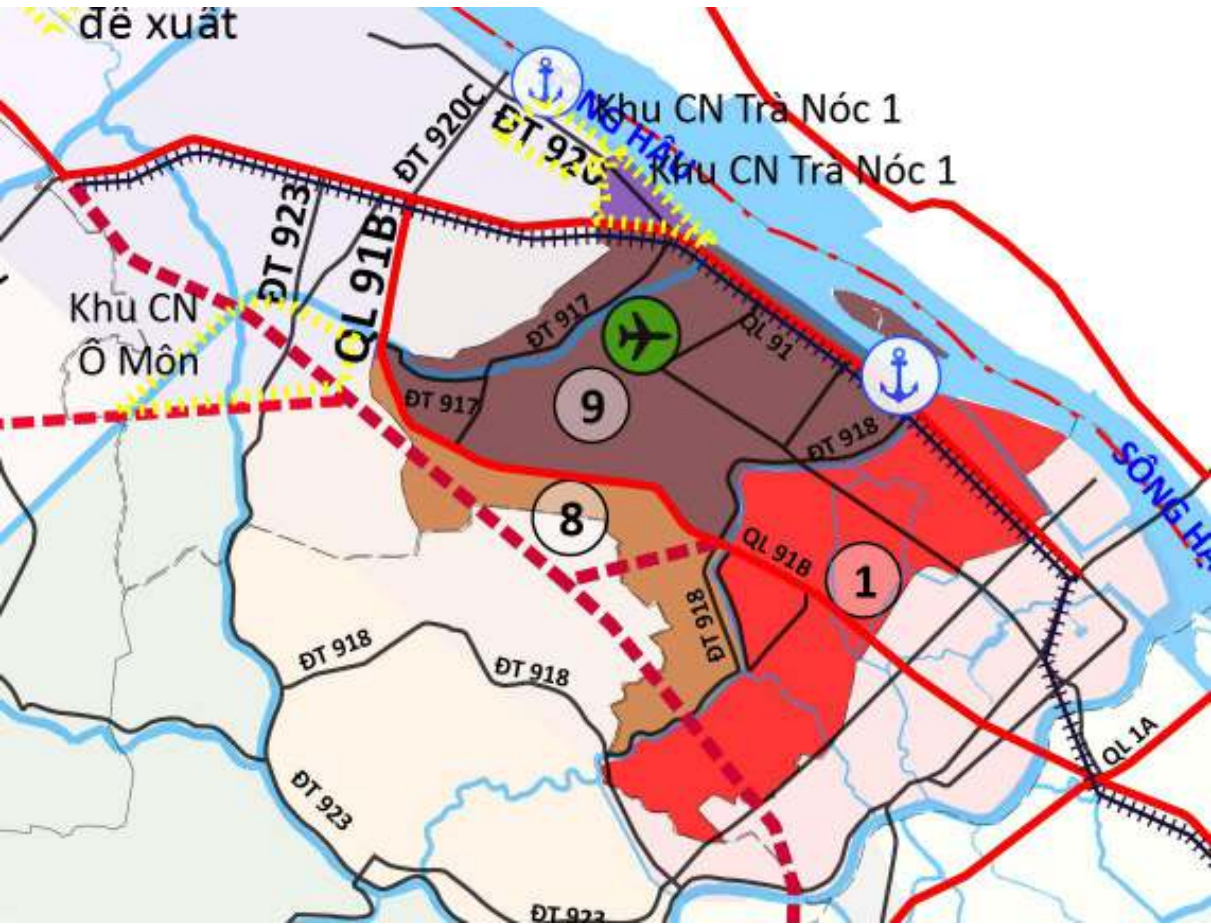
Cần có một đường xuống cao tốc trong địa phận Cái Răng, nếu không thì sẽ rất hạn chế cho việc phát huy tác dụng của cảng Cái Cui, nhất là đối với việc gom hàng từ phía bắc sông Hậu.

Đối với giao thông đường sắt, cần tách riêng ga hàng hoá ở phía nam đường cao tốc, tạo thành một hub vận tải và logistics với cảng Cái Cui, nhưng ga chính hành khách phải nằm trong vùng trung tâm Cái Răng phía bắc cao tốc thì xung quanh ga mới trở thành một đô thị sầm uất, hấp dẫn được.

Vấn đề san nền và chống ngập lụt cũng là vấn đề lớn cần được tính đến. Khả năng là vùng lõi của Cái Răng cũng phải được bảo vệ mở rộng như khu vực Ninh Kiều trong giai đoạn sau 2025. Tuy nhiên, khu vực đô thị công nghệ cao phía tây nên để mở, phát triển phù hợp với địa hình, không cần bao đê.

III. Quận Bình Thủy

Hình 17. Định hướng phát triển chức năng quận Bình Thủy



1	Trung tâm đô thị lịch sử Ninh Kiều
8	Trung tâm đầu mối công nghệ nông nghiệp
9	Trung tâm đô thị sân bay quốc tế Cần Thơ

1. Định hướng kinh tế đô thị

Quận Bình Thủy sẽ phát triển các khu chức năng:

- Khu vực trung tâm lõi đô thị đa năng Ninh Kiều mở rộng: chức năng như quận Ninh Kiều, mở rộng dọc theo bờ phía Nam sông Bình Thủy, lấy mặt tiền mới là sông Bình Thủy.

- Trung tâm đô thị Sân bay quốc tế Cần Thơ : Phát triển đô thị mới quanh tổ hợp sân bay và cảng Trà Nóc, kết nối ra bờ sông Hậu tới tận sông Ô Môn. Các công năng chính liên quan tới logistics sân bay, cảng, văn phòng, khu ở cao cấp, dịch vụ đào tạo hàng không v.v.

- Trung tâm đầu mối công nghệ nông nghiệp - Bình Thủy: Nằm giữa vùng các quận Ninh Kiều - Bình Thủy - Phong Điền, kết nối giữa một vùng nguyên liệu và sản xuất nông nghiệp đa dạng, từ rau màu, cây trái, thủy sản, lúa, với các trung tâm đô thị, giáo dục đào tạo, kết nối nhanh ra sân bay và các cảng.

- Trung tâm quân đội. Bình Thủy có những khu quân đội lớn. Trong tương lai xa sau 2030 nên xem xét di dời các khu quân sự hiện hữu quận Bình Thủy về phía Tây, để có thể phát triển được không gian đô thị có liên kết, hấp dẫn. Khu quân sự mới có thể trở thành một đô thị quân đội có bản sắc riêng.

- Di dời các khu công nghiệp ven sông Hậu thuộc Bình Thủy phía nam sông Trà Nóc để làm đô thị. Định hướng chuyển đổi cảng Hoàng Diệu thành cảng du lịch. Vận tải tổng hợp đường thủy khu vực phía nam thành phố sẽ tập trung vào một vùng cảng Cái Cui.

- Để phát huy tiềm năng của khu vực hiện hữu, cần tái cấu trúc trục QL 91 và dải ven sông, hoàn thiện trục trung tâm Đặng Văn Dầy, đặc biệt đầu phía sông Hậu.

- Khu vực phía Nam của quận Bình Thủy sẽ kết hợp với quận Ninh Kiều, huyện Phong Điền để tạo nên trung tâm đầu mối công nghệ nông nghiệp, đô thị đại học.

- Định hướng phát triển những khu vực chức năng dịch vụ cấp vùng trong khu vực đô thị sân bay. Đất ở chỉ nên giới hạn ở mức độ tối thiểu.

- Cồn Khương thuộc địa phận Bình Thủy cũng xác định là lõi trung tâm đô thị, mật độ sử dụng cao nhất.

- Xác định quận Bình Thủy về cơ bản không còn đất nông nghiệp, chỉ có đất cảnh quan cây xanh, sinh thái đô thị.

2. Định hướng xã hội học đô thị

- Nâng cấp cải tạo khu dân cư tự phát hiện hữu với đầy đủ hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật của một quận trung tâm, đặc biệt là khu vực sát Ninh Kiều, các phường An Thới và Bùi Hữu Nghĩa.

- Tạo khu vực trung tâm văn hoá xã hội, tối ưu là ở khu vực dải ven sông Hậu.

3. Định hướng sinh thái - cảnh quan

- Phục hồi thực vật tự nhiên ven sông Bình Thủy, rạch Cam, và các kênh rạch

để tăng khả năng tự làm sạch của sông ngòi, tăng giá trị cảnh quan.

- Giảm thiểu tác động ô nhiễm tiếng ồn từ giao thông, sân bay, cảng. Đảm bảo khoảng cách khu dân cư đến cảng hàng không, tăng cường các vùng cây xanh cách ly tiếng ồn.

- Giải quyết ô nhiễm sông rạch, đặc biệt tại rạch Sao, tổ 5 phường Trà Nóc. Bảo vệ cảnh quan tự nhiên Cồn Sơn.

- Phát triển du lịch sinh thái xem đom đóm tại Cồn Sơn, trong lòng đô thị.

4. Định hướng hình thái đô thị

- Khu vực hữu ngạn sông Bình Thủy chuyển hướng kết nối với quận Ninh Kiều để hình thành một tứ giác nước trung tâm. Định hướng hình thái chính của đô thị nằm ở ven các tuyến nước.

- Điều chỉnh sử dụng đất, thiết kế cảnh quan dải đất chạy dọc QL 91 và sông Hậu, đoạn từ sông Trà Nóc đến sông Bình Thủy để trở thành một đường biên nước hấp dẫn.

- Ngoài du lịch sinh thái, Cồn Sơn còn có tiềm năng phát triển thành khu vực văn hóa nghệ thuật. Có thể tạo ra triển lãm nghệ thuật quốc tế liên quan đến yếu tố nước, sinh thái, môi trường.

- Cần có một hình thái độc đáo cho đô thị sân bay hiện đại, để thực sự trở thành một trung tâm hấp dẫn cấp vùng, nhìn thấy từ trên cao. Cấu trúc chia ô cò hiện nay của Bình Thủy trong quy hoạch đô thị mới còn quá nhợt nhạt, chưa đủ cá tính hấp dẫn.

5. Định hướng hạ tầng đô thị

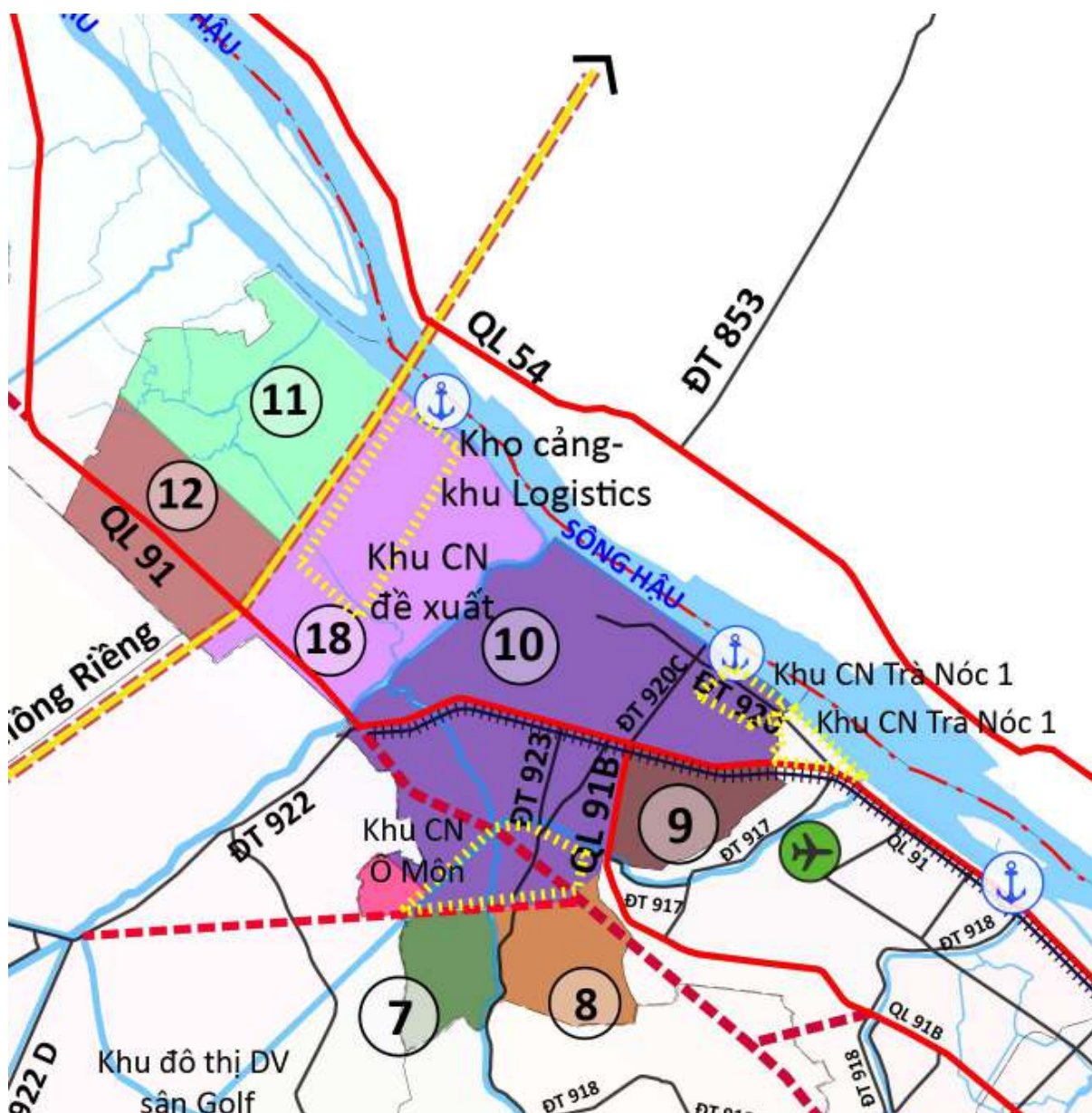
Tương tự như đối với đô thị mới Cái Răng, đô thị mới Bình Thủy cần quan tâm đặc biệt đến cấu trúc hạ tầng giao thông, trong đó chú trọng yếu tố thông minh để giảm tỷ lệ diện tích giao thông.

Giải pháp mở rộng sân bay và các kết nối đến sân bay là một vấn đề trọng tâm cần giải quyết, không thể quyết định cụ thể trong quy hoạch này.

Hạ tầng logistics sân bay cũng là nội dung quan trọng cần được làm rõ trong quy hoạch chung xây dựng và quy hoạch phân khu và phải được quy hoạch đồng bộ với việc quản lý dự án, có sự tham gia của doanh nghiệp.

IV. Quận Ô Môn

Hình 18. Định hướng phát triển chức năng quận Ô Môn



7	Trung tâm chăm sóc sức khỏe và nghỉ dưỡng miệt vườn, du lịch sinh thái đặc thù nông thôn Miền Tây
8	Trung tâm đầu mối công nghệ nông nghiệp
9	Trung tâm đô thị sân bay quốc tế Cần Thơ
10	Khu công nghiệp năng lượng, logistic cảng
11	Đô thị sinh thái, du lịch ven Sông Hậu
12	Trục đô thị hiện đại, nằm dọc theo lối giao thông đa phương tiện
18	Đô thị công nghiệp cảng, logistics Ô Môn

1. Định hướng kinh tế đô thị

Quận Ô Môn sẽ phát triển các chức năng chính sau:

- Trung tâm năng lượng cấp vùng, bao gồm các nhà máy nhiệt điện, khí hoá lỏng, kho xăng dầu, cảng nhiên liệu.
- Khu vực công nghiệp chế biến chế tạo thuộc vùng đô thị sân bay Cần Thơ.

- Trung tâm đô thị Sân bay quốc tế Cần Thơ;
- Trung tâm hợp tác và chế biến nông sản cấp vùng theo cơ chế đặc thù.
- Trục đô thị hiện đại, nằm dọc theo lối giao thông đa phương tiện: Nằm ở phía Tây Nam của quận. Tuyến đô thị này được bố trí dọc theo một trục giao thông đa phương tiện, hiện đại, với đặc biệt chú trọng giao thông công cộng. Các ga giao thông công cộng sẽ tạo nên các điểm dân cư, không gian công cộng, gần giống với mô hình TOD.
- Đô thị sinh thái, du lịch ven sông Hậu: Nằm ở phía Đông Bắc của quận. Công năng chủ yếu là bất động sản du lịch và đô thị du lịch, phát huy tối đa cấu trúc nước của các rạch sông tự nhiên và mặt tiền chính là bờ sông Hậu.
- Văn phòng, logistic phục vụ cảng sông, cảng hàng không cho sân bay Trà Nóc, phát triển ở khu vực giáp quận Bình Thủy.
- Mở thêm cảng chuyên dụng cho khối trung tâm năng lượng riêng.
- Di dời hết những dự án công nghiệp nhỏ lẻ dọc mặt tiền sông Hậu và sông Ô Môn.
- Quận Ô Môn cũng xác định về cơ bản không còn đất nông nghiệp mà chỉ có đất cảnh quan cây xanh đô thị. Chuyển hết những đất cây lâu năm sang vùng đô thị du lịch để thuận tiện cho nhu cầu phát triển sau này.

2. Định hướng xã hội học đô thị

- Trên địa bàn quận có các dân tộc Việt, Hoa, Khmer sinh sống với những nét văn hóa truyền thống đặc thù. Cần bảo tồn bản sắc của các dân tộc, đồng thời tạo điều kiện phát triển kinh tế dựa trên yếu tố văn hóa.
- Gây dựng những bản sắc văn hoá đô thị mới, đặc biệt là những khu vực đô thị du lịch chất lượng cao ven sông Hậu.

3. Định hướng sinh thái - cảnh quan

- Phục hồi hệ thực vật ven sông rạch quận Ô Môn. Khắc phục 20 tuyến đường bị ngập sâu 0,3-0,6m vào những đợt nước rong. Giải quyết những khu vực bị sạt lở.
- Mở rộng phạm vi vùng xanh ven các kênh rạch tự nhiên, dành chỗ cho nước, phát huy nguyên tắc cân bằng đào đắp trong quá trình phát triển xây dựng.

4. Định hướng hình thái đô thị

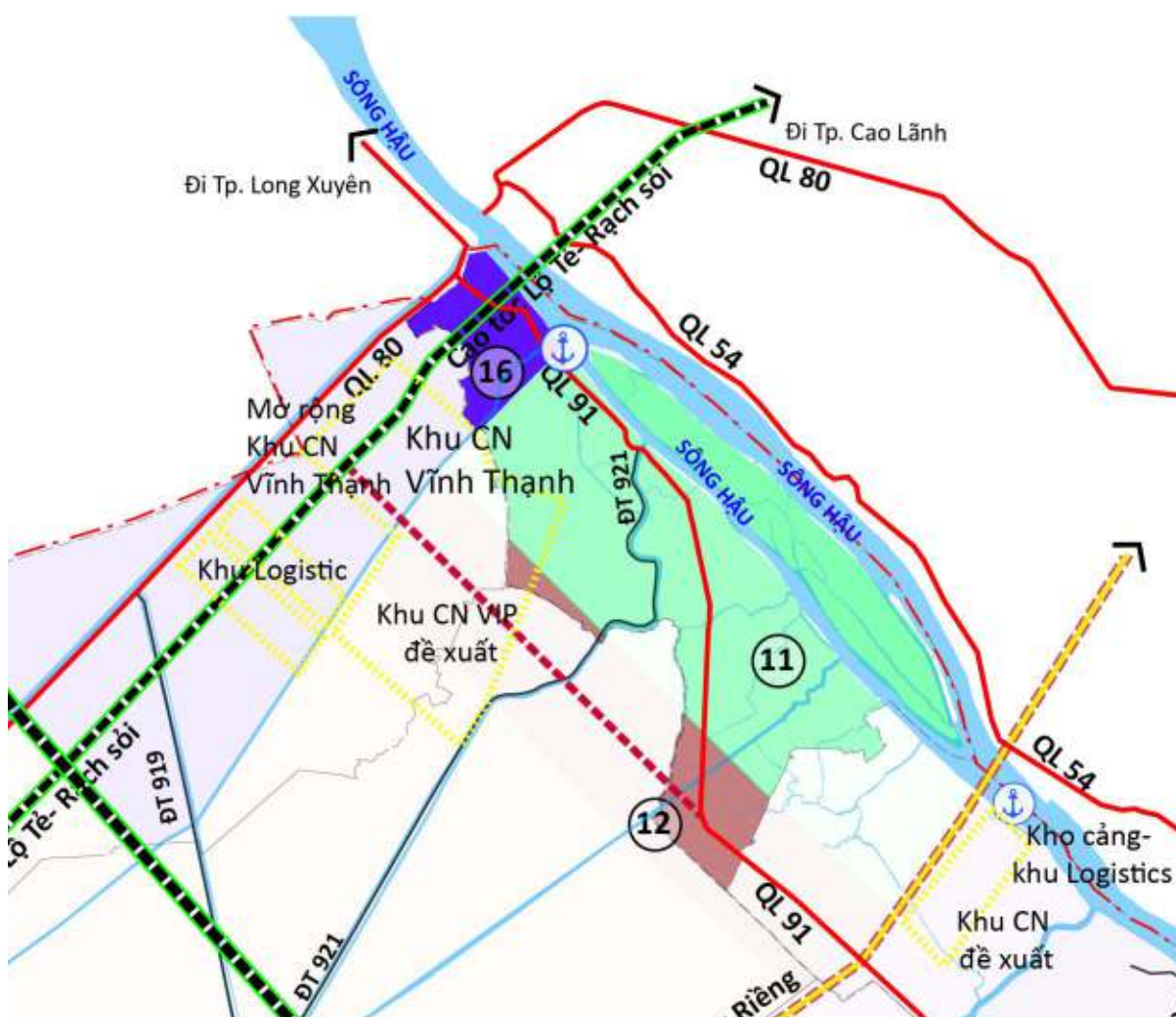
- Cải tạo và xây mới các công trình điểm nhấn, tuyến không gian dễ nhận biết.
- Hoàn chỉnh các chức năng ở khu đô thị mới với khoảng cách phù hợp với khu công nghiệp để tiện cho công nhân đi làm.
- Phát huy hình ảnh silhouette trên bờ sông Hậu.
- Tạo hình ảnh đặc thù cho hệ thống đô thị hai bên sông Ô Môn, thành bản sắc cảnh quan riêng của quận Ô Môn.
- Tạo cấu trúc hình thái khác biệt, hiện đại dọc theo tuyến đa phương tiện vành đai phía Tây, thực sự xứng tầm là một trục xương sống kết nối đô thị hiện đại.

5. Định hướng hạ tầng kỹ thuật:

- Di dời bãi rác, cải tạo mặt bằng cho dự án khác.
- Mở đường 920 mới, cách bờ sông Hậu từ 1-1,5km, kết nối các khu vực phát triển du lịch ven sông Hậu.
- Duy tu tuyến 920 hiện hữu ven sông Hậu thành đường du lịch, xe đạp, xe điện, đi bộ.
- Định hướng tuyến vành đai phía Tây, cách QL 91 hiện hữu khoảng 2km về phía sông Hậu.
- Cảng chuyển dụng cho khí hoá lỏng và nhiên liệu

V. Quận Thốt Nốt

Hình 19. Định hướng phát triển chức năng quận Thốt Nốt



11	Đô thị sinh thái, du lịch ven Sông Hậu
12	Trục đô thị hiện đại, nằm dọc theo lối giao thông đa phương tiện

1. Định hướng kinh tế đô thị

Quận Thốt Nốt sẽ phát triển các khu chức năng chính:

Phát triển chủ yếu là đô thị sinh thái, du lịch ven sông Hậu, và một phần nhỏ nằm trong trục đô thị hiện đại. Quận cần phát triển hạ tầng du lịch và tạo dựng sản phẩm du lịch độc đáo, không trùng lặp với các tỉnh lân cận. Nên kết hợp du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng với các hoạt động văn hóa nghệ thuật như lễ hội, biểu diễn nghệ thuật.

Cù lao Tân Lộc sẽ là trung tâm du lịch sinh thái không chỉ của Cần Thơ mà còn các tỉnh lân cận trong các tuyến du lịch sông nước lưu vực sông Hậu.

- Phát triển khu vực thị trấn Thốt Nốt cũ trở thành một trung tâm đô thị tổng hợp, là điểm trung gian giữa thành phố Long Xuyên với các trung tâm đô thị phía Đông Nam thành phố Cần Thơ, cung cấp dịch vụ tổng hợp cho khu vực công nghiệp Vĩnh Thạnh.

- Thốt Nốt là khu vực cửa ngõ phía Tây Bắc của thành phố Cần Thơ.

- Thốt Nốt phát triển sẽ tạo hai cực kinh tế hai đầu Tây Bắc - Đông Nam của Cần Thơ, tạo động lực phát triển cho các khu vực ở giữa.

- Khu vực giữa thị trấn Thốt Nốt và kênh Cái Sắn là cửa ngõ ra sông của vùng Công nghiệp Vĩnh Thạnh. Xác định toàn bộ đây là vùng Logistics, nâng cấp đáng kể tân cảng Thốt Nốt thành cảng vận tải hàng hoá quốc tế.

- Khu đô thị mới Sao Mai hiện nay được quy hoạch ở khu vực này, cần phải chuyển đổi thành khu công nghiệp và hậu cần sau cảng.

2. Định hướng xã hội học đô thị

- Tăng cường nhân lực được đào tạo về du lịch. Có chính sách hỗ trợ người dân trong quận khởi nghiệp về du lịch để họ khai thác chính những lợi thế của quận, không tìm việc ở các đô thị lớn hơn lân cận, dẫn đến thất thoát nhân lực.

- Nâng cấp cải tạo khu dân cư tự phát hiện hữu thuộc thị trấn Thốt Nốt cũ và chân cầu Vàm Cống với đầy đủ hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật, tạo thành một trung tâm đô thị mới có quy mô lớn hơn.

- Cải cấu trúc các khu dân cư hiện hữu ven sông Hậu, để có thể phát triển đô thị dịch vụ, sinh thái cao cấp ven sông.

3. Định hướng sinh thái- cảnh quan

- Phục hồi thực vật ven sông. Trồng và phục hồi tự nhiên thực vật ven sông Hậu qua Thốt Nốt, sông Thốt Nốt, và các kênh rạch nhánh để phục hồi sinh thái sông ngòi, phục hồi thủy sản tự nhiên.

- Khắc phục tình trạng sạt lở bờ sông và ngập úng ở 34 tuyến đường cạnh sông Hậu do ảnh hưởng của thủy triều và nước lũ sông Mekong.

4. Định hướng hình thái đô thị

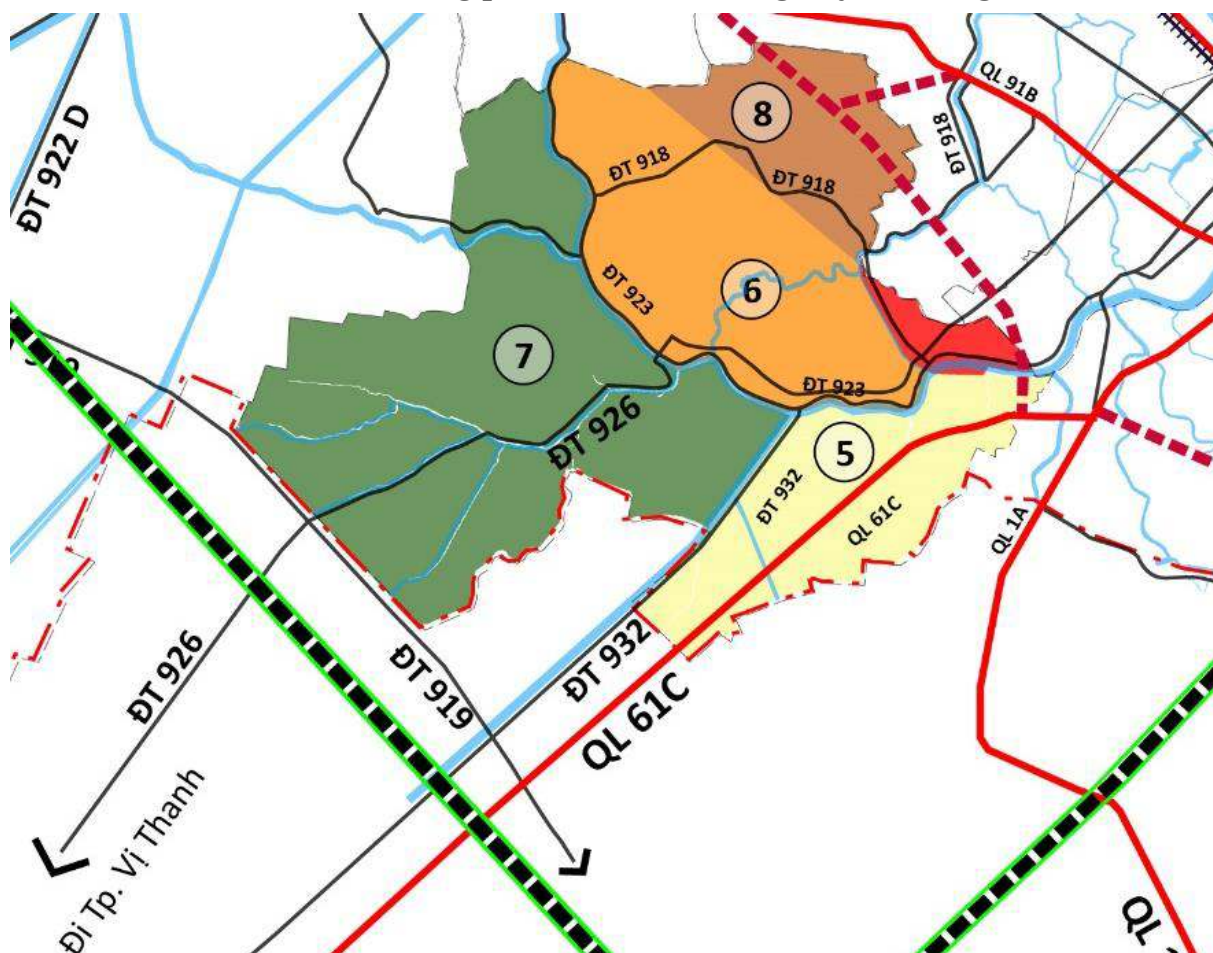
- Thế mạnh hình thái của quận Thốt Nốt liên quan đến du lịch miệt vườn, sông nước. Do đó cần nhấn mạnh cù lao Tân Lộc, tạo sản phẩm du lịch hấp dẫn.
- Tạo dựng những cụm dân cư, đơn vị ở phát triển theo định hướng giao thông công cộng dọc quốc lộ 91 và ven sông Hậu.
- Xác định hệ thống các khu vực đặt điểm nhấn đô thị quan trọng và tính chất các loại điểm nhấn đó. Đề xuất một đài ngắm cảnh hấp dẫn ở cù lao Tân Lộc.

5. Định hướng hạ tầng

- Tuyến 920 mới kết nối với Ô Môn.
- Lấy lại khu 20ha của bộ Nông Nghiệp để mở rộng khu vực tân cảng Thốt Nốt.
- Phát triển tân cảng Thốt nốt và vùng logistics xung quanh để thành cảng hàng hoá hoặc cảng du lịch.
- Mở cầu kết nối cù lao Tân Lập với đất liền.

VI. Huyện Phong Điền

Hình 20. Định hướng phát triển chức năng huyện Phong Điền



5	Trung tâm thương mại, dịch vụ Cái Răng
6	Đô thị đại học, y tế

7	Trung tâm chăm sóc sức khỏe và nghỉ dưỡng miệt vườn, du lịch sinh thái đặc thù nông thôn Miền Tây
8	Trung tâm đầu mối công nghệ nông nghiệp

1. Định hướng kinh tế đô thị

Huyện Phong Điền sẽ phát triển các khu chức năng chính:

Đô thị đại học: Tạo ra một vùng đô thị đại học sinh thái, môi trường đại học trong rừng, trong vườn mà hiện nay nhiều nước đang áp dụng.

Trung tâm chăm sóc sức khỏe: Là một vùng đô thị kết hợp các loại dịch vụ cấp vùng và quốc gia về y tế, điều dưỡng, thể dục thể thao.

Khu miệt vườn, du lịch sinh thái đặc thù nông thôn miền Tây: Kết hợp những dịch vụ du lịch với du lịch cộng đồng, du lịch resort cao cấp và bất động sản xanh. Tận dụng những cấu trúc cảnh quan và nông nghiệp hiện hữu để phát triển du lịch sinh thái.

Khu vực Long Tuyền xác định là một lõi xanh mang tính tâm linh, xác định giá trị lịch sử cội nguồn và tâm linh của toàn thành phố.

Điểm mấu chốt nhất là phải thay đổi cơ bản cấu trúc sử dụng đất hiện nay đang được đề xuất trong quy hoạch sử dụng đất 2030. Quy hoạch xây dựng phải đưa ra định hướng chứ không phải là quy hoạch sử dụng đất. Không thể áp đặt sử dụng đất xây dựng, đất ở chỉ bám dọc theo kênh, vì sẽ làm hỏng hết cảnh quan và không có khả năng cung cấp hạ tầng.

Nên coi toàn bộ khu vực Phong điền là đô thị du lịch sinh thái. Chỉ chốt mật độ xây dựng tối đa chứ không nên quy định cứng công năng từng miếng đất. Không để loại đất nông nghiệp ở đây, mặc dù vẫn tiếp tục trồng vườn cây trái.

2. Định hướng xã hội học đô thị

- Phát huy tối đa điều kiện tự nhiên văn hóa đặc thù liên quan đến sông nước để nhấn mạnh bản sắc đô thị sông nước, đặc biệt là chợ nổi Phong Điền.

3. Định hướng sinh thái - cảnh quan

- Cần cải thiện chất lượng nước của sông Cần Thơ và hệ thống kênh rạch của huyện Phong Điền đang bị ô nhiễm. Ngập lụt và sạt lở cũng là những vấn đề cần giải quyết.

- Cải thiện hệ thống cây, cảnh quan ven kênh, ven đường từ dưới lên, với những hoạt động cộng đồng kiểu phong trào nông thôn mới, tạo ra một không gian xanh, sạch, đẹp, chuẩn bị cho phát triển du lịch.

4. Định hướng hình thái đô thị

- Cải tạo, phát huy các thể mạnh hình thái về điểm - tuyến - diện - khối của thị trấn Phong Điền. Mở rộng thị trấn về phía Nam cùng với dự án cầu Tây Đô mới. Các công trình hướng tới kiến trúc sinh thái, bền vững.

- Dành chỗ cho nước, mở cửa cho không gian xanh có thể lan tỏa rộng từ kênh nước vào bên trong.

- Đặc biệt lưu ý thiết kế bảo vệ và phát huy cảnh quan sinh thái khu vực Long Xuyên trở thành một trái tim xanh, trung tâm tâm linh của toàn bộ thành phố, với ý nghĩa cội nguồn về lịch sử.

5. Định hướng hạ tầng

Cho phép thay đổi cấu trúc đô bao từng lô, để có thể mở rộng cấu trúc mặt nước của từng dự án. Không bảo vệ toàn vùng, xác định linh động sống chung với nước, thiết kế đô thị phù hợp với điều kiện nước.

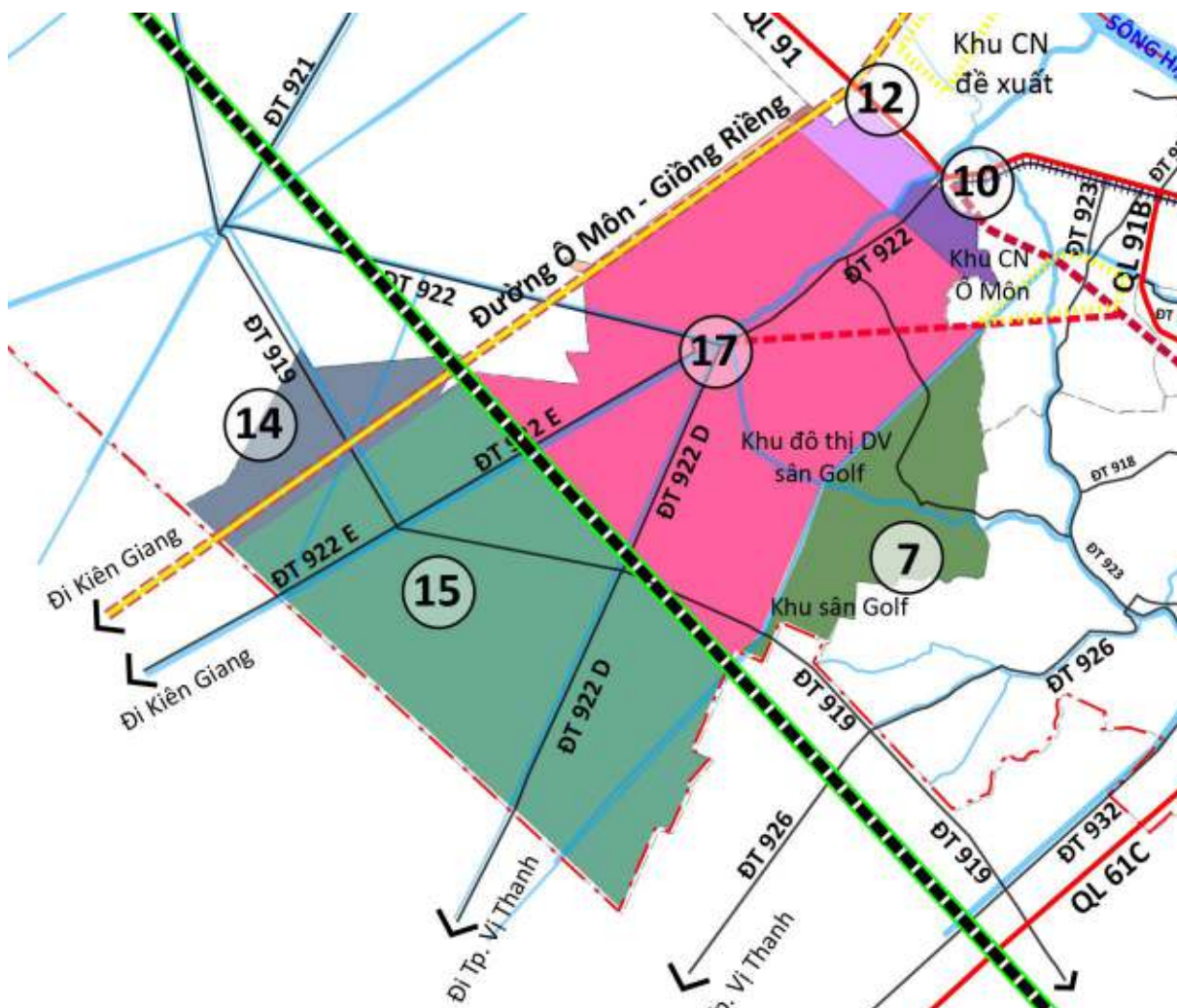
Không phát triển hạ tầng giao thông cấp kênh rạch, chỉ coi đây là giao thông phụ, phục vụ du lịch.

Nâng cấp quốc lộ 61C kết nối với Hậu Giang.

Tạo những tuyến giao thông chiến lược kết nối từ đại lộ vòng cung vào phía trong và ra phía ngoài.

VII. Huyện Thới Lai

Hình 21: Định hướng phát triển chức năng huyện Thới Lai



7	Trung tâm chăm sóc sức khỏe và nghỉ dưỡng miệt vườn, du lịch sinh thái đặc thù nông thôn Miền Tây
10	Khu công nghiệp năng lượng, logistic cảng
12	Trục đô thị hiện đại, nằm dọc theo lõi giao thông đa phương tiện

13	Đô thị cảnh quan nông nghiệp
14	Đô thị sinh thái sông nước Cờ Đỏ
16	Đô thị sinh thái kết hợp vui chơi giải trí, sân golf
17	Đô thị du lịch sinh thái, sân Golf

1. Định hướng kinh tế đô thị

Huyện Thới Lai sẽ phát triển các khu chức năng chính:

- Trung tâm nghiên cứu và chuyển giao công nghệ về lúa.
- Khu vực sản xuất năng lượng mặt trời đan xen với nông nghiệp: Khu vực phía Tây huyện sản xuất năng lượng mặt trời.
- Trung tâm công nghệ môi trường, mở rộng khu vực bãi rác hiện hữu thành một trung tâm xử lý rác thải kết hợp với công nghiệp môi trường, từ mô hình đốt rác lấy điện đến compost, làm các loại phân bón chuyên dụng cho các loại cây cảnh, cây trồng. Mô hình xử lý nước thải.
- Thị trấn Thới Lai trở thành một đô thị du lịch sinh thái, nơi hội tụ của 6 kênh nước, điểm nhấn cuối trong tuyến đô thị ven sông Ô Môn.
- Phát triển một khu công viên nghỉ ngơi lớn, tại vị trí đẹp, phong thủy tốt, trở thành vùng tâm linh của toàn thành phố.
- Riêng huyện Thới Lai có thể chốt những vùng mô hình chuyên canh lúa lâu dài, đảm bảo mức 10% đất lúa tới 2050.
- Dự kiến phát triển Đô thị du lịch sinh thái sân golf tại khu vực phía nam Thới Lai. Ở đây có vị trí khá gần với Trung tâm TP. Cần Thơ và nằm trên tuyến đường dự kiến Định Môn - Trường Xuân A. Việc phát triển một quần thể sân golf lớn ở khu vực này có thể tạo ra một điểm đến mới về du lịch cho Cần Thơ

2. Định hướng xã hội học đô thị

Đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, làm cơ sở để chuyển đổi, phát triển các định hướng kinh tế.

3. Định hướng sinh thái- cảnh quan

- Thới Lai tuy không chịu ảnh hưởng nhiều bởi các yếu tố bất lợi của môi trường như ngập, sạt lở, tiếng ồn, nhưng vẫn cần cải thiện môi trường nước, yếu tố cốt lõi cảnh quan - bản sắc của thành phố Cần Thơ.
- Tạo dựng vành đai sinh thái xung quanh thị trấn Thới Lai,

4. Định hướng hình thái đô thị

Nâng cấp và hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật thị trấn Thới Lai theo hướng là trung tâm của một đô thị sinh thái cảnh quan nước. Cải tạo, phát huy các thế mạnh hình thái về điểm - tuyến - diện - khối của thị trấn. Nhấn mạnh vào bản sắc đô thị hai bên sông Ô môn, từ sông Hậu tới Thới Lai.

5. Định hướng hạ tầng:

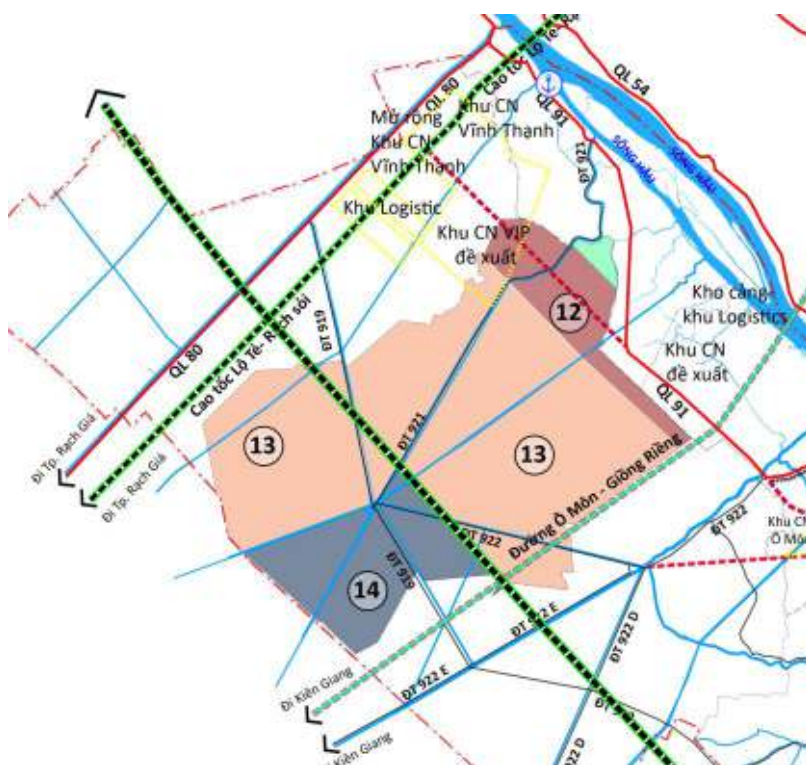
- Xem xét lại việc nâng cấp đường tỉnh 922E đi Ròng Giềng như hiện nay đang đề xuất, vì trong quy hoạch vùng, kết nối chính sẽ là tuyến Ô Môn - Ròng Giềng. Không

thể tạo quá nhiều đường cắt lớn qua cao tốc nam sông Hậu.

- Quan điểm là không mở rộng các tuyến tỉnh lộ hiện hữu ven kênh. Nếu cần thì mở đường mới để phát triển hai bên. Trước mắt không có nhu cầu mở thêm các kết nối dọc.
- Trong tương lai, xác định kết nối giao thông từ thị trấn Thới Lai sang tuyến Ô môn - Rừng Giềng quy hoạch.
- Mở rộng khu vực bãi rác thành trung tâm công nghệ xử lý môi trường, có thể nghiên cứu kết hợp xử lý nước thải.
- Xác định khu vực công viên nghỉ ngơi, tốt nhất nên ở phía đông của cao tốc để tiện kết nối. Nếu làm phía tây thì cần xác định kết nối thật thuận tiện.

VIII. Huyện Cờ Đỏ

Hình 22. Định hướng phát triển chức năng huyện Cờ Đỏ



12	Trục đô thị hiện đại, nằm dọc theo lối giao thông đa phương tiện
13	Đô thị cảnh quan nông nghiệp
14	Đô thị sinh thái sông nước

1. Định hướng kinh tế đô thị

Huyện Cờ Đỏ sẽ phát triển các khu chức năng chính:

- Nhấn mạnh vào thị trấn Cờ đỏ để trở thành một điểm đến du lịch sinh thái cấp vùng chứ không chỉ là một trung tâm hành chính huyện. Có thể nâng cấp toàn bộ huyện thành một thị xã.

- Khu vực cảnh quan nông nghiệp: Phát triển mô hình trang trại vườn ao chuồng đan xen du lịch sinh thái nông trại ở khu vực nông trường Cờ Đỏ, nông trường sông Hậu. Dùng cấu trúc phân lô ruộng hiện hữu, đa dạng hoá sản phẩm nông nghiệp trong từng lô, đan xen công trình. Khu vực phía bắc nông trường sông Hậu trước mắt có thể để diện tích lúa, nhưng trong tương lai nên chuyển về cùng một cấu trúc như nông trường sông Hậu, để tập trung thương hiệu trung tâm lúa về Thới Lai.

- Trục đô thị hiện đại, nằm dọc theo lối giao thông đa phương tiện.

- Đô thị sinh thái rừng ngập nước Cờ Đỏ: Nghiên cứu tạo ra một khu vực ngập nước có chủ ý và kiểm soát được để phát triển đa dạng sinh học, cũng như cảnh quan độc nhất vô nhị cho khu vực Cờ Đỏ, trở thành một đô thị vùng rừng ngập nước, nằm ở phía nam của thị trấn Cờ Đỏ, phía tây Cao tốc.

2. Định hướng xã hội học đô thị

- Đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, làm cơ sở để chuyển đổi, phát triển các định hướng kinh tế.

- Thay đổi cấu trúc định cư hiện hữu, tạo những mô hình định cư nông thôn mới, có khả năng phát triển đô thị hoá trong lòng nông thôn.

3. Định hướng sinh thái - cảnh quan

- Giao thông thủy từng là thế mạnh của Thị trấn Cờ Đỏ. Các tuyến sông chảy qua thị trấn Cờ Đỏ nối các tỉnh Kiên Giang, Hậu Giang, và các quận, huyện của Cần Thơ. Tuy nhiên, nhiều tuyến sông này hiện nay đã trở nên ô nhiễm và bị lấn chiếm nghiêm trọng. Cần trả lại những con sông, kênh không bị ô nhiễm cho Cờ Đỏ.

- Phát triển vùng rừng ngập nước từ nông trường Cờ đỏ về phía nam.

4. Định hướng hình thái đô thị

- Phát huy bản sắc sông nước của thị trấn Cờ Đỏ với những điểm - tuyến - diện mang đặc tính nước. Cần có công trình điểm nhấn ở khu vực giao các kênh ở thị trấn Cờ Đỏ làm công trình dẫn hướng thị giác.

5. Định hướng hạ tầng:

- Đặc biệt nhấn mạnh yếu tố giao thông thủy nội địa trở thành bản sắc, không bỏ sung nhiều giao thông bộ.

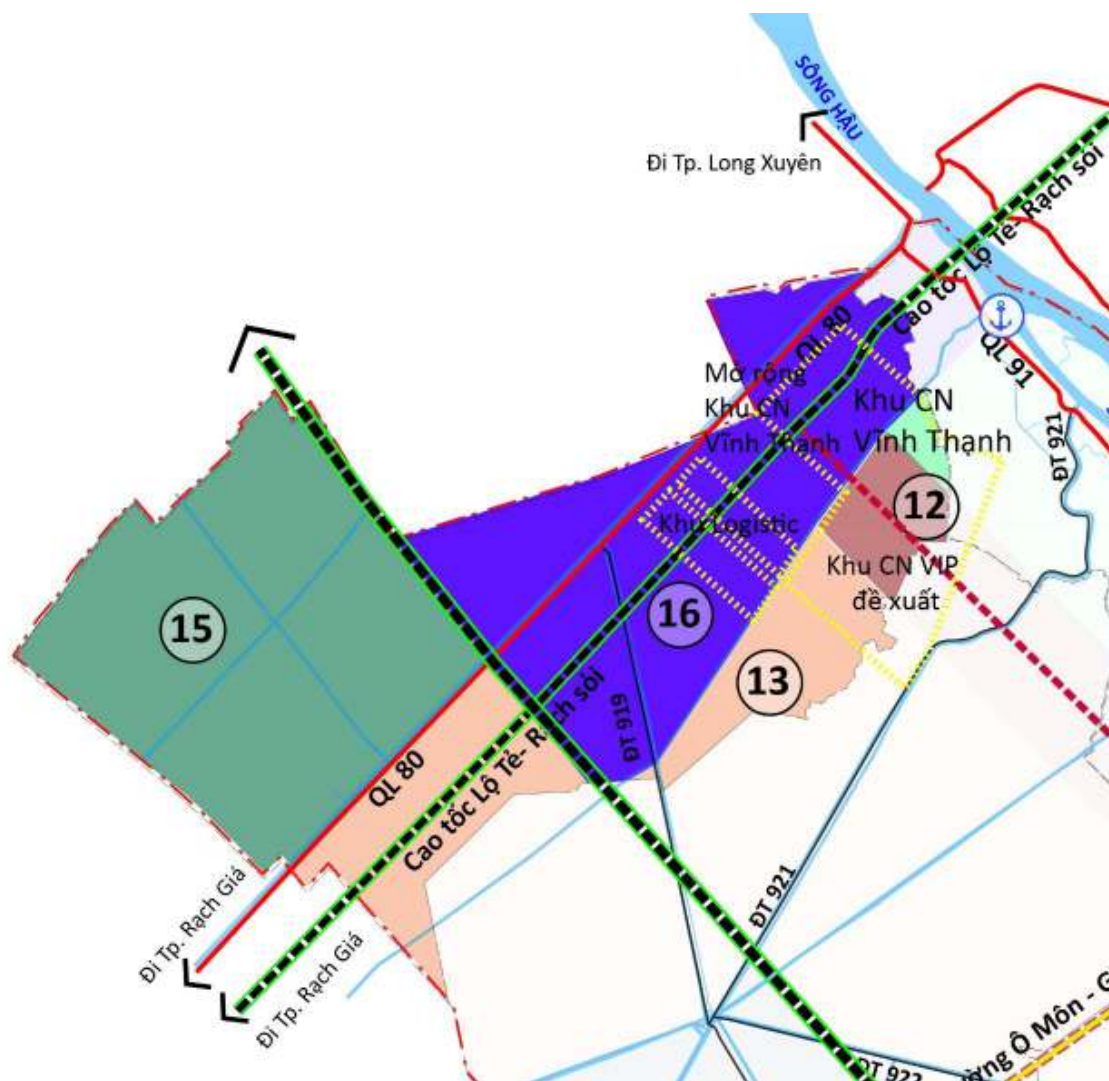
Nếu vị trí cao tốc nam sông Hậu được quyết hướng tuyến như hiện nay thì đường tỉnh 919 sẽ không còn nguyên khả năng kết nối như trước. Vì vậy cần nghiên cứu mở hướng kết nối mới từ thị trấn cờ đỏ sang quốc lộ 80.

Xác định vùng phía tây, nhất là tây nam là khu vực cho phép ngập nước, có thể tái cấu trúc lại hệ thống đê bao.

Nguyên tắc phát triển đô thị khu vực xung quanh Cờ đỏ là cân bằng đào đắp để tạo ra những mặt nước sinh thái lớn.

IX. Huyện Vĩnh Thạnh

Hình 23. Định hướng phát triển chức năng huyện Vĩnh Thạnh



12	Trục đô thị hiện đại, nằm dọc theo lối giao thông đa phương tiện
13	Đô thị cảnh quan nông nghiệp
15	Khu vực sản xuất năng lượng mặt trời đan xen với nông nghiệp
16	Dải đô thị công nghiệp sinh thái Thốt Nốt - Vĩnh Thạnh

1. Định hướng kinh tế đô thị

Huyện Vĩnh Thạnh sẽ phát triển các khu chức năng chính:

- Khu vực sản xuất năng lượng mặt trời đan xen với nông nghiệp: Khu vực phía Tây huyện khu vực rộng lớn để sản xuất năng lượng mặt trời. Bên dưới hệ thống pin mặt trời vẫn có thể làm nông nghiệp với các loại nuôi trồng thủy sản hoặc làm rau màu, chăn nuôi. Không phù hợp với trồng lúa.
- Dải đô thị công nghiệp sinh thái Thốt Nốt - Vĩnh Thạnh: Phát triển một dải công nghiệp sạch đan xen với cảnh quan sinh thái, vùng bảo tồn dọc theo quốc lộ 80 và

cao tốc Lộ Tẻ - Rạch Sỏi.

- Dải đất phía bắc kênh Cái Sắn xác định đan xen thủ công nghiệp, công nghiệp chế biến nhỏ với khu dân cư.

- Dải đất giữa cao tốc Lộ Tẻ rạch sỏi xác định đan xen giữa đất ở, đất sinh thái cảnh quan cây xanh và những cụm công nghiệp, thủ công nghiệp nhỏ, nhất là công nghiệp chế biến nông sản, tiếp cận chính là đường thủy trên kênh Cái Sắn.

- Dải đất phía nam kênh Cái Sắn dành cho những phát triển công nghiệp quy mô lớn, kết nối giao thông lên tuyến cao tốc nam sông Hậu, đường vành đai phía tây cũng như cao tốc lộ tẻ rạch sỏi. Điều quan trọng nhất là phải giữ đất lớn ở khu vực này cho những khu công nghiệp lớn nhiều ngàn ha, không chia nhỏ lô đất.

- Xác định nhu cầu phải có một trung tâm logistics riêng trong khu vực công nghiệp Vĩnh Thạnh, nhưng không tách riêng về sử dụng đất thành khu logistics, mà để chung vào khu công nghiệp.

2. Định hướng xã hội học đô thị

- Tổ chức đào tạo, đào tạo lại và thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao về huyện làm việc để đáp ứng nhu cầu về lao động chất lượng cao cho huyện. Đảm bảo các dịch vụ thiết yếu cho thị trấn Vĩnh Thạnh và Thạnh An.

3. Định hướng sinh thái- cảnh quan

Cải thiện ô nhiễm ở sông Cái Sắn, phục hồi thảm thực vật ven sông, giảm thiểu sạt lở.

Xác định cấu trúc sinh thái cảnh quan mới, đặc biệt cho dải đô thị công nghiệp sinh thái giữa kênh Cái Sắn và cao tốc Lộ tẻ, rạch sỏi.

4. Định hướng hình thái đô thị

Cải tạo, phát huy các thế mạnh hình thái về điểm- tuyến- diện- khối của thị trấn. Lưu ý các tuyến sông nước và tuyến Thốt Nốt- Vĩnh Thạnh.

Tạo ra một bản sắc hình thái đô thị công nghiệp sinh thái hiện đại, khác hẳn với các cấu trúc đô thị khác ở thành phố.

5. Định hướng hạ tầng

Quan trọng nhất là xác định những kết nối vận tải của khu vực vào các tuyến cao tốc vùng.

Xác định rõ nhu cầu vận tải của vùng công nghiệp, xem có cần cảng vận tải quốc tế riêng ở Thốt Nốt không.

Tối ưu hoá hệ thống cảng sông dọc kênh Cái Sắn.

Đảm bảo vệ mặt kỹ thuật thủy lợi và giao thông thủy trên tuyến sông Cái sắn.

PHẦN IX: PHƯƠNG ÁN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, KHAI THÁC, BẢO VỆ TÀI NGUYÊN NƯỚC, PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI VÀ ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

1. Xây dựng nguyên tắc và cơ chế phối hợp thực hiện biện pháp quản lý và bảo vệ môi trường

Xây dựng được nguyên tắc, phương thức, nội dung phối hợp và trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan trong công tác quản lý Nhà nước và bảo vệ môi trường trên địa bàn Cần Thơ thời kỳ 2021-2030, tuân thủ các quy định pháp lý và điều kiện thực tế về quản lý môi trường của thành phố.

Xác định phạm vi điều chỉnh, cơ chế phối hợp và đối tượng áp dụng nhằm đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và mọi hoạt động quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường giữa các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện được thống nhất, thông suốt, đúng chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền. Bổ sung một số đối tượng còn thiếu trong phạm vi điều chỉnh như “tài nguyên, đa dạng sinh học, biến đổi khí hậu, bảo vệ di sản thiên nhiên, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về môi trường tại địa phương”. Tùy theo từng lĩnh vực phối hợp, bổ sung thêm đối tượng áp dụng như Công an thành phố, Hải quan, Kiểm lâm...

Sở Tài nguyên và Môi trường được phân công chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan theo các quy định hiện hành nhằm đảm bảo hoạt động hiệu quả của các cơ quan, đơn vị phối hợp. Nội dung phối hợp trong công tác: bảo tồn đa dạng sinh học; hoạt động truyền thông nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường của Sở Tài nguyên và Môi trường, các Sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp quận, huyện; xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật; quản lý chất thải rắn; và ứng phó biến đổi khí hậu.

2. Phương án phân vùng và bảo vệ môi trường Cần Thơ

Chia các vùng môi trường (thành vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải và vùng môi trường khác) và các tiểu vùng trên cơ sở các tiêu chí về phân vùng môi trường theo quy định tại Điều 22: “Quy định chung về phân vùng môi trường” Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ Quy định một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (2020) và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Bảo vệ môi trường.

Vùng bảo vệ nghiêm ngặt: Khu vực bảo vệ 1 của di tích lịch sử văn hóa như Chợ nổi Cái Răng, nhà cổ Bình Thủy, Thiền viện Trúc Lâm Phương Nam, Chùa Ông, Khu di tích lịch sử Giàn Gừa, Khu du lịch Lung Cột Cầu, Làng nghề hủ tiếu; và Các công viên trên địa bàn Cần Thơ.

Vùng hạn chế phát thải: Vùng đệm các khu du lịch sinh thái nêu trên; Khu vực bảo vệ 2 của di tích lịch sử văn hóa; Các khu đô thị loại IV, V trở lên được quy hoạch; Các con sông lớn trên địa bàn Cần Thơ: sông Hậu, sông Cần Thơ; Các khu vực phát triển du lịch: Ngày hội vườn trái cây tại Tân Lộc, Lễ hội OK Om Bok tại chùa Pothi Somrôm...; và Các khu vực tập trung sản xuất nông nghiệp trọng điểm (các nơi thí điểm

cánh đồng mẫu lớn, trồng rau màu với diện tích lớn, các khu dự kiến quy hoạch nông nghiệp công nghệ cao các khu vực trạm cấp nước đô thị và nông thôn...).

Vùng môi trường khác: Các vùng còn lại trên địa bàn thành phố không thuộc danh mục liệt kê tại mục nêu trên.

3. Định hướng bảo vệ môi trường tại các vùng môi trường Cần Thơ

Thực hiện phân vùng môi trường và triển khai các hoạt động bảo vệ môi trường để quản lý, thực hiện phát triển kinh tế-xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng theo hướng bền vững tại các vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải và vùng môi trường khác.

Đến năm 2030, phân vùng môi trường đảm bảo việc ngăn ngừa, hạn chế mức độ gia tăng ô nhiễm và suy thoái môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, khắc phục, cải thiện các khu vực bị ô nhiễm, nâng cao năng lực quản lý nhà nước.

4. Phương án phát triển rừng, bảo tồn đa dạng sinh học và phục hồi hệ sinh thái

Bảo đảm các hệ sinh thái tự nhiên quan trọng, các loài và nguồn gen quý, hiếm được bảo tồn và phát triển bền vững. Duy trì và phát triển dịch vụ hệ sinh thái thích ứng với biến đổi khí hậu nhằm thúc đẩy phát triển bền vững của thành phố. Xây dựng và nâng cao nhận thức cộng đồng trong việc bảo tồn đa dạng sinh học của Cần Thơ.

Xác định và khoanh vùng bảo vệ, nâng cao chất lượng và thiết lập/gia tăng diện tích các hệ sinh thái tự nhiên trên cạn và đất ngập nước quan trọng, đặc biệt là bảo vệ và phát triển hệ sinh thái đất ngập nước như: sông, cò, cù lao trong việc chú trọng giảm nhẹ ngập lụt cho thành phố, bảo vệ môi trường không khí cho khu vực đô thị.

Thực hiện các chỉ tiêu bảo tồn đa dạng sinh học Cần Thơ như: tuân thủ theo các hướng dẫn mang tính pháp lý; bảo vệ môi trường, bảo tồn, phát triển bền vững đa dạng sinh học các hệ sinh thái; xây dựng các giải pháp thực hiện bảo tồn; và sử dụng bền vững đa dạng sinh học.

5. Phát triển mạng lưới quan trắc Cần Thơ

Xây dựng mạng lưới quan trắc tài nguyên và môi trường bảo đảm thống nhất, đồng bộ, tiên tiến và từng bước hiện đại, đáp ứng nhu cầu thu nhập và cung cấp thông tin, số liệu điều tra cơ bản về môi trường, tài nguyên nước, khí tượng thủy văn, phục vụ có hiệu quả cho công tác xử lý, khắc phục ô nhiễm môi trường, dự báo, cảnh báo, phòng, tránh, giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai gây ra, phát triển mạnh và bền vững kinh tế-xã hội của đất nước.

Đầu tư xây dựng mạng lưới quan trắc môi trường đảm bảo việc thực hiện quan trắc và kiểm soát chất lượng môi trường trên địa bàn toàn thành phố. Ưu tiên quan trắc tự động, liên tục, ứng dụng công nghệ 4.0 vào cung cấp thông tin, số liệu về hiện trạng và diễn biến chất lượng môi trường, kịp thời cảnh báo, dự báo chất lượng môi trường phục vụ cho công tác quản lý và hoạch định các chính sách kinh tế - xã hội của thành phố Cần Thơ.

Nghiên cứu, ứng dụng các thành tựu khoa học công nghệ và đào tạo nguồn nhân lực trong xây dựng hệ thống quan trắc, thực hiện các chương trình quan trắc, xây dựng cơ sở dữ liệu và báo cáo về môi trường.

Tăng cường và đa dạng hóa các nguồn vốn đầu tư: trong đó nguồn ngân sách địa phương đóng vai trò chủ đạo. Huy động tối đa các nguồn vốn từ các tổ chức quốc tế, các tổ chức phi chính phủ, các dự án, các doanh nghiệp để nâng cấp và đầu tư mới cho mạng lưới quan trắc. Định hướng quy hoạch giai đoạn 2021- 2030, ưu tiên dự án đầu tư lĩnh vực quan trắc chất lượng môi trường, tăng cường phối hợp hỗ trợ từ các nguồn vốn ODA, FDI...

6. Phương án bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên trên địa bàn thành phố

6.1. Bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên đất

- Kiểm soát chặt quỹ đất, từng bước phục hồi nâng dần tỷ lệ che phủ rừng, cân bằng và chuyển hóa một phần quỹ đất nông nghiệp hiện có trong đô thị sang đất xây dựng để đáp ứng tiêu chí phát triển đô thị, phát triển hạ tầng kỹ thuật và xã hội để thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội.

- Phần quỹ đất nông nghiệp còn lại cả những diện tích trong cơ cấu quy hoạch sử dụng đất cho phát triển đô thị cần thực hiện phát triển nông nghiệp - công nghệ cao, để gia tăng năng suất, giá trị cây trồng, đảm bảo cư dân được sống tốt với làng nghề trong lòng đô thị.

- Đầu tư xây dựng và hoàn thiện hệ thống thông tin đất đai, hồ sơ địa chính theo mô hình hiện đại, tập trung thống nhất mang tính tích hợp. Chỉ đạo thực hiện nghiêm túc công khai, minh bạch công tác giao đất, cho thuê đất để thực hiện các dự án phát triển kinh tế - xã hội thông qua đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu dự án có sử dụng đất.

- Đối với đất sử dụng cho dự án du lịch, tâm linh, cần rà soát cụ thể, tính toán giao quỹ đất phù hợp trên nguyên tắc tiết kiệm tài nguyên đất; đồng thời bảo đảm hiệu quả kinh tế.

6.2. Phương án bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên khoáng sản

Khoáng sản trên địa bàn Tp Cần Thơ không còn nhiều, riêng với cát san lấp, ước tính nhu cầu giai đoạn 2021-2030 để đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội khá lớn đặc biệt cho phát triển giao thông, công nghiệp, đô thị, ...có khả năng thiếu hụt dù có thể tận thu từ nạo vét cửa Định An, cùng với đó, do phát triển các đập thủy điện ở thượng nguồn dẫn đến lượng cát bồi lắng trên các dòng sông ngày càng suy giảm.

Phương án phân vùng khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên trên địa bàn Thành phố như dưới đây.

- Sét làm gạch ngói và sét keramzit hiện chưa có nhu cầu khai thác nên cần được khoanh vùng bảo vệ.

- Trên cơ sở dự báo nhu cầu cát san lấp hàng năm khoảng 1,8tr m³/năm, đề xuất quy hoạch khai thác như sau:

- Tiếp tục khai thác các mỏ Trường Thọ, Thới An, Bửu Nghĩa, khi hết sẽ làm thủ tục đóng mỏ như quy định;

- Đẩy nhanh thủ tục cấp phép và đấu giá cho các mỏ: Phước Lộc, Tân Lộc, Phú Thứ-Tân Phú, Tân Phú, Phước Lộc 2, Trà Nóc.

- Thực hiện các giải pháp để giảm nhu cầu sử dụng cát san lấp: Áp dụng nguyên tắc cân bằng đào đắp khi san nền ở những nơi có thể; Áp dụng thống nhất chiều cao nền trong chuẩn bị kỹ thuật; Nghiên cứu, áp dụng mô hình sử dụng cát nhiễm mặn, vật liệu xây dựng sà bần để san nền.

- Về 1004 khu vực cấm hoạt động khoáng sản quy định tại Quyết định số 1214/2018 của UBND Tp Cần Thơ, phương hướng xử lý như sau:

- Giữ nguyên trừ khi chủ mảnh đất đó không còn sử dụng và bàn giao lại cho Tp. CT.

- Nếu trong “1004 khu vực cấm hoạt động khoáng sản” này, có khu vực nào nằm trong vùng Quy hoạch của TP 2021 - 2030, đến năm 2050 thì bỏ khu vực cấm hoạt động khoáng sản này ra để thực hiện quy hoạch thành phố, rồi sau đó căn cứ theo Quy hoạch của Thành phố sau này, nếu thuộc tiêu chí khoanh định khu vực cấm hoạt động khoáng sản theo quy định của pháp luật thì phải khoanh định bổ sung cho khu vực cấm mới này.

- Nếu Quy hoạch của TP 2021 - 2030, đến năm 2050, có khu vực nào mới thuộc tiêu chí khoanh định khu vực cấm hoạt động khoáng sản theo quy định của pháp luật mà chưa có trong “1004 khu vực cấm hoạt động khoáng sản” thì phải khoanh định bổ sung cho khu vực cấm mới này ứng với thời kỳ quy hoạch của thành phố.

- **Quy hoạch khoáng sản giai đoạn 2030 đến 2050:** Việc cấp phép hoạt động khoáng sản được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành hoặc có ý kiến chỉ đạo của UBND thành phố tùy tình hình thực tế đối với từng mỏ cát (nếu còn trữ lượng sau khi hết hạn cấp phép đến năm 2030).

7. Phương án phòng chống thiên tai và ứng phó Biến đổi khí hậu

Theo kịch bản BĐKH và nước biển dâng của Bộ TNMT 2020, nếu nước biển dâng 100cm, Tp Cần Thơ có thể bị ngập trên 55% diện tích, ảnh hưởng lớn đến thành quả phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Do đó, đây là ưu tiên cao của Thành phố trong ngắn hạn cũng như dài hạn.

Nguyên tắc: Tuân thủ Luật phòng chống thiên tai năm 2013 và các luật, quy định có liên quan đề ra và đảm bảo:

- Lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai, ứng phó với BĐKH trong quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, quy hoạch và kế hoạch phát triển ngành.

- Dựa trên cơ sở khoa học; kết hợp sử dụng kinh nghiệm truyền thống với tiến bộ khoa học và công nghệ; kết hợp giải pháp công trình và phi công trình; bảo vệ môi trường, hệ sinh thái.

- Thực hiện theo sự phân công, phân cấp, phối hợp chặt chẽ giữa các lực lượng

và phù hợp với các cấp độ rủi ro thiên tai.

- Phương án phòng chống thiên tai, thích ứng BĐKH
- Tổ chức truyền thông, nâng cao nhận thức và năng lực của cộng đồng về phòng, chống thiên tai, ứng phó với BĐKH;
- Tăng cường cơ chế phối hợp, hệ thống thông tin, năng lực cảnh báo thiên tai, phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn;
- Quy hoạch khu dân cư, hạ tầng kỹ thuật và xã hội, quản lý tài nguyên, môi trường thích ứng với thiên tai và biến đổi khí hậu trên cơ sở đánh giá rủi ro thiên tai, phân vùng rủi ro thiên tai, xác định có mức độ dễ bị tổn thương do biến đổi khí hậu; lập bản đồ cảnh báo cho các địa phương trên địa bàn Thành phố;
- Xây dựng các công trình hạn chế tác động bất lợi của triều cường, ngập lụt, xâm nhập mặn, sạt lở.. bảo vệ an toàn tính mạng và sản xuất của người dân;
- Nâng cao tính chống chịu BĐKH cho các ngành sản xuất, các đô thị và cộng đồng dân cư;
- Chuẩn bị về nhân lực, vật tư, phương tiện, trang thiết bị và nhu yếu phẩm phục vụ ứng phó thiên tai;
- Thực hiện các giải pháp phi công trình và công trình đối với các quận, huyện và toàn thành phố, với các ngành, lĩnh vực, với các vùng ven sông, vùng đồng bằng.

PHẦN X: DANH MỤC DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ

I. Dự án ưu tiên đầu tư công

- Tuân thủ các quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước, Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, v.v

- Bảo đảm quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách; thực hiện phân cấp trong quản lý đầu tư theo quy định của pháp luật, tạo quyền chủ động cho các Sở, ban, ngành cấp thành phố; Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện.

- Đảm bảo thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, định hướng phát triển theo Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 05 tháng 8 năm 2020 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Cần Thơ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố lần thứ XIV, nhiệm kỳ 2020 - 2025; Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025 của thành phố.

- Phù hợp với tầm nhìn dài hạn tới năm 2050 cùng định hướng phát triển các ngành ưu tiên

- Phù hợp với khả năng cân đối vốn đầu tư công từ nguồn ngân sách nhà nước, bảo đảm các cân đối lớn, an toàn nợ công. Tăng cường huy động các nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước, đẩy mạnh thu hút các nguồn vốn xã hội để thực hiện các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng.

- Bố trí vốn đầu tư tập trung, không phân tán, dàn trải, bảo đảm hiệu quả sử dụng vốn đầu tư. Chỉ bố trí vốn cho các dự án đã đủ thủ tục đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo đúng quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản pháp luật có liên quan.

- Ưu tiên bố trí vốn đầu tư cơ sở hạ tầng ở các nơi có đồng bào dân tộc thiểu số sống tập trung; thực hiện mục tiêu xây dựng xã nông thôn mới nâng cao, xã nông thôn mới kiểu mẫu, đẩy nhanh tiến độ thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia, các dự án trọng điểm, chương trình mục tiêu, các khâu đột phá của thành phố, dự án có ý nghĩa lớn đối với phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững, bảo vệ chăm sóc sức khỏe nhân dân, phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Bảo đảm công khai, minh bạch trong việc phân bổ vốn kế hoạch đầu tư công, góp phần đẩy mạnh cải cách hành chính và tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

- Dành vốn ngân sách dự phòng theo đúng quy định trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 để xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình điều hành kế hoạch đầu tư công trung hạn.

II. Đầu tư tư nhân

1. Định hướng thu hút đầu tư

- Lĩnh vực công nghiệp

- Tập trung chuyển hướng sang các dự án nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sử dụng hiệu quả và tái tạo tài nguyên, năng lượng, thân thiện môi trường, mang hàm lượng tri thức cao

- Ưu tiên thu hút các dự án trong các lĩnh vực trọng điểm của Cần Thơ bao gồm chế biến nông sản, năng lượng tái tạo, dược phẩm, sản xuất linh kiện, thiết bị điện tử; ưu tiên các khâu tạo ra giá trị gia tăng cao, sử dụng ít nhân lực và tài nguyên

- Lĩnh vực thương mại – dịch vụ

Tập trung đầu tư vào các ngành dịch vụ trọng điểm được xác định trong thời kỳ quy hoạch như: thương mại, dịch vụ logistics, du lịch MICE và du lịch sinh thái để xác định các dự án. Ưu tiên thu hút các dự án phát du lịch, thương mại, dịch vụ logistics có quy mô lớn, hiện đại, có sức lan tỏa lớn đến các ngành, lĩnh vực khác. Đặc biệt cần quan tâm đến các dự án về logistics như hệ thống kho lạnh, hệ thống phân phối, trung tâm logistics, cảng biển để giải quyết nút thắt quan trọng của Cần Thơ cũng như ĐBSCL. Giải quyết được nút thắt trong hạ tầng logistics là một trong những khâu đột phá giúp Cần Thơ đón đầu các hiệp định thương mại, thu hút thêm các doanh nghiệp đến với thành phố, giải quyết vấn đề việc làm của người dân .

- Lĩnh vực nông-lâm-thủy sản

Ưu tiên các dự án liên quan đến áp dụng kỹ thuật mới, công nghệ cao trong nông nghiệp (kỹ thuật sản xuất giống cây trồng, vật nuôi; bảo quản sau thu hoạch), giúp tăng sản lượng và hạn chế sự tác động của các hoạt động nông nghiệp đến môi trường.

- Lĩnh vực Đô thị và nhà ở

Ưu tiên thu hút đầu tư các dự án xây dựng khu đô thị, nhà ở quy mô lớn, đầu tư hạ tầng đồng bộ, hiện đại, góp phần đẩy nhanh tốc độ đô thị hóa tại các quận trung tâm bên cạnh Ninh Kiều, gồm Ô Môn, Bình Thủy, Cái Răng. Việc xây dựng các hạ tầng nhà ở chất lượng cao là một trong các yếu tố cần thiết để nâng cao chất lượng sống của người dân cũng như thu hút nhân tài đến với Thành phố.

2. Đối tác ưu tiên đầu tư

- Về đầu tư nước ngoài: Khuyến khích, thu hút các nhà đầu tư có thương hiệu toàn cầu, có năng lực tài chính lớn, có khả năng đầu tư ổn định, lâu dài, có tính liên kết và thu hút đầu tư sản xuất các sản phẩm phụ trợ. Các đối tác Thành phố tập trung xúc tiến hợp tác đầu tư là Hàn Quốc, Nhật Bản, Singapore, Đài Loan (Trung Quốc), Ấn Độ, Hoa Kỳ và châu Âu.

- Về đầu tư trong nước: Khuyến khích các doanh nghiệp lớn, có uy tín, đã xây dựng mối quan hệ lâu dài với Thành phố, chủ động trong việc tìm hiểu, nghiên cứu và đề xuất dự án. Ngoài ra, khuyến khích các doanh nghiệp tại Cần Thơ đầu tư vào các dự án theo định hướng của Thành phố, chủ động liên kết với các doanh nghiệp nước ngoài trong các dự án đầu tư để nâng cao năng lực và tính cạnh tranh.

3. Tiêu chí lựa chọn dự án đầu tư

- Phù hợp với chính sách, pháp luật của Nhà nước, các chiến lược phát triển

quốc gia, chiến lược phát triển ngành, lĩnh vực quốc gia trên địa bàn thành phố; phù hợp với quan điểm, mục tiêu, định hướng phát triển của thành phố; phù hợp với tầm nhìn phát triển dài hạn của thành phố cùng các ngành ưu tiên; phù hợp, đồng bộ được với các dự án đã quy hoạch ở cấp cao hơn.

- Về hiệu quả sử dụng tài nguyên: ưu tiên các dự án sử dụng ít đất, lao động, tạo ra giá trị gia tăng cao, ứng dụng các tiến bộ về khoa học kỹ thuật. Ưu tiên các dự án hướng tới sự phát triển bền vững, và ít có tác động tới môi trường.

- Về hiệu quả kinh tế: Ưu tiên các dự án mang lại hiệu quả kinh tế cao (về tăng trưởng GRDP, gia tăng số lượng việc làm, đóng góp cho ngân sách địa phương, tác động liên đới đến các ngành khác)

- Về hiệu quả xã hội: Ưu tiên các dự án nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân (gia tăng cơ hội việc làm, thu nhập; tăng khả năng tiếp cận đến các dịch vụ xã hội chất lượng cao,..)

- Về năng lực của nhà đầu tư: Không xem xét chấp thuận đối với các nhà đầu tư không giải trình được khả năng tài chính, không chấp hành đầy đủ nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước nếu đã được Nhà nước giao đất, cho thuê đất. Ngoài ra, ưu tiên các nhà đầu tư có kinh nghiệm triển khai hiệu quả các dự án tương tự.

PHẦN XI: CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN QUY HOẠCH

I. Giải pháp về huy động vốn đầu tư

- Tổng nguồn vốn đầu tư cho giai đoạn 2021-2025 là 156,4 nghìn tỷ đồng, trong đó 37 nghìn tỷ đồng từ NSNN, 109,6 nghìn tỷ đồng từ khu vực tư nhân, 9,7 nghìn tỷ đồng từ đầu tư nước ngoài FDI

- Tổng nguồn vốn đầu tư cho giai đoạn 2026-2030 là 235,5 nghìn tỷ đồng trong đó có 49,6 nghìn tỷ đồng từ NSNN, 147,9 nghìn tỷ đồng từ khu vực tư nhân, 37,9 nghìn tỷ đồng từ đầu tư nước ngoài FDI

1. Nguồn vốn ngân sách nhà nước

Tăng cường tận dụng nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà; Sử dụng hiệu quả và hợp lý nguồn vốn đầu tư công, ưu tiên các công trình dự án như: đường vành đai sân bay Cần Thơ kết nối đường Võ Văn Kiệt đến đường Lê Hồng Phong (đoạn Km 1+675 đến Km 2+163,12); đường tỉnh 918 (xây dựng và nâng cấp giai đoạn 1 từ điểm giao giữa đường tỉnh 918 với đường tỉnh 923 đến cầu Lộ Bức v.v; Đẩy nhanh tiến độ đầu tư công, loại bỏ và rà soát các dự án chưa cần thiết, cấp bách hoặc đã tồn đọng nhiều năm; Tận dụng các nguồn vốn khác, ngoài vốn đầu tư công.

2. Tăng cường hợp tác Công- Tư PPP

Thành lập các cơ quan đầu mối về PPP nhằm hỗ trợ thị trường PP; triển khai dự án PPP cần đảm bảo tính công khai, minh bạch và cạnh tranh,

Đưa ra các khung pháp lý, cơ chế chia sẻ rủi ro rõ ràng từ các doanh nghiệp nhà nước và khối tư nhân.

3. Huy động nguồn vốn từ doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp nước ngoài FDI

Cơ chế, chính sách: Có các cơ chế đặc thù cho TP Cần Thơ về tiền thuê đất, thuế suất doanh nghiệp, giúp chi phí thành lập doanh nghiệp và hoạt động ở TP Cần Thơ cạnh tranh so với các tỉnh khác thuộc ĐBSCL. Hiện nay, một trong các vấn đề lớn của Cần Thơ là việc thuộc Các thành phố trực thuộc Trung ương khiến Cần Thơ không được hưởng các ưu đãi về thuế suất, cũng như các chi phí thành lập doanh nghiệp cao, khiến Thành phố giảm sút về sự cạnh tranh trong thu hút đầu tư

- Cải thiện môi trường kinh doanh: Tiếp tục cải cách thủ tục hành chính, rút ngắn thời gian đăng ký kinh doanh, thúc đẩy liên kết ngân hàng, doanh nghiệp; Nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) Các dữ liệu về quy hoạch cũng như quy trình đầu tư cần được thường xuyên cập nhật và dễ dàng tiếp cận trên các Cổng thông tin điện tử chính thức của Thành phố; Nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính trực tuyến lên mức độ 4, thúc đẩy việc xây dựng chính quyền điện tử

- Giải phóng mặt bằng: Đẩy nhanh việc giải phóng mặt bằng, tái định cư

- Xúc tiến đầu tư: Đẩy mạnh vai trò của Trung tâm xúc tiến Đầu tư Thành phố Cần Thơ trong việc tìm kiếm, hỗ trợ nhà đầu tư làm hồ sơ, thủ tục, nghiên cứu và khảo

sát đầu tư; cập nhật tài liệu trên website <https://diendan.canthopromotion.vn/>.

- Thường xuyên tổ chức các buổi trao đổi với các nhà đầu tư tiềm năng; Tăng cường tiếp cận trực tiếp các nhà đầu tư chiến lược, các thị trường đầu tư lớn, các hiệp hội doanh nghiệp, ngân hàng lớn của các quốc gia đang có chính sách chuyển dịch dòng vốn đầu tư để tập trung kêu gọi đầu tư các lĩnh vực ngành nghề có vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế- xã hội của Thành phố

4. Huy động vốn từ các tổ chức Phi chính phủ

- Tích cực tăng cường kết nối, liên hệ với các tổ chức phi chính phủ thông qua vận động viện trợ phi chính phủ, Liên hiệp các tổ chức hữu nghị TP Cần Thơ.

- Chủ động rà soát các danh mục viện trợ, đánh giá tiến độ, hiệu quả của các dự án đầu tư từ nguồn vốn từ các tổ chức phi chính phủ. Đẩy nhanh tiến độ, tăng cường giám sát hoạt động của các chương trình, dự án và khoản viện trợ phi dự án trên địa bàn thành phố.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động, đưa ra các chính sách hỗ trợ, dự án thu hút và quy mô vốn lớn, thời gian triển khai dài hơn và tính bền vững lâu dài.

II. Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực

1. Nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo ở các bậc học, đặc biệt là bậc đại học, cao đẳng và đào tạo nghề

- Liên tục cập nhật những kiến thức mới và chuẩn hóa chương trình học, gắn liền lý thuyết với việc thực hành, tạo cơ hội cho sinh viên đi thực tập, kiến tập ngay từ những năm đầu tiên.

- Thành lập đội ngũ tư vấn hướng nghiệp, tư vấn việc làm cho học sinh cấp 3 và sinh viên, hợp tác với các doanh nghiệp để tổ chức các buổi chia sẻ về cơ hội tuyển dụng, tham quan doanh nghiệp.

- Tổ chức các lớp đào tạo các kỹ năng mềm (kỹ năng thuyết trình, phỏng vấn, tin học văn phòng) bên cạnh việc đào tạo chuyên môn

- Tăng tỉ lệ lao động đã qua đào tạo, đặc biệt là lao động ở nông thôn: tổ chức thường xuyên các khóa đào tạo ngắn hạn (3-6 tháng miễn phí), ví dụ: liên quan đến nông nghiệp, du lịch – những ngành nghề chiếm một phần lớn trong cơ cấu việc làm của người dân ở nông thôn.

2. Có cơ chế, chính sách hợp lý, đồng bộ để thu hút, sử dụng nguồn nhân lực chất lượng cao

- Xây dựng Hệ thống tuyển chọn đánh giá đúng năng lực; Thường xuyên tổ chức các sự kiện cho người tìm kiếm việc làm như hội chợ việc làm để thu hút nhân tài (bác sĩ, dược sĩ, nhà nghiên cứu, giáo sư đại học...); Hoàn thiện chính sách thu hút và đãi ngộ nguồn nhân lực chất lượng cao; tạo ra môi trường làm việc dân chủ, công bằng; Đưa ra các chính sách đảm bảo an sinh xã hội cho nhân tài (như trợ cấp mua nhà, giảm thuế thu nhập cá nhân); hệ thống dịch vụ công chất lượng cao (như y tế, giáo dục, môi trường sống)

4. Tăng cường hợp tác với các tổ chức đào tạo quốc tế

- Hợp tác quốc tế để đưa các chương trình giảng dạy theo tiêu chuẩn quốc tế; cần mở rộng hợp tác quốc tế trong các lĩnh vực nghiên cứu, ví dụ, mời các chuyên gia nước ngoài đến các trường đại học; Dành các suất học bổng thường niên cho các sinh viên, nhà nghiên cứu có thành tích xuất sắc đi học tập, làm việc ở nước ngoài, với cam kết sẽ trở lại cống hiến cho Thành phố khi thời hạn công tác ở nước ngoài kết thúc.

5. Giải quyết tốt mối quan hệ giữa môi trường làm việc với thực tiễn nền kinh tế - xã hội của TP Cần Thơ

- Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao phải dựa trên nhu cầu của ngành nghề. Cần Thơ đang gặp tình trạng thiếu nguồn cung lao động phổ thông, thừa lao động trình độ đại học/cao đẳng. Do vậy, cần có ưu đãi khuyến khích lao động tham gia học nghề: chính sách đảm bảo việc làm do học viên có kết quả học tập tốt; nâng chế độ lương thưởng và đãi ngộ cho lao động phổ thông; xây dựng các chiến dịch truyền thông qua website, mạng xã hội để loại bỏ định kiến của học sinh, sinh viên về việc học nghề.

- Đẩy mạnh đào tạo nghề theo đơn đặt hàng của doanh nghiệp. Khuyến khích liên kết đào tạo giữa doanh nghiệp và đơn vị đào tạo, doanh nghiệp thành lập hoặc hợp tác thành lập cơ sở đào tạo nghề, ví dụ như FPT.

- Tập trung đào tạo lao động cho các ngành công nghệ, ngành nghề tạo ra giá trị cao như Công nghệ thông tin, Khoa học và kỹ thuật, Y tế và dược phẩm

- Thường xuyên tổ chức các hội chợ nghề nghiệp, các chương trình tư vấn hướng nghiệp cho học sinh, sinh viên để có thêm thông tin về thị trường lao động cũng như lựa chọn công việc phù hợp.

- Khuyến khích Mô hình doanh nghiệp trong trường học như ĐH Nam Cần Thơ thành lập các doanh nghiệp để xây dựng mô hình doanh nghiệp trong trường học như: Tập đoàn Nam Miền Nam, Công ty TNHH MTV Bệnh viện đa khoa Nam Cần Thơ, Công ty TNHH MTV Thương mại Nam Cần Thơ DNC. Mục tiêu là đào tạo các kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng mềm xuyên suốt và liên tục cho sinh viên ngay từ năm thứ nhất cho đến khi tốt nghiệp ra trường, để sinh viên thực sự quen thuộc với môi trường làm việc của doanh nghiệp/đơn vị, đồng thời có thể tham gia làm việc như một nhân viên chính thức sau khi tốt nghiệp.

III. Giải pháp về khoa học và công nghệ

- Hỗ trợ cho việc phát triển các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, các doanh nghiệp công nghệ cao để gắn kết chặt chẽ giữa sản xuất kinh doanh với nghiên cứu, đào tạo, khuyến khích các hoạt động nghiên cứu cơ bản dựa trên nhu cầu ngành tại các trường đại học và cao đẳng hướng tới việc đưa các cơ sở này thành vườn ươm khởi nghiệp và phòng thí nghiệm nghiên cứu; Dành ngân sách phù hợp cho đầu tư KH&CN, ưu tiên thực hiện các giải pháp và dự án tạo ra tác động lớn nhất từ nguồn vốn được giao. Sở Khoa học và Công nghệ sẽ là cơ quan điều phối những chương trình này, từ giai đoạn nghiên cứu, thí điểm, đến triển khai. Các định hướng dài hạn về KH&CN trong

thời kì quy hoạch như sau:

- Tập trung các điều kiện thuận lợi cho phát triển KH&CN; đẩy mạnh triển khai các thành tựu KH&CN vào sản xuất, đời sống; ứng dụng kết quả nghiên cứu vào thực tiễn sản xuất công nghiệp, nông nghiệp; Có chính sách ưu tiên đầu tư phát triển nguồn nhân lực trình độ cao; thu hút, kêu gọi các doanh nghiệp lớn, các tổ chức quốc tế đầu tư hay cùng đầu tư, tài trợ xây dựng các viện, trung tâm nghiên cứu nông nghiệp tầm quốc gia, khu vực tại TP Cần Thơ; Mở rộng hoạt động hợp tác, liên kết giữa Cần Thơ với các địa phương trong vùng; đẩy mạnh các giải pháp kết nối cung cầu thị trường KH&CN

- Trong thời kỳ 10 năm 2021-2030, tập trung vào một số điểm sau đây nhằm ứng dụng các tiến bộ KH&CN vào các lĩnh vực trọng điểm tạo sự phát triển đột phá: Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng Khu công nghệ cao Cần Thơ với vai trò, chức năng là trung tâm khoa học và công nghệ của vùng đồng bằng sông Cửu Long; Đầu tư xây dựng Sàn giao dịch công nghệ; Tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị nâng cao năng lực, chất lượng hoạt động Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ; Đầu tư bổ sung trang thiết bị cho Vườn ươm Công nghệ Công nghiệp Việt Nam – Hàn Quốc; Tiếp tục tăng cường đầu tư trang thiết bị cho Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng hiện đại chuyên sâu; Đầu tư nâng cấp mở rộng, nâng cao năng lực hoạt động của Trung tâm Thông tin khoa học và công nghệ

IV. Giải pháp về cơ chế, chính sách liên kết phát triển

Theo NQ số 59-NQ/TW của Bộ Chính Trị về xây dựng và phát triển thành phố Cần Thơ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã khẳng định rằng Cần Thơ cần “hợp tác quốc tế và liên kết vùng, đặc biệt là hợp tác phát triển vùng kinh tế trọng điểm đồng bằng sông Cửu Long”.

1. Liên kết, hợp tác quốc tế

Cần Thơ – với vị trí là trung tâm của vùng Đồng bằng sông Cửu Long, có vai trò hết sức quan trọng trong việc là cầu nối của toàn khu vực với quốc tế.

Cần Thơ cần tham gia tích cực vào chuỗi cung ứng toàn cầu, tận dụng lợi thế từ các hiệp định thương mại Việt Nam đang diễn ra như Hiệp định Thương mại tự do (FTA) và Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu (EVFTA).

Cần Thơ cần có những đối tác chiến lược đối với các ngành hàng chủ lực, cần tăng cường liên kết hợp tác quốc tế song phương trên nhiều lĩnh vực Cần Thơ đang hướng tới, gắn liền với mục tiêu phát triển trong thời gian sắp tới.

Với các ngành có tiềm lực sẵn có như nông nghiệp và giáo dục trong hiện tại, Cần Thơ có thể tạo điều kiện để có cơ hội giao thoa và trao đổi với quốc tế. Với ngành nông nghiệp, cần tạo mối quan hệ chiến lược với các thị trường chủ lực, tăng cường hoạt động hữu nghị, hợp tác với các thị trường mới. Với ngành giáo dục vốn là thế mạnh của Cần Thơ, cần tăng cường trao đổi và ký kết hợp tác chiến lược với các trường bên nước ngoài để trao đổi sinh viên và cán bộ, nghiên cứu, chuyển giao công nghệ, hợp tác đào tạo, tạo điều kiện để các sinh viên trong thành phố có cơ hội được học hỏi và vươn ra quốc tế.

Với các ngành kinh tế mới, sẽ là trụ cột của Cần Thơ trong tương lai, cần tích cực đẩy mạnh hợp tác với các chuyên gia nước ngoài, các tổ chức quốc tế để chuyển giao công nghệ, đào tạo, chuẩn bị lực lượng lao động tay nghề cao sẵn sàng làm cho giai đoạn chuyển mình tới nền kinh tế số, thành phố thông minh.

Ngoài ra, Cần Thơ cần hướng tới việc xây dựng mối quan hệ hợp tác chiến lược với các nước trên thế giới, và hướng tới là trở thành thành phố kết nghĩa có quan hệ hợp tác hữu nghị với các thành phố quan trọng như Phnôm Pênh (Campuchia), Thượng Hải (Trung Quốc), Manila (Philippines)... , từ đó giúp thúc đẩy mật dịch, du lịch và kinh tế.

2. Liên kết hợp tác trong nước

2.1. Liên kết vùng

Với vị thế là trung tâm vùng Đồng bằng sông Cửu Long, Cần Thơ cần phối hợp chặt chẽ với các địa phương khác trong khu vực. Cần Thơ có mối quan hệ lợi ích gắn bó mật thiết với sáu địa phương khác thuộc khu vực Nam sông Hậu gồm Cần Thơ, Sóc Trăng, An Giang, Kiên Giang, Hậu Giang, Bạc Liêu và Cà Mau.

- Nâng cao hiệu quả của bộ máy nhà nước
- **Đối với hoạt động tuyên truyền:** Thành phố cần tăng cường chỉ đạo, tuyên truyền để giúp các sở, ban, ngành cùng với các doanh nghiệp hiểu và mong muốn xây dựng liên kết vùng.
- **Đối với quản lý hành chính:** Cần có phương án, phân công nhiệm vụ rõ ràng trong công tác kết hợp quy hoạch vùng. Tích cực tham gia đóng góp ý kiến cho Hội đồng điều phối vùng Đồng bằng sông Cửu Long

- Tăng cường tính hiệu quả của liên kết

Thành phố cần tạo ra vị thế đặc biệt và độc đáo, dựa vào thế mạnh và chiến lược phát triển trong dài hạn. Xây dựng liên kết giữa các vùng lân cận để phát triển chuỗi giá trị sản phẩm, cụm ngành hàng liên vùng, thông qua việc hình thành các cụm công nghiệp trọng điểm và hành lang kinh tế trong vùng; Cần Thơ trở thành trung tâm logistics, trung tâm công nghệ của vùng.

- Quy hoạch toàn khu vực

Tận dụng vị thế Cần Thơ hiện tại đã là thành phố đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho cả Đồng bằng sông Cửu Long, hợp tác, tổ chức các khóa học, chương trình đào tạo liên vùng, đối với các tỉnh khác

Số liệu cho thấy khách du lịch thường có xu hướng thăm toàn bộ các tỉnh miền Tây thay vì nghỉ tại một thành phố nhất định. Vì vậy, việc tạo mạng lưới du lịch liên tỉnh: mạng lưới trong giao thông, mạng lưới thông tin, mạng lưới trải nghiệm để khách du lịch Tăng cường công tác quản lý hạ tầng

Cần gấp rút chuẩn bị và đảm bảo hoàn thiện đúng tiến độ với các tuyến cao tốc kết nối vùng như cao tốc Cần Thơ – Cà Mau, và các nút giao kết nối liên thông với các cao tốc, các nút giao cầu vượt; Tăng cường hợp tác tham gia, trao đổi và tổ chức các hội nghị khoa học công nghệ trong khu vực.

2.2. Liên kết trên phạm vi cả nước

Không chỉ dừng lại ở liên kết vùng, cần có sự thống nhất, hợp tác hài hòa các hình thức liên kết với các khu vực khác ngoài Đồng bằng sông Cửu Long. Thúc đẩy hợp tác với các thành phố trực thuộc trung ương khác như Hải Phòng (trung tâm vùng Duyên hải Bắc Bộ), Đà Nẵng (trung tâm của miền Trung), đặc biệt là hai đô thị loại đặc biệt như Hà Nội và Hồ Chí Minh; tăng cường liên kết trong các lĩnh vực kết cấu hạ tầng (giao thông, công nghiệp, kinh tế, bệnh viện với các địa phương vùng Bắc Trung Bộ

V. Giải pháp về quản lý, kiểm soát phát triển đô thị và nông thôn

1. Nâng cao chất lượng quản lý quy hoạch xây dựng và trật tự xây dựng

- Tiếp tục rà soát, bổ sung, hoàn chỉnh quy trình và thủ tục hành chính về quản lý quy hoạch; thay thế các thủ tục hành chính về thẩm định quy hoạch xây dựng
- Đổi mới tư duy và nâng cao chất lượng lập và quản lý quy hoạch xây dựng, trong đó cần phải xác định quy hoạch là một quá trình liên tục, thông suốt quản lý từ bước lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch đến triển khai thực thi; Thực hiện tốt công tác phối hợp giữa các cấp, ngành, địa phương
- Tập trung quản lý quy hoạch, kiến trúc đi vào chiều sâu, hướng tới xây dựng các đô thị xanh, thành phố thông minh. Tổ chức rà soát quy hoạch tổng thể các đô thị từ cách tiếp cận đô thị bền vững (đô thị xanh, sinh thái và kinh tế,...);

2. Kiểm soát chặt chẽ nguồn lực quỹ đất

- Kiểm soát chặt quỹ đất nông nghiệp, tài nguyên - môi trường nông nghiệp, cân bằng và chuyển hóa một phần quỹ đất nông nghiệp hiện có trong đô thị sang đất xây dựng để đáp ứng tiêu chí phát triển đô thị và nhu cầu tăng trưởng kinh tế cho xã hội.
- Tổ chức thực hiện tốt việc kiểm soát gia tăng dân số tạm trú, chú trọng phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao do tăng cơ học và thu hút du khách
- Đầu tư xây dựng và hoàn thiện hệ thống thông tin đất đai, hồ sơ địa chính theo mô hình hiện đại, tập trung thống nhất mang tính tích hợp.
- Tiếp tục thực hiện lộ trình di dời các trụ sở các sở, ban ngành, cơ sở giáo dục, đào tạo, cơ sở sản xuất công nghiệp ra ngoài trung tâm các đô thị.

3. Giải pháp về tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch

- Giai đoạn 2021 - 2025: Sau khi Quy hoạch TP. Cần Thơ, thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 được phê duyệt, UBND TP. tổ chức công bố công khai quy hoạch bằng nhiều hình thức khác nhau như tổ chức hội nghị, các kênh thông tin đại chúng và niêm yết tại trụ sở các cơ quan hành chính đến cấp xã.
 - Thực hiện rà soát, điều chỉnh, bổ sung và xây dựng mới quy hoạch xây dựng vùng quận, huyện, quy hoạch sử dụng đất cấp quận, huyện và các quy hoạch khác theo quy định của pháp luật về quy hoạch theo hướng đồng bộ, đảm bảo mối liên kết trong nội bộ vùng, với các vùng trong Thành phố, trong nước và khu vực.

- Các cơ quan quản lý nhà nước về quy hoạch tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy hoạch ở các cấp, các ngành;

- Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan đầu mối, chủ trì xây dựng Quy chế phối hợp tổ chức thực hiện quy hoạch, trình UBND TP.

- Giai đoạn 2026 - 2030: Trên cơ sở các quy định của pháp luật hiện hành về quy hoạch, kết quả thực hiện quy hoạch giai đoạn 2021 - 2025 và tình hình thực tế, tổ chức lập điều chỉnh Quy hoạch TP. Cần Thơ, thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, nhằm cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đến năm 2030, đưa Cần Thơ phát triển trở thành một TP., thành trung tâm cấp vùng và đô thị đáng sống theo mục tiêu thực sự trở thành đô thị hạt nhân liên kết và kết nối vùng với vai trò liên kết khu vực và Quốc tế.

VI. Giải pháp về đảm bảo an sinh xã hội trong quá trình thực hiện quy hoạch

Trong quá trình thực hiện quy hoạch, một trong những tiêu chí quan trọng là đảm bảo an sinh xã hội cho người dân, đảm bảo mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, thích ứng tốt với biến đổi khí hậu. Để đảm bảo an sinh xã hội cần thống nhất các nguyên tắc và tiêu chí cơ bản bao gồm:

Người dân có quyền tiếp cận, thụ hưởng các chính sách an sinh xã hội, dựa trên cơ sở công bằng và bền vững; gắn trách nhiệm và quyền lợi; có sự chia sẻ trên cơ sở gắn bó, đoàn kết, liên kết, tương trợ, bù đắp giữa các cá nhân

Các nguồn lực trong xã hội và nhà nước chủ động, tăng cường cơ chế quản lý, thúc đẩy nỗ lực an sinh trên góc độ cá nhân

1. Một số nội dung cơ bản về quản lý phát triển an sinh xã hội

Đại hội Đảng lần thứ XIII về cơ bản đã đưa ra Văn kiện thể hiện quan điểm về xây dựng an sinh xã hội bao gồm:

Thứ nhất, xây dựng các chính sách xã hội bảo đảm tính bền vững và phát triển phù hợp, nâng cao chất lượng cuộc sống người dân, bảo đảm sự bình đẳng về cơ hội phát triển.

Thứ hai, hoàn thiện và thực hiện tốt luật pháp và chính sách đối với người có công.

Thứ ba, cải cách chính sách tiền lương theo hướng gắn với sự thay đổi giá cả sức lao động trên thị trường, tương xứng với tốc độ tăng trưởng kinh tế.

Thứ tư, chú trọng nâng cao phúc lợi, an sinh xã hội; tiếp tục bảo đảm những nhu cầu cơ bản, thiết yếu của nhân dân; đổi mới chính sách lao động, việc làm.

2. Các rủi ro về an sinh xã hội trong quá trình thực hiện quy hoạch

Quá trình quy hoạch gắn liền với những rủi ro tiềm tàng sau:

Trước khi tiến hành thực hiện quy hoạch, rủi ro có thể nằm ở việc xây dựng kịch bản quy hoạch không phù hợp và toàn diện, gia tăng phân hóa xã hội, từ đó đưa ra mục

tiêu và đo lường hiệu quả an sinh xã hội không hợp lý trong quá trình tiến hành quy hoạch.

Trong quá trình thực hiện quy hoạch, có thể xảy ra những rủi ro sau:

- Nảy sinh tranh chấp giữa tầng lớp nhân dân với đơn vị quản lý nhà nước hoặc cung cấp dịch vụ, ví dụ khi thực hiện giải phóng mặt bằng hoặc yêu cầu người dân tham gia sử dụng một hệ thống mới, khi áp dụng một chính sách mới..;
- Lúng túng trong quá trình thực hiện quy hoạch, đặc biệt là với các hoạt động an sinh không còn bao cấp hoàn toàn;
- Thiếu nguồn lực thực hiện do thiếu phân tách giữa quản lý nhà nước và cung cấp dịch vụ và nguồn lực hỗ trợ cho an sinh xã hội còn hạn chế;
- Chất lượng dịch vụ an sinh xã hội không đảm bảo, thiếu đồng bộ, nhiều thủ tục hành chính rườm rà;

Sau quá trình thực hiện quy hoạch, về lâu dài, có thể các mục tiêu và các giải pháp an sinh không còn phù hợp với thay đổi của kinh tế, xã hội, tạo ra nhiều bất cập trong xã hội, hoặc không đạt được so với mục tiêu ban đầu của việc quy hoạch.

3. Các nhóm giải pháp đảm bảo an sinh xã hội trong quá trình thực hiện quy hoạch

Các giải pháp cần được thực hiện đồng bộ và hiệu quả trong suốt quá trình trước, trong và sau khi việc quy hoạch diễn ra, phù hợp với quy định của nhà nước và thực tiễn phát triển của kinh tế, xã hội:

3.1. Nhóm giải pháp về lập quy hoạch

- Quá trình lập quy hoạch cần đảm bảo hài hòa giữa mục tiêu kinh tế và mục tiêu phát triển văn hóa, an sinh xã hội.
- Quá trình xây dựng chính sách cần có sự tham gia góp ý từ nhiều bộ ban ngành để tránh việc có xung đột giữa các chính sách và cơ chế từ các ban ngành khác nhau
- Lên kế hoạch trước với những rủi ro có thể xảy ra trong quá trình thực hiện quy hoạch và sau quy hoạch như: xung đột tầng lớp, thiếu nguồn lực thực hiện, chất lượng dịch vụ ...

3.2. Nhóm giải pháp về tuyên truyền

Nâng cao nhận thức của người dân, doanh nghiệp và các cấp chính quyền về kế hoạch tổng thể và chi tiết theo các mốc thời gian của quá trình lập quy hoạch; Phổ biến các mục tiêu và các cách thức thực hiện các dự án; Tuyên truyền rõ ràng về các chính sách.

3.3. Nhóm giải pháp về thực hiện quy hoạch:

- Đối thoại, làm việc và hợp tác với các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp nước ngoài
- Chuẩn bị và đào tạo nguồn lực, đặc biệt huy động nguồn lực ngoài công lập để đảm bảo các chương trình an sinh xã hội được diễn ra bài bản.

- Thực hiện chương trình thực hiện an sinh xã hội cho phù hợp với từng đối tượng người dân, giảm bớt các thủ tục hành chính và tận dụng tiến bộ công nghệ trong quá trình giải quyết giấy tờ, từ đó nâng cao chất lượng dịch vụ

- Chủ động thay đổi, điều chỉnh các định hướng, chiến lược, mục tiêu sẵn có về an sinh xã hội trong quy hoạch cho phù hợp với thực tiễn và tầm nhìn của Đảng và các chính sách nhà nước

- Tóm lại, việc đảm bảo an sinh xã hội cần phải có một đường lối và chiến lược phát triển đúng đắn, phù hợp với quá trình phát triển kinh tế và xã hội, đặc biệt cần có sự tham gia từ nhiều đối tác khác nhau, không chỉ từ phía nhà nước. Tham khảo ví dụ sau về hệ thống các đối tác tham gia hệ thống an sinh xã hội của Đức – một trong những nước được đánh giá có hệ thống an sinh xã hội tốt nhất thế giới.

VII. Giải pháp về tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch

1. Tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch

Để đảm bảo được tổ chức thực hiện quy hoạch thành phố đúng với chủ trương của nhà nước và mục tiêu chiến lược của tỉnh, cần có sự đồng thuận và làm việc từ các cấp chính quyền địa phương. Cần gấp rút chuẩn bị các công việc chính như sau:

1.1. Hội đồng nhân dân

- Gấp rút ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân xác định chiến lược, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2025 và đến năm 2030.

- Hội đồng nhân dân thành phố giao Thường trực Hội đồng nhân dân chỉ đạo, điều hòa, phối hợp tổ chức thực hiện các nội dung, định kỳ báo cáo kết quả hoạt động giám sát với Hội đồng nhân dân thành phố. Chỉ đạo UBND Thành phố chi tiết để nắm được chủ trương, chiến lược, đặc biệt là đối với các quy hoạch quan trọng liên quan tới phát triển hạ tầng đô thị, kinh tế, khu công nghiệp, hạ tầng xã hội nhằm đảm bảo đáp ứng được các mục tiêu đề ra về chất lượng, tiến độ.

1.2. Ủy ban nhân dân.

- Tuyên truyền, phổ biến và vận động người dân bằng các hình thức thích hợp và các quy định, kế hoạch hiện hành liên quan nhằm tạo sự đồng thuận cao nhất trong nhân dân khi thực hiện các công tác như kế hoạch đề ra.

- Tăng cường chỉ đạo các cơ quan địa phương trên tinh thần “Chủ động, khẩn trương và chặt chẽ” tích cực tham gia, phối hợp chặt chẽ và hoàn thành những nội dung quy hoạch thuộc lĩnh vực quản lý

- Thành lập Ban chỉ đạo để kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy hoạch. Nghiên cứu để xây dựng và trình lên cơ quan nhà nước những cơ chế, chính sách phù hợp với chiến lược phát triển đã lựa chọn của thành phố, phù hợp với từng giai đoạn.

1.3. Các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân thành phố, huyện, thị xã

- Các sở ban ngành có liên quan chủ động phối hợp thực hiện theo chức năng,

nhiệm vụ đã được hướng dẫn. Chủ động triển khai, giám sát, thông kê tình hình cho các sở ban ngành.

- Phối hợp chủ động giữa các Sở, ban, ngành với nhau trong việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ theo Kế hoạch được duyệt từ Ủy ban nhân dân.